

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102459106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 30/10/2007, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 22/10/2025)

(Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 62/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/10/2007, điều chỉnh gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 115/GPĐC-UBCK ngày 16/10/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 488/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 12 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ___/___/2025 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

Trụ sở chính : Tầng 6 tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngõ Thi Nhâm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : (024) 7108 9234 Fax: Không có

Email : ir@dnse.com.vn

Website : www.dnse.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Bà Nguyễn Thị Hương

Chức vụ : Trưởng phòng Pháp chế và Tuân thủ

Số điện thoại : (024) 7108 9234

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102459106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 30/10/2007, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 22/10/2025)

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 62/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/10/2007, điều chỉnh gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 115/GPĐC-UBCK ngày 16/10/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 VND/cổ phiếu
Giá chào bán	: 15.000 VND/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	: 85.650.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán (theo mệnh giá)	: 856.500.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi sáu tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)

TÓ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH/TÓ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH hoặc ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI: Không có

TÓ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KPMG

Trụ sở chính	: Tầng 46, Keangnam Landmark 72, E6 Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Hà Nội
Điện thoại	: (024) 3946 1600
Fax	: (024) 3946 1601
Website	: www.kpmg.com.vn

TÓ CHỨC TƯ VẤN: Không có

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1. Tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE	6
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành/Tổ chức bảo lãnh phát hành chính, Tổ chức tư vấn: Không có.	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	15
3. Rủi ro đặc thù	15
4. Rủi ro về đợt chào bán	21
5. Rủi ro pha loãng	22
6. Rủi ro quản trị công ty	25
7. Rủi ro khác	26
III. CÁC KHÁI NIỆM	26
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	28
1. Thông tin chung về tổ chức phát hành:	28
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	29
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	34
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty	35
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	43
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	44
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác:	51
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành:	51
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:	53
10. Hoạt động kinh doanh	53
11. Chính sách đối với người lao động	93
12. Chính sách cổ tức	97
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	98
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	101
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	102
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	102
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	103

1. Kết quả hoạt động kinh doanh	103
2. Tình hình tài chính	114
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	123
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	124
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	130
1. Thông tin về Cổ đông sáng lập	130
2. Thông tin về cổ đông lớn	130
3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	141
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	163
1. Loại cổ phiếu	163
2. Mệnh giá cổ phiếu	163
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	163
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	163
5. Giá chào bán dự kiến	163
6. Phương pháp tính giá	163
7. Phương thức phân phối	163
8. Đăng ký mua cổ phiếu	164
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	165
10. Phương thức thực hiện quyền (<i>trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi</i>)	166
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	166
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	166
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành (<i>trường hợp Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền</i>)	166
14. Hủy bỏ đợt chào bán	166
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	166
16. Các loại thuế có liên quan	167
17. Thông tin về các cam kết	171
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:	171
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	171
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	171
XI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	178
1. Tổ chức Tư vấn	178
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành/Tổ chức bảo lãnh phát hành chính (<i>trường hợp có tổ hợp bảo lãnh phát hành</i>)	178
3. Tổ chức Kiểm toán	178

4. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán	178
XII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	178
XIII. PHỤ LỤC	178
1. Phụ lục 1	178
2. Phụ lục 2	178
3. Phụ lục 3	178
4. Phụ lục 4	178
5. Phụ lục 5	178

HỒ CỐ / 6
HỒ CỐ / 6

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Cơ cấu Nợ vay trên Tổng nguồn vốn của Công ty năm 2023, 2024.....	14
Bảng 2. So sánh EPS năm 2025 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần.....	23
Bảng 3. Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/9/2025 của Công ty.....	24
Bảng 4. Ngành nghề kinh doanh chính.....	28
Bảng 5. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty.....	45
Bảng 6. Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm 31/10/2025.....	51
Bảng 7. Cơ cấu doanh thu hoạt động môi giới Công ty giai đoạn năm 2023, 2024, 09 tháng đầu năm 2025.....	55
Bảng 8. Cơ cấu doanh thu hoạt động công ty giai đoạn năm 2023 – 9 tháng đầu năm 2025.....	67
Bảng 9. Tổng hợp cơ cấu doanh thu hoạt động công ty giai đoạn năm 2023 – 9 tháng đầu năm 2025.....	69
Bảng 10. Cơ cấu lợi nhuận hoạt động công ty.....	70
Bảng 11. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2023.....	71
Bảng 12. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2024.....	71
Bảng 13. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2025.....	72
Bảng 14. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của DNSE.....	72
Bảng 15. Các hợp đồng lớn tính từ năm 2023 đến thời điểm hiện tại.....	74
Bảng 16. Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	79
Bảng 17. So sánh một số chỉ tiêu tài chính 9 tháng đầu năm 2025 với một số Công ty cùng ngành.....	82
Bảng 18. Cơ cấu lao động của Công ty.....	94
Bảng 19. Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty.....	103
Bảng 20. Tình hình vốn điều lệ của Công ty.....	114
Bảng 21. Vốn kinh doanh của Công ty.....	114
Bảng 22. Mức lương bình quân.....	115
Bảng 23. So sánh mức lương, thu nhập bình quân của một số.....	115
Bảng 24. Tình hình công nợ của Công ty.....	116
Bảng 25. Tình hình phải thu của Công ty.....	116
Bảng 26. Tình hình phải trả của Công ty.....	118
Bảng 27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 31/12/2023.....	119
Bảng 28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 31/12/2024.....	119
Bảng 29. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 30/09/2025.....	120
Bảng 30. Tình hình trích lập các quỹ của Công ty.....	120
Bảng 31. Các chỉ tiêu tài chính.....	121
Bảng 32. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025.....	124
Bảng 33. Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan.....	138
Bảng 34. Danh sách Hội đồng quản trị.....	141
Bảng 35. Danh sách Ban Kiểm soát.....	151
Bảng 36. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác.....	155
Bảng 37. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	165

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty tại ngày 30/09/2025.....	34
Hình 2. Cấu trúc bộ máy quản trị và quản lý của CTCP Chứng khoán DNSE.....	35

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE**

Ông: Nguyễn Hoàng Giang Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Bà: Nguyễn Ngọc Linh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Duyên Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành/Tổ chức bảo lãnh phát hành chính, Tổ chức tư vấn: Không có.**II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO****1. Rủi ro về kinh tế**

Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, vốn là ngành nghề chịu tác động trực tiếp từ biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước. Các yếu tố vĩ mô cơ bản của nền kinh tế tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và tăng trưởng của DNSE là (i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; (ii) tỷ lệ lạm phát; (iii) lãi suất; và (iv) tỷ giá. Các yếu tố vĩ mô luôn đóng vai trò quan trọng, có thể giúp thúc đẩy cũng như tạo ra những thách thức cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc đánh giá tác động của các yếu tố vĩ mô này có thể giúp doanh nghiệp thích nghi kịp thời với sự biến đổi của môi trường kinh doanh, đề ra chiến lược phát triển phù hợp và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh trong tương lai.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) là chỉ báo quan trọng thể hiện tình trạng, tác động đến hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Trong 10 năm trở lại đây, Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định (bình quân khoảng 5-7%) so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

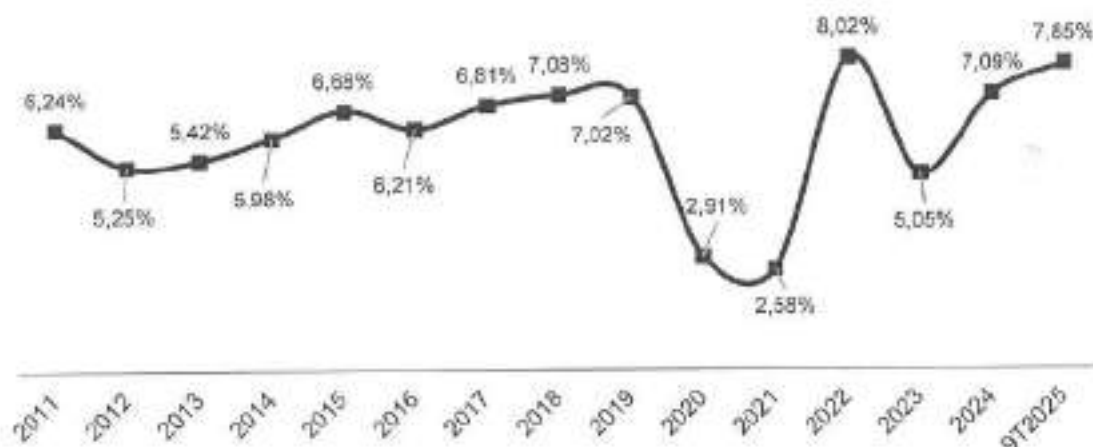
Năm 2023, GDP của Việt Nam đạt mức tăng trưởng 5,05%, phản ánh sự phục hồi sau đại dịch COVID-19. Theo Tổng cục Thống kê, trong năm 2024, kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu tác động xấu từ bối cảnh kinh tế thế giới đang gặp nhiều khó khăn và thách thức, nhiều nền kinh tế là đối tác thương mại lớn của Việt Nam có mức tăng trưởng chậm lại. Tuy nhiên, nền kinh tế trong nước đã thể hiện khả năng phục hồi mạnh mẽ, với GDP tăng 7,09%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra và cao hơn đáng kể so với mức 5,05% của năm 2023. Kết quả này cho thấy nền kinh tế đang dần lấy lại đà tăng trưởng sau giai đoạn đầy biến động, dù vẫn chưa đạt được mức tăng trưởng cao nhất từng ghi

nhận là 8,02% vào năm 2022. Trong năm 2024, xu hướng phục hồi thể hiện rõ qua từng quý khi GDP quý I tăng 5,98%, quý II tăng 7,25%, quý III tăng 7,43% và quý IV tăng 7,55%, phản ánh sự cải thiện liên tục trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Theo Tổng cục Thống kê, Kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2025 tiếp tục ghi nhận tăng trưởng tích cực, đạt nhiều kết quả toàn diện. GDP 9 tháng ước tính tăng 7,85% so với cùng kỳ, bám sát mục tiêu cả năm 8%, trong đó khu vực nông, lâm, thủy sản tăng hơn 3,8%, công nghiệp - xây dựng tăng 8,6% và dịch vụ tăng 8,4%. Riêng quý III, GDP tăng 8,23%, cao hơn các quý trước, phản ánh xu hướng phục hồi rõ rệt của nền kinh tế. Khu vực dịch vụ tiếp tục là trụ đỡ chính, đóng góp 51,59% vào tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 43,05%, với công nghiệp chế biến chế tạo tăng gần 10%; trong khi nông, lâm nghiệp và thủy sản, dù chiếm tỷ trọng nhỏ, vẫn đóng góp nền tảng 5,36%. Các động lực tăng trưởng như sản xuất - kinh doanh, nông nghiệp và dịch vụ đều duy trì đà tích cực, bất chấp tác động của thiên tai và bão lũ trong quý III¹.

Theo World Bank dự báo Việt Nam dẫn đầu khu vực trong năm 2025 với mức tăng trưởng 6,6%, tiếp theo là Mông Cổ (5,9%) và Philippines (5,3%). Trung Quốc, Cambodia và Indonesia dự kiến đều tăng trưởng ở mức 4,8%, trong khi các quốc đảo Thái Bình Dương dự kiến tăng 2,7% và Thái Lan 2,0%². Trong nước, Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 trong khoảng 6,5 - 7%, trong khi Chính phủ thể hiện quyết tâm cao hơn với mục tiêu tối thiểu 8% và tham vọng đạt mức tăng trưởng hai con số nếu điều kiện thuận lợi hơn.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011 - 9T/2025



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

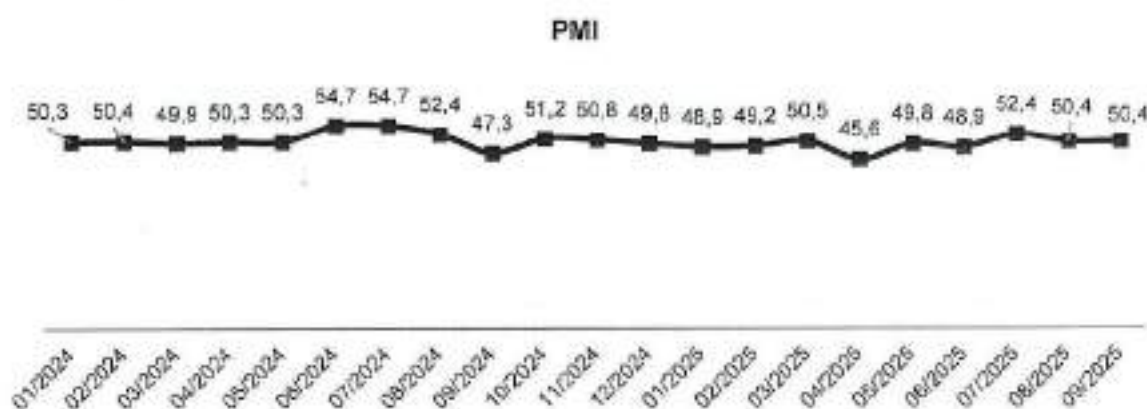
Theo Báo cáo của Standard & Poor's, chỉ số PMI (Purchasing Managers' Index - chỉ số nhà quản trị mua hàng) trong năm 2024 đã có sự cải thiện đáng kể so với năm 2023. Trong nửa đầu năm, PMI duy trì trên mức 50 điểm, đặc biệt đạt đỉnh 54,7 điểm vào tháng 6 và tháng 7, cho thấy sự mở rộng mạnh mẽ của lĩnh vực sản xuất. Tuy nhiên, nửa sau của năm 2024, chỉ số này giảm xuống mức thấp nhất 47,3 điểm vào tháng 9

¹ <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/10/buc-tranh-tang-truong-kinh-te-cua-viet-nam-9-thang-nam-2025/>

² <https://www.worldbank.org/vi/news/press-release/2025/10/07/east-asia-and-pacific-bolder-reforms-key-to-generating-jobs-and-faster-growth>

do ảnh hưởng của cơn bão Yagi, gây gián đoạn hoạt động sản xuất. Đến tháng 10, PMI hồi phục lên 51,2 điểm, nhưng cuối năm có dấu hiệu suy giảm nhẹ, xuống 49,8 điểm vào tháng 12, cho thấy các điều kiện kinh doanh tổng thể đã suy giảm nhẹ vào thời điểm cuối năm.

Năm 2025, trong 06 tháng đầu năm chỉ số PMI chỉ số này chỉ từ khoảng 48 đến 49,2 điểm (ngoại trừ tháng 03 là 50,5 điểm). Đến tháng 9 chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam không thay đổi so với tháng 8, khi vẫn đạt 50,4 điểm. Tuy nhiên, các điều kiện kinh doanh đến nay đã cải thiện trong ba tháng liên tiếp, cho thấy sức khỏe ngành sản xuất tiếp tục cải thiện nhẹ. Góp phần hỗ trợ cho các điều kiện kinh doanh chung trong tháng 9 là sự gia tăng trở lại của số lượng đơn đặt hàng mới sau khi giảm nhẹ vào tháng 8³.



(Nguồn: Báo cáo của Standard & Poor's)

Nhìn chung, kinh tế Việt Nam trong năm 2024 đã có sự phục hồi mạnh mẽ, tuy nhiên năm 2025 được dự báo sẽ chịu ảnh hưởng do căng thẳng địa chính trị, chiến tranh thương mại - công nghệ, bảo hộ thương mại gia tăng, khiến giá cả hàng hóa, lạm phát tăng trở lại, lãi suất giảm chậm hơn so với dự kiến, khiến tăng trưởng toàn cầu chậm lại; rủi ro an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng và thiên tai, khí hậu cực đoan vẫn thường trực.

Nhằm thúc đẩy tăng trưởng và hỗ trợ nền kinh tế, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách quan trọng nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất – kinh doanh. Ngoài Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, Chính phủ đã triển khai nhiều quyết sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho các lĩnh vực trọng yếu như y tế, đất đai, bất động sản, vốn và du lịch, đồng thời thực hiện chính sách tài khóa mở rộng có trọng tâm, trọng điểm kết hợp với chính sách tiền tệ linh hoạt, nới lỏng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Ngày 04/05/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân. Đây là nghị quyết cấp cao đầu tiên của Đảng tập trung toàn diện vào khu vực kinh tế tư nhân với tầm nhìn chiến lược dài hạn. Nghị quyết khẳng định vai trò quan trọng của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế quốc dân và đề ra các giải pháp hỗ trợ cụ thể nhằm thúc đẩy khu vực này trở thành động lực chủ yếu của nền kinh tế, đồng thời xây dựng hệ sinh

³ <https://vneconomy.vn/nganh-san-xuat-viet-nam-cai-thien-nhe-trong-thang-9-so-luong-don-hang-moi-tang-tro-lai.htm>

thải khởi nghiệp năng động, đổi mới sáng tạo và góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực.

Xuất nhập khẩu

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%. Tuy nhiên, cán cân thương mại tiếp tục ghi nhận xuất siêu năm thứ 8 liên tiếp với mức thặng dư kỷ lục ước đạt 28 tỷ USD, gấp 2,3 lần năm 2022⁴.

Cũng theo số liệu từ Tổng cục Hải quan và Tổng cục Thống kê, kết thúc Quý IV năm 2024, hoạt động xuất nhập khẩu đã có những kết quả tích cực: kim ngạch xuất khẩu hàng hóa quý IV/2024 đạt 105,9 tỷ USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước và giảm 2,5% so với quý III năm 2024. Tính chung cả năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước. Tương ứng, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa quý IV/2024 đạt 101,9 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,2% so với quý III năm 2024. Tính chung cả năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 140,11 tỷ USD, tăng 19,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 240,65 tỷ USD, tăng 15,1%. Có 46 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 93,1% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 6 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 54,0%)⁵.

Tính đến hết tháng 9/2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đã vượt mốc 680 tỷ USD, tăng hơn 17,3% so với cùng kỳ năm 2024, tương đương khoảng 100 tỷ USD, theo báo cáo mới công bố của Cục Hải quan. Riêng trong tháng 9, tổng giá trị xuất nhập khẩu đạt 82,49 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 42,67 tỷ USD, giảm nhẹ 1,7% so với tháng trước, còn nhập khẩu đạt 39,82 tỷ USD, tăng 0,4%. Tính chung 9 tháng, xuất khẩu đạt 348,7 tỷ USD (tăng 16%), trong khi nhập khẩu đạt gần 332 tỷ USD (tăng 18,8%), giúp cán cân thương mại duy trì thặng dư 16,8 tỷ USD, thể hiện nền kinh tế vẫn giữ được trạng thái xuất siêu ổn định. Thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu cũng đạt 336.540 tỷ đồng, bằng 81,9% dự toán cả năm và tăng gần 10% so với cùng kỳ 2024. Theo Bộ Công Thương, với đà phục hồi mạnh của thương mại toàn cầu và việc mở rộng các hiệp định thương mại tự do (FTA) mới như Mercosur, GCC, EFTA, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam có thể lập kỷ lục mới khoảng 900 tỷ USD trong năm 2025. Đây là tín hiệu rất tích cực, khẳng định sức bật của nền kinh tế Việt Nam, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu và hiệu quả của chính sách hội nhập quốc tế trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động.

Giải ngân đầu tư công

Báo cáo của Bộ Tài chính cho biết, lũy kế giải ngân từ đầu năm 2024 đến ngày 31/12/2024 là 548,6 nghìn tỷ đồng, đạt 72,9% kế hoạch (752,5 nghìn tỷ đồng), đạt 80,32% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao⁶. Với kết quả giải ngân ước đến hết tháng 12, Bộ Tài chính cho rằng, tỷ lệ giải ngân vốn ngân sách trung ương đạt tỷ lệ cao hơn cùng kỳ năm 2023, trong khi đó, vốn ngân sách địa phương giải ngân còn thấp. Trước

⁴ <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/01/xuat-nhap-khau-nam-2023-no-luc-phuc-hoi-tao-da-bui-pha-cho-nam-2024/>

⁵ <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/buc-tranh-xuat-nhap-khau-hang-hoa-cua-viet-nam-nam-2024-phuc-hoi-phat-trien-va-nhung-ky-luc-moi/>

⁶ <https://baohinhphu.vn/giai-ngan-von-ke-hoach-nam-2024-dat-729-102250121143919647.htm>

tình trạng này, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ban hành Công điện số 104/CĐ-TTg ngày 08/10/2024, yêu cầu các bộ, ngành và địa phương quyết liệt tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân nhằm đạt trên 95% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025.

Tính đến hết ngày 30/9/2025, theo báo cáo của Bộ Tài chính, giải ngân vốn đầu tư công đạt khoảng 440.402,3 tỷ đồng, tương đương 50% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và 53,3% nếu tính trên kế hoạch đầu năm là 825.922,3 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2024, kết quả giải ngân năm nay tăng 4,5 điểm phần trăm về tỷ lệ và tăng 132.564,6 tỷ đồng về giá trị tuyệt đối, thể hiện nỗ lực lớn của các bộ, ngành và địa phương trong việc thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án⁷. Trong 9 tháng đầu năm, có 9 bộ, cơ quan trung ương và 17 địa phương đạt hoặc vượt mức bình quân giải ngân của cả nước. Điều này cho thấy Chính phủ đang tích cực khắc phục những khó khăn, bất cập để tranh thủ thời gian, tận dụng mọi cơ hội, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển giao mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và ảnh hưởng của điều kiện thời tiết diễn biến đặc biệt bất thường trong các tháng gần đây tại khu vực Bắc Trung bộ và miền núi phía Bắc, một số địa phương đã rất nỗ lực, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành để sớm hoàn thiện công tác kê toán, chuyển giao bộ máy tổ chức, khắc phục khó khăn do ảnh hưởng của bão lũ, nỗ lực duy trì tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, đạt tỷ lệ giải ngân 9 tháng trên 60% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, như: Hà Tĩnh (110%), Thanh Hóa (92%), Ninh Bình (91%), Lào Cai (81%), Thái Nguyên (74%),...



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của thị trường tài chính và các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Trong bối cảnh chung diễn biến khá khó khăn của nền kinh tế, khiến dự báo tăng trưởng năm 2025 trở nên thận trọng hơn. Năm 2025 vẫn tiếp tục đối mặt với vấn đề thanh khoản, lãi suất biến động nhanh có thể tạo ra rủi ro doanh thu, dòng tiền, ảnh hưởng đến lợi nhuận và hoạt động của Công ty.

⁷ <https://baohinhphu.vn/giai-ngan-von-dau-tu-cong-9-thang-nam-2025-cao-hon-cung-ky-102251006165838395.htm>

Dựa trên bối cảnh của nền kinh tế, các lĩnh vực hoạt động kinh doanh trọng yếu của công ty, DNSE đã xây dựng bộ phận quản trị rủi ro giúp nhận diện và xác định các loại rủi ro có thể xảy ra, ảnh hưởng đến từng sản phẩm, dịch vụ, từng hoạt động nghiệp vụ chuyên biệt và các bộ phận của công ty. Từ đó xây dựng các công cụ và cách thức đo lường, giám sát rủi ro toàn diện. Công tác đo lường rủi ro được thực hiện thường xuyên, định kỳ dựa trên các cơ sở phân tích, đánh giá ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các loại rủi ro đối với mức độ an toàn vốn và khả năng đạt kế hoạch, mục tiêu kinh doanh cũng như quy mô hoạt động của DNSE theo các giai đoạn phù hợp.

1.2. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Việc không lường trước được sự thay đổi của lạm phát sẽ dẫn đến rủi ro lợi tức đến từ hoạt động kinh doanh, thực hiện đầu tư hoặc giá trị tương lai của tài sản sẽ nhỏ hơn giá trị kỳ vọng.

Tại Việt Nam, lạm phát năm 2024 đã được kiểm soát thành công, duy trì ở mức phù hợp và thấp hơn ngưỡng mục tiêu Quốc hội đề ra. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2024 tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước, trong khi lạm phát bình quân cả năm đạt 3,63%. Đà tăng của lạm phát có xu hướng giảm từ nửa cuối năm nhờ các chính sách kiểm soát linh hoạt của Chính phủ, bao gồm việc giảm thuế, phí, lệ phí, giữ ổn định giá dịch vụ công, đồng thời đảm bảo nguồn cung hàng hóa và dịch vụ thiết yếu. Các doanh nghiệp trong nước cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hạn chế tăng giá bán để duy trì sức cạnh tranh, góp phần giảm áp lực lạm phát trong bối cảnh tổng cầu tiêu dùng vẫn ở mức thấp.

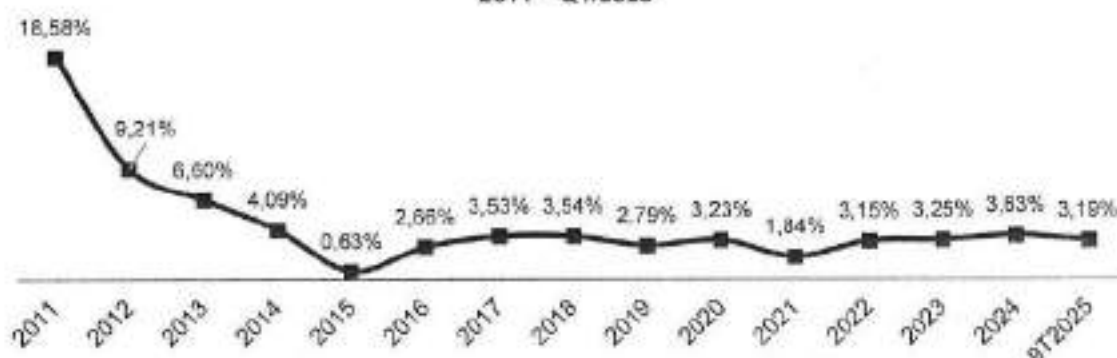
Vào quý III 2025, theo số liệu vừa được Tổng cục Thống kê và Bộ Tài chính công bố, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân quý III tăng khoảng 3,27% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy lạm phát trong nước vẫn đang được kiểm soát tốt và duy trì ổn định dưới ngưỡng mục tiêu 4,5% mà Chính phủ đề ra cho cả năm. Trong cơ cấu CPI, nhóm giao thông tăng mạnh do giá xăng dầu thế giới có biến động, góp phần làm CPI chung tăng khoảng 0,06 điểm phần trăm. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng nhẹ 0,41% nhờ hoạt động xây dựng dần phục hồi, trong khi giá điện sinh hoạt tăng khoảng 0,3% so với cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ cao trong mùa nắng nóng. Các chuyên gia cho rằng, dù chịu áp lực từ giá hàng hóa quốc tế và chi phí vận chuyển tăng, việc điều hành linh hoạt giữa chính sách tiền tệ và tài khóa đã giúp Việt Nam giữ vững ổn định giá cả, duy trì niềm tin thị trường và tạo dư địa cho điều hành kinh tế vĩ mô trong quý IV/2025.

Trong năm 2025, áp lực lạm phát dự báo sẽ gia tăng do những biến động khó lường từ kinh tế toàn cầu. IMF cảnh báo về các rủi ro từ xung đột thương mại, căng thẳng địa chính trị và sự suy yếu của nền kinh tế Trung Quốc, có thể ảnh hưởng đến tỷ giá, giá nguyên vật liệu nhập khẩu và chi phí sản xuất. Trong nước, việc điều chỉnh giá điện, giá dịch vụ y tế, giáo dục theo lộ trình thị trường cùng với các chính sách kích cầu, mở rộng tín dụng và đẩy mạnh đầu tư công có thể tạo áp lực lên giá cả. Trong năm 2025, Quốc hội đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4 - 4,5%, điều này cho thấy áp lực lạm phát trong năm 2025 vẫn rất lớn. Tổng cục Thống kê cho rằng tình hình kinh tế, chính trị thế giới năm nay đang có những diễn biến phức tạp, nhiều rủi ro khó lường khiến cho giá nguyên liệu đầu vào ở mức tương đối cao, ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp và tạo áp lực lên giá hàng hóa tiêu dùng. Để kiểm soát lạm phát theo mục tiêu Quốc hội đề ra, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai

quyết liệt nhiều giải pháp như đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống của người dân. Chủ trọng tăng cường công tác quản lý, điều hành giá trong thời điểm thiên tai, bão lũ, kịp thời xuất cấp hàng dự trữ quốc gia để hỗ trợ, cứu trợ người dân bị thiệt hại do bão lũ. Với những biện pháp điều hành linh hoạt từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2025 vẫn có cơ sở để duy trì ở mức ổn định³.

Rủi ro lạm phát là một dạng rủi ro hệ thống, tác động toàn diện đến toàn bộ nền kinh tế và các chủ thể tham gia. Trong khi đó, thị trường chứng khoán được xem là “phong vũ biểu” của nền kinh tế và có mối liên kết chặt chẽ với sức khỏe nền kinh tế. Một khi rủi ro lạm phát cao xảy ra sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán, làm suy giảm giá trị danh mục đầu tư của Công ty và các hoạt động kinh doanh khác.

Tỷ lệ lạm phát cơ bản của Việt Nam giai đoạn
2011 – Q1/2025



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Tuy nhiên, một môi trường lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh lâu dài của doanh nghiệp. Công ty cũng cần theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô và các dự báo thị trường để giảm thiểu rủi ro về giá thông qua điều chỉnh định hướng kinh doanh linh hoạt, phù hợp tình hình. Do vậy, để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, DNSE luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ dành cho khách hàng nhằm tăng cường vị thế của Công ty trên thị trường.

1.3. Lãi suất

Lãi suất là một biến số rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, tác động làm ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Rủi ro về lãi suất đối với một doanh nghiệp xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp đó. Mức rủi ro về lãi suất giữa các ngành cũng khác nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Mức lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

³ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/04/thi-truong-gia-quy-i-nam-2025-va-cac-giai-phap-kiem-soat-lam-phat-nam-2025/>

Năm 2022, hệ thống ngân hàng là nguồn cung vốn chủ lực cho nền kinh tế năm 2022, trong bối cảnh thị trường vốn gặp nhiều khó khăn, lạm phát tăng cao ở các nước trên thế giới và không ngoại trừ ở Việt Nam, vì vậy, Ngân hàng Nhà nước buộc phải sử dụng chính sách lãi suất để kiểm chế lạm phát. Lần đầu trong sau 2 năm trở lại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chính thức nâng các mức lãi suất điều hành thêm từ 0,5 – 1 điểm phần trăm từ ngày 23/9/2022 và sau đó đến ngày 25/10/2022 lại tiếp tục điều chỉnh tăng tiếp các mức lãi suất điều hành lên. Việc điều chỉnh tăng lãi suất này là biện pháp kịp thời để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tuy nhiên cũng làm tăng chi phí vốn, do đó hạn chế đầu tư xã hội, kéo theo áp lực cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh.

Năm 2023, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) dần điều chỉnh lại chính sách và liên tục giảm lãi suất điều hành, theo đó NHNN đã thực hiện 04 lần liên tiếp điều chỉnh giảm lãi suất điều hành (từ 0,5% đến 1,5%)⁹ để hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế, khiến lãi suất giảm về tương tự thời điểm đại dịch Covid. Ngoài ra, NHNN đã ban hành Thông tư 02/2023/TT-NHNN về cơ cấu lại nợ, hoãn giãn nợ, không chuyển nhóm nợ (nhằm kiểm soát nợ xấu, tăng khả năng tiếp cận vốn cho người dân và doanh nghiệp) và Thông tư 03/2023/TT-NHNN (sửa đổi Thông tư 16/2021) nới lỏng một số điều kiện về cho vay, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) của các tổ chức tín dụng (TCTD), góp phần tháo gỡ khó khăn hiện tại cho thị trường TPDN.

Tháng 12 năm 2024, trong cuộc họp Ủy ban Thị trường mở liên bang (FOMC), Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã quyết định cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản, xuống 4,25 – 4,5%. Đây là lần thứ ba liên tiếp cơ quan này giảm lãi suất. Hai lần trước, các mức giảm lần lượt là 0,5% và 0,25%. Với việc cắt giảm lãi suất này sẽ khiến giá trị đồng đô la Mỹ (USD) giảm làm giảm áp lực mất giá đối với đồng Việt Nam (VND). Với việc Fed và nhiều ngân hàng trung ương đã bước vào chu kỳ giảm lãi suất điều hành, Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì ở trạng thái nới lỏng để hỗ trợ tăng trưởng. Ngân hàng trung ương Mỹ dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất ít hơn trong năm tới với khoảng 2 lần cắt giảm 0,25 điểm phần trăm, để đưa lãi suất chuẩn về phạm vi 3,75 - 4,0% vào cuối năm 2025. Dấu ấn điều hành lãi suất của NHNN là điểm sáng được các tổ chức quốc tế đánh giá cao về năng lực điều hành Chính sách tiền tệ của Việt Nam. Trong năm 2024, NHNN tiếp tục duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp để định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Mặt bằng lãi suất cho vay đối với các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng thương mại đã giảm 0,44% so với năm 2023.

Tính đến ngày 29/09/2025, tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế đạt 17,71 triệu tỉ đồng, tăng hơn 13,37% so với cùng kỳ năm trước. Trên cơ sở đó, NHNN tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất điều hành ở mức thấp, định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Cùng với đó, mặt bằng lãi suất huy động tại các ngân hàng thương mại có dấu hiệu tăng lên nhẹ ở một số kỳ hạn, đặc biệt kỳ hạn ngắn từ 1 - 3 tháng và 6 - 9 tháng, phản ánh nhu cầu vốn ngắn hạn gia tăng trong hệ thống. Như vậy, mặc dù NHNN vẫn duy trì chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng và ổn định hệ thống tài chính, hệ thống ngân hàng đã bắt đầu điều chỉnh huy động vốn cao hơn để đáp ứng nhu cầu tín dụng tăng vào cuối năm. Đây là tín hiệu cho thấy áp lực cạnh tranh huy động vốn và nhu cầu tín dụng tăng mạnh trong quý III/2025, đồng thời cũng đồng nghĩa với việc dư địa hạ lãi suất cho vay sẽ ngày càng thu hẹp trong nửa cuối năm.

⁹ <https://sbv.gov.vn/vi/w/sbv570235>

Để giảm thiểu ảnh hưởng từ các rủi ro về lãi suất tới hoạt động kinh doanh chứng khoán, thông qua phân tích, đánh giá tình hình tài chính, xu hướng – tình hình cạnh tranh trên thị trường và lãi suất dự báo trong từng giai đoạn, Công ty luôn chủ động lựa chọn thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong việc duy trì các hạn mức giao dịch, lãi suất cho vay kỳ quỹ để có được mức lãi suất hợp lý, có thể thu hút khách hàng mà vẫn đảm bảo hiệu quả kinh doanh nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của Công ty.

Bên cạnh đó, dù đứng trước những áp lực đến từ mặt bằng lãi suất biến động trong những năm vừa qua, ảnh hưởng trực tiếp đến việc huy động vốn, hoạt động kinh doanh nguồn vốn của Công ty. Ban điều hành của DNSE vẫn luôn linh hoạt trong việc huy động vốn, ngoài việc thực hiện tăng vốn cổ phần, Công ty đã chủ động đẩy mạnh việc đa dạng hoá nguồn vốn vay từ các định chế trong và ngoài nước. Đáng chú ý, kể từ năm 2023 đến nay, DNSE đã nhận được hạn mức tín dụng nước ngoài từ nhóm định chế tài chính Đài Loan, qua đó nâng cao xếp hạng tín nhiệm của DNSE trên thị trường vốn quốc tế. Đồng thời, DNSE tiếp tục tăng quy mô các hạn mức tín dụng sẵn có và huy động thành công vốn vay tín chấp từ các ngân hàng trong nước. Đây cũng là chiến lược để công ty có thể tiếp cận các nguồn vốn mới với lãi suất hợp lý, từ đó cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đa dạng, có chi phí cạnh tranh so với thị trường.

**Bảng 1. Cơ cấu Nợ vay trên Tổng nguồn vốn của Công ty năm 2023, 2024,
9 tháng đầu năm 2025**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tăng/giảm cùng kỳ	Tại 30/09/2025
Vay & nợ thuê tài chính	3.657.283	6.524.271	78,4%	9.249.907
Vốn chủ sở hữu	3.305.345	4.029.800	21,9%	4.293.058
Tổng nguồn vốn	7.446.063	10.637.252	42,9%	14.009.371
Nợ vay phải trả/Tổng Nguồn vốn	49,1%	61,3%	N/A	66,0%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

Dù chịu ảnh hưởng của biến động lãi suất, giá trị Vay và nợ thuê tài chính của Công ty vẫn tăng trưởng, tại thời điểm cuối năm 2024 tăng 78,4% so với năm 2023, điều này là do trong năm 2024 Công ty đã thành công trong việc tăng vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng lên 3.300 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2024, công ty đạt mức Nợ vay lên đến hơn 6.500 tỷ đồng và tiếp tục tăng đến 9.250 tỷ đồng tại thời điểm 30/09/2025, tăng 41,8% so với cuối năm 2024. Điều này thể hiện việc Công ty đã huy động hiệu quả các nguồn vốn; năng lực điều hành và tín nhiệm của DNSE đang ngày một nâng cao đối với các tổ chức trong và ngoài nước.

1.4. Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua việc tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cân cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Tuy nhiên, nhìn chung công tác quản lý tỷ giá là một vấn đề khó khăn và đôi khi tỷ giá biến động trái chiều với ý muốn chủ quan của các nhà quản lý.

Là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chứng khoán của DNSE ít nhiều cũng chịu ảnh hưởng khi tỷ giá biến động. Khi nền kinh tế và thị trường ngoại hối biến động bất lợi mà khiến cho thị trường chứng khoán biến động tiêu cực, ảnh hưởng gián tiếp đến danh mục đầu tư và hoạt động kinh doanh khác của Công ty. Do vậy, để hạn chế rủi ro trên, Công ty luôn xem trọng vấn đề phân tích, dự báo tình hình, thường xuyên cập nhật kinh tế vĩ mô để đưa ra quyết định kinh doanh phù hợp.

2. Rủi ro về luật pháp

DNSE là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hoạt động của Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), Cục thuế và được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế và các văn bản pháp luật, các nghị định và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi nào về mặt chính sách sẽ có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác rủi ro này cũng xuất hiện khi các công ty không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các hoạt động không được cho phép của pháp luật dẫn đến tổn thất và tổn hại uy tín của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu các thông tin pháp luật liên quan; phổ biến kịp thời các thông tin, đồng thời tham mưu cho Ban Tổng giám đốc, các phòng ban trong việc xây dựng các quy chế, quy định, ủy quyền phục vụ cho công tác quản trị điều hành. DNSE là công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về nguồn nhân lực

Thị trường chứng khoán là một ngành mới mẻ nhưng phát triển nhanh tại Việt Nam, do đó số lượng và trình độ nhân sự chưa đáp ứng tương xứng với nhu cầu thực tế. Bên

cạnh đó, đội ngũ nhân sự trong ngành cũng thường xuyên biến động, phản ánh tính chất cạnh tranh và thay đổi nhanh như chính thị trường này.

Đối với các công ty chứng khoán, ngoài yếu tố thương hiệu, công nghệ, thì sự ổn định và trình độ của đội ngũ nhân sự, nhất là nhân sự cấp cao, là yếu tố thành công rất quan trọng. Trong những năm gần đây, số lượng các công ty chứng khoán, quản lý quỹ, tư vấn đầu tư tăng vọt. Điều này đã tạo ra áp lực cạnh tranh về nhân sự trong ngành chứng khoán.

Hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, DNSE luôn phải đối mặt với thách thức từ các đối thủ cạnh tranh cũng như biến động của nền kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và thế giới. Với tôn chỉ nguồn nhân lực là yếu tố mang lại lợi thế cạnh tranh và giá trị vượt trội, DNSE luôn chú trọng vào công tác đào tạo kỹ năng, kiến thức chuyên môn cho đội ngũ nhân lực, không ngừng nâng cao năng lực cốt lõi cho nhân viên đáp ứng yêu cầu đặc thù ngành chứng khoán và xu hướng không ngừng cập nhật, phát triển của công nghệ.

Nhằm tạo ra sân chơi sáng tạo cho CBNV, chấp cánh và hiện thực hóa những ý tưởng mới đột phá, cuộc thi Hackathon đã được tổ chức và trở thành hoạt động thường niên tại DNSE. Tại đây, đội ngũ công nghệ của DNSE cùng lên ý tưởng phát triển sản phẩm mới, lập trình và được chấm điểm trực tiếp bởi Ban lãnh đạo DNSE. Những sáng kiến sản phẩm sắc bén, phù hợp nhất sẽ ngay lập tức được tưởng thưởng và hiện thực hóa trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Bên cạnh đó, với định hướng phát triển lâu dài và bền vững, DNSE xây dựng khung năng lực cốt lõi và các tiêu chí đánh giá năng lực, đảm bảo sự công bằng và minh bạch trong việc đánh giá nhân viên, xây dựng lộ trình phát triển cho các vị trí kết hợp cùng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng như chính sách khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể có đóng góp tích cực cho sự phát triển của công ty, tạo động lực để CBNV luôn cố gắng phấn đấu, gắn bó lâu dài cùng công ty.

3.2. Rủi ro trong vận hành hoạt động kinh doanh

Rủi ro trong vận hành hoạt động của Công ty có thể liên quan tới nhiều yếu tố khác nhau trong hoạt động kinh doanh và nghiệp vụ, bao gồm rủi ro tuân thủ quy trình, rủi ro con người và rủi ro về hệ thống.

Rủi ro bảo mật thông tin khách hàng

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ như hiện nay, thông tin của khách hàng là tài sản quan trọng cần được bảo vệ tối đa. Việc thất thoát thông tin này gây ra tổn hại cho hoạt động cũng như tài chính của khách hàng và Công ty, gây mất niềm tin và ảnh hưởng đến uy tín lâu dài của Công ty trong quá trình hoạt động và phát triển. Các rủi ro này có thể phát sinh từ nhiều nguyên nhân, bao gồm:

- Rủi ro từ yếu tố con người: nhân viên vô tình hoặc cố ý tiết lộ thông tin khách hàng, truy cập trái phép vào hệ thống, hoặc sử dụng dữ liệu khách hàng vào mục đích cá nhân, vi phạm quy định nội bộ.
- Rủi ro từ hệ thống công nghệ thông tin: hệ thống lưu trữ dữ liệu hoặc phần mềm giao dịch trực tuyến bị tấn công mạng, hoặc gặp lỗi kỹ thuật khiến thông tin khách hàng bị rò rỉ, mất mát, hay bị thay đổi trái phép.

- Rủi ro do yếu tố quy trình: quy trình kiểm soát truy cập, phân quyền hoặc quản lý dữ liệu không được cập nhật, dẫn đến việc cấp quyền sai hoặc không thu hồi kịp thời quyền truy cập của nhân sự nghỉ việc.

Vì vậy, nhằm đảm bảo an toàn thông tin khách hàng, Công ty đã và đang triển khai các giải pháp kiểm soát và phòng ngừa. Công ty có hệ thống phân quyền truy cập thông tin tài khoản của khách hàng và có cam kết ký ủy quyền của khách hàng cho các nhân viên kinh doanh được truy cập tài khoản và quản lý chăm sóc theo yêu cầu của khách hàng. Hệ thống sẽ theo dõi nếu có những truy cập lạ và cảnh báo tới bộ phận kiểm soát rủi ro nghiệp vụ. Các nhân viên khi vào các bộ phận có truy cập trực tiếp tới thông tin khách hàng đều phải ký cam kết bảo mật thông tin khách hàng nhằm nâng cao ý thức bảo vệ lợi ích của khách hàng và uy tín của Công ty.

Rủi ro xung đột lợi ích giữa công ty và khách hàng

Rủi ro xung đột lợi ích có thể phát sinh ở nhiều cấp độ và trong nhiều tình huống khác nhau, ảnh hưởng đến tính minh bạch, công bằng trong cung cấp dịch vụ và quyền lợi của khách hàng. Các rủi ro xung đột lợi ích trong công ty chứng khoán có thể bao gồm:

- Giữa Công ty và khách hàng: xảy ra khi Công ty vừa đóng vai trò là nhà môi giới, vừa tham gia hoạt động tự doanh, đầu tư hoặc bảo lãnh phát hành, có thể dẫn đến việc ưu tiên lợi ích của công ty hơn lợi ích của khách hàng.
- Giữa nhân viên và khách hàng: nhân viên môi giới hoặc tư vấn đầu tư có thể đưa ra khuyến nghị, giao dịch hoặc hành vi nhằm trục lợi cá nhân, thay vì đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu.
- Giữa các nhóm khách hàng: trong một số trường hợp, khách hàng lớn hoặc khách hàng có quan hệ đặc biệt với Công ty có thể được ưu tiên tiếp cận thông tin, giá hoặc điều kiện giao dịch thuận lợi hơn, gây bất bình đẳng trong việc cung cấp dịch vụ.
- Giữa nhân viên và Công ty: phát sinh khi nhân viên lợi dụng vị trí công tác để tiến hành giao dịch riêng, chia sẻ thông tin nội bộ, hoặc tham gia đầu tư bên ngoài trái quy định, ảnh hưởng đến uy tín và quyền lợi của Công ty.

Nhằm giảm thiểu và kiểm soát rủi ro xung đột lợi ích, Công ty triển khai đồng bộ các biện pháp như: Yêu cầu tất cả nhân viên, đặc biệt là khối kinh doanh và đầu tư, ký cam kết không xung đột lợi ích và khai báo trung thực với Bộ phận Kiểm soát tuân thủ. Các bộ phận có nguy cơ xung đột được tách biệt thông tin nhằm đảm bảo tính độc lập và minh bạch trong hoạt động. Bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát định kỳ, đồng thời Công ty tăng cường đào tạo đạo đức nghề nghiệp và công bố minh bạch thông tin trong các trường hợp có khả năng phát sinh xung đột lợi ích.

Rủi ro về tuân thủ các quy định và quy trình

Các rủi ro về tuân thủ các quy định bao gồm vi phạm các quy định của pháp luật, các quy định đặc thù ngành và các quy định đối với Công ty ứng dụng Công nghệ thông tin, các rủi ro này xảy ra khi không tuân thủ các quy định về Pháp luật vì lý do chủ quan hay khách quan dẫn đến DNSE bị áp dụng các chế tài xử lý của các cơ quan có thẩm quyền hoặc khách hàng khiếu kiện gây tổn thất cho DNSE (tài sản, con người, danh tiếng, thương hiệu).

Để hạn chế tối đa rủi ro này, Công ty đã thành lập bộ phận Pháp chế và tuân thủ với mục đích:

- ✓ Theo dõi, nghiên cứu, bình luận các thông tin pháp luật liên quan; phổ biến kịp thời các thông tin pháp luật;
- ✓ Tham mưu cho ban Tổng giám đốc, các phòng ban trong việc xây dựng các quy chế, quy định, ủy quyền phục vụ cho công tác quản trị điều hành;
- ✓ Phối hợp với các phòng ban rà soát tính pháp lý khi xây dựng các sản phẩm, hợp đồng biểu mẫu;

Đặc biệt, về việc tuân thủ các quy định về tài chính theo Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán, quy định về tỷ lệ an toàn tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, công ty luôn tuân thủ các tỷ lệ được quy định và thực hiện báo cáo cho các cơ quan chức năng đầy đủ và đúng thời hạn.

- Các rủi ro về tuân thủ các quy trình bao gồm vi phạm nguyên tắc kinh doanh, lỗi giao dịch do làm sai quy trình gây thiệt hại về tài sản, uy tín và ảnh hưởng đến hình ảnh của Công ty.

Nhận thức rủi ro này, DNSE luôn phải đảm bảo xây dựng được những nguyên tắc, quy trình trong hoạt động dịch vụ cho khách hàng cũng như hoạt động vận hành nội bộ. Đồng thời, DNSE luôn thực hiện nghiêm túc việc giám sát, đánh giá hiệu quả triển khai các quy trình để đảm bảo việc thực thi đúng đắn. Một số biện pháp được DNSE thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro bao gồm: xây dựng bộ máy, quy trình có sự kiểm tra chéo của các bộ phận; thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ và áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm.

Rủi ro con người

Rủi ro con người có thể phát sinh từ nhân viên của DNSE cũng như các đối tác tham gia vào các dự án liên quan, dẫn tới các sai sót, rủi ro lộ bí mật thông tin, dữ liệu một cách khách quan hay có chủ ý.

Để kiểm soát vấn đề này, DNSE đã ban hành các quy định trong lao động, chú trọng ý thức tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp của mỗi cá nhân theo đặc thù trong từng mảng hoạt động. Các nhân viên khi mới được tuyển dụng đều được đào tạo, phổ biến về các quy trình, quy chế chung và các quy định đặc thù của công việc trong Sổ tay nhân viên, Cam kết tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Việc đào tạo được tổ chức định kỳ để cập nhật các quy định mới. Các nhân viên và đối tác của DNSE đều buộc phải tuân thủ các quy định, nguyên tắc bảo mật khi tham gia truy cập hệ thống và truyền thông của DNSE. Các trường hợp vi phạm đều bị nghiêm khắc xử lý và thông báo rộng rãi trong nội bộ. DNSE cũng khuyến khích tất cả các nhân viên tích cực trong việc phát hiện các rủi ro và đưa ra các ý kiến sáng tạo để hạn chế các rủi ro có thể phát sinh.

Rủi ro Hệ thống công nghệ thông tin và Hệ thống giao dịch

- Rủi ro về Hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT): hệ thống CNTT đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ thực hiện các quy trình và triển khai dịch vụ của DNSE. Sự phát triển và tăng trưởng về khách hàng, mở rộng kinh doanh của DNSE phụ thuộc rất lớn vào dịch vụ được cung cấp cho khách hàng qua hệ thống CNTT cũng như các ứng dụng và dịch vụ công nghệ được sử dụng. Các rủi ro về đường truyền, lỗi phần mềm

trên các ứng dụng, thiết bị công nghệ, ... đều có thể ảnh hưởng đến sự ổn định giao dịch đối với khách hàng, thất thoát dữ liệu, giảm hiệu suất làm việc, gây ra những thiệt hại về tài chính của khách hàng và của DNSE.

- **Rủi ro về hệ thống giao dịch của Công ty chứng khoán:** đối với hoạt động của Công ty Chứng khoán, đảm bảo an toàn cho hệ thống giao dịch thông suốt là công việc tối quan trọng. Đối với thị trường chứng khoán việc giao dịch nhanh chóng, liên tục của khách hàng có sự ảnh hưởng to lớn không chỉ đối với riêng một khách hàng, một công ty chứng khoán mà còn có thể ảnh hưởng đến toàn thị trường. Vì vậy việc giữ vững sự ổn định, thông suốt của hệ thống giao dịch trước các yếu tố tác động là công việc được ưu tiên hàng đầu tại mỗi công ty chứng khoán.

3.3. Rủi ro thị trường

Trong môi trường kinh doanh có nhiều biến động, đặc biệt thị trường chứng khoán luôn phản ứng nhanh nhạy với mọi thông tin của nền kinh tế, cũng tác động của các chính sách quản lý vĩ mô, chính sách tiền tệ, sự điều chỉnh của các quy định pháp lý và các biện pháp giám sát hành chính đều có những tác động đến hoạt động kinh doanh của DNSE.

Các hoạt động kinh doanh chính của DNSE chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp từ rủi ro thị trường bao gồm: các hoạt động của nghiệp vụ tự doanh, đầu tư tiền gửi, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty từ các hoạt động này có thể bị ảnh hưởng bởi chính những biến động về lãi suất và giá cổ phiếu do tình hình kinh tế chính trị, những thay đổi về pháp lý, chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của nhà nước hoặc của các nước liên quan hoặc có thể do những yếu tố ngoài tầm kiểm soát khác như dịch bệnh, thảm họa tự nhiên.

- **Đối với nghiệp vụ tự doanh:** Danh mục đầu tư của Công ty chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của doanh nghiệp, của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế. Các biến động và/hoặc tác động ngoài dự kiến của các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng có thể khiến giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của công ty chứng khoán.
- **Đối với hoạt động cho vay ký quỹ:** Các biến động tiêu cực của thị trường và giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của cổ phiếu và khả năng thanh toán của khách hàng. Điều này tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động cho vay ký quỹ của Công ty khi có những biến động giá cổ phiếu quá lớn (giảm sâu liên tiếp nhiều phiên) hoặc do cổ phiếu mất thanh khoản, bị hủy niêm yết... khiến công ty không thể thu hồi được khoản vay. Để hạn chế rủi ro thị trường, các công tác dưới đây liên tục được hoàn thiện và đổi mới để phù hợp với bối cảnh thị trường. Danh mục cho vay ký quỹ được xây dựng theo các nguyên tắc minh bạch và tự động điều chỉnh theo điều kiện của thị trường và của cổ phiếu nói riêng để xác định tỷ lệ cho vay ký quỹ. Việc xây dựng và phê duyệt danh mục độc lập với hoạt động kinh doanh cho vay để đảm bảo tính độc lập và minh bạch.

DNSE đã xây dựng được hệ thống hạn mức tối đa đa chiều cùng hệ thống giám sát để kiểm soát rủi ro tối đa bao gồm:

- Tổng hạn mức cho vay ký quỹ không được vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Hạn mức tối đa trên một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết;
- Bộ tỷ lệ ký quỹ ban đầu và ký quỹ duy trì;
- Giám sát mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu;
- Giám sát mức độ biến động giá và thanh khoản của các cổ phiếu đang tập trung dư nợ;
- Công cụ xử lý bán thu hồi nợ ký quỹ (call margin) tự động.

DNSE luôn chủ động cập nhật, đưa ra các kịch bản ứng phó dự báo các rủi ro để có thể điều chỉnh rủi ro kịp thời khi điều kiện thị trường không thuận lợi.

Đối với nghiệp vụ đầu tư tiền gửi: DNSE luôn cập nhật theo dõi tín nhiệm các ngân hàng, định chế tài chính đối tác để ứng phó dự báo, điều chỉnh rủi ro kịp thời khi điều kiện thị trường không thuận lợi.

3.4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc các khách hàng, đối tác của Công ty không thực hiện các nghĩa vụ nợ đã cam kết, dẫn tới tổn thất cho Công ty. Rủi ro này phát sinh trong lĩnh vực tiền gửi với các định chế tài chính ngân hàng, hay hoạt động cho vay ký quỹ với nhóm khách hàng lớn. Vì vậy, Công ty đặc biệt chú trọng việc tuân thủ các hạn mức cho vay ký quỹ đối với từng khách hàng, hạn mức tiền gửi và quy định gửi tiền ở những tổ chức tín dụng được đánh giá minh bạch và rủi ro đối tác thấp. Công ty cũng thực hiện xây dựng hệ thống định hạng tín nhiệm của các ngân hàng có quan hệ giao dịch với DNSE.

Với hoạt động cho vay ký quỹ, việc xác định hạn mức cho vay đối với từng khách hàng được bộ phận kinh doanh và QTRR thẩm định và kiểm soát thông qua việc:

- Xây dựng hạn mức cho vay phù hợp theo đối tượng khách hàng, khung phê duyệt theo trách nhiệm và tín nhiệm của khách hàng, đảm bảo cho vay an toàn đúng người, đúng thời điểm;
- Phân lớp cổ phiếu để xây dựng các sản phẩm tín dụng phù hợp;
- Đối với từng sản phẩm có quy trình đề xuất, đánh giá thẩm định và phê duyệt phù hợp;
- Chuẩn hóa tính pháp lý của các sản phẩm, hợp đồng, biểu mẫu tín dụng;
- Báo cáo theo dõi tài sản đảm bảo hàng ngày, theo dõi các biến động bất thường để có hướng xử lý kịp thời;
- Giám sát dư nợ theo khách hàng, theo mã cổ phiếu;

- Nghiệp vụ xử lý bán thu hồi nợ kỳ quỹ (call margin) được tách bạch khỏi bộ phận kinh doanh để đảm bảo tính minh bạch và xử lý kịp thời;
- Xây dựng Tổng hạn mức cho vay giao dịch kỳ quỹ, hạn mức tối đa trên một khách hàng, hạn mức tối đa trên một mã cổ phiếu.

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Đối với rủi ro này, DNSE luôn thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ bằng các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho từng hoạt động, nghiệp vụ;
- Xác định hạn mức rủi ro cho từng hoạt động;
- Cân khớp dòng tiền hàng ngày, tháng, quý, năm;
- Theo dõi sát tình thanh khoản của tài sản để có thể xử lý kịp thời;
- Duy trì hạn mức thấu chi tại các ngân hàng đối tác;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính.

Nhìn chung, các kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán này đáp ứng được nhu cầu hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty. Các dự án đầu tư và hoạt động kinh doanh sử dụng tiền thu được của đợt chào bán đều là những tài sản cần thiết, phục vụ nhu cầu hoạt động đang ở mức tối đa công suất của Công ty, do đó, tính hiệu quả được đảm bảo chắc chắn. Đồng thời, sự hỗ trợ từ các yếu tố vĩ mô thuận lợi cùng với triển vọng tăng trưởng của Công ty giúp thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với trái phiếu của Công ty, đảm bảo sự thành công của đợt phát hành.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro về việc chào bán

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mọi quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ những yếu tố kinh tế vĩ mô, vi mô và tâm lý chung của nhà đầu tư.

Việc phân phối cổ phiếu của đợt chào bán này sẽ chính thức được thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Do đó việc thành công của đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán. Trong trường hợp thị trường không thuận lợi và cổ phiếu không được chào bán hết như dự kiến, tùy thuộc vào tình hình thị trường tại thời điểm chào bán, HĐQT sẽ quyết định hủy bỏ hoặc tiếp tục chào bán số lượng cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc theo quyết định khác của HĐQT tùy tình hình thực tế. Trường hợp hết thời gian phân phối theo quy định của pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán. Rủi ro trong trường hợp kết thúc đợt chào bán, Công ty vẫn

không huy động đủ nguồn vốn từ đợt chào bán theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua, Công ty sẽ gặp phải với rủi ro không đảm bảo được tiến độ triển khai các kế hoạch kinh doanh đã đề ra, đặc biệt là trong việc mở rộng hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, tự doanh và đầu tư tài chính..... Điều này có thể dẫn đến hạn chế khả năng đáp ứng nhu cầu vốn vay ngày càng tăng cao của khách hàng, bỏ lỡ cơ hội gia tăng thị phần và giảm khả năng cạnh tranh so với các công ty chứng khoán khác đang có lợi thế về quy mô vốn. Bên cạnh đó, việc không bổ sung đủ vốn có thể ảnh hưởng đến năng lực tài chính, làm chậm lại tiến trình củng cố vị thế của Công ty trên thị trường trong bối cảnh ngành chứng khoán đang bước vào giai đoạn tăng trưởng mạnh và thị trường vốn Việt Nam hướng tới mục tiêu nâng hạng. Tuy vậy, Hội đồng quản trị Công ty đã và đang chủ động triển khai các phương án xử lý nhằm bù đắp phần vốn thiếu hụt, tìm kiếm các nguồn vốn thay thế khác như nhà đầu tư (huy động vốn theo các hình thức phát hành/chào bán khác đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật), tổ chức tín dụng để giảm thiểu tác động bất lợi tới Công ty trong trường hợp nguồn vốn huy động không đạt kỳ vọng.

4.2. Rủi ro đối với việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 1.284.750.000.000 đồng sẽ được sử dụng để: Bổ sung vốn cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán; Đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác.

Thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay được đánh giá đang trong giai đoạn phát triển với nhiều dự báo tăng trưởng trong trung và dài hạn. Việc hệ thống KRX đã đưa vào vận hành cùng với các sản phẩm, cơ chế mới sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho thanh khoản, cải thiện chất lượng giao dịch, đồng thời mở ra cơ hội thu hút mạnh mẽ dòng vốn ngoại. Đây chính là nền tảng để các công ty chứng khoán, trong đó có DNSE, tận dụng lợi thế để mở rộng hoạt động kinh doanh và củng cố vị thế cạnh tranh.

Tuy nhiên, Công ty cũng đối diện với một số rủi ro nhất định. Cụ thể, trong trường hợp nguồn vốn huy động được từ đợt chào bán không đạt như kỳ vọng, khả năng triển khai đồng bộ các kế hoạch kinh doanh, đặc biệt là hoạt động tự doanh và cho vay margin, có thể bị hạn chế. Ngoài ra, các biến động khó lường từ yếu tố vĩ mô toàn cầu, chính sách trong nước hoặc sự thay đổi của dòng vốn ngoại cũng có thể tác động đến hiệu quả đầu tư và kế hoạch tăng trưởng của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro, DNSE chú trọng đến việc đánh giá kỹ lưỡng từng hạng mục đầu tư, cân nhắc các kịch bản thị trường, đồng thời thường xuyên rà soát cơ cấu danh mục nhằm đảm bảo tính an toàn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn huy động. Công ty cũng duy trì sự linh hoạt trong các phương án tài chính thay thế, nhằm đảm bảo ổn định nguồn lực cho phát triển kinh doanh ngay cả trong trường hợp kết quả huy động chưa đạt kỳ vọng.

5. Rủi ro pha loãng

Công ty hiện đã có cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường, do đó việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một cổ phiếu:

$$EPS = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân}$$

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X \cdot 12 + Y \cdot t}{12}$$

Trong đó:

X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành

Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

Giả định thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm là: 01 tháng

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (Không phát hành)} &= \frac{330.000.000 \cdot 12 + 9.900.000 \cdot 6 + 2.700.000 \cdot 4}{12} = 335.850.000 \text{ cổ phiếu} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (Phát hành)} &= \frac{330.000.000 \cdot 12 + 9.900.000 \cdot 6 + 2.700.000 \cdot 4 + 85.650.000 \cdot 1}{12} = 342.987.500 \text{ cổ phiếu} \end{aligned}$$

Bảng 2. So sánh EPS năm 2025 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần

TT	Nội dung	Đơn vị	Không phát hành	Phát hành
1	Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	262.000	262.000
2	Số cổ phiếu lưu hành bình quân	Cổ phiếu	335.850.000	342.987.500
3	EPS	Đồng/cổ phiếu	780,11	763,88

(Nguồn: Theo kế hoạch kinh Doanh của DNSE)

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho mục đích đầu tư chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận trong năm 2025. Vì vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm 85.650.000 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, EPS có thể bị pha loãng theo dự kiến như bảng tính trên.

Tuy nhiên việc EPS dự kiến năm 2025 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ

đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ có thể tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (đồng)}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phần)}}$$

Bảng 3. Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/9/2025 của Công ty

Chi tiêu	30/9/2025
Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	4.293.057.533.178
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	339.900.000
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	12.630

(Nguồn: BCTC tự lập Quý III năm 2025 của Công ty)

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Trong thời gian ngắn ngay sau khi chào bán, nếu tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm và ngược lại.

Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Do đợt chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông sẽ giảm trong trường hợp cổ đông từ chối hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (so với thời điểm trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu).

Với phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt chào bán này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Sau khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty cũng tăng lên tương ứng.

Việc phát hành thêm cổ phần sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu. Cụ thể, tại thời điểm phát hành cổ phiếu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ bị pha loãng theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{t1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày giao dịch không hưởng quyền

PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền

P_0 : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Ví dụ:

Giả sử Giá đóng cửa của cổ phiếu DSE tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền là 32.500 đồng/cổ phiếu (lớn hơn giá phát hành), theo phương án phát hành dự kiến, giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 15.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, tỷ lệ phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 4:1, giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng như sau:

Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền = $[32.500 + (0,25 \times 15.000)] / (0,25 + 1) = 29.000$ đồng/cổ phiếu

Trong trường hợp, giá đóng cửa của cổ phiếu DNSE tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn hoặc bằng giá phát hành thì theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 7 Điều 19 Quyết định Số: 23/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam:

"5. Trong ngày giao dịch không hưởng quyền, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này, giá tham chiếu được xác định theo nguyên tắc lấy giá bình quân gia quyền của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị của các quyền kèm theo.

...

7. Các trường hợp không điều chỉnh giá tham chiếu gồm:

a) Các trường hợp đã được mở biên độ dao động giá quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 18 Quy chế này;

b) Doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu với giá phát hành cao hơn giá bình quân gia quyền của ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có);

c) Phát hành riêng lẻ cổ phiếu, chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư không phải là cổ đông hiện hữu;

d) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty;

đ) Phát hành cổ phiếu bổ sung theo phương án hoán đổi từ các giao dịch sáp nhập;

e) Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện giảm vốn điều lệ;

g) Chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu;

h) Các trường hợp phát hành khác không ảnh hưởng đến quyền của cổ đông hiện hữu."

Trường hợp này giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty xuất phát từ việc quản trị công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho công ty, người lao động và cổ đông của công ty. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị quản lý không hiệu quả,

thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban Điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với công ty, v.v cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty, quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn, v.v. khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành cũng như công tác giám sát từ Ban kiểm soát. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống website, thực hiện công bố thông tin thường xuyên tới các cổ đông, thực hiện tốt công tác quản trị, quan hệ cổ đông.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn,... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của DNSE.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BCTC	: Báo cáo tài chính
Khối BRICS	: Liên minh gồm 5 quốc gia: Brazil, Russia, India, China và South Africa
DNSE/Công ty/ Công Ty/Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
CC/CCCD	: Căn cước/Căn cước công dân
CCTG	: Chứng chỉ tiền gửi
CP	: Cổ phần
CTCP	: Công ty Cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
CTCK	: Công ty chứng khoán
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông

Điều lệ Công ty	: Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
CNĐKDN	: Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
GSO	: Cục Thống kê
HCM	: Hồ Chí Minh
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
HĐTV	: Hội đồng Thành viên
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước
USD	: Đồng đô la Mỹ
VND	: Việt Nam Đồng
VSDC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
TVLK	: Các thành viên lưu ký
TTCK	: Thị trường chứng khoán
TGĐ	: Tổng Giám đốc
PTGD	: Phó Tổng Giám đốc
Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội	: Nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội. Tùy từng thời điểm ban hành văn bản, tên gọi của cơ quan này sẽ được thể hiện theo tên gọi tại thời điểm đó
QLQ	: Quản lý Quỹ
QTRR	: Quản trị rủi ro
N/A	: Thể hiện chỉ tiêu không xác định được hoặc không có ý nghĩa so sánh tại kỳ báo cáo
TSNH	: Tài sản ngắn hạn
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
9T2025	: 09 tháng năm 2025

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
1. Thông tin chung về tổ chức phát hành:

Tên đầy đủ	: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE
Tên viết bằng tiếng nước ngoài	: DNSE Securities Joint Stock Company
Tên viết tắt	: DNSE JSC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0102459106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 30/10/2007, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 22/10/2025
Địa chỉ trụ sở chính	: Tầng 6, Toà nhà Pax Sky, 63 – 65 Ngõ Thi Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	: (024) 7108 9234
Fax	: Không có
Website	: www.dnse.com.vn
Vốn điều lệ	: 3.426.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba nghìn bốn trăm hai mươi sáu tỷ đồng)
Đại diện theo pháp luật	: Bà Nguyễn Ngọc Linh Chức vụ: Tổng Giám đốc
Mã cổ phiếu	: DSE
Sàn niêm yết	: HOSE
Ngành nghề kinh doanh chính:	

Bảng 4. Ngành nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) <i>Chi tiết: Lưu ký chứng khoán</i>	6499
2	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán <i>Chi tiết: Môi giới chứng khoán</i>	6612 (Chính)
3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Tư vấn đầu tư chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Tự doanh chứng khoán</i>	7490

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE thành lập vào ngày 30/10/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0102459106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/10/2007 và được UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 62/UBCK-GP cấp ngày 30/10/2007, với số vốn điều lệ ban đầu là 38 tỷ đồng. Đến nay, DNSE có vốn điều lệ là 3.426 tỷ đồng. Các dấu mốc quan trọng của Công ty như sau:

Năm 2007

- Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0102459106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/10/2007 và Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 62/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/10/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 38 tỷ đồng.

Năm 2008

- DNSE trở thành thành viên Sở GDCK Hà Nội và Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2009

- Thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại 117/119/121 Nguyễn Du, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, mở rộng địa bàn kinh doanh. Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh. Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 275/UBCK-GP.

Năm 2010

- Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở GDCK Hà Nội.

Năm 2011

- Công ty tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng.

Năm 2015

- Công ty tăng vốn điều lệ từ 75 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng.

Năm 2020

- DNSE chính thức trở thành Công ty thành viên của Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital.
- UBCKNN đã cấp Giấy phép điều chỉnh địa điểm Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngõ Thi Nhậm, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Bối cảnh thị trường năm 2020 là một năm đầy khó khăn, thách thức với thị trường chứng khoán cũng như với Công ty, tuy nhiên cũng là năm đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ, tái cấu trúc toàn diện khi Công ty chính thức trở thành thành viên của Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital từ tháng 07/2020. Với sứ mệnh được đặt ra của Ban lãnh đạo mới "Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt" và tầm nhìn "kết nối nguồn vốn thông qua công nghệ", Công ty đã thực hiện:

✓ **Đẩy mạnh cải tiến công tác quản trị điều hành:** Trong năm 2020, DNSE đã thực hiện thay đổi chủ sở hữu, bổ nhiệm 3 thành viên HĐQT mới và miễn nhiệm 5 thành viên HĐQT cũ. HĐQT luôn bám sát hoạt động thực tế của Công ty để đưa ra các chủ trương, chính sách nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện cho Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh của Công ty. HĐQT cũng luôn theo sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện đúng và đủ các chủ trương, nghị quyết và quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

✓ **Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự:** DNSE luôn chú trọng nâng cao chất lượng, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Công ty chủ trương xây dựng bộ máy nhân sự theo hướng tinh giản gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được các yêu cầu, định hướng phát triển của Công ty cũng như đáp ứng được các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường. Phần lớn nhân sự của Công ty đều có độ tuổi từ 23 đến 35 tuổi. Đây là lực lượng có khả năng thích ứng cao với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ trong bối cảnh hiện nay, 100% nhân sự đều tốt nghiệp đại học, có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế tài chính, có khả năng đáp ứng yêu cầu công việc và thích ứng nhanh với mọi thay đổi.

✓ **Thay đổi về chính sách, định hướng:** Trước những biến động khó lường của thị trường, DNSE ưu tiên việc duy trì chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Lựa chọn chính sách cho vay thận trọng và kiểm soát rủi ro chặt chẽ đảm bảo an toàn và tuân thủ pháp luật. Nhờ vậy, khách hàng có thể thực hiện giao dịch đầu tư linh hoạt, an toàn. Đồng thời, DNSE triển khai chiến lược Marketing bài bản, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với từng giai đoạn phát triển của công ty và thị trường.

✓ **Chú trọng phát triển đầu tư công nghệ, hệ thống giao dịch:** Với định hướng lấy công nghệ là lợi thế cạnh tranh, hệ thống giao dịch của Công ty được thiết kế tối ưu trải nghiệm của khách hàng và chuẩn hóa trên 5 tiêu chí: Thiết kế thân thiện, Dễ dàng sử dụng, Đặt lệnh nhanh chóng, Đồ thị trực quan, Liên tục cải tiến để tối ưu trải nghiệm của khách hàng, giúp nhà đầu tư dễ dàng theo dõi thị trường, thuận tiện khi giao dịch.

✓ **Ngày 15/10/2020, DNSE đã cho ra mắt Ứng dụng di động Entrade X với giao diện trực quan, thân thiện và hệ thống thông minh, ổn định. Đây có thể coi là bước tiến mới trong nền tảng giao dịch của DNSE trong năm 2020 giúp khách hàng dễ dàng giao dịch và tiếp cận các cơ hội đầu tư trên thị trường.**

✓ **Đầu tháng 12/2020, DNSE đã triển khai giải pháp công nghệ sổ Dịch vụ tài khoản định danh chứng khoán (Virtual Account) dành cho các khách hàng của DNSE. Việc kết nối thành công dịch vụ Thu-chi hộ tự động với ngân hàng VIB qua giải pháp Định danh tài khoản Virtual Account, tài khoản của Khách hàng sẽ được hạch toán để sẵn sàng giao dịch kịp thời chỉ trong vòng 5 giây khi thực hiện nộp/rút.**

Năm 2021

- Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE, tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.
- Liên tiếp ra mắt nền tảng mới, nâng cấp tính năng sản phẩm, giúp thị phần, số lượng tài khoản chứng khoán và dư nợ đều bứt phá tăng trưởng 3 con số.

Năm 2022

- Tăng vốn điều lệ công ty lên 3.000 tỷ đồng.

- Ra mắt hệ thống quản trị theo từng giao dịch (Margin Deal), liên tục bổ sung tính năng sản phẩm, giữ vững đà tăng trưởng doanh thu và thị phần.
- Bước đầu xây dựng và triển khai nền tảng Môi giới ảo - AI Broker (Artificial Intelligence – Trí tuệ nhân tạo), sản phẩm ứng dụng dữ liệu, bước đầu tối ưu hóa mảng tin tức, giúp nhà đầu tư tiếp cận được tin nóng, tổng hợp báo cáo tài chính của các công ty một cách rõ ràng, súc tích, dễ xem, từ đó đưa ra các ý tưởng đầu tư và quyết định giao dịch tốt hơn.
- Thành tích đạt được:



**TOP 6: Tỷ lệ thị phần trên Sở
giao dịch chứng khoán Hà Nội
(HNX) quý 2/2022**

- Các giải thưởng đã đạt được:



**TOP 10: Thương hiệu
tăng trưởng ấn tượng nhất**

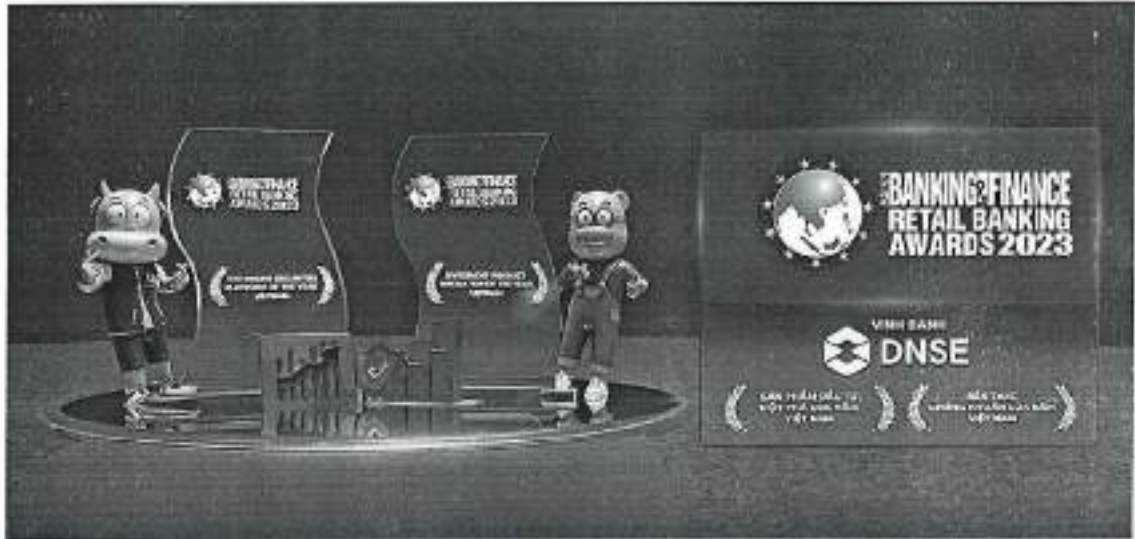


**TOP 10: Thương hiệu
hàng đầu Việt Nam năm 2022**

Năm 2023

- Nhận giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Chứng khoán Phải sinh từ Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Thuộc top dẫn đầu thị phần tài khoản mở mới sau 9 tháng đầu năm 2023: đạt 22,25% thị phần mở mới toàn thị trường, đặc biệt trong tháng 9/2023 DNSE đạt 43,6% toàn thị trường.
- Đạt giải "Sản phẩm đầu tư sáng tạo của năm" (Investment Product Innovation of the Year – Vietnam) cho sản phẩm Entrade-X được trao bởi Tổ chức Ngân hàng Tài chính bán lẻ Châu Á (Asian Banking & Financing Retail Banking Awards).

- Đạt giải "Nền tảng giao dịch chứng khoán trực tuyến của năm" (Online Securities Platform of the Year) cho sản phẩm Entrade-X được trao bởi Tổ chức Ngân hàng Tài chính bán lẻ Châu Á (Asian Banking & Financing Retail Banking Awards).



- Đạt danh hiệu Công ty có môi trường Công nghệ tốt nhất tại Hội nghị lãnh đạo Công nghệ CTO Summit 2023.
- Được vinh danh Top 10 sản phẩm dịch vụ công nghệ 2023 tại Lễ Công bố và vinh danh Top sản phẩm – dịch vụ Tin dùng Việt Nam 2023 tại Hà Nội.
- Được vinh danh Top 10 Thương hiệu mạnh – Tiên phong đổi mới sáng tạo trong Chương trình vinh danh Thương hiệu mạnh Việt Nam 2023.
- Nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 27/12/2023.

Năm 2024

- Thực hiện Chào bán thành công 30.000.000 cổ phiếu lần đầu ra công chúng vào tháng 01/2024.
- Hoàn thành tăng Vốn điều lệ lên 3.300 tỷ đồng vào tháng 02/2024 và trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 07/02/2024 căn cứ Công văn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 3378/UBCK-QLKD ngày 29/05/2024.
- Chính thức niêm yết và giao dịch 330 triệu cổ phiếu DSE tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 01/07/2024.
- Lọt top 2 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên thị trường phái sinh trong Quý IV/2024¹⁰.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

¹⁰ Thông tin từ DNSE tổng hợp



Năm 2025

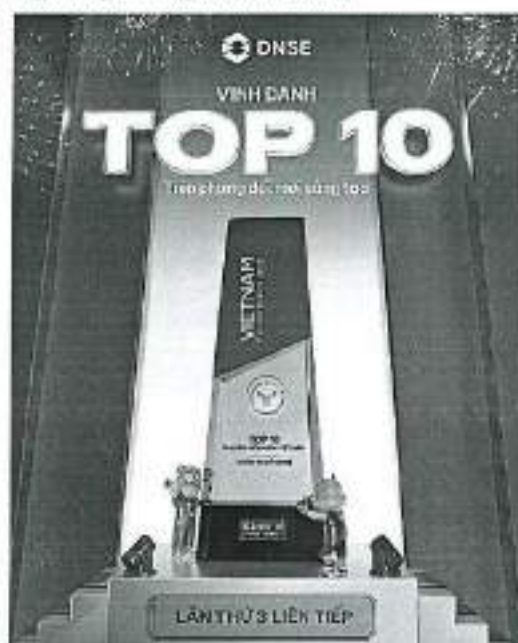
- Tiếp tục giữ vị trí top 2 công ty chứng khoán có thị phần mỗi giới lớn nhất trên thị trường phái sinh trong Quý III/2025 với 23,67%.
- Đạt thị phần mỗi giới phái sinh cao nhất từ trước đến nay 29,84% vào ngày 21/10/2025.
- Đạt cột mốc 1 triệu tài khoản chứng khoán trong tháng 1/2025 và tiếp tục đạt hơn 1,3 triệu tài khoản chứng khoán tại thời điểm kết thúc Quý III/2025.
- Thị phần mở mới toàn thị trường chứng khoán 9 tháng đầu năm 2025 đạt 19,0%¹¹.
- Lọt top 6 thị phần mỗi giới cổ phiếu niêm yết HNX với 4,63% thị phần.



- Phát hành thành công trái phiếu DSE125004 với tổng giá trị 300 tỷ đồng và chính thức đưa vào giao dịch trên thị trường trái phiếu niêm yết ngày 08/04/2025.
- Phát hành thành công cổ phiếu ESOP theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2025 với tổng giá trị 126 tỷ đồng.
- Nhận được Giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng và chào bán thành công với tổng giá trị trái phiếu huy động được là 1.000 tỷ đồng.

¹¹ Thông tin từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

- Lần thứ 3 liên tiếp ghi danh trong Top 10 Thương hiệu mạnh - Tiên phong đổi mới sáng tạo tại Lễ công bố Thương hiệu mạnh Việt Nam 2025.

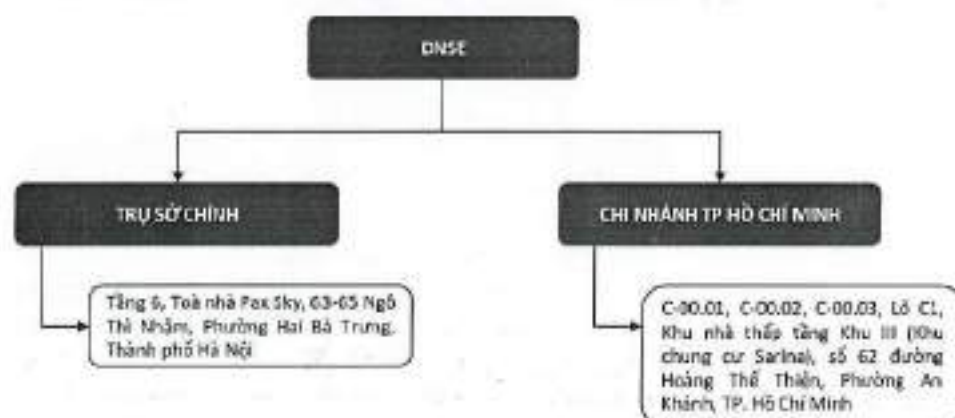


3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE là công ty chứng khoán được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 62/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/10/2007 và điều chỉnh gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 115/GPĐC-UBCK ngày 16/10/2025.

- Trụ sở: Tầng 6, Toà nhà Pax Sky, 63-65 Ngô Thị Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Chi nhánh: C-00.01, C-00.02, C-00.03, Lô C1, Khu nhà thấp tầng Khu III (Khu chung cư Sarina), số 62 đường Hoàng Thế Thiện, Phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh.

Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty tại ngày 30/09/2025



(Nguồn: DNSE)

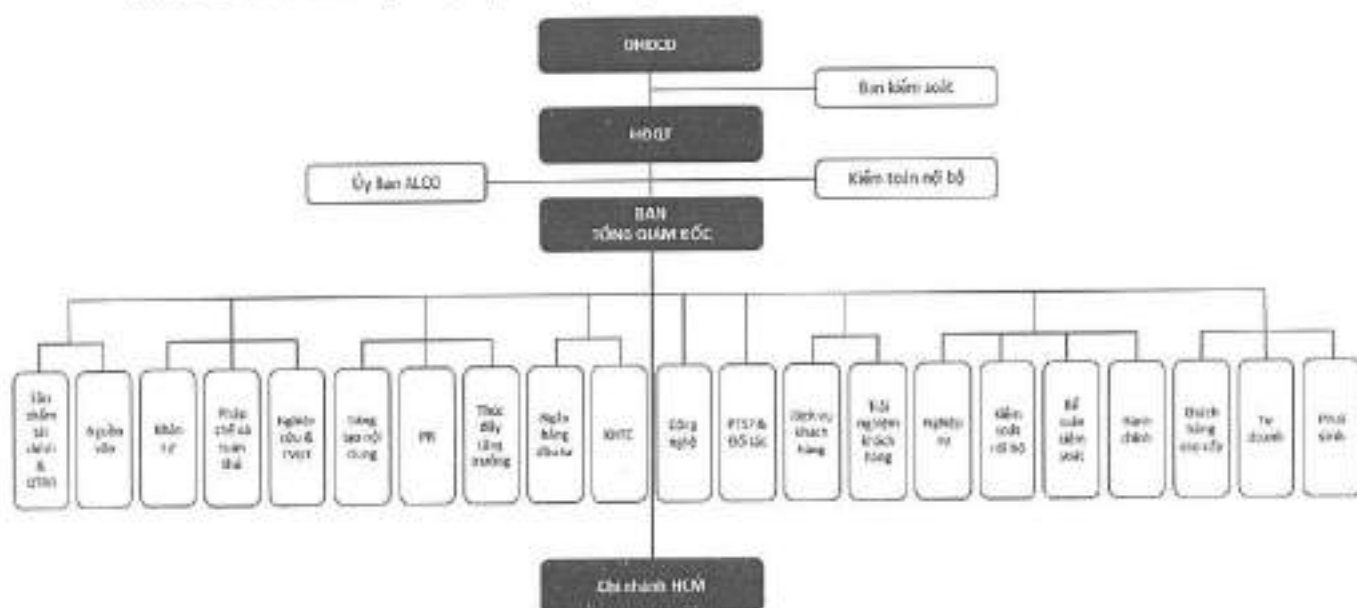
Tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có công ty con.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Mô hình quản trị hiện tại của DNSE được thiết lập theo cấu trúc tối ưu để hỗ trợ HĐQT quản lý, điều hành bao quát cả Công Ty cũng như thúc đẩy tinh minh bạch và hiệu quả thực hiện công việc bằng việc phân chia rõ ràng trách nhiệm giữa các bộ phận điều hành, kinh doanh, hỗ trợ nhằm đảm bảo lợi ích tổng thể của Công ty.

Cấu trúc bộ máy quản trị và quản lý của DNSE được thể hiện tại sơ đồ dưới đây:

Hình 2. Cấu trúc bộ máy quản trị và quản lý của CTCP Chứng khoán DNSE



(Nguồn: DNSE)

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo các quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị quyết định hoạt động kinh doanh, có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc và các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Ông Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
3	Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
5	Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có quyền giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Trần Vĩnh Cửu	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Nguyễn Quang Sơn	Thành viên Ban Kiểm soát

4.4. Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác

Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh/vận hành của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty gồm có:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Ngọc Linh	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Giám đốc Chi nhánh TP.HCM
4	Bà Nguyễn Thị Duyên	Kế toán trưởng
5	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Giám đốc tài chính

4.5. Các phòng ban chức năng

Phòng, ban	Nhiệm vụ, chức năng
Phòng Nguồn vốn	- Chịu trách nhiệm mở rộng quy mô vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm các nguồn vốn tín dụng, huy

Phòng, ban	Nhiệm vụ, chức năng
	động từ cổ đông, phát hành trái phiếu nợ và các sản phẩm huy động vốn khác; - Kinh doanh nguồn vốn: Phát triển nghiệp vụ kinh doanh chênh lệch lãi suất (Funding & Gapping); Kinh doanh các sản phẩm cấu trúc về lãi suất; Kinh doanh Giấy tờ có giá, bao gồm Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu doanh nghiệp, Chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác; - Xây dựng và phát triển các sản phẩm hợp tác với các tổ chức tín dụng ngân hàng và phi ngân hàng, quỹ đầu tư....
Phòng Nghiên cứu và tư vấn đầu tư	- Xây dựng chiến lược, mục tiêu, cung cấp các sản phẩm phân tích, tư vấn đến từng tập người dùng mục tiêu như khách hàng cá nhân, Nhà đầu tư chuyên nghiệp, B2B2C (viết tắt của Business To Business To Customer) là một mô hình kinh doanh kết hợp các tính năng của cả mô hình bán hàng B2B (Business to Business) và mô hình B2C (Business to Customer)) ...; - Xây dựng và chịu trách nhiệm chất lượng báo cáo, sản phẩm tư vấn; - Xây dựng, quản trị và khai thác cơ sở dữ liệu của công ty để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, hoạt động tư vấn, phát hành báo cáo.
Phòng Sản phẩm tài chính & Quản trị rủi ro	- Về Sản phẩm tài chính: - Tìm hiểu, đề xuất mô hình phát triển sản phẩm mới và cải tiến sản phẩm hiện hữu; - Xây dựng đề bài yêu cầu và phối hợp với bộ phận công nghệ để triển khai xây dựng chi tiết sản phẩm; - Dựa trên các báo cáo kết quả vận hành sản phẩm, đưa ra các phân tích về hiệu quả sản phẩm và đề xuất hướng cải tiến/điều chỉnh sản phẩm phù hợp; - Phối hợp với Dịch vụ khách hàng, PR, Marketing để truyền thông về sản phẩm mới/sản phẩm cải tiến cho khách hàng; - Quản trị chính sách sản phẩm dựa trên đánh giá về trải nghiệm sản phẩm của khách hàng. - Về Quản trị rủi ro: - Quản lý, giám sát danh mục cho vay ký quỹ và đề xuất các biện pháp điều chỉnh, cải thiện danh mục phù hợp với định hướng của Ban lãnh đạo; - Tham gia xây dựng quy định/quy trình liên quan đến quản trị rủi ro cho vay, góp ý/thẩm định văn bản liên quan đến sản phẩm/ng nghiệp vụ cho vay trước khi ban hành;

Phòng, ban	Nhiệm vụ, chức năng
	- Nhận diện, xác định nguồn gốc và xử lý các loại rủi ro khác nhau của Công Ty; - Nghiên cứu, phân tích thông tin, dữ liệu trong và ngoài ngành chứng khoán (thị trường, ngành/lĩnh vực, ...) để nhận diện và đưa ra cảnh báo sớm các dấu hiệu rủi ro tiềm ẩn và đề xuất các định hướng cho vay, đầu tư theo ngành/lĩnh vực; - Nghiên cứu, phân tích nhu cầu, xu hướng của thị trường, của khách hàng, các sản phẩm/dịch vụ của các công ty chứng khoán phù hợp cho khách hàng; đề xuất các giải pháp nâng cấp, phát triển sản phẩm, dịch vụ, chính sách khách hàng, chính sách môi giới cho công ty.
Phòng Công nghệ	- Quản lý và vận hành hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ phục vụ hệ thống giao dịch chứng khoán; - Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp kỹ thuật để tối ưu hóa tài nguyên và giúp hệ thống hoạt động hiệu quả hơn; - Xây dựng và phát triển hệ thống phần mềm đáp ứng định hướng là công ty chứng khoán đi đầu về công nghệ; - Vận hành hệ thống, xử lý sự cố; - Tối ưu hóa hệ thống thường xuyên.
Phòng Trải nghiệm khách hàng	- Xây dựng trải nghiệm Khách hàng và chủ động giúp Khách hàng trải nghiệm dịch vụ thuận tiện và thành công; Lên chương trình hoặc kết hợp đối tác triển khai đào tạo giới thiệu sản phẩm tới Khách hàng; Xây dựng kịch bản và triển khai các luồng Marketing Automation –Tiếp thị tự động tới khách hàng theo từng kênh/nguồn khác nhau; Tìm hiểu nhu cầu Khách hàng để truyền thông, giới thiệu về các Sản phẩm dịch vụ đang có; Xây dựng chân dung và phân nhóm Khách hàng để đề xuất các chính sách khác biệt theo từng nhóm; khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng để cải tiến Sản phẩm – Dịch vụ; - Giúp Khách hàng thực hiện giao dịch và xử lý các yêu cầu hỗ trợ của Khách hàng chính xác, nhanh chóng; Tiếp nhận yêu cầu, giải đáp thắc mắc, xử lý khiếu nại qua các kênh hỗ trợ của DNSE; Tiếp nhận ý kiến của Khách hàng để đóng góp vào việc phát triển Sản phẩm Dịch vụ; Hạch toán các giao dịch tiền của KH: nộp tiền, rút tiền, ứng trước...; Theo dõi, quản lý luồng tiền qua ngân hàng; Đối chiếu, cân tiền của Nhà đầu tư trên các hệ thống; Thanh toán tiền cổ tức, thực hiện quyền; Thu nợ, các khoản phí phát sinh trong quá trình giao dịch....

Phòng, ban	Nhiệm vụ, chức năng
Phòng PR	- Xây dựng chiến lược PR thương hiệu và kế hoạch triển khai truyền thông thương hiệu theo từng giai đoạn; - Tổ chức, quản lý các chương trình quảng bá thương hiệu và các sự kiện truyền thông; - Xây dựng, phát triển và duy trì mối quan hệ với các cơ quan, đối tác truyền thông; - Tổ chức các hoạt động sự kiện nội bộ cho Công ty.
Phòng Sáng tạo nội dung	- Nghiên cứu dự báo thị trường; - Xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược Marketing; - Triển khai, lan tỏa nội dung trên các nền tảng social media; - Xây dựng và quản trị các kênh mạng xã hội; - Hợp tác với các bộ phận để xây dựng kế hoạch bài viết, biên tập nội dung tiếp thị cho các sản phẩm dịch vụ và phát triển hình ảnh công ty.
Phòng Khách hàng cao cấp	- Phát triển tệp Khách hàng Cao Cấp (Khách hàng VIP) về cả số lượng, chất lượng; - Xây dựng chính sách kinh doanh, chính sách khách hàng, khả năng cạnh tranh và thực thi kế hoạch kinh doanh cho phân khúc Khách hàng VIP; - Phát triển nguồn nhân lực và mạng lưới cộng tác viên broker, thiết lập các nguyên tắc, tiêu chuẩn quản lý, chăm sóc, tư vấn cho khách hàng theo yêu cầu tiêu chuẩn dịch vụ cao cấp của DNSE đối với nhóm VIP nhằm phục vụ tốt nhất và khai thác phát triển kinh doanh tới đối tượng khách hàng này; - Tìm hiểu rõ nhu cầu, năng lực tài chính, tiềm năng của khách hàng, tiếp nhận, tổng hợp ý kiến phản hồi, đề xuất từ khách hàng chủ động đề xuất các chính sách phù hợp áp dụng theo nhu cầu của từng khách hàng phù hợp với khả năng cung cấp dịch vụ của DNSE; - Thực hiện các hoạt động tư vấn đầu tư, hỗ trợ giao dịch lệnh, gửi các báo cáo theo yêu cầu từ khách hàng; - Đồng hành cùng với các khách hàng được giao quản lý trong suốt quá trình trải nghiệm nhằm giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận các nền tảng công nghệ, nền tảng tri thức, sản phẩm, dịch vụ đa dạng của DNSE mang lại sự hài lòng, gắn bó của khách hàng để trở thành khách hàng trung thành của DNSE;

Phòng, ban	Nhiệm vụ, chức năng
	- Thường xuyên rà soát, đánh giá hoạt động phát triển kinh doanh với tệp Khách hàng VIP nhằm duy trì tệp khách hàng VIP hiện tại và tìm kiếm, mở rộng các tệp khách hàng VIP mới cho Công ty.
Phòng Khách hàng tổ chức ("KHTC")	- Phối hợp với DVKH, trong việc mở, quản lý tài khoản cho khách hàng và thanh toán giao dịch của KHTC trong và ngoài nước; - Nhận lệnh, kiểm tra lệnh và nhập lệnh giao dịch mua bán chứng khoán của KHTC vào hệ thống của TTGDCK; - Xác nhận kết quả giao dịch cho KHTC; - Tư vấn khách hàng về thủ tục mở tài khoản, giao dịch, đầu tư chứng khoán niêm yết tại TTGDCK cho KHTC trong và ngoài nước.
Phòng Phát triển sản phẩm và Đối tác	- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản phẩm dành cho khách hàng thông qua việc kết nối với đối tác; - Xây dựng và phát triển mối quan hệ với các đối tác hiện tại của Công ty và mở rộng phạm vi hợp tác các sản phẩm dịch vụ mới của Công ty; - Tìm kiếm & phát triển mối quan hệ với đối tác mới trên thị trường, tìm kiếm cơ hội hợp tác sản phẩm dịch vụ của Công ty.
Phòng Tự doanh	- Xây dựng chiến lược, chính sách và chỉ tiêu cho hoạt động Tự doanh; - Tổ chức thực hiện nghiệp vụ đầu tư và kinh doanh chứng khoán từ nguồn vốn tự có và vốn vay của Công ty; - Xây dựng danh mục đầu tư trên cơ sở phân bổ hạn mức đầu tư, lợi nhuận kỳ vọng, rủi ro có thể chấp nhận, kỳ hạn đầu tư, phân bổ ngành, phân bổ chứng khoán.
Phòng Ngân hàng đầu tư (IB)	- Phát triển các dịch vụ cung cấp cho khách hàng như: Dịch vụ thị trường vốn (ECM); dịch vụ thị trường nợ (DCM); dịch vụ tư vấn mua bán sáp nhập (M&A); dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp; - Phát triển mở rộng các loại hình nghiệp vụ sang các lĩnh vực khác và định hướng trở thành một định chế tài chính kinh doanh đa dạng (như: Nghiệp vụ đầu tư, nghiên cứu...).

Phòng, ban	Nhiệm vụ, chức năng
Phòng Kế toán kiểm soát	- Thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty; - Thực hiện việc thanh quyết toán toàn bộ các giao dịch của Công ty và khách hàng; - Phối hợp với các phòng nghiệp vụ xây dựng phương án tài chính của Công ty, các phương án vay vốn, sử dụng vốn, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế; - Lập báo cáo tài chính tháng, quý, năm và các báo cáo khác theo chế độ quy định.
Phòng Hành chính	- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ theo quy định của Công ty; - Lập kế hoạch dự trữ mua sắm và quản lý trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm và thực hiện việc mua sắm; - Phối hợp với các Phòng liên quan chuẩn bị các điều kiện, cơ sở vật chất, tổ chức liên hoan và thực hiện công tác hội họp, tiếp khách, du lịch của Công ty.
Phòng Nhân sự	- Xây dựng các quy trình, chính sách liên quan đến nhân sự trong Công ty; - Tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng, bố trí lao động (bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động); - Thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực kế cận cho Công ty; - Thực hiện các chế độ, phúc lợi cho CBNV trong Công ty (tính lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, kê khai thuế thu nhập cá nhân, ...).
Phòng Pháp chế và tuân thủ	- Tư vấn, hỗ trợ, giải đáp, hướng dẫn, đưa ra các ý kiến đánh giá về pháp lý đối với các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động nghiệp vụ, sản phẩm dịch vụ, dự án, văn kiện, hợp đồng, hoạt động khác của Công ty; - Thực hiện rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm nội bộ của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật; - Rà soát, cập nhật và cảnh báo các rủi ro pháp lý liên quan đến hoạt động của Công ty; - Truyền thông, đào tạo pháp lý cho CBNV của Công ty.
Phòng Kiểm soát nội bộ	- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá

Phòng, ban	Nhiệm vụ, chức năng
	nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền; - Tham mưu thiết lập chính sách và quy trình nội bộ; - Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh; - Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ quy định của pháp luật; - Đánh giá hiệu quả của các hoạt động; - Đánh giá việc tuân thủ cam kết trong hợp đồng; - Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; - Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty.
Phòng thúc đẩy tăng trưởng	- Thúc đẩy sự tăng trưởng người dùng và doanh thu một cách nhanh chóng và bền vững; - Phân tích dữ liệu hành vi người dùng để tìm ra các điểm nghẽn và cơ hội; - Thiết kế và triển khai các thử nghiệm trên sản phẩm, marketing, và trải nghiệm người dùng để tối ưu hóa tỷ lệ chuyển đổi, giữ chân khách hàng, và kích hoạt các kênh tăng trưởng mới. - Mục tiêu cuối cùng là mở rộng quy mô khách hàng và kinh doanh thông qua việc cải thiện liên tục toàn bộ hành trình khách hàng.
Phòng Nghiệp vụ	- Nhiệm vụ Quản lý tài sản Khách hàng: Đảm bảo hạch toán đầy đủ, chính xác giao dịch tài sản trên tài khoản KH. Đối chiếu cân khớp thông tin tài sản Khách hàng với sổ dư tổng tại hệ thống Ngân hàng, SGDCK, VSDC... Đảm bảo chất lượng dịch vụ vận hành. Thực hiện giao dịch theo đúng SLA; - Hỗ trợ tối đa yêu cầu Khách hàng nhưng vẫn đảm bảo quản trị rủi ro vận hành. Tối ưu & số hóa hoạt động vận hành.
Phòng Dịch vụ khách hàng	- Tiếp nhận, hỗ trợ và xử lý các yêu cầu, thắc mắc của khách hàng. Hướng dẫn khách hàng sử dụng các sản phẩm và dịch vụ chứng khoán như: mở tài khoản, chuyển tiền, đặt lệnh, giao dịch trực tuyến, đăng ký các dịch vụ tiện ích,...; - Phối hợp với các phòng ban kinh doanh trong việc giới thiệu, quảng bá sản phẩm dịch vụ tới khách hàng hiện hữu. Cập nhật, lưu trữ và bảo mật thông tin khách hàng theo đúng quy định của công ty và pháp luật hiện hành. Phối hợp với các bộ phận chuyên môn (Công nghệ thông tin, Giao dịch, Kế toán, Kỹ quỹ...) để xử lý nhanh chóng các vấn đề phát sinh.

Phòng, ban	Nhiệm vụ, chức năng
Phòng phái sinh	- Quản lý và thúc đẩy hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh Xây dựng định hướng chính sách, sản phẩm dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư giao dịch phái sinh Đào tạo và phổ biến kiến thức về phái sinh đến đội ngũ nội bộ và khách hàng.
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	
5.1 Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức phát hành:	
Trong 02 năm gần nhất đến thời điểm đăng ký chào bán, thông tin về công ty mẹ của DNSE cụ thể như sau:	
❖ Từ ngày 01/01/2023 – 12/06/2025:	
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH ENCAPITAL	
Tên công ty	: Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
Ngày thành lập	: Ngày 09 tháng 08 năm 2018
Địa chỉ	: Số 46 phố Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	: (+84) 24 7105 9988
Website:	: https://encapital.io/
Giấy CNĐKDN	: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0108400691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 09/08/2018, cấp thay đổi từng thời điểm và Giấy chứng nhận số 71/DNKHCN ngày 09/02/2021 cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội.
Vốn điều lệ	: 1.923.770.000.000 đồng (Một nghìn chín trăm hai ba tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng)
Ngành nghề kinh doanh	: Xuất bản phần mềm Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, kinh doanh
Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ tại DNSE	: 51,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ tại DNSE	: 51,00%
Tỷ lệ sở hữu của DNSE tại công ty mẹ	: 0%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của : 0%
DNSE tại công ty mẹ

❖ **Kể từ 12/06/2025 – nay:**

Công ty không có công ty mẹ.

5.2 Thông tin về công ty con của Tổ chức phát hành:

Không có.

5.3 Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành:

Không có.

5.4 Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua 08 lần tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 5. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Thời điểm góp vốn/ban đầu/tăng vốn	Vốn điều lệ ban đầu/ sau khi tăng (tỷ đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
10/2007	38	-	Vốn góp ban đầu	Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 62/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/10/2007	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Không có
11/2009	50	12	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 275/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 05/11/2009 - NQ ĐHĐCĐ bất thường năm 2009 số 02/2009/NQ-CDSL ngày 24/08/2009	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Ý kiến của Kiểm toán về Bảo cáo Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2010 số hiệu 131/2010/UBCKT-TG/AAT của Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế AAT ngày 28/07/2010: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo vốn chủ sở hữu kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tính hình vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 30 tháng 06 năm 2010, được lập phù hợp với các định phá chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan."

Thời điểm góp vốn ban đầu/ tăng vốn	Vốn điều lệ ban đầu/ sau khi tăng (tỷ đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
01/2011	75	25	Chào bán riêng lẻ dưới 100 người cho cổ đông hiện hữu; cán bộ nhân viên; đối tác chiến lược của Công ty	- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 08/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 26/01/2011 - NQ ĐHCĐ thường niên năm 2010 số 01/2010/NQ-ĐHCĐ ngày 29/05/2010 và NQ ĐHCĐ bất thường lần 1 năm 2010 số 22/2010/NQ-ĐHCĐ ngày 06/10/2010	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Ý kiến của Kiểm toán về Báo cáo Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2011 số hiệu 285/2011/BCKT-KTTV-KT1 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Auditing and Consulting CO.,LTD ngày 05/07/2011: "Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo Vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã phản ánh trung thực, hợp lý thông tin về Vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam là 66.491.232.231 VND."
05/2015	160	85	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 21/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 06/05/2015 - NQ ĐHCĐ số 03/2014/ĐHCĐ-DNSE ngày 17/11/2014 - Công văn số 137/UBCK-QLKD của UBCKNN ngày 14/01/2015 về việc chấp thuận chào bán cổ phiếu nhận được hồ sơ đăng ký chào bán	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Ý kiến của Kiểm toán về Báo cáo Vốn chủ sở hữu tại ngày 16/03/2015 số hiệu 162/VACO/BCKT.NV2 của Công ty TNHH Kiểm toán VACO ngày 01/04/2015: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo thay đổi vốn điều lệ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình thay đổi vốn điều lệ của Công ty tại ngày 16 tháng 03 năm 2015, phù hợp với các quy định

Thời điểm góp vốn ban đầu/ tăng vốn	Vốn điều lệ ban đầu/ sau khí tăng (tỷ đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý cổ phiếu riêng lẻ	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
07/2021	1.000	840	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu	- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 58/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 21/07/2021 - NQ ĐHCĐ số 02.1/2021/NQ-DNSE-ĐHCĐ ngày 20/04/2021 - Công văn số 2312/UBCK-QLKD về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu - Công văn số 3415/UBCK-QLKD của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	về lập và trình bày báo cáo thay đổi vốn điều lệ tại các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo thay đổi vốn điều lệ." Ý kiến của Kiểm toán về Báo cáo thay đổi vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 30 tháng 7 năm 2021 số hiệu 21-02-00236-21-1 của Công ty TNHH KPMG ngày 01/09/2021: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo thay đổi vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình thay đổi vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 30 tháng 7 năm 2021, phù hợp với các quy định có liên quan của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên

Thời điểm góp vốn ban đầu/ tăng vốn	Vốn điều lệ ban đầu/ sau khi tăng (tỷ đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
05/2022	3.000	2.000	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 37/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/05/2022 - NQ ĐHĐCĐ số 03.1/2021/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 21/12/2021 - Công văn số 617/UBCK-QLKD của UBCK chấp thuận về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu - Công văn số 2023/UBCK-QLKD ngày 8/2/2022 của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	quan áp dụng cho báo cáo thay đổi vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần." Ý kiến của Kiểm toán về Báo cáo thay đổi vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 14 tháng 4 năm 2022 số hiệu 22-02-00121-22-1 của Công ty TNHH KPMG ngày 01/08/2022: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo thay đổi vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tính hình thay đổi vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 14 tháng 4 năm 2022, phù hợp với các quy định có liên quan của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo thay đổi vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần."

49

Thời điểm góp vốn ban đầu/ tăng vốn	Vốn điều lệ ban đầu/ sau khi tăng (tỷ đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
			lần 1 năm 2025 (ESOP)	- NQ ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2025; - Công văn số 2593/UBCK-QLKD của UBCK về việc nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.		
09/2025	3.426	27	Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động lần 2 năm 2025 (ESOP)	- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 115/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/10/2025; - NQ ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2025; - Công văn số 5987/UBCK-QLKD ngày 03/10/2025 của UBCK về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của CTCP Chứng khoán DNSE.	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Không có

(Nguồn: DNSE)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác:

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện các khoản góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành:

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 6. Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm 31/10/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Trong nước	303.737.030	88,66%	2.972
1	Tổ chức	233.865.700	68,26%	10
-	<i>Trong đó, tổ chức kinh tế có Nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	0	0%	0
2	Cá nhân	69.871.330	20,39%	2.962
II	Nước ngoài	38.862.970	11,34%	24
1	Tổ chức	38.763.670	11,31%	10
-	<i>Trong đó, tổ chức kinh tế có Nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	0	0%	0
2	Cá nhân	99.300	0,03%	14
III	Cổ phiếu quỹ	0	0%	0
	Tổng cộng	342.600.000	100,00%	2.996

(Nguồn: Danh sách cổ đông của DNSE do VSDC cấp ngày 31/10/2025 và theo công bố thông tin của Công ty đến ngày 31/10/2025)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi: Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

8.3. Các loại chứng khoán khác:

Tính đến thời điểm 01/12/2025, Tổ chức phát hành có trái phiếu phát hành trái phiếu ra công chúng còn dư nợ với thông tin như sau:

STT	Tên Trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày kết thúc đợt chào bán	Số lượng trái phiếu	Dự nợ tại thời điểm của Ban Cáo Bạch	Lãi suất	Năm đáo hạn	Đặc điểm
1	Trái Phiếu DSEH2426001	24 tháng	15/1/2025	3.000.000	300 tỷ đồng	Trái phiếu có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, cụ thể như sau: - Đối với 02 kỳ tính lãi đầu tiên: Lãi suất cố định 8,5%/năm; và - Đối với các kỳ tính lãi còn lại: Lãi suất thả nổi, được tính bằng tổng 3,5%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó.	2027	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm
2	Trái phiếu DSE125018	24 tháng	27/10/2025	10.000.000	1.000 tỷ đồng	Trái phiếu có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, cụ thể như sau: - Đối với 02 kỳ tính lãi đầu tiên: Lãi suất cố định 8,5%/năm; và - Đối với các kỳ tính lãi còn lại: Lãi suất thả nổi, được tính bằng tổng 3,5%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó.	2027	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm

(Nguồn: DNSE)

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: Theo Công văn số 1512/UBCK-QLKD ngày 12/03/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 100%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có): 100%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tính đến thời điểm ngày 01/12/2025 theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của VSDC: 11,27% (Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ bởi NĐTNN tại ngày 01/12/2025 là 38.622.308 cổ phiếu). (Link: https://vscd.vn:9994/VSD_PORTAL/ckeditor/601/36wH_Room%2001.12.2025.pdf)

10. Hoạt động kinh doanh**10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh****10.1.1 Các sản phẩm, dịch vụ chính:**

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty được chia theo cơ cấu Doanh thu gồm:

- Môi giới chứng khoán: bao gồm các hoạt động về môi giới mua bán chứng khoán cho nhà đầu tư, tư vấn, dịch vụ lưu ký;
- Tự doanh chứng khoán: Các hoạt động mua bán chứng khoán của Công ty trên thị trường;
- Kinh doanh nguồn vốn: Các hoạt động cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư, kinh doanh chênh lệch lãi suất và sản phẩm cấu trúc khác;
- Ngân hàng đầu tư: Các hoạt động tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu cho đối tác doanh nghiệp để cung cấp giải pháp cho các vấn đề về vốn, thanh khoản, các kênh đầu tư nhằm tối ưu nguồn vốn và dòng tiền.

DNSE luôn đặt trọng tâm vào hoạt động môi giới chứng khoán và kinh doanh nguồn vốn thông qua việc tập trung làm mới những sản phẩm truyền thống và cho ra mắt những sản phẩm mới, giải quyết những vấn đề về nâng cao trải nghiệm giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, đáp ứng sứ mệnh "Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt" và tầm nhìn "kết nối nguồn vốn thông qua công nghệ" của Công ty. Các sản phẩm của DNSE được ra đời với mục tiêu tiên phong giải quyết vấn đề của nhà đầu tư, giúp giao dịch nhanh chóng, dễ dàng, giúp khách hàng có thể chủ động quản lý rủi ro trong danh mục đầu tư và thuận tiện trong việc tính toán lãi lỗ của hoạt động đầu tư. Các hoạt động kinh doanh trên đã và đang đóng góp lớn vào cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong thời gian qua, góp phần giúp Công ty phát triển nhanh chóng và nâng vị thế cạnh tranh với các công ty chứng khoán khác trên thị trường. Chi tiết các hoạt động như sau:

Môi giới chứng khoán

Việc nắm bắt những thay đổi trong thói quen tiêu dùng của khách hàng kể từ đại dịch Covid-19 càng cho thấy việc chuyển đổi số trong doanh nghiệp là cần thiết và cấp bách. Đáp ứng được với nhu cầu đó, DNSE đã tập trung chú trọng đầu tư nền tảng công nghệ, giúp cho nhà đầu tư: Giao dịch đơn giản hơn (sử dụng các lệnh điều kiện, công cụ cắt lỗ và cảnh báo tự động để giúp cho nhà đầu tư không bị chi phối bởi cảm xúc khi giao dịch). DNSE cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến hướng tới trải nghiệm cá nhân hóa của từng người dùng, sản phẩm đa dạng, đáp ứng được nhu cầu từ cá nhân tới tổ chức, từ nhà đầu tư chuyên nghiệp tới nhà đầu tư mới tham gia thị trường. Sản phẩm

của DNSE luôn được tối ưu và khách hàng luôn tiếp cận được dịch vụ, không bị gián đoạn; đáp ứng mong muốn của khách hàng, giúp khách hàng có thể tiếp cận dễ dàng, mọi lúc mọi nơi.

DNSE đã triển khai sản phẩm: Kết nối dịch vụ thu chi hộ tự động với các ngân hàng thông qua giải pháp tài khoản định danh chứng khoán (Virtual Account). Hiện tại DNSE đã kết nối dịch vụ thu chi hộ tự động cho 06 ngân hàng: VPBank, MBBank, VIB, Sacombank, BIDV, Việt Á để phục vụ các giao dịch nộp/rút tiền của khách hàng.

Là công ty tiên phong trong chính sách Miễn phí giao dịch và đầu tư phát triển khách hàng qua kênh đối tác, DNSE vẫn duy trì phong độ trong việc thu hút khách hàng nhờ việc liên tục triển khai kết nối với các đối tác lớn và phối hợp các chương trình ưu đãi, mở rộng phạm vi tiếp cận đối tượng khách hàng đa dạng so với trước đây. Trong năm 2024, DNSE chiếm 21,6% thị phần tài khoản chứng khoán mở mới trên toàn thị trường với 433.532 tài khoản, nâng tổng số tài khoản khách hàng lên 994.406, tương đương mức tăng trưởng 77,2% so với năm 2023. Bước sang năm 2025, ngay trong tháng 1, tổng số tài khoản chứng khoán của DNSE đã chính thức vượt mốc 1 triệu, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình tăng trưởng. Đà tăng trưởng này tiếp tục được duy trì trong những tháng tiếp theo, giúp DNSE giữ vững vị thế dẫn đầu về thị phần tài khoản mở mới 9 tháng đầu năm 2025 với 361.000 tài khoản, chiếm trên 20% số tài khoản mở mới toàn thị trường, nâng tổng số tài khoản lên hơn 1.300.000 vào thời điểm kết thúc Quý III/2025.



Từ năm 2024 DNSE đã ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào các sản phẩm từ giao dịch lệnh, tư vấn khuyến nghị để cá nhân hóa trải nghiệm người dùng, cũng như cung cấp thông tin kịp thời đến khách hàng. DNSE đang ngày càng tiến gần đến mục tiêu trở thành "Nền tảng chứng khoán thấu hiểu nhà đầu tư", chinh phục kỷ nguyên công nghệ bằng những sản phẩm số tiên phong, bắt kịp thế giới như Ensa AI Chat, Trading Ideas - Ý

tưởng đầu tư. Không chỉ vậy, DNSE là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam cung cấp khả năng giao dịch trực tiếp trên siêu biểu đồ với sản phẩm TradingView - nền tảng phân tích kỹ thuật hàng đầu thế giới, việc kết nối này đang mang lại lợi ích được sử dụng dữ liệu giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam miễn phí cho tập khách hàng nhà đầu tư bán chuyên và chuyên nghiệp. Những nỗ lực trên đã giúp DNSE nâng cao sự tin tưởng và tin nhiệm của khách hàng với minh chứng là tổng giá trị tài sản DNSE quản lý của khách hàng (AUM) tính đến 31/12/2024 ghi nhận là 38.854 tỷ, tăng 72% so với năm 2023 và số lượng chứng khoán quản lý đạt 1,7 tỷ cổ phiếu, tăng 36% so với năm 2023. Kết thúc 9 tháng đầu năm 2025, AUM tiếp tục tăng trưởng 48,1% và số lượng chứng khoán quản lý tăng 25,3% so với thời điểm cuối năm 2024, đạt giá trị lần lượt là 57.535 tỷ đồng và 2,13 tỷ cổ phiếu.

Bảng 7. Cơ cấu doanh thu hoạt động môi giới Công ty giai đoạn năm 2023, 2024, 09 tháng đầu năm 2025

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Doanh thu hoạt động Môi giới	71.853	150.485	284.729
- Phí giao dịch cơ sở	65.128	117.912	192.736
- Phái sinh	2.517	26.926	86.279
- Phí lưu ký, chuyển khoản chứng khoán	4.207	5.647	5.714
Giá trị giao dịch cơ sở	86.483.905	146.367.501	205.961.516
Giá trị giao dịch Hợp đồng phái sinh	58.214.616	821.219.256	2.590.774.402

(Nguồn: DNSE)

Doanh thu từ hoạt động môi giới của công ty chủ yếu xuất phát từ phí giao dịch chứng khoán cơ sở, với các con số ấn tượng là 65,1 tỷ đồng trong năm 2023, và 117,9 tỷ đồng trong năm 2024. Những con số này chiếm khoảng 80 - 90% tổng doanh thu từ môi giới chứng khoán của công ty. Trong khi đó, giá trị giao dịch cơ sở qua hệ thống của DNSE năm 2023 đạt 86,48 nghìn tỷ đồng, tăng 14,38% so với cùng kỳ năm trước, và tính cả năm 2024, con số này lên tới hơn 146 nghìn tỷ đồng. Dưới bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam diễn ra giao dịch sôi động nhất trong nhiều năm, khi thanh khoản liên tục duy trì mức cao, tính riêng 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu từ phí giao dịch cơ sở tiếp tục tăng trưởng 116% so với cùng kỳ, đạt giá trị 192,74 tỷ đồng.

Đối với sản phẩm giao dịch phái sinh, DNSE đã xây dựng hệ thống giao dịch phái sinh Future X với tính năng vượt trội như: Tỷ lệ ký quỹ phái sinh 18,48% thấp nhất thị trường, Nộp/ rút tiền cọc tối ưu - 24/7 và tốc độ lệnh nhanh nhất. Song song, DNSE cũng có những phần mềm tích hợp để quá trình giao dịch của Khách hàng tiện lợi hơn – AmiX,

tích hợp các tính năng như giao dịch tự động, dữ liệu lịch sử, và tin hiệu từ Telegram. Từ đó, DNSE đã lọt top 5 trong thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh tại thời điểm kết thúc Quý I/2024 và bứt tốc lên Top 2 thị phần vào Quý I/2025 với 16,72% thị phần. Kết thúc 30/09/2025, DNSE tiếp tục duy trì vị trí Top 2 thị phần giao dịch chứng khoán phái sinh lũy kế 9 tháng đầu năm với 23,67%.



Bên cạnh đó, nhằm thúc đẩy sự tham gia và tương tác của nhà đầu tư trong lĩnh vực chứng khoán phái sinh và tăng thị phần giao dịch, DNSE đã triển khai chương trình "Vô đài Phái sinh" trong năm 2024 với hơn 15.000 người tham gia, tổng giá trị giao dịch đạt 300 nghìn tỷ đồng. Tiếp nối thành công đó, "Olympic Chứng khoán 2025" được khai mạc với hai hạng mục bao gồm "Marathon Chứng khoán" dành cho nhà đầu tư trên thị trường cơ sở và "Lướt sóng Phái sinh" dành cho các nhà giao dịch trên thị trường phái sinh với tổng giá trị giải thưởng lên tới 638,5 triệu đồng.



Hoạt động tự doanh

Hoạt động tự doanh luôn được DNSE xem là một cầu phần quan trọng trong chiến lược phát triển tổng thể. Với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm và ưu tiên phát triển bền vững, DNSE tiếp cận mảng tự doanh theo hướng thận trọng, cân đối giữa lợi nhuận và quản trị rủi ro. DNSE đã thực hiện đa dạng hóa nguồn thu và giảm thiểu rủi ro thị trường trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, DNSE phân bổ nguồn lực hợp lý để tăng quy mô đầu tư các sản phẩm dài hạn, có lãi suất cố định như tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành. Tính đến cuối năm 2024, công ty đầu tư 1.380 tỷ đồng trái phiếu gồm VietinBank, BIDV. Các trái phiếu này có thể cầm cố lại ngân hàng khi cần dòng tiền.

Hoạt động tự doanh được DNSE xác định là một cấu phần quan trọng trong chiến lược phát triển tổng thể của công ty. Với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm và ưu tiên phát triển bền vững, DNSE tiếp cận mảng tự doanh theo hướng thận trọng, cân đối giữa mục tiêu lợi nhuận và quản trị rủi ro. Trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, công ty đã chủ động đa dạng hóa nguồn thu, giảm thiểu rủi ro bằng cách phân bổ nguồn lực hợp lý vào các sản phẩm đầu tư an toàn, dài hạn và có lãi suất cố định như tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành. Tính đến cuối năm 2024, DNSE sở hữu danh mục trái phiếu trị giá 1.380 tỷ đồng, chủ yếu đến từ các ngân hàng lớn như VietinBank và BIDV - đây là những tài sản có thể được cầm cố để đảm bảo tính thanh khoản khi cần thiết. Trong 9 tháng đầu năm 2025, hoạt động tự doanh đã mang lại gần 118 tỷ đồng lợi nhuận, đóng góp đáng kể vào tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và ghi nhận mức tăng trưởng hơn 3 lần so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này khẳng định hiệu quả của chiến lược đầu tư an toàn nhưng linh hoạt mà công ty đã triển khai.

Định hướng trong những năm tới, DNSE tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động tự doanh, chủ động nắm bắt cơ hội thị trường nhưng vẫn đảm bảo rủi ro nằm trong phạm vi kiểm soát. Công ty tập trung xây dựng danh mục đầu tư có tính an toàn và thanh khoản cao, ưu tiên các sản phẩm có triển vọng tăng trưởng dài hạn, đồng thời giữ vững sự ổn định tài chính. Bên cạnh đó, DNSE đặt trọng tâm vào việc duy trì sự ổn định tài chính thay vì coi đây là kênh tạo lợi nhuận ngắn hạn.

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Mảng kinh doanh nguồn vốn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc quản trị, phân bổ và tối ưu hóa dòng vốn của DNSE cho các hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ. Phạm vi nguồn vốn quản lý bao gồm nguồn vốn chủ sở hữu, tín dụng ngân hàng, phát hành trái phiếu và nguồn vốn huy động khác. Việc duy trì, mở rộng, điều phối nguồn vốn hiệu quả đã giúp DNSE giữ vững đà tăng trưởng trong năm trong các năm qua.

Bộ phận Nguồn vốn đã thực hiện mở rộng quan hệ tín dụng với các Ngân hàng trong nước, tiến tới phát triển quan hệ tín dụng với các Ngân hàng quốc tế với mục tiêu đa dạng hóa nguồn vốn huy động bằng cả nội tệ và ngoại tệ. Nguồn vốn được điều phối hiệu quả, đáp ứng kịp thời, đầy đủ, với chi phí hợp lý cho các hoạt động kinh doanh của công ty. Đáng chú ý, từ năm 2023, DNSE đã nhận được hạn mức tín dụng nước ngoài đầu tiên từ nhóm định chế tài chính Đài Loan, qua đó nâng cao xếp hạng tín nhiệm của DNSE trên thị trường vốn quốc tế. Trong năm 2024, DNSE tiếp tục mở rộng hợp tác sâu rộng với hơn 10 ngân hàng và tổ chức tín dụng mới, bao gồm các ngân hàng quốc doanh, ngân hàng nước ngoài, và các ngân hàng thương mại cổ phần, nâng tổng hạn mức tín dụng lên hơn 13.000 tỷ đồng với đa dạng hình thức cấp tín dụng. Đây cũng là chiến lược để công ty có thể tiếp cận các nguồn vốn mới với lãi suất hợp lý, từ đó cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đa dạng, có chi phí cạnh tranh so với thị trường.

Một hoạt động rất quan trọng nữa của bộ phận Nguồn vốn là hoạt động cho vay ký quỹ. Mặc dù cũng bị cạnh tranh trong môi trường lãi suất thấp của các công ty chứng khoán nước ngoài và cũng từ các công ty chứng khoán gốc Việt đã thành lập và phát triển mạnh mẽ trên thị trường nhưng hoạt động cho vay ký quỹ vẫn giữ được tăng trưởng quy mô. Sản phẩm giao dịch ký quỹ được xây dựng dựa trên hệ thống quy chế, quy trình và các tiêu chí được cập nhật định kỳ, thường xuyên, đảm bảo tuân thủ các quy định của UBCKNN. Hoạt động cho vay ký quỹ hoàn toàn nằm trong phạm vi kiểm soát rủi ro chặt chẽ nhờ sự phối hợp kiểm tra kiểm soát nhiều vòng của các bộ phận Sản phẩm tài chính, Quản trị rủi ro, Kế toán kiểm soát và sự rà soát định kỳ của bộ phận

Kiểm soát nội bộ. Danh mục giao dịch ký quỹ luôn được quản lý và theo dõi chặt chẽ phù hợp với diễn biến của thị trường.



Sự tăng trưởng mạnh mẽ đến từ việc mở rộng nguồn vốn chủ sở hữu, xây dựng hệ thống sản phẩm hiệu quả, hấp dẫn và cách áp dụng công nghệ trong việc tối ưu hóa trải nghiệm của khách hàng giao dịch tại DNSE. Tăng trưởng cho vay giao dịch ký quỹ luôn là một trong những mục tiêu phát triển của DNSE xuyên suốt các thời kỳ.

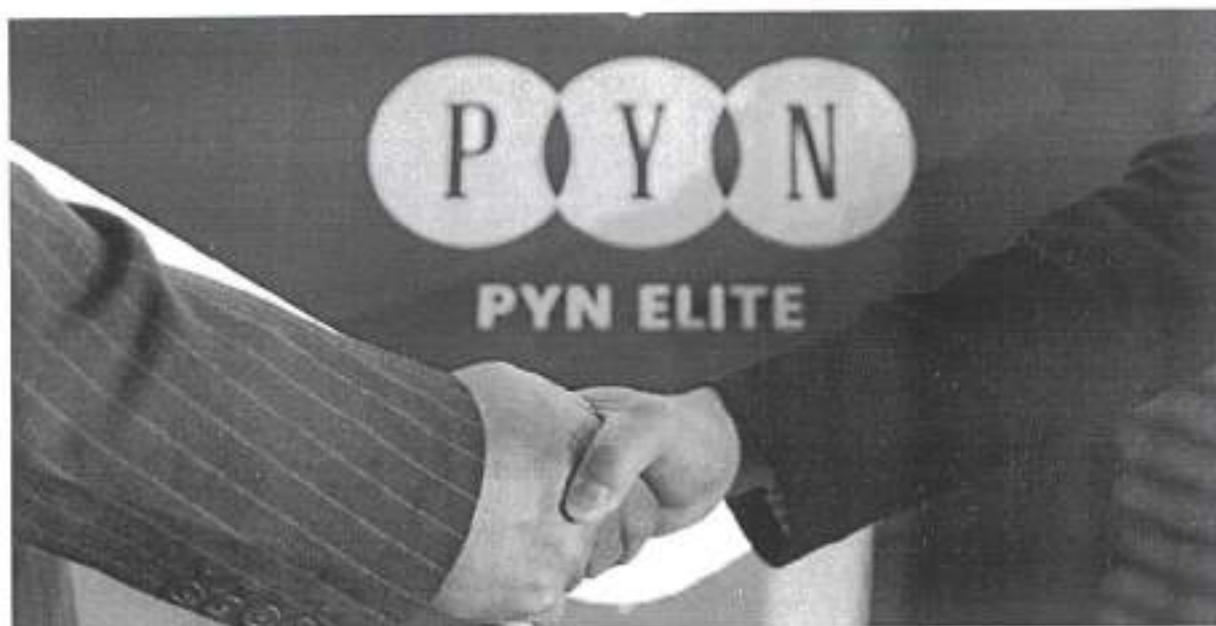
Hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư

Với vai trò là một định chế tài chính trung gian kết nối và tạo dòng chảy vốn xuyên suốt trên thị trường, DNSE tham gia thực hiện các nghiệp vụ tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu cho một số doanh nghiệp niêm yết để giải quyết các về vốn, thanh khoản, các kênh đầu tư nhằm tối ưu nguồn vốn và dòng tiền.

Trong điều kiện thị trường vốn Việt Nam trong năm 2024 có sự dịch chuyển theo hướng ngày càng cân đối, hài hòa và bền vững hơn, song còn tiềm ẩn nhiều thách thức. Cụ thể, với ảnh hưởng của tỷ giá đô la Mỹ/tiền đồng tăng mạnh khoảng 5% buộc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải can thiệp dẫn tới áp lực tâm lý lên thị trường, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 90.311 tỷ đồng trên sàn HoSE, tương đương hơn 3,55 tỷ USD. Nếu tính toán thị trường chứng khoán, con số sẽ vượt 93.000 tỷ đồng. Năm 2024, DNSE vẫn nỗ lực hoàn thành các thương vụ thu xếp vốn thành công, tiêu biểu như:

- Hoàn tất thương vụ mua bán cổ phần cho Pyn Elite Fund, quỹ ngoại từ Phần Lan với tỷ lệ sở hữu tại 30/09/2025 là 10,24% cổ phần của DNSE. Đây là một trong rất ít thương vụ mua bán cổ phần có giá trị lớn thành công từ năm 2023 trở lại đây.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



Hoàn tất thương vụ IPO của DNSE vào tháng 2/2024, huy động 900 tỷ đồng với hơn 600 nhà đầu tư trở thành cổ đông của DNSE, vinh dự trở thành công ty đứng sau Thương vụ IPO duy nhất của Việt Nam trên thị trường vốn Đông Nam Á năm 2024. Đặc biệt DNSE là đơn vị đầu tiên thực hiện IPO dưới hình thức trực tuyến (online) 100%. Điều này mang đến sự minh bạch và tiện lợi tối đa cho khách hàng khi mọi thông tin, số liệu về doanh nghiệp, thông tin chào bán cổ phiếu và các bước đăng ký, nộp cọc... đều được hiển thị và thực hiện online 100%. Sự kiện này đánh dấu một bước tiến quan trọng trên hành trình phát triển của DNSE, giúp DNSE nâng tầm vị thế với nguồn vốn vững mạnh, đồng thời một lần nữa thể hiện những nỗ lực dẫn đầu cải tiến công nghệ nhằm đơn giản hóa hoạt động đầu tư cho Khách hàng.



Niềm yết cổ phiếu của CTCP Chứng khoán DNSE thành công trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tại ngày 01/07/2024 với mã cổ phiếu DSE – chính thức đưa 330 triệu cổ phiếu vào giao dịch. Với sự kiện này, DNSE đã hiện thực hóa bước đi chiến lược trong việc tăng quy mô doanh nghiệp, đồng thời cũng mở ra cơ hội huy động vốn nhanh chóng, hiệu quả từ các nhà đầu tư lớn trong nước và quốc tế, tăng cường sự minh bạch, uy tín, từ đó thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

- Tư vấn và triển khai thành công thương vụ bán vốn cho Quỹ Consilium (Mỹ) – là quỹ đầu tư tập trung vào các thị trường biên và thị trường mới nổi với những thành tích và chỉ số vượt trội sau nhiều thập kỷ hoạt động tích cực để hiện thực hóa các cơ hội. Đến 30/09/2025, tỷ lệ sở hữu cổ phần DSE của Quỹ Consilium là 1,45%.
- Về nghiệp vụ thị trường Nợ, năm 2023 là một trong những năm ám đám nhất của thị trường nợ do ảnh hưởng của những khó khăn của thị trường trái phiếu từ Quý 4/2022. Tỷ lệ các tổ chức phát hành chậm trả lãi hoặc thậm chí không thể trả lãi là rất cao, dẫn tới niềm tin của các nhà đầu tư trên thị trường này giảm sút nghiêm trọng. Các thương vụ phát hành trái phiếu mới trên thị trường hầu hết là các thương vụ để trả nợ gốc cho các khoản đã đáo hạn trong năm. Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư DNSE chủ yếu tư vấn và đưa ra các giải pháp để có các nguồn vốn tạm thời, ngắn hạn cho các khách hàng, hạn chế các hoạt động phát hành trái phiếu do điều kiện thị trường không thuận lợi. Năm 2024 đánh dấu sự phục hồi của thị trường nợ, hoạt động phát hành trái phiếu cải thiện và ngân hàng vẫn chiếm tỷ trọng lớn đối với hoạt động phát hành. Cả năm toàn thị trường trái phiếu có 429 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 410,5 nghìn tỷ đồng và 22 đợt phát hành ra công chúng trị giá gần 33 nghìn tỷ đồng. Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp lên tới hơn 443 nghìn tỷ đồng. Về cơ cấu nhóm ngành, nhóm ngân hàng chiếm tỷ trọng lên đến 69%, tiếp đến là nhóm bất động sản với 20%, trong khi nhiều nhóm ngành suy giảm. Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư DNSE năm qua đã thực hiện tư vấn chiến lược và đạt được chấp thuận về việc chào bán 2 đợt Trái phiếu với giá trị lên đến 1.400 tỷ đồng, cụ thể:
 - Tư vấn chiến lược và triển khai phát hành thành công 100 tỷ trái phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital.
 - Chào bán thành công 300 tỷ đồng trái phiếu DNSE ra công chúng kết thúc ngày 15/01/2025 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 232/GCN-UBCK ngày 13/12/2024;



- Chào bán thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu DNSE ra công chúng kết thúc ngày 27/10/2025 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 340/GCN-UBCK ngày 02/10/2025.

Về nghiệp vụ mua bán sáp nhập doanh nghiệp ("M&A"), từ năm 2023, các thương vụ mua bán sáp nhập gần như đóng băng do rất nhiều yếu tố, đặc biệt là "sự phòng thủ"

của các nhà đầu tư nước ngoài. Mặc dù nhu cầu tìm nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của các doanh nghiệp trong nước vẫn tăng cao, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn của thị trường tín dụng nhưng hầu hết các thương vụ vẫn chưa gặp được người mua. Năm 2024, thị trường mua bán và sáp nhập (M&A) tại Việt Nam chứng kiến 1 năm giao dịch sôi động hơn 2023. Các thương vụ M&A không chỉ ở các tập đoàn lớn quốc tế mà còn có sự tham gia của các doanh nghiệp trong nước. Tổng giá trị các thương vụ M&A tại Việt Nam trong năm 2024 đạt hơn 2,5 tỷ USD, tăng 18% so với năm 2023. Trong đó, 88% giá trị giao dịch đến từ ngành bất động sản, tiêu dùng thiết yếu, công nghiệp, đặc biệt nhiều dự án lớn ở các lĩnh vực bán dẫn, năng lượng như sản xuất pin, tế bào quang điện, thanh silic, sản xuất linh kiện...được đầu tư mới hoặc mở rộng vốn. Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư DNSE hiện đang đẩy mạnh tư vấn hoạt động M&A cho một số doanh nghiệp trong các lĩnh vực Fintech (Công nghệ tài chính), Nông nghiệp – Hàng tiêu dùng, Giáo dục, Năng lượng mới, Dược phẩm, Giải trí...

Ngoài ra, DNSE tiếp tục khẳng định uy tín khi trở thành đại lý phân phối phụ cổ phiếu trong đợt IPO của CTCP Chứng khoán Kỹ Thương ("TCBS"). Đáng chú ý, toàn bộ quá trình đăng ký và phân phối được DNSE triển khai 100% trực tuyến, giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận và tham gia mà không cần thủ tục phức tạp. Đây là bước đi cho thấy về thể mạnh công nghệ cũng như định hướng số hóa mạnh mẽ của DNSE trong việc đưa các sản phẩm đầu tư đến gần hơn với khách hàng. Với kết quả phân phối ấn tượng, DNSE trở thành một trong những đơn vị phân phối cổ phiếu của TCBS nhiều nhất trên thị trường. Sự kiện này không chỉ minh chứng cho khả năng triển khai các thương vụ của DNSE, mà còn mở ra cơ hội hợp tác, thu hút thêm nhiều nhà đầu tư tham gia thị trường vốn Việt Nam thông qua nền tảng trực tuyến hiện đại. Đồng thời, DNSE đang tiếp tục tham gia phân phối với tư cách đại lý phân phối phụ cổ phiếu IPO của CTCP Chứng khoán VPS và CTCP Chứng khoán VPBank, thể hiện nỗ lực không ngừng trong việc góp phần thúc đẩy sự phát triển và minh bạch của thị trường chứng khoán Việt Nam.



Áp dụng công nghệ

Thấu hiểu những rào cản tâm lý của nhà đầu tư Việt Nam khi gia nhập thị trường chứng khoán luôn e ngại sự phức tạp, khó khăn, DNSE đơn giản hóa việc đầu tư bằng chính nền tảng giao dịch của mình - Entrade X, được định hướng là nền tảng xây dựng thuận tiện và đơn giản hóa cho cho nhà đầu tư, với sự đầu tư về hệ thống, dữ liệu, tính năng độc bản, nhằm mục tiêu mang đến một nền tảng giao dịch có tốc độ vượt trội trên thị trường. Một số sản phẩm nổi bật bao gồm:

- Năm 2023, DNSE đã triển khai rộng rãi mô hình quản trị giao dịch thông minh (Margin Deal) đến toàn bộ khách hàng trên nền tảng chứng khoán - ứng dụng Entrade X. Sản phẩm Quản trị giao dịch thông minh Margin Deal (Quản trị giao dịch ký quỹ theo từng mã chứng khoán): áp dụng với sản phẩm giao dịch chứng khoán cơ sở với phương thức quản lý gói vay theo từng mã chứng khoán. Thông qua Margin Deal, DNSE minh bạch hóa toàn bộ chi phí phát sinh trong từng giao dịch cổ phiếu, dễ dàng phân tích hiệu quả đầu tư theo từng lần giao dịch. Khách hàng được quyền lựa chọn các sản phẩm về vay ký quỹ bao gồm tỷ lệ vay, phí giao dịch, lãi suất cho từng mã chứng khoán mà không cần chuyển đổi giữa các tiểu khoản để giao dịch. DNSE cũng triển khai tính năng quản trị rủi ro, thường gọi là Call Margin, hoàn toàn tự động theo biến động của thị trường, qua đó giúp cho khách hàng quản trị rủi ro trên từng lần giao dịch hay còn gọi là Deal, thay vì trên cả danh mục như hệ thống của các công ty khác. Việc bán giải chấp, thường gọi là Force Sell được tự động cảnh báo ngay lập tức trong phiên, từ đó cũng được minh bạch hoá, giảm thiểu rủi ro cho khách hàng.
- Sản phẩm giao dịch phái sinh Future X: DNSE chính thức bắt đầu vận hành sản phẩm phái sinh từ ngày 17/03/2023, được DNSE chú trọng đến yếu tố tốc độ, những tính năng cải thiện giao dịch bằng thuật toán, các công cụ lọc tin hiệu.... nhằm giảm thiểu tối đa chi phí cơ hội, yếu tố quan trọng làm nên thành công trong giao dịch phái sinh. Đặc biệt, với đặc điểm giao dịch an toàn, khớp lệnh trong ngày, thị trường chứng khoán Phái sinh đang ngày càng thu hút được nhiều sự quan tâm hơn của nhà đầu tư trong nước cũng như quốc tế.



- Năm bắt được xu hướng chuyển dịch sang đầu tư Phái sinh, DNSE đã mang công nghệ giao dịch phái sinh Future X đến khách hàng với những ưu điểm cạnh tranh:

- ✓ Tỷ lệ cọc cạnh tranh
- ✓ Tốc độ mạng hạ tầng nhanh
- ✓ Hạ tầng phần cứng xây dựng tối ưu tốc độ giao dịch
- ✓ Phần mềm giao dịch có độ trễ thấp
- ✓ Nạp rút tiền 24/7
- ✓ Giao dịch cơ sở & phái sinh trên cùng tiểu khoản
- ✓ Quản trị theo Deal
- ✓ Tính năng cài đặt chốt lời/cắt lỗ

DNSE tập trung phát triển các công cụ hỗ trợ giao dịch thông minh như lệnh AI, hệ thống Trading Ideas với các khuyến nghị đầu tư tự động, cùng các công cụ cung cấp thông tin giao dịch nhanh như bot AI Ensa và Senses. Cụ thể, cuối năm 2023 DNSE đã ra mắt sản phẩm dưới tên gọi Trợ lý ảo Ensa. Ứng dụng AI (Artificial Intelligence – Trí tuệ nhân tạo) với mô hình ngôn ngữ lớn, kết hợp công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực xử lý ngôn ngữ tự nhiên với dữ liệu và tin tức chuyên ngành tài chính – chứng khoán, Ensa có khả năng trả lời nhiều câu hỏi phức tạp của nhà đầu tư, tư vấn cho họ trong quá trình tìm kiếm ý tưởng đầu tư theo nhiều trường phái khác nhau. Không ngừng đổi mới và nâng cấp, trợ lý ảo Ensa phiên bản 2.0 là một bước đột phá trong việc ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo mới nhất, tích hợp toàn diện công nghệ mới nhất - Trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Khác biệt căn bản so với phiên bản trước, Ensa 2.0 được xây dựng trên nền tảng kiến trúc đa tác tử tiên tiến. Hệ thống bao gồm nhiều “trợ lý ảo AI” chuyên biệt, cùng phối hợp tạo nên một hệ sinh thái trí tuệ đồng bộ. Trong năm 2024, Ensa được đánh giá cao từ phía chuyên môn và đông đảo khách hàng đón nhận. Ensa đã được vinh danh “Giải pháp AI đột phá lĩnh vực tài chính” tại AI Awards 2024 do Bộ Khoa học Công nghệ trao tặng và đã thu hút được hơn 30 nghìn nhà đầu tư đặt gần 390 nghìn câu hỏi.



Song song đó, DNSE chú trọng vào việc phát triển và nâng cấp các công cụ giao dịch tự động hiện đại như tích hợp TradingView – nền tảng phân tích kỹ thuật hàng đầu thế giới. Sự hợp tác này mang đến cho nhà đầu tư DNSE trải nghiệm giao dịch đột phá, cho phép đặt lệnh trực tiếp trên siêu biểu đồ và tiếp cận dữ liệu thị trường chứng khoán Việt Nam một cách nhanh chóng, chính xác. Trong năm 2024, DNSE tự hào được nền tảng TradingView vinh danh là The Best Broker khu vực Đông Nam Á với số phiếu bầu chọn vượt trội từ chính những người dùng hiện hữu trên nền tảng.



Cuối năm 2024, DNSE chính thức ra mắt Bảng giá Gen-Z với tham vọng định hình lại tiêu chuẩn bảng giá chứng khoán tại Việt Nam. Được thiết kế để mang đến trải nghiệm tối ưu không chỉ cho khách hàng DNSE mà còn cho mọi nhà đầu tư, mọi lứa tuổi. Dựa trên nghiên cứu chuyên sâu về hành vi người dùng và nhu cầu thị trường, Bảng giá Gen-Z liên tục được cập nhật với các tính năng hiện đại, giúp nhà đầu tư tiếp cận thông tin nhanh chóng, chính xác và toàn diện. Đây không chỉ là một cải tiến công nghệ mà còn là bước đi chiến lược của DNSE trong hành trình số hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, khẳng định vị thế tiên phong trên thị trường chứng khoán.

Đáng chú ý, với sự kiện hệ thống KRX chính thức vận hành từ ngày 05/05/2025, DNSE cũng đã hoàn tất chuyển đổi thành công sang hệ thống giao dịch mới sau thời gian chuẩn bị kỹ lưỡng. Đây là bước tiến lớn trong công cuộc hiện đại hóa thị trường chứng khoán Việt Nam và cũng là dấu mốc công nghệ quan trọng với DNSE.



DNSE không chỉ tiên phong số hóa sản phẩm chứng khoán mà còn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quản trị và vận hành, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao năng suất. Công ty đã phát triển và triển khai các hệ thống hiện đại như CRM (Hệ thống quản trị khách hàng - Customer Relationship Management), ERP (Hệ thống quản trị doanh nghiệp - Enterprise Resource Planning) trên nền tảng Odoo, kho dữ liệu - Hệ thống Datawarehouse và trí tuệ doanh nghiệp (BI-Business Intelligence) giúp tự động hóa quy trình kinh doanh, phân tích dữ liệu chuyên sâu và hỗ trợ ra quyết định chiến lược nhanh chóng. DNSE đầu tư phát triển các phần mềm nội bộ nhằm quản lý toàn diện hoạt động doanh nghiệp, từ quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo trực tuyến (E-learning), khảo sát, thanh toán, đến tự động hóa các tác vụ tài chính, kế toán và báo cáo. Các phòng ban như Chăm sóc khách hàng, Nhân sự cũng ứng dụng các nền tảng tiên tiến như Snowplow, Chatwoot, Hubspot, CRM ErpNext, giúp tối ưu hiệu suất, giảm chi phí vận hành và nâng cao trải nghiệm người dùng.

Những giải pháp công nghệ tiên tiến này không chỉ góp phần nâng cao trải nghiệm giao dịch mà còn cung cấp cho nhà đầu tư bộ công cụ toàn diện để nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược giao dịch thông minh và tối ưu hóa hiệu suất đầu tư trong mọi điều kiện thị trường. Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng lớn của công ty, DNSE tiếp tục tìm kiếm nhân tài đồng hành và đã thu hút hơn 80 nhân sự chất lượng cao; trong đó đội ngũ Công nghệ chiếm hơn 40% số lượng nhân sự được tuyển mới trong năm 2024 và tiếp tục tăng trưởng trong năm 2025.

Hệ thống bảo mật thông tin đa tầng

Ngay từ ngày đầu hoạt động DNSE đã chú trọng đến việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ theo các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế. Tất cả các hệ thống phần cứng và phần mềm đều có cơ chế dự phòng nóng và có thể tự động chuyển đổi trong trường hợp phát sinh sự cố để đảm bảo tính liên tục, không gián đoạn đối với người sử dụng. Vấn đề an toàn an ninh mạng và hệ thống bảo mật luôn được định kỳ kiểm tra với những đối tác, chuyên gia hàng đầu để kịp thời phát hiện, rà soát và chỉnh sửa để giảm thiểu các rủi ro hệ thống.

Đối với đảm bảo hệ thống giao dịch, Công ty đã thực hiện các biện pháp tăng cường bảo mật, dự phòng và liên tục cập nhật để đảm bảo an toàn cho hệ thống giao dịch của khách hàng.

✓ Trong quý I/2024, DNSE đã làm việc với đối tác – eSentire (công ty bảo mật hàng đầu, có trụ sở tại Canada, chuyên cung cấp giải pháp Trung tâm Vận hành An ninh thông tin (SOC) cho các Tổ chức Tài chính lớn trên thế giới) để quản trị và nâng cao bảo mật cho toàn bộ hệ thống của công ty.

✓ DNSE thực hiện bảo mật 2 lớp cho các nhà đầu tư, đồng thời bảo mật cho hệ thống dữ liệu của DNSE đặt tại trung tâm dữ liệu của FPT và xây dựng nền tảng sao lưu dữ liệu. Trong trường hợp có đối tượng tấn công hay gây rủi ro, dữ liệu sẽ luôn được dự phòng thường xuyên, không chỉ dự phòng tại một địa điểm mà còn dự phòng trên Amazon và tại Việt Nam, cùng với hạ tầng dự phòng ổn định để đưa ra phiên bản không thể sửa đổi hay tác động đến. DNSE nhận biết được tầm quan trọng của việc quản lý tiền, đảm bảo thanh toán cho các nhà đầu tư là yếu tố đặc biệt quan trọng (đặc biệt khi DNSE có cung cấp dịch vụ giao dịch tiền 24/7), cùng với việc bảo toàn dữ liệu phục vụ cho các dịch vụ trí tuệ nhân tạo để luôn có phương án dự phòng bảo toàn dữ liệu cho công ty và khách hàng ngay cả với các tình huống bị tấn công.

✓ Về quy trình: DNSE có quy trình kịch bản và thực hiện diễn tập xử lý sự cố hàng tháng và hàng quý, đảm bảo đội ngũ vận hành DNSE thực hiện tốt khi có trường hợp có sự cố xảy ra.

Đặc biệt, Công ty luôn chú trọng, tập trung đảm bảo an toàn thông tin của hệ thống giao dịch cũng như thông tin mạng cho hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý và đề ra các giải pháp về xử lý các sự cố liên quan đến an toàn thông tin. Việc triển khai các nhiệm vụ liên quan theo Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường đảm bảo hệ thống thông tin theo cấp độ và Công văn số 454/CATT-ATHTTT ngày 27/03/2024 của Cục An toàn thông tin về việc hoàn thành tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với hệ thống thông tin đã được Công ty tuân thủ thực hiện. Các hoạt động để đảm bảo an toàn hệ thống công nghệ, hệ thống giao dịch và an toàn thông tin được Công ty thực hiện cụ thể như sau:

✓ Công ty đã định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý. Kết quả các lần kiểm tra DNSE chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào. Công ty sẽ tiếp tục đề cao cảnh giác và tăng cường theo dõi hệ thống để kịp thời đối phó với trường hợp có dấu hiệu bất thường xảy ra (nếu có).

✓ Về việc tổ chức triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ: Công ty đã thực hiện thống kê, phân loại các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của DNSE xây dựng kế hoạch triển khai hoàn thành quy định đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ. Kế hoạch đảm bảo 100% hệ thống thông tin đang vận hành được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin trong tháng 9/2024, và triển khai đầy đủ phương án đảm bảo an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phân loại trong tháng 12/2024.

✓ Về tổ chức thực thi công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp, Công ty đã và đang triển khai thường xuyên liên tục tại 3 lớp an toàn thông tin (lớp 1, lớp 2 và lớp 3), và lên kế hoạch triển khai lớp 4 như sau:

Lớp 1: Lực lượng tại chỗ bao gồm các nhân sự chuyên trách an toàn thông tin mạng (bao gồm cả chuyên gia thuê ngoài);

Lớp 2: Tổ chức giám sát và bảo vệ hệ thống chuyên nghiệp thông qua Crowdstrike, eSentire cùng với AVTech. Công ty luôn luôn chú trọng việc nâng cao năng lực của lớp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp;

Lớp 3: Tổ chức doanh nghiệp độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ thông qua hình thức Pentest hợp tác với CMC / Viettel Security / VNG;

Lớp 4: Trong thời gian tới, DNSE sẽ tiến hành kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ thông tin và truyền thông nhằm đảm bảo an toàn thông tin tối đa cho khách hàng, hệ thống và Công ty.

✓ Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố đối với hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT ngày 12/07/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc.

✓ Đã và đang triển khai phương án sao lưu định kỳ hệ thống và dữ liệu quan trọng để kịp thời khôi phục khi bị tấn công mã hóa dữ liệu theo quy định pháp luật, và Quy trình sao lưu dự phòng, phục hồi dữ liệu.

✓ Tham gia mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/03/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

✓ Triển khai các nhiệm vụ theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Việt Nam; và có kế hoạch triển khai tiếp các nhiệm vụ theo chỉ thị này, Công ty cũng thực hiện định kỳ sẵn sàng mối nguy hại để phát hiện kịp thời các dấu hiệu hệ thống bị xâm nhập, đến nay Công ty chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào.

✓ Tổ chức kiểm tra, cập nhật các bản và an toàn thông tin cho các hệ thống quan trọng theo cảnh báo của Cục An toàn thông tin và các cơ quan, tổ chức liên quan.

10.1.2 Tình thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Với đặc thù của thị trường chứng khoán, hoạt động kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ. Nhiều yếu tố ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán và theo đó tác động đến hoạt động của Công ty như các yếu tố kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, tình hình chính trị - xã hội, chính sách tài khóa và tiền tệ của chính phủ, kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tâm lý nhà đầu tư.

10.1.3 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

a. Cơ cấu Doanh thu theo hoạt động kinh doanh chính của Công ty

**Bảng 8. Cơ cấu doanh thu hoạt động công ty giai đoạn
năm 2023 – 9 tháng đầu năm 2025**

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trường cùng kỳ	9T/2025
1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi, lỗ (FVTPL)	157.859	47.868	-69,7%	118.433
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	135.169	48.600	-64,0%	78.884
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	306	-8	-102,6%	29.247
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	22.385	-724	-103,2%	10.301
2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	195.976	245.032	25,0%	213.698
3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	296.224	360.548	26,0%	399.945
4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	67.645	144.839	114,1%	279.015
5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	100	-	N/A	-
6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	559	683	22,2%	482
7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	4.207	5.647	34,2%	5.714

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng cùng kỳ	9T/2025
8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	200	-	N/A	-
9. Thu nhập hoạt động khác	1.743	2.796	60,4%	5.801
Cộng doanh thu hoạt động	714.514	807.412	13,0%	1.023.088
1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	0,896	600	66.861%	-
2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	3.457	4.944	43,0%	5.264
3. Doanh thu khác về đầu tư	2.982	22	-99,3%	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	6.440	5.566	-13,6%	5.264
III TỔNG DOANH THU	720.954	812.978	12,8%	1.028.352

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

Trong năm 2024, DNSE tiếp tục tốc độ tăng trưởng vượt bậc với tổng doanh thu hoạt động đạt 807 tỷ đồng, tăng 13,0% so với cùng kỳ. Để đạt được kết quả kinh doanh năm 2024, công ty tiếp tục phát triển tệp khách hàng, với tổng số lượng khách hàng đạt 994.406 (tăng 77,1% so với cùng kỳ) và tổng NAV khách hàng đạt 38.854.100 triệu đồng (tăng 64,1% so với cùng kỳ).

Trong cơ cấu tổng doanh thu của DNSE, ba lĩnh vực chính bao gồm Lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận thông qua lãi, lỗ (FVTPL); Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM); và Lãi từ các khoản cho vay và phải thu - luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong doanh thu của Công ty.

Đối với doanh thu từ các tài sản tài chính được ghi nhận thông qua lãi, lỗ (FVTPL): đây là lĩnh vực hoạt động đầu tư tài chính, bao gồm cổ phiếu niêm yết/chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu nhằm tạo thu nhập cho công ty. Trong năm 2024, DNSE đã ghi nhận doanh thu 47,8 tỷ đồng từ hoạt động này. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu lĩnh vực này ghi nhận tăng trưởng vượt trội khi tăng 232,22% so với cùng kỳ năm trước và đạt giá trị 118,43 tỷ đồng.

Đối với doanh thu từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM), DNSE chủ yếu đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng uy tín trên thị trường. Kết thúc năm 2024, lĩnh vực này đem đến 245 tỷ đồng doanh thu cho DNSE, tăng 25% so với năm 2023. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, DNSE ghi nhận mức tăng 25% so với kết quả quý III năm 2024, với doanh thu đạt 213,7 tỷ đồng.

Doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu là lĩnh vực cho vay kỳ quỹ và ứng trước tiền bán của DNSE, đạt 360,5 tỷ đồng năm 2024, tăng 26% so với 2023. Trong năm

2024 công ty tiếp tục triển khai hiệu quả các gói cho vay ký quỹ phù hợp với điều kiện thị trường, từ đó thu hút được khách hàng sử dụng sản phẩm và gia tăng lợi nhuận đến từ hoạt động kinh doanh. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu lĩnh vực này đạt 399,95 tỷ đồng, tăng 56,7% so với cùng kỳ năm trước.

**Bảng 9. Tổng hợp cơ cấu doanh thu hoạt động công ty giai đoạn
năm 2023 – 9 tháng đầu năm 2025**

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Tăng trưởng cùng kỳ	9T/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu hoạt động:							
Môi giới – Lưu ký chứng khoán	71.853	10,0%	150.486	18,5%	109,4%	284.729	27,7%
Tự doanh	157.859	21,9%	47.868	5,9%	-69,7%	118.433	11,5%
Kinh doanh nguồn vốn	488.640	67,8%	611.146	75,2%	25,1%	618.907	60,2%
Ngân hàng Đầu tư	859	0,1%	683	0,1%	-20,5%	482	0,0%
Khác	1.743	0,2%	2.796	0,3%	60,4%	5.802	0,6%
Tổng doanh thu	720.954	100%	812.979	100%	104,7%	1.028.352	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

Phân tích cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh, trong năm 2024, doanh thu từ hoạt động môi giới đạt hơn 150 tỷ đồng, tăng trưởng 109,4% so với cùng kỳ. Do ảnh hưởng từ định hướng kinh doanh “freemium” miễn phí giao dịch cho khách hàng giao dịch tại DNSE, doanh thu của hoạt động môi giới có xu hướng giảm dần từ năm 2022 trước khi có phục hồi tương đối vào năm 2024, tuy nhiên định hướng hoạt động này hoàn toàn phù hợp với định hướng của Công ty khi gián tiếp thúc đẩy doanh thu của các hoạt động khác đặc biệt là hoạt động kinh doanh nguồn vốn thông qua việc tăng trưởng lớn về số lượng tài khoản mở mới của khách hàng. Trong 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu hoạt động này đã đạt 285 tỷ và chiếm 27,7% tỷ trọng tổng doanh thu.

Năm 2024, DNSE mở mới được 433,5 nghìn tài khoản, tương đương 1,2 nghìn tài khoản mới mỗi ngày. Tính riêng 9 tháng đầu năm 2025, DNSE đã có 361 nghìn tài khoản mở mới. Việc tăng trưởng số lượng tài khoản tương ứng với cung cấp được nhiều dịch vụ hơn cho khách hàng, đặc biệt dịch vụ cho vay ký quỹ, là nguyên nhân lớn nhất dẫn đến việc tăng trưởng mạnh mẽ trong doanh thu của hoạt động kinh doanh nguồn vốn lần lượt đạt 488 tỷ (2023) và 611 tỷ năm 2024, tăng 25,1% so với năm 2023.

Đây là hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty, lần lượt là 68%, 75% và 60% trong năm 2023, 2024 và 9 tháng đầu năm 2025.

Hoạt động tự doanh của Công ty cũng là hoạt động phụ thuộc vào biến động của thị trường chứng khoán. Đến năm 2023, sau khi thị trường đã đi vào ổn định và hồi phục dần, doanh thu của hoạt động tự doanh đã đạt 157,8 tỷ, tăng 743% so với cùng kỳ, chiếm 22% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu và đạt gần 47,8 tỷ với 5,9% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu tại thời điểm kết thúc năm 2024. Trong 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu hoạt động này đạt 118,4 tỷ đồng, chiếm khoảng 11,5% trong tỷ trọng tổng doanh thu. Điều này thể hiện sự linh hoạt, quyết đoán, hiệu quả của đội ngũ lãnh đạo trong vận hành và tối ưu hoá lợi nhuận của Công ty.

Hoạt động ngân hàng đầu tư trong năm 2023, 2024 chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực của thị trường trái phiếu và biến động của thị trường chứng khoán dẫn tới việc ghi nhận doanh thu của hoạt động ngân hàng đầu tư có sụt giảm trong năm 2024. Tuy nhiên, việc xin được chấp thuận của UBCKNN và chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) cho Công ty, huy động hơn 900 tỷ đồng vào cuối năm 2023, đầu năm 2024 cũng như tư vấn và triển khai thành công thương vụ mua bán cổ phần với Quỹ Pyn Elite Fund - Quỹ ngoại từ Phần Lan và phát hành thành công 300 tỷ trái phiếu ra công chúng cuối năm 2024 đã tạo dấu ấn lớn, làm tiền đề cho kết quả tích cực của hoạt động này trong các năm tiếp theo.

b. Cơ cấu lợi nhuận theo các hoạt động kinh doanh chính của Công ty

**Bảng 10. Cơ cấu lợi nhuận hoạt động công ty
giai đoạn 2023, 2024, 9 tháng đầu năm 2025**

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Tăng trưởng cùng kỳ	9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận hoạt động:							
Môi giới – Lưu ký chứng khoán	-44.168	-19,3%	-35.219	-19,4%	-20,3%	-39.388	-15,0%
Tự doanh	157.911	69,0%	6.729	3,7%	-95,7%	147.261	55,9%
Kinh doanh nguồn vốn	255.041	111,4%	400.534	220,4%	57,0%	339.271	128,9%
Ngân hàng Đầu tư	-1.797	-0,8%	-1.888	-1,0%	5,1%	-1.151	-0,4%
Khác	-2.141	-0,9%	-4.706	-2,6%	119,8%	-147	-0,1%
Tổng lợi nhuận	364.847	159%	365.449	201%	0,2%	445.845	169,4%
Chi phí quản lý	94.313	41,2%	151.910	83,6%	61,1%	118.293	44,9%
LN hoạt động khác	15.102	6,6%	13.962	7,7%	-7,5%	1.005	0,4%
LNTT	285.636	124,7%	277.501	152,7%	-2,8%	328.558	124,8%
LNST	228.984	100%	181.771	100%	-20,6%	263.257	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

Tổng lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh chính của Công ty đạt 365,5 tỷ đồng trong năm 2024, đi ngang so với năm 2023. Trong năm 2024, mảng tự doanh chỉ đóng góp 3,7% tổng lợi nhuận, tương đương 8,7 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong vòng 9 tháng đầu năm năm 2025, mảng này đã có sự tăng trưởng vượt bậc, đạt giá trị 147,3 tỷ đồng, chiếm 55,9% tổng lợi nhuận giai đoạn này. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh nguồn vốn ghi nhận doanh thu đạt 619 tỷ đồng và mang lại 339 tỷ đồng lợi nhuận tính từ đầu năm tới thời điểm kết thúc 30/09/2025.

Mặc dù có sự giảm lợi nhuận trong môi giới chứng khoán, nhưng hết sức phù hợp với định hướng phát triển nền tảng giao dịch “không phí” của công ty, cùng với sự tăng trưởng nhanh chóng trong các mảng khác như tự doanh và kinh doanh nguồn vốn đã giúp thúc đẩy hiệu suất tài chính tổng thể của DNSE. Việc quản lý chi phí đã đặt ra thách thức nhất quán, nhưng lợi nhuận cuối cùng vẫn tăng trưởng ấn tượng.

Như vậy, với chất lượng trong các hoạt động kinh doanh và việc tiếp tục tối ưu hóa chi phí qua sử dụng công nghệ, DNSE thực sự có tiềm năng để phát triển và thành công trong thời gian tới.

10.2 Tài sản thuộc sở hữu Tổ Chức Phát Hành

Bảng 11. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2023

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	19.519	-7.240	12.279
2	Tài sản cố định vô hình	74.754	-22.198	52.556
3	Tài sản cố định thuê tài chính	20.992	-1.107	19.885
Tổng cộng		115.265	-30.545	84.720

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của DNSE)

Bảng 12. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	23.334	-11.505	11.829
2	Tài sản cố định vô hình	77.273	-37.606	39.667
3	Tài sản cố định thuê tài chính	51.823	-7.109	44.714
Tổng cộng		152.430	-56.220	96.210

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của DNSE)

Bảng 13. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2025
ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	24.940	-15.308	9.632
2	Tài sản cố định vô hình	78.543	-49.755	28.789
3	Tài sản cố định thuê tài chính	89.933	-16.817	73.117
Tổng cộng		193.417	-81.879	111.538

(Nguồn: BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)
10.3 Thị trường hoạt động

Hiện nay, DNSE chỉ hoạt động tại thị trường Việt Nam. Toàn bộ doanh thu và lợi nhuận của Công ty được tạo ra trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty hiện có trụ sở chính và chi nhánh tại 2 tỉnh thành Việt Nam như sau:

a) Miền Bắc

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngô Thi Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0247.1089.234

b) Miền Nam

Chi nhánh

Địa chỉ: C-00.01, C-00.02, C-00.03, Lô C1, Khu nhà thấp tầng Khu III (Khu chung cư Sarina), số 62 đường Hoàng Thế Thiện, Phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0287.105.9988.

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính
Bảng 14. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của DNSE
Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm năm 2024/2023	9 tháng đầu năm 2025
1	Doanh thu thuần	714.514	807.412	13,00%	1.023.088
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	270.534	213.539	-21,07%	327.553
3	Lợi nhuận khác	15.102	13.962	-7,55%	1.005

4	Tổng lợi nhuận trước thuế	285.636	227.501	-20,35%	328.558
---	---------------------------	---------	---------	---------	---------

(Nguồn: DNSE)

Ghi chú: Trong Bản cáo bạch này, Doanh thu thuần là Doanh thu hoạt động của Công ty. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là chỉ tiêu Kết quả hoạt động trong Báo cáo tài chính.

Thị trường chứng khoán Việt Nam tính tới tháng 9/2025 tiếp tục cho thấy sức bật mạnh mẽ mặc dù vẫn có những dao động đến từ các yếu tố vĩ mô quốc tế. Chỉ số VN-Index gần đây đã chạm mốc khoảng 1.660 – 1.680 điểm, tăng hơn 30-33% so với đầu năm. Thanh khoản thị trường được cải thiện rõ rệt, với giá trị giao dịch bình quân phiên HOSE nhiều phiên đạt trên 35-40 nghìn tỷ đồng, cho thấy sự tham gia tích cực trở lại của nhà đầu tư nội địa.

Về định hướng hoạt động kinh doanh, DNSE đã đạt mục tiêu năm 2025 với tổng doanh thu là 1.507 tỷ đồng, tăng khoảng 82% so với năm 2024. Tính đến quý III năm 2025, DNSE đạt doanh thu hoạt động 489,5 tỷ đồng, tổng doanh thu 491,7 tỷ đồng, tăng gấp 2,5 lần cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận trước thuế 171,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế gần 136,8 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, sau 9 tháng đầu năm 2025, DNSE đã hoàn thành vượt mức lợi nhuận mục tiêu đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên hồi đầu năm.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

10.5 Các hợp đồng lớn

Bảng 15. Các hợp đồng lớn tính từ năm 2023 đến thời điểm hiện tại

TT	Tên/ Số hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào/dầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đồng lớn của Tổ chức phát hành	Các điều khoán quan trọng khác	Tình trạng
Năm 2023									
1	14042023/DPQC H22270005/HDC NTP/VPBANKS- DNSE	300.000	14/4/23	14/4/23	Mua Trái phiếu	Công ty cổ phần chứng khoán Vpbanks	Không có	Không có	Đã thực hiện
2	28062023/DPQC H22270005/HDC NTP/VPBANKS- DNSE	307.444	28/6/23	28/6/23	Bán Trái phiếu	Công ty cổ phần chứng khoán Vpbanks	Không có	Không có	Đã thực hiện
3	28062023/DPQC H22270003/HDC NTP/VPBANKS- DNSE	200.000	28/6/23	28/6/23	Mua Trái phiếu	Công ty cổ phần chứng khoán Vpbanks	Không có	Không có	Đã thực hiện
4	30062023/DPQC H22270003/HDC NTP/VPBANKS- DNSE	197.941	30/6/23	30/8/23	Bán Trái phiếu	Công ty cổ phần chứng khoán Vpbanks	Không có	Không có	Đã thực hiện

TT	Tên/ Số hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào/đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đồng lớn của Tổ chức phát hành	Các điều khoản quan trọng khác	Tình trạng
5	23082023/HĐMB/ VNDIRECT-DNSE	358.897	23/8/23	23/8/23	Mua CCTG	Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	Không có	Không có	Đã thực hiện
6	24082023/HĐMB/ VNDIRECT-DNSE	358.865	24/8/23	24/8/23	Bán CCTG	Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	Không có	Không có	Đã thực hiện
7	19102023/HĐMB/ VNDIRECT-DNSE	363.231	19/10/23	19/10/23	Mua CCTG	Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	Không có	Không có	Đã thực hiện
8	20102023/HĐMB/ VNDIRECT-DNSE	363.206	20/10/23	20/10/23	Bán CCTG	Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	Không có	Không có	Đã thực hiện
9	12102023/HĐMB/ VNDIRECT-DNSE	259.071	12/10/23	12/10/23	Mua CCTG	Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	Không có	Không có	Đã thực hiện
10	13102023/HĐMB/ VNDIRECT-DNSE	259.034	13/10/23	13/10/23	Bán CCTG	Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	Không có	Không có	Đã thực hiện
11	10- 17/TTEH2124001/ HĐMB	190.000	17/10/23	17/10/23	Mua Trái phiếu	Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và dịch vụ Suinco	Không có	Không có	Đã thực hiện
12	11122023/TTEH2 124001/HĐMB	193.436	11/12/23	11/12/23	Bán Trái phiếu	Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và dịch vụ Suinco	Không có	Không có	Đã thực hiện
Năm 2024									
1	03012024/HĐMB/ VNDIRECT-DNSE	316.686	9/1/24	9/1/24	Mua CCTG	Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	Không có	Không có	Đã thực hiện

TT	Tên/ Số hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào/đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đồng lớn của Tổ chức phát hành	Các điều khoản quan trọng khác	Tình trạng
2	10012024/HĐMB/ VNDIRECT-DNSE	316.672	10/1/24	10/1/24	Bán CCTG	Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	Không có	Không có	Đã thực hiện
3	28032024/HĐCN/I W-DNSE/2	299.286	28/3/24	28/3/24	Mua CCTG	Công ty TNHH Đầu tư Gia Sân IWEALTH	Không có	Không có	Đã thực hiện
4	11042024/HĐCN/I W-DNSE	299.974	11/4/24	11/4/24	Bán CCTG	Công ty TNHH Đầu tư Gia Sân IWEALTH	Không có	Không có	Đã thực hiện
5	GĐNK TRÁI PHIẾU	400.000	9/5/24	10/5/24	Mua Trái phiếu	Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Không có	Không có	Đã thực hiện
6	GĐNK TRÁI PHIẾU	200.000	9/5/24	9/5/24	Mua Trái phiếu	Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	Không có	Không có	Đã thực hiện
7	27052024/VIB- DNSE	404.957	24/5/24	24/5/24	Mua Trái phiếu	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Không có	Không có	Đã thực hiện
8	28052024/VIB- DNSE	404.895	27/5/24	27/5/24	Bán Trái Phiếu	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Không có	Không có	Đã thực hiện
9	29052024/VIB- DNSE	461.098	28/5/24	28/5/24	Mua Trái phiếu	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Không có	Không có	Đã thực hiện
10	30052024/VIB- DNSE	461.027	29/5/24	29/5/24	Bán Trái Phiếu	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Không có	Không có	Đã thực hiện

TT	Tên/ Số hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ		ĐỐI tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đồng lớn của Tổ chức phát hành		Các điều khoản quan trọng khác	Tình trạng
					đầu vào/đầu ra						
11	05062024/HĐMB/ TCB-DNSE	296.918	5/6/24	5/6/24	Mua CCTG	Ngân hàng Thương Việt Nam	Kỹ	Không có	Không có	Không có	Đã thực hiện
12	05062024/HĐMB/ DNSE-VPS	299.018	5/6/24	5/6/24	Bán CCTG	Công ty cổ phần chứng khoán VPS	Kỹ	Không có	Không có	Không có	Đã thực hiện
Quý III năm 2025											
1	BOND43596+BO ND43597	250.439	8/7/25	8/7/25	Mua Trái phiếu	Ngân hàng thương Việt Nam	Kỹ	Không có	Không có	Không có	Đã thực hiện
2	BOND10072025.0 1/TCB-DNSE	250.414	9/7/25	9/7/25	Bán Trái phiếu	Ngân hàng thương Việt Nam	Kỹ	Không có	Không có	Không có	Đã thực hiện
3	05082025/VIB- DNSE	410.136	4/8/25	4/8/25	Mua Trái phiếu	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Kỹ	Không có	Không có	Không có	Đã thực hiện
4	06082025/VIB- DNSE	410.403	5/8/25	5/8/25	Bán Trái phiếu	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Kỹ	Không có	Không có	Không có	Đã thực hiện
5	12082025/VIB- DNSE	300.793	11/8/25	11/8/25	Mua Trái phiếu	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Kỹ	Không có	Không có	Không có	Đã thực hiện
6	13082025/VIB- DNSE	300.948	12/8/25	12/8/25	Bán Trái phiếu	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Kỹ	Không có	Không có	Không có	Đã thực hiện

TT	Tên/ Số hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào/đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đồng lớn của Tổ chức phát hành	Các điều khoản quan trọng khác	Tình trạng
7	20082025/HĐMB TP/MAS-DNSE	214.865	20/8/25	20/8/25	Mua Trái phiếu	CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ASSET(VIET NAM)	Không có	Không có	Đã thực hiện
8	20082025/HĐMB TP/DNSE-MAS	214.940	20/8/25	20/8/25	Bán Trái phiếu	CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ASSET(VIET NAM)	Không có	Không có	Đã thực hiện

(Nguồn: DNSE)

[Phần còn lại của trang được có ý bỏ trống]

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 16. Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu (%)	Tỷ lệ trên tổng chi phí (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của Tổ chức phát hành
I Năm 2023							
1	CTCP chứng khoán Vpbanks	307.444	42%	86%	6/28/23	Bán phiếu Trái	Không có
2	CTCP chứng khoán Vpbanks	197.941	27%	55%	6/30/23	Bán phiếu Trái	Không có
3	Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và dịch vụ Suinco	193.436	28%	54%	12/11/23	Bán phiếu Trái	Không có
4	CTCP chứng khoán VNDIRECT	358.865	49%	100%	8/24/23	Bán CCTG	Không có
5	CTCP chứng khoán VNDIRECT	363.206	49%	101%	10/20/23	Bán CCTG	Không có
6	CTCP chứng khoán VNDIRECT	259.034	35%	72%	10/13/23	Bán CCTG	Không có
II Năm 2024							
1	CTCP chứng khoán VNDIRECT	316.672	38%	70%	1/10/24	Bán CCTG	Không có
2	Công ty TNHH Đầu tư Gia Sản IWEALTH	299.974	36%	67%	4/11/24	Bán CCTG	Không có
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	404.895	49%	90%	5/27/24	Bán Phiếu Trái	Không có
4	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	461.027	56%	103%	5/29/24	Bán Phiếu Trái	Không có
5	CTCP chứng khoán VPS	299.018	36%	67%	6/5/24	Bán CCTG	Không có
III Quý III năm 2025							
1	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	250.439	24%	43%	8/7/25	Mua Trái phiếu	Không có
2	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	250.414	24%	43%	9/7/25	Bán Trái Phiếu	Không có
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	410.136	40%	70%	4/8/25	Mua Trái phiếu	Không có

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu (%)	Tỷ lệ trên tổng chi phí (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của Tổ chức phát hành
4	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	410.403	40%	70%	5/8/25	Bán Trái Phiếu	Không có
5	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	300.793	29%	52%	11/8/25	Mua Trái phiếu	Không có
6	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	300.948	29%	52%	12/8/25	Bán Trái Phiếu	Không có
7	CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET(VIỆT NAM)	214.940	21%	37%	20/8/25	Bán Trái Phiếu	Không có
8	CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET(VIỆT NAM)	214.865	21%	37%	20/8/25	Mua Trái phiếu	Không có

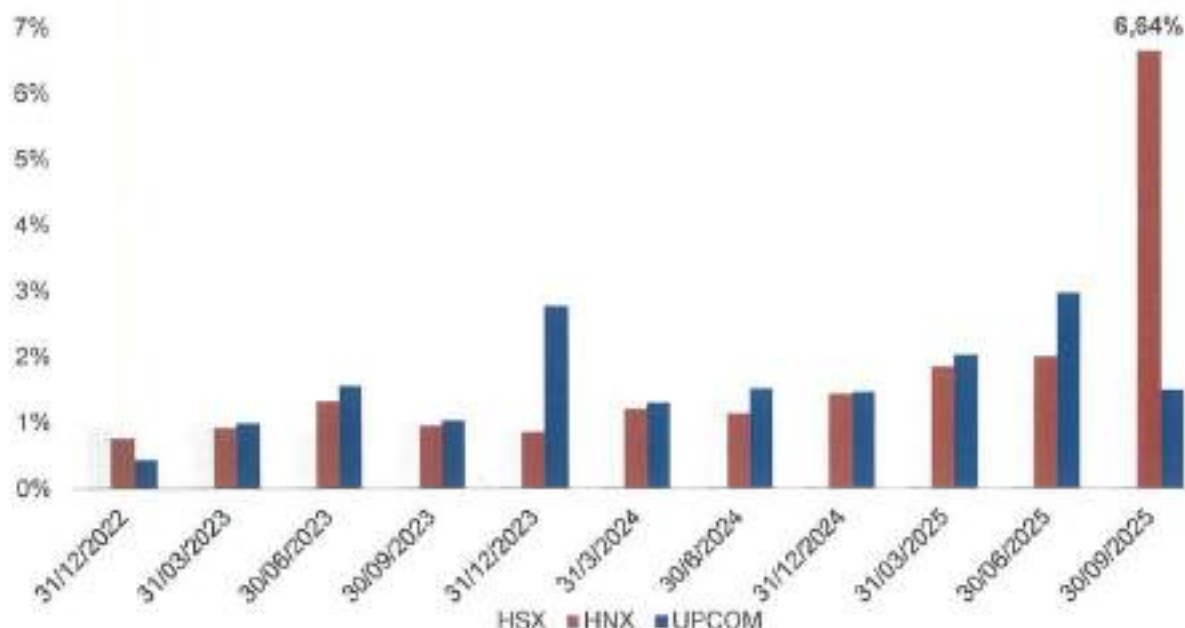
(Nguồn: DNSE)

10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

DNSE kiên định theo đuổi chiến lược lấy công nghệ làm chìa khóa cạnh tranh, đặt nền móng cho sự bứt phá mạnh mẽ trong những năm qua. Sau gần 5 năm tập trung phát triển mô hình công ty chứng khoán công nghệ, DNSE đã xây dựng một hệ sinh thái đầu tư toàn diện, ứng dụng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo để tối ưu trải nghiệm người dùng.

Từ thời điểm thay đổi định hướng sử dụng công nghệ trong lĩnh vực môi giới chứng khoán, thị phần môi giới của DNSE tại các Sàn giao dịch chứng khoán như TP Hồ Chí Minh ("HSX"), Hà Nội ("HNX") và thị trường của những công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") liên tục được cải thiện. Vào quý II/2022, DNSE đã vươn lên vị trí thứ 6 trong top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Với thị phần đạt 3,79%, DNSE xếp ngay sau những cái tên quen thuộc trên thị trường. Tiêu biểu vào tháng 6/2022, thị phần của DNSE tại HNX đã lên đến 8,79%, thể hiện sự tăng trưởng vượt bậc. Đây là kết quả của những nỗ lực đẩy mạnh dịch vụ khách hàng và mở rộng hoạt động môi giới của DNSE. Năm 2024, tổng thị phần môi giới chứng khoán cơ sở của DNSE đạt 1,39%. Trong quý III/2025, DNSE đã đạt thị phần tại HSX, HNX và UPCOM với giá trị lần lượt là 1,78%, 6,64% và 1,93%. Từ đó, nâng tổng thị phần môi giới chứng khoán cơ sở 09 tháng đầu năm 2025 của DNSE lên 1,93%.

Thị phần môi giới DNSE


(Nguồn: DNSE)

Về sản phẩm phái sinh, Chứng khoán DNSE vươn lên vị trí thứ hai trong thị phần môi giới chứng khoán phái sinh Quý IV/2024 theo số liệu do HNX công bố và tiếp tục duy trì đến thời điểm hiện tại. Tính đến 30/09/2025, đã có hơn 2,8 triệu hợp đồng chứng khoán phái sinh đã mở. DNSE đạt được thành tích này sau gần 2 năm ra mắt sản phẩm giao dịch chứng khoán phái sinh Future X trên ứng dụng Entrade X by DNSE.

Kết quả này có được nhờ chiến lược sản phẩm xuyên suốt và nỗ lực tối đa của toàn bộ đội ngũ DNSE dưới tầm nhìn chung “Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt” bằng công nghệ. Năm qua, DNSE đã tiếp tục phát triển những tính năng lần đầu có mặt, hỗ trợ khách hàng quản lý tài sản, quản trị rủi ro tự động, đầu tư dễ dàng, hiệu quả hơn. Việc kết nối API (trung gian kết nối dữ liệu) với các đối tác nhằm triển khai giao dịch “một chạm” là hai trong số những cải tiến công nghệ bắt kịp xu hướng thế giới mà DNSE là đơn vị tiên phong triển khai, mang lại lợi thế cạnh tranh trong năm qua cũng như dài hạn.

Một điều đáng tự hào, nỗ lực tiên phong ứng dụng công nghệ trong tài chính chứng khoán đã mang về cho DNSE nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế, trong đó có cú đúp giải thưởng “Nền tảng chứng khoán của năm” và “Sản phẩm đầu tư đột phá của năm” từ giải thưởng quốc tế danh giá Asian Banking & Finance năm 2024. Đây là năm thứ hai liên tiếp DNSE được vinh danh 2 hạng mục tại giải thưởng uy tín này.

DNSE không ngừng phát triển về tiềm lực và nguồn vốn, mở ra cơ hội tiếp cận những nguồn vốn ngoại chất lượng, đồng thời cũng là động lực vững chắc cho chiến lược phát triển của DNSE dưới định vị một nền tảng số hóa đầu tư. Cuối tháng 12/2023, DNSE chính thức hợp tác và nhận khoản đầu tư quỹ PYN Elite Fund, quỹ ngoại uy tín đến từ Phần Lan. Tháng 1

năm 2024, DNSE đã thực hiện chào bán thành công 30 triệu cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), huy động được hơn 900 tỷ đồng.

Tính đến ngày 30/09/2025, tổng tài sản của DNSE đạt hơn 14.009 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu hơn 4.293 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng trưởng tốt về cả tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Quy mô của DNSE còn nhỏ so với các doanh nghiệp cùng ngành nhưng với tốc độ tăng trưởng ấn tượng và khả năng ứng dụng công nghệ vượt trội. Năm 2024, bất chấp những biến động của thị trường, DNSE vẫn duy trì đà tăng trưởng tương đối tích cực. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 181 tỷ đồng, tăng hơn 81 lần so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 cũng ghi nhận 126,45 tỷ đồng. DNSE kỳ vọng sẽ đạt được vị thế cao hơn trong tương lai.

Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu của một số công ty chứng khoán cùng ngành tại ngày 30/09/2025 (tỷ đồng)



(Nguồn: BCTC Quý III năm 2025 của các công ty chứng khoán)

Theo số liệu thống kê của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), số lượng tài khoản chứng khoán mở mới đến hết 2024 chỉ mới tương đương 9% quy mô dân số cả nước. Như vậy, dư địa thị trường còn rất rộng mở. Chúng tôi tin rằng với nguồn vốn vững chắc, chiến lược phát triển sản phẩm công nghệ tiên phong và mô hình tiếp cận khách hàng tiên tiến, đa kênh sẽ là những lợi thế cạnh tranh đưa DNSE dẫn đầu và khai phá tương lai của thị trường chứng khoán số.

Bảng 17. So sánh một số chỉ tiêu tài chính 9 tháng đầu năm 2025 với một số Công ty cùng ngành

Chỉ tiêu	DNSE	CTS	FTS	VCI	SHS	BSI
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,20	1,32	1,44	1,77	2,49	1,45
Hệ số Nợ phải trả/VCSH	2,26	3,06	2,19	1,35	0,68	2,07
Hệ số Nợ phải trả/TTS	0,69	0,75	0,69	0,57	0,41	0,67

Chỉ tiêu	DNSE	CTS	FTS	VCI	SHS	BSI
Vòng quay TTS BQ	0,08	0,17	0,07	0,12	0,12	0,11
Hệ số LNST/DTT (%)	25,73%	32,56%	32,16%	26,03%	54,23%	26,03%
Hệ số LNST/VCSH BQ (ROE) (%)	6,33%	21,82%	6,39%	7,02%	9,66%	7,60%
Hệ số LNST/Tài sản BQ (ROA) (%)	2,14%	5,50%	2,29%	3,19%	6,55%	2,96%
EPS (Đồng/cp)	881	3.376	1.560	1.947	1.592	1.802

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý III năm 2025 của các công ty chứng khoán)

Công ty luôn duy trì các chỉ tiêu tài chính ở ngưỡng an toàn, cân đối cấu trúc nguồn vốn. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh, ứng dụng sản phẩm công nghệ tiên phong để đảm bảo ổn định các tỷ lệ tài chính để có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như gốc và lãi trái phiếu dự kiến phát hành.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2024 đã khép lại với nhiều biến động và thách thức đối với nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô trong nước ổn định, sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành linh hoạt, quyết liệt của Chính phủ, cùng với sự đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã duy trì được sự ổn định, tăng trưởng và ghi nhận nhiều kết quả đáng chú ý. Đồng thời, việc nới lỏng chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thúc đẩy các nhà đầu tư trong nước quay trở lại thị trường, theo đó, tính đến ngày 31/12/2024, chỉ số VNIndex đạt 1.266,78 điểm, tăng 1,3% so với cuối tháng trước và tăng 12,1% so với cuối năm trước. Mức vốn hóa thị trường ước đạt 7.158,9 nghìn tỷ đồng, tăng 20,6% so với cuối năm 2023; giá trị giao dịch bình quân đạt 21.008 tỷ đồng/phiên, tăng 19,5% so với bình quân năm 2023. Tính đến ngày 30/9/2025, chỉ số VN-Index đạt 1.661,7 điểm, tăng 31,2% so với cuối năm 2024; mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 9.034,4 nghìn tỷ đồng, tăng 25,9%. Giá trị giao dịch bình quân tháng 9 đạt 37,5 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 28,6% so với bình quân tháng trước. Tính chung chín tháng năm 2025, giá trị giao dịch bình quân đạt 29,2 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng gần 40,0% so với bình quân năm 2024. Đến cuối tháng 9, thị trường cổ phiếu có 717 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết; 883 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM với tổng giá trị niêm yết và đăng ký giao dịch đạt 2.530 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với cuối năm 2024. Trên thị trường trái phiếu, giá trị giao dịch bình quân tháng 9 đạt 17,4 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 9,0% so với bình quân tháng trước. Tính chung 9 tháng năm 2025, giá trị giao dịch bình quân đạt 14,6 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 18,6% so với bình quân năm 2024. Vào ngày 30/09/2025, thị

trường trái phiếu có 471 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt 2.563 nghìn tỷ đồng, tăng gần 11,0% so với bình quân năm 2024.

Nhìn một cách tổng thể, thị trường chứng khoán trong nước năm 2025 được dự báo sẽ có gam màu tươi sáng hơn, nhờ những kỳ vọng bứt phá từ các yếu tố mang tính nội lực của Việt Nam. Một trong những dấu mốc đáng chú ý là việc triển khai thành công hệ thống giao dịch mới KRX – một bước tiến quan trọng giúp tăng cường tính minh bạch, hiệu quả và khả năng vận hành của thị trường. Sự kiện hệ thống KRX đi vào hoạt động từ tháng 5 năm 2025 không chỉ là thành tựu công nghệ mà còn là bước tiến chiến lược có ý nghĩa quan trọng, thể hiện nỗ lực cải cách toàn diện của cơ quan quản lý và các thành viên thị trường trong việc đưa thị trường chứng khoán Việt Nam tiến gần hơn tới chuẩn mực quốc tế. Qua đó, KRX được xem như một “cú huých” về mặt hạ tầng, góp phần hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu trong lộ trình nâng hạng thị trường. Trong năm 2025 TTCK Việt Nam được kỳ vọng nâng hạng lên thị trường mới nổi. Trong quá trình tiến hành nâng hạng, TTCK Việt Nam đã và đang đối mặt với nhiều thách thức. Đánh giá về sự kiện quan trọng này, UBCKNN nhấn mạnh rằng mục tiêu nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi không chỉ nhằm thu hút nhà đầu tư nước ngoài mà còn góp phần nâng cao vị thế của TTCK và tài chính Việt Nam trên trường quốc tế.

Về mặt dòng tiền, tính đến đầu tháng 9, mặt bằng lãi suất huy động không có nhiều biến động lớn. Tuy nhiên, vẫn có sự phân hóa ở nhóm ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân và ngân hàng quốc doanh, cho thấy xu hướng ngân hàng đang chuẩn bị vốn cho nhu cầu tín dụng những tháng cuối năm và có dự báo lãi suất đầu vào có xu hướng giảm nhẹ trong tương lai gần. Tiền gửi tại ngân hàng vẫn đang tiếp tục tăng do các kênh đầu tư khác khá hạn chế (giá vàng đã tăng đáng kể, trong khi ngành Bất động sản và Trái phiếu Doanh nghiệp cần nhiều thời gian để hồi phục). Dòng vốn này có thể quay lại thị trường chứng khoán trong các giai đoạn của năm 2025. Do nhà đầu tư cá nhân chiếm tới 92,2% khối lượng giao dịch trung bình ngày toàn thị trường năm 2024, VN-Index được dự đoán sẽ có một số bước nhảy vọt trong năm 2025 nhờ dòng vốn này.

Vì vậy, với dòng vốn của Nhà đầu tư cá nhân lẫn nước ngoài đều đang thuận lợi, năm 2025 được dự kiến là năm thị trường chứng khoán có sự phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ so với những năm trước đây.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Phát Hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Xu thế hội nhập, toàn cầu hóa đang trở nên phổ biến trên toàn thế giới, và để hội nhập với kinh tế quốc tế, Việt Nam cần phải chú trọng xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt Chiến lược phát triển đến năm 2030 đặt mục tiêu phát triển thị trường chứng khoán ổn định, hoạt động an toàn, hiệu quả, có cơ cấu hợp lý, cân đối giữa thị trường tiền tệ với thị trường vốn, giữa thị trường cổ phiếu với thị trường trái phiếu và thị trường chứng khoán phái sinh.

Theo đó, đến năm 2025, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 100% GDP; dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP; trong đó dư nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt tối thiểu 20% GDP. Đến năm 2030, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 120% GDP, dư nợ trái phiếu đạt tối thiểu 58% GDP; trong đó, dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt tối thiểu 25% GDP.

Ngoài ra các yếu tố về chính sách Nhà Nước, định hướng của ngành môi giới chứng khoán toàn cầu cũng như trong nước 3 năm trở lại đây đã có những chuyển biến rõ rệt khi các công ty chứng khoán đặt các nhà đầu tư cá nhân lên làm trọng tâm.

Mặc dù có gần 100 CTCK đang hoạt động tại Việt Nam, nhưng chỉ 10 công ty CTCK chiếm gần 70% thị phần sàn HSX (Sàn HSX chiếm khoảng 80-85% giá trị giao dịch của cả 03 sàn chứng khoán Việt Nam), điều này chứng tỏ thị phần ngành khá tập trung vào vài công ty. Trong năm 2024, VPS, SSI, TCBS tiếp tục nằm trong top 03 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất trên sàn HoSE, đạt lần lượt 16,45%; 9,19% và 7,07%, hơn nữa VCI (top 04) cũng tăng trưởng thị phần đạt 7,03% trong năm 2024. VPS và TCBS tập trung chính chiến lược vào phát triển các khách hàng NĐT cá nhân, còn SSI cân bằng hơn giữa các NĐT cá nhân và tổ chức.

Để thu hút các NĐT cá nhân, các CTCK đã thực thi các chiến lược chính như sau:

- **Phi giao dịch thấp & tỷ lệ hoa hồng cao cho môi giới:** Các CTCK áp dụng phí rất thấp (thậm chí là miễn phí trong vài tháng đầu tiên sau khi mở tài khoản). Hơn nữa, hoa hồng được trả cao để thu hút môi giới, tranh giành thị phần và chấp nhận giảm doanh thu phí.
- **Đầu tư vào ứng dụng & nền tảng kỹ thuật số:** Trong bối cảnh số lượng NĐT tăng vọt, đầu tư vào nền tảng giao dịch thân thiện và mượt mà với người dùng cho phép thực hiện nhanh chóng và có khả năng cung cấp nhiều sản phẩm.
- **Tăng trưởng khả năng cho vay ký quỹ:** Các CTCK tập trung huy động vốn hoặc tiếp cận các nguồn vốn rẻ sẽ có lợi thế trong hoạt động cho vay ký quỹ.
- **Phát triển nhận diện qua việc sử dụng các kênh truyền thông xã hội (Social Media):** Với sự thâm nhập ngày càng tăng của điện thoại thông minh, phương tiện truyền thông xã hội, phát trực tuyến, v.v.), các nhà môi giới đã và đang xây dựng 'cộng đồng đầu tư' trên mạng xã hội, các kênh phát trực tiếp, v.v: để thu hút sự chú ý của khách hàng và gián tiếp giành thị phần

Nắm bắt được xu hướng phát triển của thị trường, DNSE đã có những định hướng phát triển phù hợp với đường lối phát triển, quy mô hoạt động và trình độ công nghệ theo yêu cầu và nhu cầu dự kiến của thị trường Việt Nam.

- **Phù hợp về định hướng phát triển**

DNSE là công ty chứng khoán với định vị sử dụng công nghệ & giải pháp AI (Artificial Intelligence – Trí tuệ nhân tạo) để phục vụ khách hàng. Mục tiêu tiếp theo của DNSE là tiến thêm một bước trong việc chia sẻ cảm xúc cùng nhà đầu tư, cá nhân hóa trải nghiệm thông qua việc ứng dụng Tâm lý học và AI (Artificial Intelligence – Trí tuệ nhân tạo) vào việc phát

triển sản phẩm, tiếp tục nâng cao đơn giản hóa chu trình mở tài khoản và trải nghiệm giao dịch cho nhà đầu tư, đặc biệt nhà đầu tư thể hệ "F0" (thế hệ nhà đầu tư mới).

Hơn nữa, nhận thức về nhu cầu giao dịch của khách hàng, DNSE đã triển khai mô hình kinh doanh "freemium" (được ghép từ hai từ "free" (miễn phí) và "premium" (cao cấp)), trong đó khách hàng có thể thực hiện giao dịch hoàn toàn miễn phí khi sử dụng nền tảng Entrade X (khi Khách hàng giao dịch không vay ký quỹ).

Mục tiêu đầy thách thức này sẽ đưa Entrade X trở thành nền tảng hiểu rõ nhà đầu tư nhất, trở thành sự lựa chọn ưa thích cho khách hàng mới, cũng như khách hàng giao dịch lâu năm.

Trong tương lai, DNSE sẽ tiếp tục tận dụng thế mạnh trong công nghệ, đẩy mạnh các hoạt động hợp tác nhằm mục tiêu tăng trưởng khách hàng, cũng như mang tới những trải nghiệm tích hợp "một chạm" đa nền tảng, cơ hội tiếp cận chứng khoán thuận tiện hơn cho nhà đầu tư.

- ***Phù hợp về quy mô hoạt động***

Nhận thức được yêu cầu cạnh tranh ngày càng gay gắt và xu hướng nâng cao chất lượng các công ty chứng khoán trong tương lai, DNSE đã chuẩn bị nguồn lực tài chính với việc liên tục bổ sung vốn chủ sở hữu trong các năm qua. Năm 2024, DNSE đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), huy động thành công 900 tỷ đồng, qua đó nâng vốn điều lệ lên 3.300 tỷ đồng, nằm trong Top các công ty chứng khoán có vốn điều lệ cao trong thị trường Việt Nam. Tính đến nay, vốn điều lệ của Công ty đã đạt 3.426 tỷ đồng, phản ánh năng lực tài chính và tiềm lực tăng trưởng bền vững của DNSE. Ngoài ra, trong năm 2025, Công ty đã huy động thành công tổng cộng 1.300 tỷ đồng trái phiếu, bao gồm 300 tỷ đồng phát hành trong tháng 1 và 1.000 tỷ đồng phát hành trong tháng 10 theo hình thức chào bán ra công chúng. Nhờ vậy, Công ty đã có một lượng dự trữ vốn tốt để phục vụ các khách hàng tiềm năng, chiêu mộ đội ngũ nhân sự có chất lượng và tiếp tục cải tiến các dịch vụ cung cấp nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- ***Phù hợp về tổ chức nhân sự***

Đối với các công ty chứng khoán, yếu tố nhân sự là yếu tố quan trọng và quyết định đến sự thành công của công ty, chính vì vậy, DNSE tiến hành tuyển dụng và chọn lọc nhân sự có trình độ cao, được đào tạo bài bản ở trong và ngoài nước. Tổ chức cơ cấu nhân sự cũng được xây dựng hợp lý, đảm bảo sự ổn định và có thể luân chuyển cán bộ kịp thời. Bên cạnh đó, DNSE thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để cung cấp, liên tục trau dồi và nâng cao tri thức nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ lao động – là một nhân tố trong chuỗi giá trị mà DNSE tạo ra mang lại lợi ích cho khách hàng.

- ***Phù hợp về công nghệ***

Là doanh nghiệp lấy công nghệ làm cốt lõi nhằm phục vụ khách hàng, DNSE liên tục đầu tư vào công nghệ và nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ nhằm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh và vận hành thông suốt. Công ty cũng liên tục nghiên cứu và đưa ra các sản phẩm,

giải pháp công nghệ mới nhằm phục vụ cho hoạt động giao dịch của khách hàng và hoạt động quản lý của các phòng ban trong Công ty.

10.8 Hoạt động marketing

Các hoạt động Truyền thông - Marketing là mũi nhọn quan trọng trong chiến lược thu hút khách hàng, mở rộng thị phần, nâng cao uy tín thương hiệu của DNSE. Công ty xác định tập trung triển khai mảng hoạt động này theo mô hình kiềng 3 chân, bao gồm: Sáng tạo & phân phối nội dung đa nền tảng - Quản trị & bảo hộ thương hiệu - Thúc đẩy bán hàng thông qua Marketing Sản phẩm.

10.8.1 Phát triển các kênh nội dung đa nền tảng

Với việc tiên phong triển khai sáng tạo nội dung đa nền tảng, DNSE đã xây dựng được cho mình một hệ sinh thái trực tuyến giúp tiếp cận khách hàng thông minh, đồng thời nuôi dưỡng sự gắn bó và tình cảm của khách hàng với thương hiệu.

Tính tới cuối năm 2023, DNSE và hệ sinh thái thành viên sở hữu trung bình 170 triệu lượt ghé thăm/năm trên các nền tảng: Facebook, Website DNSE, Instagram, Tiktok, Đặc biệt ở Website DNSE tích hợp kiến thức nền tảng về thị trường và các cách thức giao dịch chứng khoán, hỗ trợ nhóm khách hàng mới gia nhập đầu tư, cũng như cung cấp đầy đủ các thông tin hoạt động của DNSE. Trong năm 2024, hệ sinh thái này đã được bổ sung các kênh nội dung giúp định hướng đầu tư tài chính sớm cho nhóm khách hàng tuổi vị thành niên và kênh nội dung cung cấp góc nhìn, thông tin vĩ mô về tình hình kinh tế trong & ngoài nước, bổ sung kiến thức giúp hỗ trợ việc đưa ra các quyết định đầu tư cho nhóm khách hàng đã và đang quan tâm tới kinh tế - tài chính. Như vậy, hệ sinh thái đa nền tảng trực tuyến của DNSE bao phủ đầy đủ nhu cầu và tiếp cận đa dạng các nhóm Khách hàng theo hành trình đầu tư, bắt đầu từ học hiểu - gia nhập - cập nhật kiến thức - chia sẻ kinh nghiệm.

10.8.2 Quản trị, bảo hộ & nuôi dưỡng thương hiệu

Là thương hiệu non trẻ mới được lột xác, thay đổi tên & nhận diện thương hiệu kể từ năm 2020 sau khi thành công mua lại Công ty Chứng khoán Đại Nam; việc xây dựng và nuôi dưỡng giúp thương hiệu tăng mức độ uy tín trên thị trường là nhiệm vụ quan trọng của DNSE trong tầm nhìn 5 năm: 2021 - 2026. Các hoạt động bảo hộ và phát triển thương hiệu được triển khai đồng bộ, đều đặn trên các kênh truyền thông chính thống như báo chí, truyền hình, các hoạt động quảng cáo ngoài trời, nhằm đảm bảo thông tin doanh nghiệp được truyền tải chính xác nhất tới khách hàng.

Định vị thương hiệu DNSE bao gồm:

- 06 tính cách: Nhanh nhẹn - Băn lĩnh - Mạnh mẽ - Tinh giản - Thông minh - Tiên phong.
- Tầm nhìn: Kết nối nguồn vốn thông qua công nghệ
- Sứ mệnh: Đơn giản hoá đầu tư cho người Việt
- 03 Giá trị cốt lõi: Lắng nghe thấu hiểu - Tôn trọng lời nói - Luôn làm tốt hơn.

Bộ hình ảnh thương hiệu này được xây dựng trên định hướng phát triển cốt lõi của doanh nghiệp là theo mô hình Fintech, ứng dụng công nghệ vào các sản phẩm chứng khoán. Theo

đó, thương hiệu cần thể hiện được sự trẻ trung - nhanh nhẹn - thông minh của một doanh nghiệp công nghệ; đồng thời cũng cần thể hiện được tính bản lĩnh tiên phong để thực thi khát khao mang trải nghiệm chứng khoán đơn giản hơn tới nhiều người Việt Nam hơn thông qua những sản phẩm độc bản ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất, khác biệt trên thị trường chứng khoán truyền thống.

Để thể hiện tốt tính cách thương hiệu, cũng như mở rộng mức độ nhận diện thương hiệu hơn tới cộng đồng, trong 2 năm 2022 - 2023, DNSE là doanh nghiệp chứng khoán đầu tiên tiên phong hợp tác với các đối tác uy tín hàng đầu để tổ chức các giải đấu thể thao có quy mô lớn, mức độ chuyên nghiệp & chuyên môn hoá cao, bao gồm: giải Golf DNSE Vietnam Open hợp tác cùng Tổng cục Thể dục thể thao, giải hai môn phối hợp đầu tiên & duy nhất tại Việt Nam: DNSE Aquaman Vietnam hợp tác cùng VnExpress và UBND tỉnh Bình Thuận. Các giải thể thao này không chỉ giúp DNSE tiếp cận với tập khách hàng phổ rộng hơn, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải tính cách và câu chuyện thương hiệu, với những mối tương quan giữa việc đầu tư tài chính - chứng khoán và rèn luyện thể thao chuyên nghiệp, bài bản. Các hoạt động thương hiệu này cũng đồng thời thể hiện vai trò, trách nhiệm xã hội cần thiết của một doanh nghiệp uy tín. Hai giải đấu đều có quy mô mở rộng cho các vận động viên quốc tế đến tham dự, với mục tiêu thúc đẩy phát triển các môn thể thao và một lối sống khoẻ mạnh tại Việt Nam, tạo cơ hội cho các tài năng Việt cạnh tranh với các vận động viên quốc tế.

Linh vật đại diện cho thương hiệu DNSE - "Bò và Gấu"

Ngày 20/06/2023, linh vật đại diện cho thương hiệu DNSE – Bò và Gấu đã được cập nhật trên các kênh truyền thông của DNSE, là hình ảnh đại diện cho sự hiện đại, trẻ trung và công nghệ của thương hiệu và sản phẩm DNSE. Việc đưa hình ảnh Bò và Gấu trên các cộng đồng đã hiện hữu trở thành linh vật chính thức đại diện, đồng nhất trên các kênh thương hiệu chủ quản bởi DNSE đã giúp thương hiệu trở nên gần gũi hơn trong việc tiếp cận nhóm khách hàng là Nhà đầu tư, những người quan tâm đến tài chính - chứng khoán, đã tham gia hoặc theo dõi cộng đồng Bò và Gấu.



10.8.3 Marketing Sản phẩm thúc đẩy bán hàng

Các hoạt động Marketing Sản phẩm tại DNSE được triển khai theo định hướng Marketing hỗn hợp, bao gồm: Giá - Sản phẩm - Phân phối - Chương trình khuyến mại.

- **Sản phẩm:**

Đến năm 2025, DNSE tiếp tục khẳng định vị thế công ty chứng khoán công nghệ tiên phong với hai sản phẩm lõi là Entrade X và AI Broker. Entrade X được phát triển thành nền tảng giao dịch trung tâm, tích hợp cả cổ phiếu và phái sinh, mang lại trải nghiệm thân thiện, minh bạch lãi/lỗ theo từng lệnh. Song song, DNSE chính thức đưa AI Broker trở thành công cụ mới giới ảo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để cá nhân hóa hành trình đầu tư: tự động cập nhật thông tin, sàng lọc mã cổ phiếu, phân tích thị trường, và đưa ra khuyến nghị theo khẩu vị rủi ro riêng biệt của từng khách hàng. Trợ lý ảo Ensa và công cụ phân tích Sense giúp tăng khả năng tương tác, cung cấp dữ liệu vĩ mô, tin nhanh, phân tích cơ bản và kỹ thuật chỉ trong vài giây. Ngoài ra, DNSE còn mở rộng sang sản phẩm phái sinh Future X với tỷ lệ ký quỹ cạnh tranh và cơ chế quản trị rủi ro tách bạch từng lệnh, giúp tối ưu hiệu quả đầu tư.

- **Giá:** Mặc dù chiến lược giá đã bị cạnh tranh bởi hàng loạt các CTCK khác kể từ đầu năm 2023, DNSE vẫn sẽ tiếp tục duy trì chính sách Miễn phí giao dịch trọn đời cho khách hàng với cương vị là đơn vị chứng khoán đầu tiên tiên phong triển khai kể từ đầu năm 2021. Bên cạnh đó, DNSE sẽ tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, cung cấp những tính năng tiện ích cao cấp nhằm giúp nhà đầu tư chiến thắng thị trường, tìm kiếm cơ hội sinh lời một cách bền vững và an toàn hơn. Đây sẽ là những ưu thế giúp thu hút nhà đầu tư tìm đến và sẵn sàng trả phí để sử dụng sản phẩm dịch vụ. Các sản phẩm tài chính linh hoạt cũng sẽ giúp công ty tăng doanh thu và lợi nhuận thay vì tập trung vào thu phí giao dịch.

- **Chương trình khuyến mại:** Các chương trình quảng cáo của DNSE đóng một vai trò quan trọng trong việc chuyển đổi người dùng thành khách hàng trả tiền. Bằng cách cung cấp các ưu đãi như giảm giá hoặc ưu đãi độc quyền, DNSE có thể tăng trưởng số lượng người dùng dùng thử sản phẩm và dịch vụ. Điều này đã giúp xây dựng lòng trung thành và sự tin tưởng của thương hiệu, sau đó chuyển thành các mối quan hệ khách hàng lâu dài.

- **Phân phối:** Để phù hợp với mô hình sản phẩm giao dịch trực tuyến, các kênh phân phối của DNSE chủ yếu tập trung vào các nền tảng trực tuyến. Bên cạnh việc phân phối sản phẩm thông qua hệ sinh thái các kênh nội dung sáng tạo, DNSE cũng đẩy mạnh việc tiếp cận khách hàng thông qua Bảng giá và các nội dung trực diện liên quan tới đầu tư chứng khoán trên Website. Việc xây dựng Bảng giá trở thành một sản phẩm hữu ích với thứ hạng theo dõi, tìm kiếm cao trên các nền tảng trực tuyến giúp thúc đẩy nhanh quá trình tiếp cận tới nhóm khách hàng sâu sát nhất với lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Ngoài ra, các chương trình khuyến mại của DNSE được triển khai đa dạng và đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút cũng như giữ chân khách hàng. Bên cạnh ưu đãi miễn phí giao dịch trọn đời DNSE còn đã và đang triển khai nhiều chương trình hấp dẫn như "Tặng cổ phiếu – Mở mới tài khoản", "Trải nghiệm EntradeX – Nhận ngay 100K", cùng các gói margin ưu đãi từ 5,99%/năm giúp tối ưu chi phí vốn cho nhà đầu tư. Đồng thời, DNSE xây dựng hệ thống khách hàng thân thiết Pro Club,

nơi người dùng tích điểm Star từ giao dịch và đổi lấy phần thưởng hoặc ưu đãi độc quyền; cùng chương trình giới thiệu bạn bè và các hoạt động thúc đẩy kinh doanh như "Marathon Chứng khoán 2025" nhằm gia tăng trải nghiệm. Các chương trình này không chỉ hỗ trợ quá trình chuyển đổi người dùng thử thành khách hàng thực sự, mà còn tạo dựng lòng tin, nâng cao mức độ gắn bó và xây dựng quan hệ bền vững với nhà đầu tư.

Các chương trình quảng bá thu hút khách hàng khác

Các chương trình quảng cáo của DNSE đóng một vai trò quan trọng trong việc chuyển đổi người dùng thành khách hàng trả tiền. Bằng cách cung cấp các ưu đãi như giảm giá hoặc ưu đãi độc quyền, DNSE có thể tăng trưởng số lượng người dùng dùng thử sản phẩm và dịch vụ. Điều này đã giúp xây dựng lòng trung thành và sự tin tưởng của thương hiệu, sau đó chuyển thành các mối quan hệ khách hàng lâu dài.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- **Nhãn hiệu:**



- **Ý nghĩa:**

Từ năm 2022, DNSE chính thức xuất hiện với một diện mạo hoàn toàn mới, lột xác trở thành "Người tạo sóng - The Wavemakers" với những bước đi thần tốc để hoàn thành sứ mệnh: Đơn giản hoá đầu tư cho người Việt.

Mang trong mình sức trẻ của một kỷ nguyên mới quyết đoán, logo DNSE được thiết kế dựa trên ý tưởng kết hợp những khối lục giác - biểu tượng cho sự phát triển bền vững, hai hình tam giác hướng vào nhau thể hiện sự hội tụ và hai mũi tên lên xuống - hình ảnh đặc trưng của dòng chảy giao dịch. Tất cả tạo nên một DNSE mềm mại, linh hoạt, vững chắc và mạnh mẽ.

DNSE khát vọng mang tới những làn sóng mới, ứng dụng công nghệ số hiện đại nhất vào sản phẩm chứng khoán; để mỗi quyết định đầu tư của khách hàng đều trở nên dễ dàng hơn, thực thời hơn, hiệu quả hơn.

Về việc đăng ký nhãn hiệu với cơ quan quản lý, ngày 16/09/2022, Công ty đã nộp Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu của DNSE tới Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ. Đến ngày 24/10/2022, Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 93380/QĐ-SHTT về việc chấp nhận đơn đăng ký hợp lệ của DNSE. Sau quá trình thẩm định nội dung đăng ký nhãn hiệu của DNSE, ngày 29/09/2023, Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Công văn số 69834/SHTT-NH công nhận Đơn đăng ký của DNSE đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ và đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu. Ngày 16/05/2024, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 491640 theo Quyết định số 57712/QĐ-SHTT của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và công nghệ.

Hiện nay Công ty chưa đăng ký Quyền sở hữu trí tuệ, tên thương mại, sáng chế nào khác.

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

DNSE liên tục đẩy mạnh việc nghiên cứu nhu cầu của các nhà đầu tư, từ nhu cầu đầu tư của tổ chức đến cá nhân, ở mọi độ tuổi và ngành nghề, tầng lớp trong xã hội. Với đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm trong ngành chứng khoán, chúng tôi nhận biết được nhu cầu đầu tư của thị trường vô cùng đa dạng và tiềm năng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam là rất lớn. Để đáp ứng được sự thay đổi nhu cầu của thị trường và phục vụ khách hàng theo định hướng lấy công nghệ làm cốt lõi, Công ty liên tục thay đổi, cập nhật chính sách sản phẩm, loại hình sản phẩm phù hợp với sự thay đổi của các chính sách kinh tế, sự biến động của thị trường và lớp đầu tư mới tham gia vào thị trường.

10.11 Chiến lược kinh doanh

Làn sóng công nghệ trong lĩnh vực tài chính công nghệ (fintech) vẫn đang lan tỏa mạnh mẽ, là xu hướng tất yếu của thời đại 4.0. Sự vận động không ngừng của fintech đã và đang mang tới những sự đổi mới, sáng tạo làm thay đổi bộ mặt của hệ thống tài chính – chứng khoán truyền thống với việc số hóa mọi giao dịch, thay đổi hoàn toàn thói quen của nhà đầu tư trên thị trường.

Trong những năm qua, việc kiên định theo đuổi hướng đi dựa trên mô hình fintech, lấy công nghệ làm cốt lõi đã giúp DNSE khẳng định vị thế là công ty chứng khoán tiên phong về công nghệ - yếu tố cốt lõi đã thu hút các nhà đầu tư từ những ngày đầu thành lập. Công ty đặt mục tiêu hàng đầu là đảm bảo hệ thống giao dịch ổn định, liên tục với tốc độ xử lý nhanh nhất thị trường. Trong vòng 4 năm, DNSE đã đạt được kết quả tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và số lượng tài khoản mở mới tăng ấn tượng.

Năm 2024, DNSE đã triển khai thành công hệ thống IBM LinuxONE, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc nâng cấp hạ tầng công nghệ. Việc đầu tư vào hệ thống này đã mang lại những cải thiện đáng kể về hiệu suất xử lý giao dịch. Cụ thể, 99% lệnh giao dịch được xử lý nhanh hơn từ 25% đến 100% so với trước đây, giúp tối ưu hóa trải nghiệm giao dịch của khách hàng và tăng cường khả năng đáp ứng trong những thời điểm thị trường có thanh khoản cao. Đặc biệt, tốc độ xử lý dữ liệu cuối ngày cũng được cải thiện 30%, giúp rút ngắn thời gian hoàn tất các quy trình nghiệp vụ sau giờ giao dịch, từ đó nâng cao hiệu quả vận hành tổng thể của công ty. Sự đầu tư này thể hiện cam kết của DNSE trong việc liên tục cải tiến nền tảng công nghệ, đảm bảo cung cấp dịch vụ giao dịch ổn định và hiệu quả cho khách hàng.

Đồng thời, kiên trì với sứ mệnh “Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt” và tầm nhìn “Kết nối nguồn vốn thông qua công nghệ”, việc đi sâu nghiên cứu, cải tiến toàn diện các tính năng, sản phẩm ứng dụng công nghệ sẽ tiếp tục được DNSE đặt làm trọng tâm phát triển. Trong năm 2025, DNSE sẽ tiếp tục phát triển hệ sinh thái đầu tư đa dạng, từ chứng khoán cơ sở đến phái sinh. DNSE tập trung đơn giản hóa trải nghiệm khách hàng và phát triển công nghệ hiện đại như lệnh AI, Trading Ideas, bot AI ENSA và SENSES, cùng tích hợp Trading View để nâng cao hiệu quả giao dịch.

Để hiện thực hóa chiến lược này, DNSE đã không ngừng đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Năm 2024, hơn 40% số lượng nhân sự tuyển mới thuộc khối Công nghệ, thể hiện quyết tâm xây dựng đội ngũ kỹ sư và chuyên gia công nghệ vững mạnh, phục vụ không chỉ các dự án hiện tại mà còn nghiên cứu, phát triển các sản phẩm tài chính đột phá, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo và phát triển năng lực đội ngũ khi đã tổ chức 13 khóa đào tạo chuyên môn, 4 khóa kỹ năng mềm, 2 khóa dành cho lãnh đạo cùng các buổi chia sẻ nội bộ hàng tháng để lan tỏa tri thức. DNSE cũng khuyến khích nhân viên học tập suốt đời bằng cách hỗ trợ chi phí học và thi các chứng chỉ chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

Về nguồn vốn, DNSE luôn chú trọng củng cố nền tảng tài chính vững chắc nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn và đảm bảo khả năng triển khai các kế hoạch chiến lược. DNSE duy trì đa dạng hóa các kênh huy động vốn, từ việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu cho đến hợp tác tín dụng với các định chế tài chính trong và ngoài nước. DNSE cũng chủ động thiết lập quan hệ hợp tác sâu rộng với nhiều ngân hàng và tổ chức tín dụng uy tín, qua đó mở rộng hạn mức tín dụng và đảm bảo nguồn vốn linh hoạt, ổn định cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi như giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán, tự doanh chứng khoán cũng như đầu tư hạ tầng công nghệ. Với định hướng này, DNSE không chỉ nâng cao khả năng cạnh tranh mà còn tạo dư địa tài chính an toàn để nắm bắt các cơ hội thị trường trong tương lai.

Bên cạnh đó, DNSE sẽ tập trung vào việc phát triển kênh bán đa dạng trên các nền tảng nhằm mở rộng thị phần và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh chiến lược phát triển đa kênh, trong đó tập trung mở rộng việc tối ưu hóa nội dung số trên các nền tảng mạng xã hội, giúp tiếp cận và gắn bó với khách hàng trên các nền tảng: Facebook, Website DNSE, Instagram, TikTok, website và ứng dụng Mạng xã hội Bò và Gấu.

DNSE cũng không ngừng mở rộng hợp tác chiến lược với các đối tác công nghệ tài chính như Ví điện tử Zalopay, các công ty Fintech và ngân hàng nhằm đa dạng hóa tiện ích giao dịch chứng khoán cho khách hàng, tạo ra một hệ sinh thái giao dịch toàn diện và thuận tiện. Những nỗ lực này thể hiện cam kết của DNSE trong việc không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ, hướng tới mục tiêu trở thành nền tảng giao dịch chứng khoán hàng đầu trên thị trường.

Với định hướng này, DNSE quyết tâm bước thêm những bước tiến năng tầm công nghệ, cung cấp nhiều sản phẩm tân tiến phục vụ nhu cầu của khách hàng trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

10.12 Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

DNSE luôn đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh, duy trì và tuân thủ các điều kiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành trước khi thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh nào, cụ thể:

Tiêu chí	Điều kiện	DNSE	Đáp ứng quy định
Vốn điều lệ	Quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Chứng khoán 2019 và Điều 175 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	Vốn điều lệ tại thời điểm hiện tại là 3.426 tỷ đồng, đáp ứng các điều kiện về vốn theo quy định pháp luật để thực hiện kinh doanh đầy đủ các nghiệp vụ của công ty chứng khoán.	Đã đáp ứng
Cổ đông, thành viên góp vốn	Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 74 Luật Chứng khoán 2019	Công ty đã đáp ứng điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 74 Luật Chứng khoán 2019	Đã đáp ứng
Cơ sở vật chất	Quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật Chứng khoán 2019	- Có trụ sở chính tại Tầng 6 tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngõ Thi Nhâm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam làm việc bảo đảm cho hoạt động kinh doanh chứng khoán; - Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang bị, thiết bị văn phòng, hệ thống công nghệ phù hợp với quy trình nghiệp vụ về hoạt động kinh doanh chứng khoán.	Đã đáp ứng
Nhân sự	Quy định tại khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán 2019	Công ty đã đáp ứng điều kiện về nhân sự theo quy định tại khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán 2019, trong đó tính đến thời điểm hiện tại, Công ty có Tổng Giám đốc và 68 nhân sự có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với từng nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cấp phép theo quy định.	Đã đáp ứng
Điều lệ tổ chức và hoạt động	Quy định tại khoản 6 Điều 74 Luật Chứng khoán 2019	Điều lệ của Công ty đã phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 1 Điều 80 của Luật Chứng khoán 2019 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn.	Đã đáp ứng

11. Chính sách đối với người lao động

Tại DNSE các mục tiêu quản trị và phát triển nguồn nhân lực luôn được gắn cùng với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Cụ thể, người lao động của Công ty luôn được trao cơ hội để thử thách bản thân. Mỗi cá nhân sẽ đều được tạo điều kiện công bằng để được học tập, đào tạo phát triển năng lực bản thân. Cùng với đó, mỗi cá nhân làm việc tại DNSE đều

được quan tâm, đào tạo và định hướng để tìm ra con đường phát triển sự nghiệp của bản thân, khẳng định giá trị của mình trong chuỗi giá trị mang lại cho Khách hàng và Công ty. DNSE rất chú trọng vào chính sách thu hút nhân tài, với chủ trương không cạnh tranh bằng lương mà bằng các giá trị vượt trội:

- Ban Lãnh đạo công ty luôn chủ động chia sẻ định hướng kinh doanh và cán bộ nhân viên được trải nghiệm những đột phá sáng tạo trong chính sách xây dựng sản phẩm mang đến nhiều giá trị vượt trội cho khách hàng.
- Cam kết lâu dài và chia sẻ thành quả: Mỗi thành viên là một nhân tố quyết định thành công của công ty và được khuyến khích phát triển, ghi nhận thành tích, cũng như có những tương thưởng xứng đáng.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc văn minh, sáng tạo, mang bản sắc riêng hướng tới các giá trị cốt lõi:



- Chính sách phúc lợi luôn được cập nhật liên tục để đảm bảo cạnh tranh với thị trường và công bằng với những nỗ lực đóng góp của cán bộ nhân viên.

Các chính sách với người lao động của DNSE cụ thể như sau:

11.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 30/09/2025, số lượng nhân sự DNSE có 266 người, trong đó:

Bảng 18. Cơ cấu lao động của Công ty

STT	Tiêu chí	Năm 2023	Năm 2024	30/09/2025
I	Theo trình độ lao động	186	231	266
1	Thạc sỹ	8	18	20
2	Đại học	172	207	239
3	Cao đẳng	3	1	1

STT	Tiêu chí	Năm 2023	Năm 2024	30/09/2025
4	Khác	3	5	6
II	Theo giới tính	186	231	266
1	Nam	86	118	124
2	Nữ	100	113	142
III	Theo tính chất hợp đồng lao động	186	231	266
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	159	183	192
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	27	48	74

(Nguồn: DNSE)

11.2 Chế độ làm việc

- Thông tin về nghỉ phép, lễ, tết
 - Nghỉ lễ, Tết hàng năm: Người lao động được nghỉ hưởng nguyên lương các ngày nghỉ lễ tết hàng năm theo quy định của pháp luật.
 - Nghỉ phép hàng năm hưởng nguyên lương: Một năm người lao động có 12 ngày phép, mỗi tháng làm việc có 01 ngày nghỉ phép. NLD làm việc 5 năm liên tục sẽ được hưởng thêm 01 ngày phép.
 - Các ngày nghỉ khác (nghỉ việc riêng hưởng nguyên lương, nghỉ theo chế độ BHXH) theo quy định hiện hành.
- Điều kiện làm việc
 - Thời gian làm việc: Từ 8h30 đến 12h00 và 13h00 đến 17h30, từ Thứ Hai đến thứ Sáu, nghỉ Thứ Bảy và Chủ Nhật.
 - Công cụ làm việc: Công ty trang bị đủ thiết bị cần thiết phục vụ công việc của nhân viên.
- Chính sách tuyển dụng
 - Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng công bằng, sàng lọc ứng viên chất lượng để phù hợp với vị trí cần tuyển.
 - Ngoài ra, công ty cũng có chương trình thưởng dành cho nhân viên nội bộ giới thiệu ứng viên cho Công ty.

11.3 Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, DNSE luôn phải đối mặt với thách thức từ các đối thủ cạnh tranh cũng như biến động của nền kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và thế giới. Với tôn chỉ nguồn nhân lực là yếu tố mang lại lợi thế cạnh tranh và giá trị vượt trội, DNSE luôn chú trọng vào công tác đào tạo kỹ năng, kiến thức chuyên môn cho đội ngũ nhân lực, không ngừng nâng cao năng lực cốt lõi cho nhân viên đáp ứng yêu cầu đặc thù ngành chứng khoán và xu hướng không ngừng cập nhật, phát triển của công nghệ. DNSE liên kết cùng Trung tâm Đào tạo Ủy ban Chứng khoán để tài trợ và cung cấp miễn phí cho nhân viên các khóa đào tạo cấp chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề chứng khoán. Nhân viên được công ty khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để tham gia các khóa học và ứng dụng các kiến thức được học vào việc cải tiến, tối ưu hóa hiệu suất công việc. Nhằm tạo ra sân chơi sáng tạo cho CBNV, chấp cánh và hiện thực hóa những ý tưởng mới đột phá, cuộc thi Hackathon đã trở thành hoạt động thường niên tại DNSE. Tại đây, đội ngũ công nghệ của DNSE cùng lên ý tưởng phát triển sản phẩm mới, lập trình và được chấm điểm trực tiếp bởi Ban lãnh đạo DNSE. Những sáng kiến sản phẩm sắc bén, phù hợp nhất sẽ ngay lập tức được tưởng thưởng và hiện thực hóa trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Bên cạnh đó, với định hướng phát triển lâu dài và bền vững, DNSE xây dựng khung năng lực cốt lõi và các tiêu chí đánh giá năng lực, đảm bảo sự công bằng và minh bạch trong việc đánh giá nhân viên, xây dựng lộ trình phát triển cho các vị trí kết hợp cùng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng như chính sách khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể có đóng góp tích cực cho sự phát triển của công ty, tạo động lực để CBNV luôn cố gắng phấn đấu, gắn bó lâu dài cùng công ty.

11.4 Chính sách lương thưởng và phúc lợi

- **Chính sách lương**

- Trả lương theo thỏa thuận giữa Công ty và CBNV, đảm bảo lợi ích của CBNV và Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và được thể hiện trong Hợp đồng lao động. Trả lương gắn với kết quả kinh doanh của cá nhân, đơn vị và của toàn Công ty.
- Lương được trả căn cứ vào vị trí công việc, phạm vi trách nhiệm và kinh nghiệm của người đảm nhận công việc đó; được đảm bảo công bằng về mặt nội bộ và cạnh tranh so với thị trường lao động nhằm thu hút, động viên và giữ chân CBNV có năng lực và gắn bó lâu dài với công ty.
- Tiền lương được dùng để thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ bảo hiểm bắt buộc khác (nếu có);

- **Chính sách thưởng**

- Thưởng cuối năm: Tùy theo kết quả kinh doanh và tỷ lệ đạt được so với mục tiêu kinh doanh, Công ty sẽ quyết định thưởng cho CBNV, các tập thể, cá nhân xuất sắc góp phần vào kết quả kinh doanh chung.
- Thưởng các danh hiệu thi đua.

- Thưởng theo thành tích đặc biệt.
- Thưởng sáng kiến.
- Thưởng các ngày Lễ Tết.

• **Chính sách phúc lợi**

Cán bộ nhân viên sẽ được hưởng chính sách phúc lợi theo quy định của Công ty tùy từng thời kỳ, Công ty luôn đảm bảo chính sách phúc lợi đối với cán bộ nhân viên để cán bộ nhân viên có thể phát huy tối đa hiệu suất công việc.

11.5 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

- Việc phát hành và tặng cổ phiếu ("Cổ Phiếu") theo chương trình lựa chọn dành người lao động ("CBNV") ("ESOP") nhằm mục đích tạo sự gắn bó giữa Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty" hoặc "DNSE") và cán bộ nhân viên tài năng, ghi nhận những nỗ lực và đóng góp cho Công ty của các cấp lãnh đạo, cán bộ, nhân viên có đóng góp lớn với Công ty, đồng thời thu hút nhân tài ngoài công ty thông qua chính sách đãi ngộ nhân sự hấp dẫn.
- Việc phát hành và tặng Cổ Phiếu cũng sẽ đem lại hình ảnh tốt đẹp, tạo giá trị nhân văn của doanh nghiệp cũng như tạo hiệu ứng tốt trong cả nội bộ Công ty và ngoài công chúng, giúp Công ty ngày càng mở rộng, vững mạnh và phát triển.
- Hằng năm căn cứ vào kết quả kinh doanh, HĐQT sẽ trình Đại hội thường niên thông qua việc phát hành cổ phiếu cho người lao động, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật cũng như đạt được mục đích Công ty đề ra. Cụ thể, trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành 02 đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2025. Số lượng cổ phiếu đã phát hành là 12.600.000 cổ phiếu được chia làm 02 đợt phát hành: Đợt 1 phát hành 9.900.000 cổ phiếu cho 176 người lao động và Đợt 2 phát hành 2.700.000 cổ phiếu cho 211 người lao động.

12. Chính sách cổ tức

Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, tình hình tài chính, nhu cầu tiền mặt và các yếu tố khác có liên quan trong từng thời điểm cụ thể, HĐQT sẽ cân nhắc đề xuất đưa ra tỷ lệ cổ tức hàng năm. Tỷ lệ cổ tức sẽ phải được thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên hàng năm nhưng sẽ không vượt quá mức HĐQT đề nghị.

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Kế hoạch 2025
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền (%) / vốn điều lệ	5%	5%	7% (bằng tiền/cổ phiếu)
Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (%) / vốn điều lệ	0%	0%	
Phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Nghị quyết số 01/2024/NQ-DNSE-	Nghị quyết số 01/2024/NQ-DNSE-	Nghị quyết số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Kế hoạch 2025
	ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2024; Nghị quyết số 09/2024/NQ-DNSE-HĐQT ngày 22/04/2024.	ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2024; Nghị quyết số 20A/2024/NQ-DNSE-HĐQT ngày 15/11/2024. Nghị quyết số 21/2024/NQ-DNSE-HĐQT ngày 18/11/2024.	ngày 19 tháng 03 năm 2025.

(Nguồn: DNSE)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

13.1 Đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng kết thúc vào ngày 01/02/2024

❖ **Thông tin về đợt chào bán**

- Hình thức: Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng
- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đã chào bán: 30.000.000 cổ phiếu
- Tổng vốn/ số tiền đã huy động: 900.005.060.000 đồng.
- Ngày kết thúc đợt chào bán: 01/02/2024.
- Phương án sử dụng vốn:

STT	Mục đích	Kế hoạch sử dụng vốn (% số tiền thu được từ đợt chào bán)
1	Bổ sung vốn để cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán, giao dịch ký quỹ	50%
2	Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh chứng khoán, đầu tư các giấy tờ có giá trên thị trường	40%
3	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển hệ thống của công ty, bổ sung vốn lưu động và các hoạt động hợp pháp khác của Công ty	10%
Tổng cộng		100%

❖ **Thông tin về việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn so với phương án đã được phê duyệt:**

Không có.

❖ **Thông tin về tình hình sử dụng vốn:**

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã sử dụng hết 100% số tiền thu được từ đợt chào bán gần nhất. Công ty đã thực hiện kiểm toán sử dụng vốn và thực hiện công bố thông tin theo quy định. Báo cáo tình hình sử dụng vốn đến ngày 8 tháng 3 năm 2024 cho nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng từ ngày 4 tháng 1 năm 2024 đến ngày 1 tháng 2 năm 2024 số 24-02-00064-24-2 ngày 18/03/2024 do Công ty TNHH KPMG kiểm toán. Cụ thể như sau:

Nội dung	Số tiền (VND)	Tỷ lệ sử dụng vốn		
		Theo kế hoạch (%)	Theo thực tế (%)	Chênh lệch %
Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu	900.005.060.000			
Thanh toán chi phí chào bán cổ phiếu	27.320.910.000			
Tổng số tiền ròng thu được từ đợt chào bán cổ phiếu	872.684.150.000	100	100	-
Bổ sung vốn để cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán, giao dịch kỳ quỹ	436.342.075.000	50	50	-
Cho vay giao dịch kỳ quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán	436.342.075.000	50	50	-
Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh chứng khoán, đầu tư các giấy tờ có giá trên thị trường	349.073.660.000	40	40	-
Đầu tư kinh doanh giấy tờ có giá	349.073.660.000	40	40	-
Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển hệ thống, bổ sung vốn lưu động và các hoạt động hợp pháp khác của Công ty (*)	87.268.415.000	10	10	-
Số dư còn lại tại ngày 8 tháng 3 năm 2024	-	-	-	-

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thể tất toán trước hạn và sẽ được sử dụng cho hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển hệ thống, bổ sung vốn lưu động và các hoạt động hợp pháp khác của Công ty.

13.2 Đợt chào bán Chào bán trái phiếu ra công chúng kết thúc ngày 15/01/2025

❖ **Thông tin về đợt chào bán**

- Tên trái phiếu: DSE125004

- Mã trái phiếu: DSE125004
- Hình thức: Chào bán trái phiếu ra công chúng
- Loại chứng khoán: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo.
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng: 3.000.000 trái phiếu.
- Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 300.000.000.000 đồng.
- Số tiền thu được từ đợt chào bán: 300.000.000.000 đồng.
- Thời điểm hoàn thành đợt chào bán: 15/01/2025.
- Phương án sử dụng vốn:

STT	Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	Số tiền sử dụng dự kiến (VND)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Tổ chức phát hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu để thực hiện đầu tư cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ (70%)	210.000.000.000	Quý II – Quý III/2024
2	Tổ chức phát hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu để đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán, đầu tư giấy tờ có giá trên thị trường (30%)	90.000.000.000	Quý II – Quý III/2024
Tổng cộng		300.000.000.000	

- ❖ **Thông tin về việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn so với phương án đã được phê duyệt:**

Không có.

- ❖ **Thông tin về tình hình sử dụng vốn:**

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã sử dụng hết 100% số tiền thu được từ đợt chào bán gần nhất. Công ty đã thực hiện kiểm toán sử dụng vốn theo Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng tại ngày 03/11/2025 số 197/2025/BCKT-AVI-TC1 ngày 06/11/2025 do Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán. Cụ thể như sau:

STT	Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	Số tiền sử dụng dự kiến (VND)	Số tiền đã giải ngân (VND)	Thời gian giải ngân
1	Tổ chức phát hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu để thực hiện đầu tư cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ (70%)	210.000.000.000	210.000.000.000	22/01/2025
2	Tổ chức phát hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu để đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán, đầu tư giấy tờ có giá trên thị trường (30%)	90.000.000.000	90.000.000.000	23/01/2025

STT	Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	Số tiền sử dụng dự kiến (VND)	Số tiền đã giải ngân (VND)	Thời gian giải ngân
	Tổng cộng	300.000.000.000	300.000.000.000	

13.3 Đợt chào bán Chào bán trái phiếu ra công chúng kết thúc ngày 27/10/2025

❖ **Thông tin về đợt chào bán**

- Tên trái phiếu: DSE125018
- Mã trái phiếu: DSE125018
- Hình thức: Chào bán trái phiếu ra công chúng
- Loại chứng khoán: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo.
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng: 10.000.000 trái phiếu.
- Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 1.000.000.000.000 đồng.
- Số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.000.000.000.000 đồng.
- Thời điểm hoàn thành đợt chào bán: 27/10/2025.
- Phương án sử dụng vốn: Thực hiện đầu tư cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.

❖ **Thông tin về việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn so với phương án đã được phê duyệt:**

Không có.

❖ **Thông tin về tình hình sử dụng vốn:**

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã sử dụng hết 100% số tiền thu được từ đợt chào bán gần nhất. Công ty đã thực hiện kiểm toán sử dụng vốn theo Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng tại ngày 03/11/2025 số 197/2025/BCKT-AVI-TC1 ngày 06/11/2025 do Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán. Cụ thể như sau:

STT	Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	Số tiền sử dụng dự kiến (VND)	Số tiền đã giải ngân (VND)	Thời gian giải ngân
1	Tổ chức phát hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu để thực hiện đầu tư cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Từ ngày 28/10/2025 đến ngày 03/11/2025
	Tổng cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

Ngoài ra ngày 14/09/2023, DNSE đã nhận Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 805/QĐ-XPHC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc vi phạm quy định về nhận lệnh và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng. Cụ thể, DNSE cho 04 tài khoản đặt lệnh mua thỏa thuận chứng khoán khi không có đủ tiền trên tài khoản giao dịch chứng khoán. DNSE đã hoàn tất nghĩa vụ nộp phạt 125 triệu đồng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 05/11/2024, DNSE đã nhận Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 1203/QĐ-XPHC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc vi phạm quy định về hạn chế giao dịch ký quỹ. Cụ thể, ngày 6/5/2024, Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE báo cáo Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 4/2024. Theo đó, Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE đã đưa mã chứng khoán L18 (mã chứng khoán đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội bổ sung vào danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ từ ngày 8/4/2024) vào danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ. Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE đã thực hiện cho vay ký quỹ đối với mã chứng khoán L18 (từ ngày 8/4/2024 đến 8/5/2024). DNSE đã hoàn tất nghĩa vụ nộp phạt 125 triệu đồng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Bên cạnh đó, thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại Công văn số 8975/UBCK-TT ("Công văn 8975") ngày 15/12/2023, liên quan đến việc chấm dứt các giao dịch theo thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản đã được ký kết giữa DNSE và khách hàng của DNSE (hay còn được gọi là thỏa thuận "Trừng Vàng"), DNSE đã theo lộ trình báo cáo UBCKNN về việc tắt toàn các thỏa thuận Trừng vàng hàng tháng và đến ngày 29/03/2024 Công ty đã chấm dứt toàn bộ các giao dịch theo thỏa thuận Trừng vàng, sớm hơn so với ngày quy định theo Công văn 8975 của UBCKNN là 30/09/2024.

Ngày 25/11/2025, DNSE đã nhận Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 440/QĐ-XPHC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc vi phạm quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ. Cụ thể, theo Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 được soát xét, Vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 4.029.800 triệu đồng, tại ngày 30/06/2025 là 4.156.250 triệu đồng. Theo Báo cáo tình hình hoạt động tháng 4 và tháng 8 năm 2025 của Công ty, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty đối với mã chứng khoán GEX tại ngày 30/04/2025 là 428.894 triệu đồng, chiếm

10,6% Vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2024; dư nợ cho vay giao dịch kỳ quỹ của Công ty đối với mã chứng khoán VIX tại ngày 31/8/2025 là 426.287 triệu đồng, chiếm 10,25% Vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2025, vượt quá 10% Vốn chủ sở hữu của Công ty. DNSE đã hoàn tất nghĩa vụ nộp phạt 92.500.000 đồng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 (hai) năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

**Bảng 19. Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty
giai đoạn 2023 – 9 tháng đầu năm 2025**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm cùng kỳ	9T2025
Tổng tài sản	7.446.063	10.637.252	42,9%	14.009.371
Vốn chủ sở hữu	3.305.345	4.029.800	21,9%	4.293.058
Doanh thu hoạt động	714.514	807.412	13,0%	1.023.088
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	270.534	213.539	-21,1%	327.553
Lợi nhuận khác	15.102	13.962	-7,6%	1.005
Lợi nhuận trước thuế	285.636	227.501	-20,4%	328.558
Lợi nhuận sau thuế	228.984	181.771	-20,6%	263.257
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	72,06%	90,77%	N/A	N/A
Tỷ lệ cổ tức	5,0%	5,0%	N/A	N/A
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	7,11%	4,96%	N/A	6,33%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

Theo số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại cuối năm 2023, Công ty tăng vốn điều lệ từ 3.000 lên 3.300 tỷ đồng thông qua thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tạo tiền đề cho việc phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm 2024, tổng tài sản của DNSE ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, từ 7.446 tỷ đồng cuối năm 2023 lên 10.637 tỷ đồng vào cuối năm 2024, tương đương mức tăng 42,9%. Đến hết quý III/2025,

tổng tài sản tiếp tục tăng lên 14.009,37 tỷ đồng, cho thấy DNSE vẫn duy trì được đà mở rộng về quy mô. Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng từ 714,5 tỷ Doanh thu thuần năm 2023 lên 807,4 tỷ Doanh thu năm 2024, tương ứng tăng 13,0% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chưa đạt mức tăng trưởng tương ứng, giảm từ 228,9 tỷ (2023) xuống 182 tỷ (2024), tương đương mức giảm 20,6% so với cùng kỳ. Sự sụt giảm này chủ yếu do việc trích lập danh mục tự doanh và ảnh hưởng từ diễn biến không thuận lợi của thị trường chứng khoán trong thời gian qua. Doanh thu hoạt động 9 tháng đầu năm 2025 đạt 1.023 tỷ đồng, tăng hơn 78,4% so với cùng kỳ năm trước, cùng với lợi nhuận sau thuế tăng 77,06%. Như vậy, sau 9 tháng, DNSE đã hoàn thành vượt mức lợi nhuận mục tiêu đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Kết quả này phản ánh sự bứt phá mạnh mẽ của công ty khi lợi nhuận sau thuế năm 2020 (Thời điểm xác định chuyển đổi định hướng toàn công ty) chỉ hơn 2 tỷ đồng – Sau gần 5 năm chuyển đổi sang mô hình công ty chứng khoán công nghệ, DNSE đã xây dựng nền tảng vững chắc, tạo tiền đề cho tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Kết quả này có được nhờ chiến lược sản phẩm xuyên suốt và nỗ lực tối đa của toàn bộ đội ngũ DNSE dưới tầm nhìn chung “Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt” bằng công nghệ. Năm qua, DNSE đã tiếp tục phát triển những tính năng lần đầu có mặt, hỗ trợ khách hàng quản lý tài sản, quản trị rủi ro tự động, đầu tư dễ dàng, hiệu quả hơn. Việc kết nối API (trung gian kết nối dữ liệu) với các đối tác nhằm triển khai giao dịch “một chạm” là hai trong số những cải tiến công nghệ bắt kịp xu hướng thế giới mà DNSE là đơn vị tiên phong triển khai, mang lại lợi thế cạnh tranh trong năm qua cũng như dài hạn.

Sản phẩm tài khoản chứng khoán đầu tiên trên ví điện tử ZaloPay là minh chứng cho thành công của chiến lược kết nối API với các đối tác ngành tài chính, dữ liệu... nhằm “phổ cập hóa đầu tư” của DNSE. Đồng thời, Công ty cũng đã đẩy mạnh tiếp cận khách hàng qua các kênh mạng xã hội giải trí chứng khoán Bò và Gấu. Đó là những kênh thu hút khách hàng độc đáo, khác biệt và nhiều tiềm năng, đã góp phần giúp DNSE tăng tốc trên đường đua thị phần, liên tục vào top đầu thị phần tài khoản mở mới kể từ năm 2023 và tiếp tục duy trì đến quý III/2025.

- **Các chỉ tiêu khác: Tổng hợp các chỉ tiêu tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động**

Chỉ tiêu	2023	2024	Tăng/giảm cùng kỳ	06 tháng 2025
Nợ ngắn hạn/Tài sản ngắn hạn (Lần)	0,63	0,81	28,9%	0,74
Tổng giá trị rủi ro thị trường (Triệu VND)	107.217	284.515	165,4%	443.364
Tổng giá trị rủi ro thanh toán (Triệu VND)	263.952	291.623	10,5%	304.396
Tổng giá trị rủi ro hoạt động (Triệu VND)	180.000	180.000	0,0%	180.000

Chỉ tiêu	2023	2024	Tăng/giảm cùng kỳ	06 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị rủi ro (Triệu VND)	551.168	756.128	37,2%	927.759
Vốn khả dụng (Triệu VND)	2.756.602	3.856.672	39,9%	4.014.516
Tỷ lệ vốn khả dụng (Vốn khả dụng/Tổng giá trị rủi ro) (%)	500,1%	510,1%	2,0%	433%

(Nguồn: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2023, 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 của DNSE)

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập về Tỷ lệ vốn khả dụng:
- ❖ **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập – Công ty TNHH KPMG đối với Báo cáo Tỷ lệ An toàn tài chính năm 2023:**
"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính."
- ❖ **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập – Công ty TNHH KPMG đối với Báo cáo Tỷ lệ An toàn tài chính năm 2024:**
"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính."
- ❖ **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập – Công ty TNHH KPMG đối với Báo cáo Tỷ lệ An toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2025:**
"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE không được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính."
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập về các chỉ tiêu khác:
 Không có.

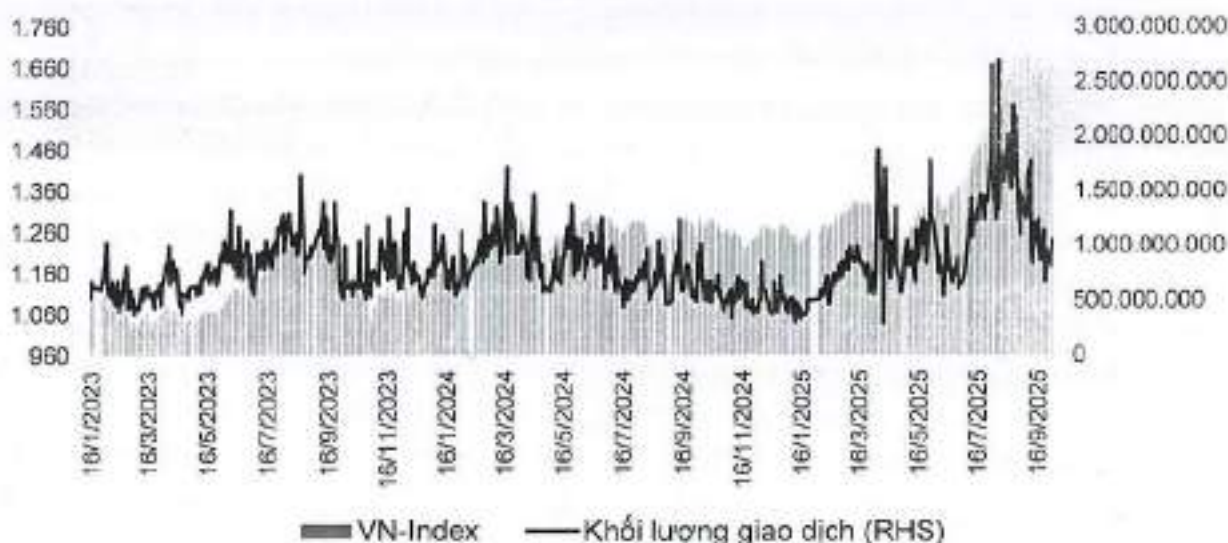
1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

1.2.1 Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 (năm) liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Biến động của thị trường tài chính, chứng khoán là nhân tố tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của DNSE.

Sau giai đoạn trầm lắng trong những tháng đầu năm 2023, thanh khoản thị trường chứng khoán đã được cải thiện đáng kể và duy trì đà tăng tới hết năm 2024. Theo Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 31/12/2024, chỉ số VNIndex đạt 1.266,78 điểm, tăng 1,3% so với cuối tháng trước và tăng 12,1% so với cuối năm trước. Mức vốn hóa thị trường ước đạt 7.158,9 nghìn tỷ đồng, tăng 20,6% so với cuối năm 2023; giá trị giao dịch bình quân đạt 21.008 tỷ đồng/phiên, tăng 19,5% so với bình quân năm 2023. Tính từ đầu năm đến 30/09, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 29,2 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng gần 40% so với bình quân năm 2024; giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 14.050 tỷ đồng/phiên, tăng 19,0%; trên thị trường chứng khoán phái sinh, khối lượng giao dịch bình quân đạt 223,800 hợp đồng/phiên, giảm 6%; sản phẩm chứng quyền có bảo đảm đạt 56,7 triệu chứng quyền/phiên, tăng 14,3% và giá trị giao dịch bình quân đạt 77,7 tỷ đồng/phiên, tăng 84,9%¹². VNIndex đóng cửa ngày 30/9 tại 1.661,7 điểm, tăng 31,2% so với cuối năm trước.

Biến động VN-Index



(Nguồn: HSX, HNX, VSDC)

DNSE lạc quan về triển vọng của thị trường chứng khoán Việt Nam và điều này sẽ có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của DNSE. Sự hồi phục ấn tượng của chỉ số VNIndex và thanh khoản thị trường vào cuối năm 2024, nhờ vào việc nới lỏng lãi suất và các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ, làm tăng cường triển vọng tăng trưởng dài hạn của ngành

¹² <https://www.nso.gov.vn/bai-top/2025/10/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xe-hoi-quy-iii-va-9-thang-nam-2025/>

mỗi giới. Hơn nữa, tiềm năng phát triển thị trường, cũng như tiềm năng mảng mỗi giới trong tương lai sẽ có nguồn gốc từ:

- Sự tăng trưởng thanh khoản thị trường thông qua sự tham gia của các Nhà đầu tư Nhỏ lẻ;
- Sự gia tăng dòng vốn từ nhà đầu tư nước ngoài.

Ngoài các nhân tố tác động tích cực tới toàn bộ ngành chứng khoán, DNSE còn tự tin về việc áp dụng công nghệ mạnh mẽ của người Việt Nam trong hoạt động hằng ngày và đầu tư, tạo ra lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ cho các CTCK sử dụng công nghệ như DNSE.

Việt Nam và thế giới tiếp tục tiến tới chu kỳ mới: Lãi suất thấp thường dẫn đến việc gia tăng giá trị tài sản và đây là động lực cho thị trường chứng khoán tăng giá. Một mặt, lãi suất thấp giúp tăng kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Mặt khác, lãi suất thấp thu hút các nhà đầu tư đến với thị trường chứng khoán qua việc tìm kiếm lợi nhuận, từ đó hỗ trợ tăng trưởng thanh khoản thị trường cũng như giá trị các doanh nghiệp niêm yết.

Năm 2020, khi đại dịch COVID-19 xảy ra, môi trường lãi suất toàn cầu chuyển sang nơi lỏng để hỗ trợ nền kinh tế. Việt Nam cũng đi theo xu hướng với lãi suất tiền gửi 12 tháng tại các ngân hàng thương mại nhà nước giảm từ 6,8% trước đại dịch xuống mức đáy 5,5% vào năm 2021. Với thanh khoản dư thừa, thị trường chứng kiến một trong những đợt tăng điểm mạnh nhất trong lịch sử chứng khoán Việt Nam, với chỉ số VN Index đạt mức cao nhất mọi thời đại, đạt 1.528,57 vào ngày 6 tháng 1 năm 2022 (từ mức đáy 659,21 vào ngày 24 tháng 3 năm 2020), trong khi giá trị giao dịch trung bình đạt 30 nghìn tỷ đồng trong suốt tháng 11 năm 2021 và tháng 1 năm 2022 (từ dưới 5 nghìn tỷ đồng trong Quý I năm 2020).

Khi thanh khoản trên thị trường tiền tệ bắt đầu cạn kiệt và lãi suất tăng dần vào giữa năm 2022, giá trị giao dịch cũng có xu hướng giảm. Đặc biệt khi sự kiện SCB/Vạn Thịnh Phát bùng nổ (tháng 10/2022), lãi suất huy động tăng vọt lên mức cao nhất, đạt 7,4%, trong 2 tháng, thị trường chứng kiến sự sụt giảm mạnh khi nhà đầu tư gửi tiền vào ngân hàng thương mại thay vì ở lại thị trường chứng khoán. Đối với một số ngân hàng tư nhân, lãi suất thực tế được đưa ra trong quý 4 năm 2022 cao tới 12%.

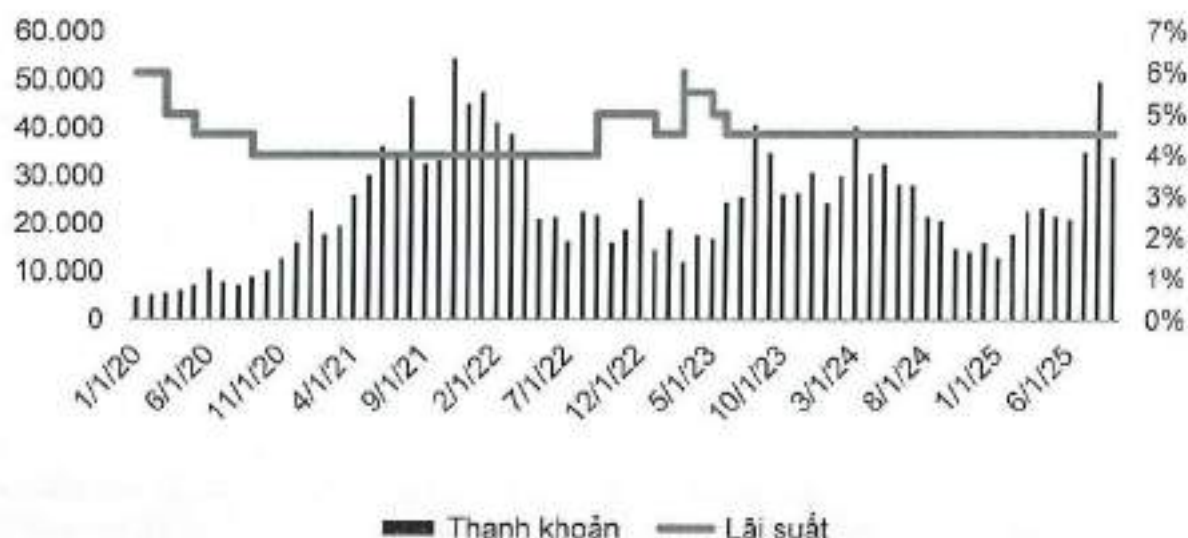
Khi thanh khoản trên thị trường tiền tệ được cải thiện và với nỗ lực hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, lãi suất chính sách đã được NHNN cắt giảm bốn lần trong năm 2023, đánh dấu chính sách tiền tệ nới lỏng của Việt Nam (sau một thời gian thắt chặt ngắn). Kết quả là thị trường chứng khoán phục hồi ấn tượng và giá trị giao dịch đạt 20 nghìn tỷ đồng trong quý 2 năm 2023 từ mức chỉ 10 nghìn tỷ đồng trong quý I năm 2023. Đến năm 2024, đà phục hồi của thị trường chứng khoán vẫn không giảm, mức vốn hóa thị trường ước đạt 7.158,9 nghìn tỷ đồng, tăng 20,6% so với cuối năm 2023; giá trị giao dịch bình quân đạt 21.008 tỷ đồng/phiên, tăng 19,5% so với bình quân năm 2023. Điều này cho thấy thị trường đã thiết lập được mặt bằng thanh khoản mới sau cú huých chính sách từ năm 2023, và dòng tiền hiện không còn mang tính thời điểm mà đã ổn định hơn, phản ánh sự dịch chuyển tài sản có tính cấu trúc – đặc biệt từ nhà đầu tư cá nhân.

Quý III/2025 trở thành dấu mốc nổi bật của thị trường chứng khoán Việt Nam khi VN-Index bứt phá hơn 20% chỉ trong 3 tháng, ghi nhận một trong những nhịp hồi phục mạnh nhất kể từ sau đại dịch COVID-19. Đà tăng trưởng này không chỉ phản ánh sự cải thiện của tâm lý thị trường, mà còn mang lại lợi nhuận vượt trội cho nhiều quỹ mở, đặc biệt là nhóm quỹ cổ phiếu. Ngoài ra, việc hệ thống giao dịch mới KRX chính thức vận hành đã tạo điều kiện kỹ

thuật thuận lợi cho dòng tiền luân chuyển linh hoạt hơn giữa các nhóm cổ phiếu, hỗ trợ cho hoạt động giao dịch trong ngày và nâng cao trải nghiệm của nhà đầu tư cá nhân.

DNSE kỳ vọng môi trường lãi suất tương đối thấp và ổn định sẽ được duy trì trong giai đoạn 2025-2026, điều này sẽ thúc đẩy giá trị giao dịch trung bình tăng 20-25% trong năm tài chính 2025-2026.

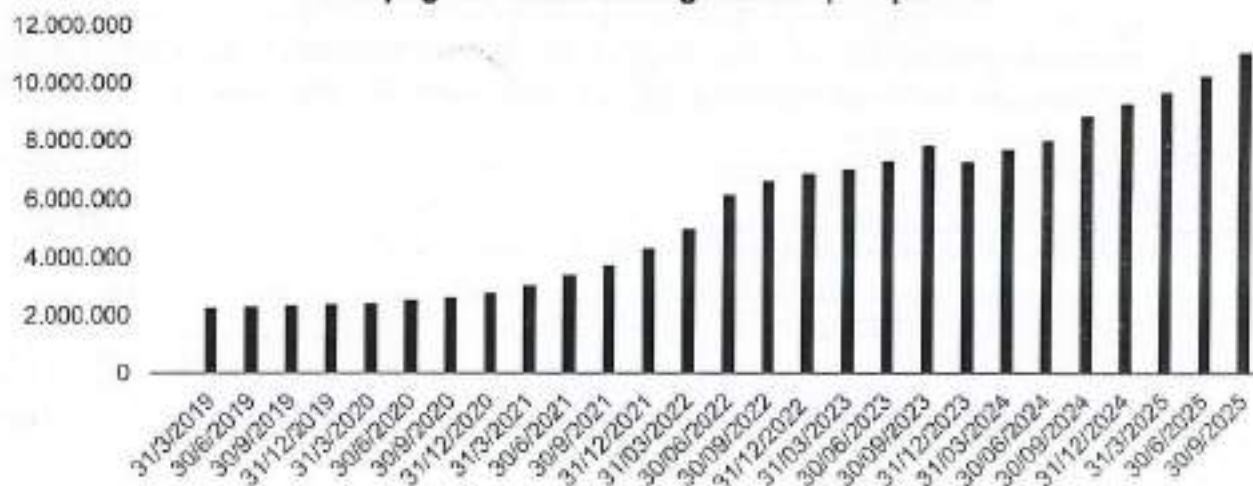
Thanh khoản TTCK Việt Nam (Tỷ đồng)



Sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân dự kiến tiếp tục tăng trưởng: Sự gia tăng các nhà đầu tư cá nhân toàn cầu trong giai đoạn 2020-2021; Điều này là do tăng trưởng kinh tế vĩ mô kéo dài, sự trỗi dậy của các nền tảng giao dịch trực tuyến và tác động mạnh mẽ từ đại dịch COVID-19 (với nhiều gói kích cầu) và tiền rẻ.

Tại Việt Nam, tổng tài khoản môi giới, chủ yếu là nhà đầu tư bán lẻ, đã tăng gấp ba lần trong giai đoạn 2019-2022 và 11 triệu vào cuối thời điểm 30/09/2025, chiếm ~10% dân số Việt Nam (Ước tính 1 tài khoản/nhà đầu tư).

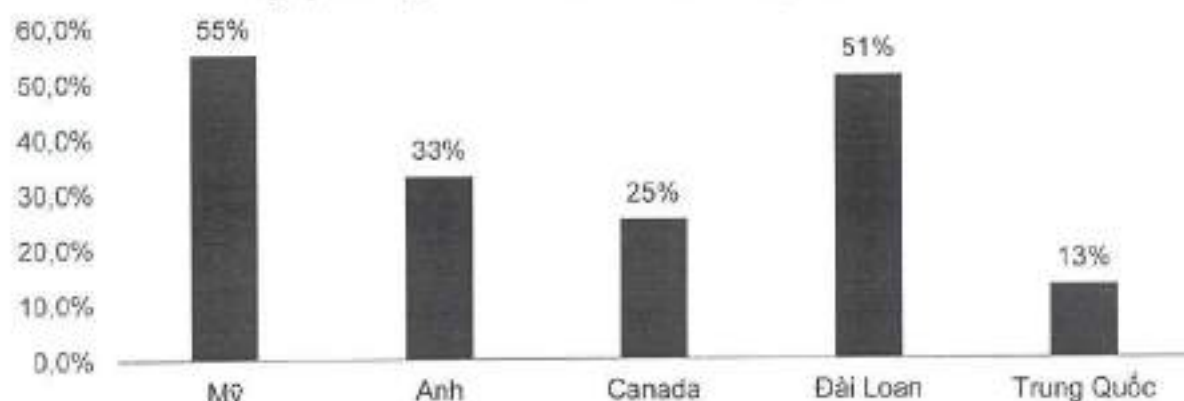
Số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam



(Nguồn: VSDC)

Tỷ lệ tham gia của các nhà đầu tư (tính theo phần trăm dân số) nhìn chung cao hơn ở các thị trường phát triển (Mỹ 55%, Anh 33%, Canada 25% và Đài Loan 51%) so với các thị trường đang phát triển (Trung Quốc 13%, Ấn Độ 3%, Indonesia 1%).

Tỷ lệ tham gia TTCK của nhà đầu tư tại các nước

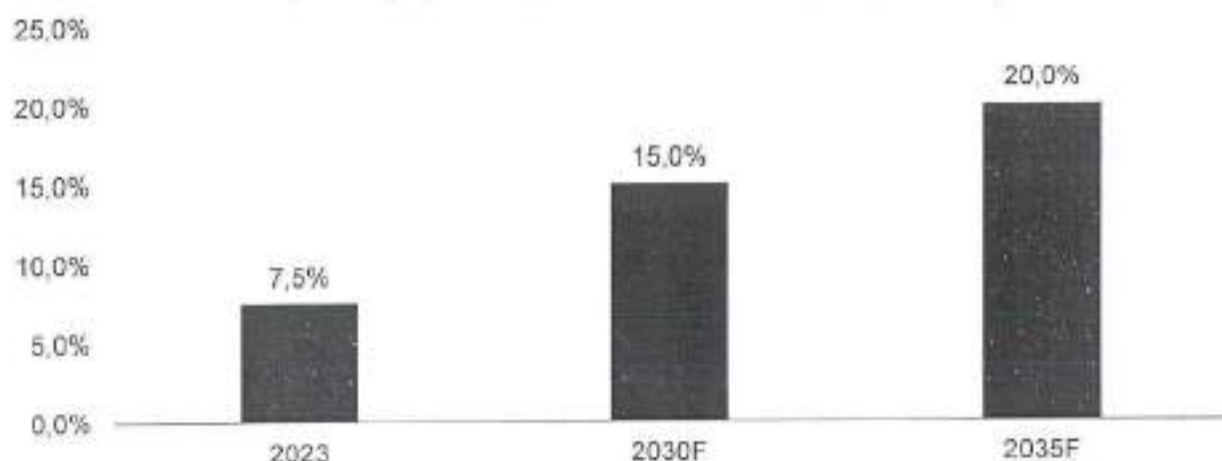


(Nguồn: Thu thập từ các TTCK, DNSE tổng hợp)

Sự thâm nhập của các nhà đầu tư bán lẻ tại Việt Nam sẽ tăng theo thời gian, do tầng lớp thu nhập trung lưu ngày càng tăng, thu nhập khả dụng ngày càng tăng và sự phát triển của thị trường vốn; chất xúc tác cho tăng trưởng nhanh thường bao gồm lãi suất thấp và hiệu suất chỉ số mạnh mẽ. Sự tham gia ngày càng tăng của các nhà đầu tư sẽ thúc đẩy hiệu suất chỉ số mạnh mẽ hơn.

Mặc dù khó có thể dự báo chính xác mức độ thâm nhập của các nhà đầu tư cá nhân, DNSE kỳ vọng mức tăng 1-1,5% mỗi năm và tỷ lệ thâm nhập của nhà đầu tư sẽ đạt ~15% vào năm 2030, nhờ tăng trưởng kinh tế vĩ mô dài hạn vững chắc của Việt Nam, dân số có thu nhập trung bình ngày càng tăng và các điều kiện thuận lợi từ môi trường lãi suất.

Dự báo tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư tại Việt Nam



(Nguồn: DNSE)

Sự áp dụng công nghệ mạnh mẽ trong lĩnh vực đầu tư của người Việt: Việt Nam được dự báo sẽ thuộc nhóm nền kinh tế số phát triển nhanh nhất ở Đông Nam Á, với giá trị nền kinh tế số dự kiến đạt 30 tỷ USD vào năm 2023 và có mức tăng trưởng CAGR là 20% và

17%, đạt 43 tỷ USD và 200 tỷ USD trong giai đoạn 2023-2025 và 2025-2030. Điều này khẳng định sự tích hợp công nghệ vào hoạt động hằng ngày của người dùng Việt Nam, tạo động lực cạnh tranh mạnh mẽ đối với các công ty chứng khoán sử dụng công nghệ phục vụ khách hàng.

Dự báo CAGR kinh tế số các nước Đông Nam Á



(Nguồn: Google, Bain, Temasek)

Các yếu tố nội tại ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của DNSE không chỉ trong năm 2024 mà còn trong dài hạn bao gồm:

- **Chiến lược phát triển sản phẩm công nghệ:** Việc liên tục đầu tư và phát triển các sản phẩm công nghệ tiên phong như Margin X, trợ lý ảo Ensa, và trang phân tích Senses sẽ giúp DNSE duy trì và nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường công nghệ.
- **Đa dạng hóa sản phẩm:** Sự đa dạng hóa này giúp DNSE giảm thiểu rủi ro, tối ưu hóa nguồn vốn và tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh mới. Đồng thời cũng giúp khách hàng có được các trải nghiệm sản phẩm theo hướng thân thiện và sát với yêu cầu của người dùng.
- **Phát triển kênh bán hàng:** Việc đẩy mạnh các kênh bán hàng phong phú như B2B2C (viết tắt của Business To Business To Customer) là một mô hình kinh doanh kết hợp các tính năng của cả mô hình bán hàng B2B (Business to Business) và mô hình B2C (Business to Customer)), mạng xã hội Bò và Gấu, và hệ thống cộng tác viên SACO sẽ giúp DNSE tiếp cận được nhiều khách hàng hơn, tăng cường hiệu quả kinh doanh và xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng.
- **Huy động vốn và quản lý tài chính:** Khả năng huy động vốn hiệu quả thông qua các đợt IPO, niêm yết cổ phiếu, phát hành trái phiếu sẽ cung cấp nguồn lực tài chính cần thiết để DNSE thực hiện các kế hoạch kinh doanh và mở rộng quy mô. Việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn này để phát triển các kế hoạch kinh doanh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của DNSE.
- **Phát triển sản phẩm chứng khoán phái sinh:** Đặt trọng tâm vào phát triển sản phẩm chứng khoán phái sinh và duy trì vị thế trong top thị phần môi giới chứng khoán phái sinh sẽ giúp DNSE tạo ra lợi thế cạnh tranh mũi nhọn, tăng cường doanh thu và mở rộng thị phần. Tuy

nhiên, sự cạnh tranh từ các công ty khác có thể ảnh hưởng đến thị phần và lợi nhuận của DNSE.

1.2.2 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Trong năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đối diện với nhiều diễn biến phức tạp, xuất phát từ nhiều yếu tố cả trong và ngoài nước như tình hình dịch Covid-19; tăng giá nguyên, nhiên, vật liệu trên thế giới do tác nghẽn chuỗi cung ứng, sản lượng sản xuất không đáp ứng kịp nhu cầu gia tăng khi các nền kinh tế hồi phục; mức dư nợ giao dịch kỳ quỹ toàn thị trường tăng nhanh, cùng với việc nhà đầu tư cá nhân gia tăng tỷ trọng trên TTCK Việt Nam, đã làm tăng rủi ro cho thị trường khi tính ổn định của dòng vốn chưa cao; tình hình kinh tế - chính trị thế giới trong năm 2022 tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; cạnh tranh chiến lược giữa các nước, đặc biệt là xung đột giữa Nga và Ukraine ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế thế giới... Kể từ đầu tháng 04/2022, trước những ảnh hưởng đến từ tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, TTCK Việt Nam bước vào giai đoạn điều chỉnh mạnh. Các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành cũng đều bị ảnh hưởng chung theo tình hình chung nói trên.

Năm 2023, mặc dù Ngân hàng Nhà nước đã liên tục giảm lãi suất điều hành, mặt bằng lãi suất được hạ thấp ở mức hợp lý và các chính sách của Nhà nước hỗ trợ thị trường vốn và doanh nghiệp, các diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới vẫn biến động của thị trường quốc tế như xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ từ các nước lớn nhằm kiềm chế lạm phát và nguy cơ suy giảm kinh tế toàn cầu đã tạo nên áp lực tỷ giá, ảnh hưởng đến xuất khẩu và dòng vốn đầu tư tại Việt Nam, tình hình tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế tăng trưởng ở mức thấp. Đây là các yếu tố biến động đã và đang ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chung của Tổ Chức Phát Hành.

Năm 2024 tiếp tục chứng kiến sự phân hóa trong triển vọng tăng trưởng giữa các khu vực. Nhiều nền kinh tế phát triển đang phải đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng, bất chấp chính sách tiền tệ đã bắt đầu nới lỏng. Hoạt động kinh tế toàn cầu tuy không rơi vào suy thoái, nhưng vẫn ở mức thấp hơn tiềm năng, với lạm phát dù đã hạ nhiệt so với năm 2023, nhưng vẫn ở mức cao hơn mục tiêu tại nhiều quốc gia.

Năm 2025, DNSE tiếp tục giám sát các biến động lớn có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty. Tiềm năng phát triển kinh tế thế giới nói chung & Việt Nam nói riêng ảnh hưởng trực tiếp tới tâm lý nhà đầu tư trong, ngoài nước và kết quả kinh doanh các công ty chứng khoán. Trong năm 2025, DNSE nhìn nhận các yếu tố có thể ảnh hưởng mạnh tới nền kinh tế toàn cầu, Việt Nam cũng như hoạt động kinh doanh của DNSE bao gồm 1) biến động địa chính trị; 2) biến động kinh tế: Biến động địa chính trị đến cuộc đua công nghệ toàn cầu: Một cuộc đua công nghệ giữa Mỹ và Trung Quốc với quy mô bao trùm toàn thế giới, đây là cuộc cạnh tranh giữa hai hệ thống chính trị và thể hiện tham vọng của các nền kinh tế mới nổi, nhận thức được tầm quan trọng toàn cầu ngày càng tăng và đang cố gắng tăng cường tầm quan trọng của mình (ở cấp độ toàn cầu, ví dụ: trong các tổ chức hoặc hiệp định quốc tế). Lợi thế công nghệ được xác định là động lực chính cho vai trò lãnh đạo chính trị và kinh tế toàn cầu, đưa Mỹ vào thế cực và coi Trung Quốc là đối thủ hàng đầu (với chiến lược công nghệ riêng).

Lợi thế công nghệ được xác định là động lực chính cho vai trò lãnh đạo chính trị và kinh tế toàn cầu: Cuộc đua giành vị trí dẫn đầu về công nghệ ở một mức độ nhất định biến việc chia sẻ trách nhiệm giữa các nền kinh tế toàn cầu thành một cuộc cạnh tranh giành các nguồn lực từ nguyên liệu thô, nhân lực và giáo dục đến sở hữu trí tuệ, khiến khả năng đáp ứng của

chuỗi cung ứng gặp rủi ro. Trong khi Mỹ đang tìm cách bảo vệ vị trí dẫn đầu về CNTT và kiểm soát cơ sở hạ tầng quan trọng của mình bằng cách hạn chế khả năng tiếp cận công nghệ cao của Trung Quốc, thì Trung Quốc đang cố gắng tận dụng và mở rộng hơn nữa vị thế dẫn đầu toàn cầu của mình trong các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, pin và di động điện tử bằng cách quản lý chặt chẽ lĩnh vực công nghệ, hạn chế tiếp cận thị trường của người nước ngoài và kiểm soát người chơi trong nước.

Những căng thẳng này cũng như các xung đột khác và những hạn chế kéo theo đang thúc đẩy mong muốn thành lập các liên minh và thỏa thuận quốc tế mới ở các khu vực và quốc gia định hướng thương mại như Châu Âu, Ấn Độ, các quốc gia trên Bán đảo Ả Rập hoặc Nga và những quốc gia đang tìm cách tăng thị phần thương mại của mình. Việt Nam cũng không nằm trong ngoại lệ khi nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào giao thương cũng như vốn FDI.



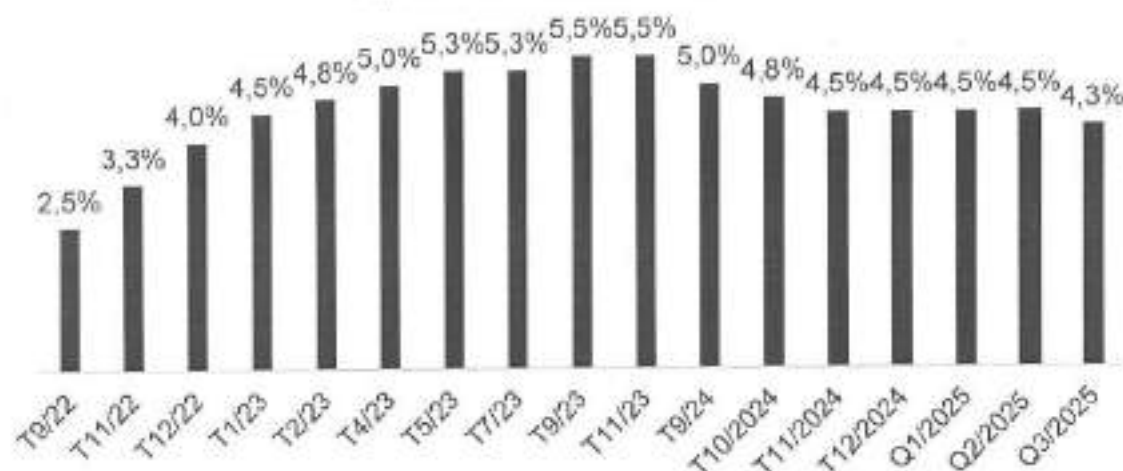
(Nguồn: GSO)



(Nguồn: GSO)

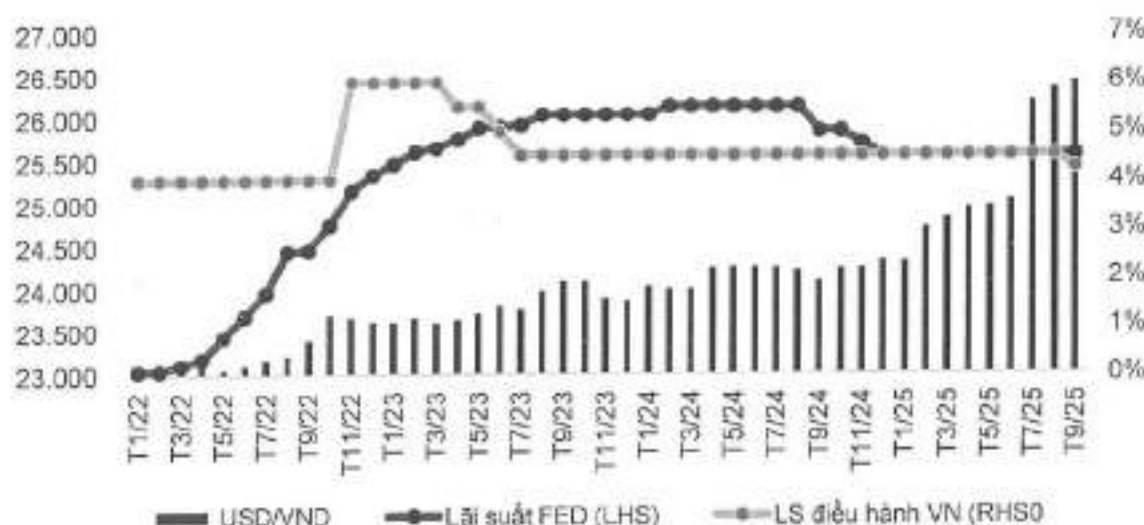
Biến động kinh tế từ chênh lệch lãi suất, áp lực tiền tệ & lạm phát: Tính đến cuối tháng 10/2025, kinh tế toàn cầu đang trải qua giai đoạn biến động mạnh và đầy rủi ro khi các ngân hàng trung ương phải cân bằng giữa kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng. Tại Mỹ, Fed chuẩn bị hợp chính sách trong bối cảnh thiếu dữ liệu kinh tế do chính phủ đóng cửa, khiến quyết định hạ lãi suất gặp nhiều tranh cãi. Dù tăng trưởng việc làm và tiêu dùng chậm lại, lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu 2%, buộc Fed phải thận trọng và có thể chỉ giảm 0,25 điểm phần trăm xuống vùng 3,75–4%. Ở chiều ngược lại, Trung Quốc và khối BRICS đẩy mạnh hợp tác để giảm phụ thuộc vào USD, làm gia tăng căng thẳng thương mại và rủi ro tỷ giá. Châu Âu vẫn mắc kẹt trong lạm phát cao, ECB duy trì lãi suất kỷ lục, còn Nhật Bản tiếp tục nới lỏng tiền tệ để hỗ trợ đồng yên yếu. Những chênh lệch lớn về lãi suất và chính sách khiến áp lực tiền tệ toàn cầu gia tăng, tác động mạnh đến giá hàng hóa, tỷ giá và dòng vốn quốc tế, báo hiệu một giai đoạn ổn định mong manh trong những tháng cuối năm 2025.

Dự báo lãi suất điều hành FED



Tuy nhiên, tốc độ và thời gian mà các Ngân hàng Trung ương áp dụng chính sách giảm lãi suất sẽ có tác động đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Trong năm 2024, áp lực về lạm phát tại Hoa Kỳ vẫn đang tồn tại khi kết thúc năm trước đạt 2,9% (cao hơn mức mục tiêu 2%). Các chuyên gia phân tích tại Việt Nam dự kiến rằng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ duy trì lãi suất điều hành ổn định ở mức 4,5% trong suốt năm 2025. Sự chênh lệch về lãi suất này có thể tạo ra áp lực giảm giá trị của đồng Việt Nam so với đô la Mỹ. Khi nhà đầu tư nhận thức rằng lợi suất đầu tư tại Việt Nam cao hơn so với Hoa Kỳ, điều này có thể gây ra áp lực tiêu cực lên tỷ giá hối đoái, ảnh hưởng đến sự ổn định của thị trường ngoại tệ và các doanh nghiệp quốc tế hoạt động tại Việt Nam.

Lãi suất & tỷ giá USD/VND



(Nguồn: FED, NHNN)

Dựa trên đánh giá của ban lãnh đạo DNSE, Việt Nam đã vượt qua phần lớn những yếu tố xấu nhất trong năm 2024, và tiếp tục trên con đường phát triển mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán. Các yếu tố tích cực về hồi phục môi trường vĩ mô kết hợp với năng lực điều hành, tầm nhìn của lãnh đạo Công ty, năm 2025, DNSE sẽ luôn

tập trung cập nhật các nhân tố tác động và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty và đưa ra biện pháp phản ứng phù hợp nhằm đạt được kết quả tối ưu nhất.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 20. Tình hình vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Vốn điều lệ	3.000.000.000.000	3.300.000.000.000	3.399.000.000.000 (***)

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

(***) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/10/2025, vốn điều lệ tại thời điểm hiện tại của Công ty là 3.426.000.000.000 đồng.

Bảng 21. Vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị: Triệu Đồng

Vốn kinh doanh	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Nợ phải trả	4.140.717	6.607.452	9.716.313
- Nợ phải trả ngắn hạn	4.126.429	6.589.050	9.379.357
- Nợ phải trả dài hạn	14.288	18.402	336.956
Vốn chủ sở hữu	3.305.345	4.029.800	4.293.058
<i>Trong đó:</i>			
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.042	3.872.726	3.872.726
- Quỹ dự trữ bổ sung vào vốn điều lệ	2.599	2.599	2.599
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.235	3.235	0
- Lợi nhuận chưa phân phối	299.470	151.241	417.733

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

Công ty luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ Công ty.

2.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

❖ Tài sản cố định hữu hình:

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 năm
- Thiết bị văn phòng: 3 - 5 năm

(Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

❖ Tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

❖ Việc tuân thủ theo chế độ quy định:

Công ty luôn thực hiện trích lập khấu hao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

2.1.3 Mức lương bình quân

Bảng 22. Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	9T2025
Lương bình quân	Đồng/người/tháng	22.536.943	32.033.568	32.581.371

(Nguồn: DNSE)

**Bảng 23. So sánh mức lương, thu nhập bình quân của một số
Công ty chứng khoán khác năm 2023 và 2024**

Đơn vị: Triệu đồng/người/tháng

Tên Công ty	Lương bình quân	Năm 2023	Năm 2024
CTCP Chứng khoán DNSE	DSE	22,54	32,03
CTCP Chứng khoán MB	MBS	35,3	37,4
CTCP Chứng khoán VIX	VIX	24,7	24,4
CTCP Chứng khoán Nhất Việt	VFS	24,37	27,61

(Nguồn: Số liệu tổng hợp và tính toán từ Bản cáo bạch, báo cáo thường niên, báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, 2024 của các công ty chứng khoán)

Mức lương bình quân của người lao động ở DNSE nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành, trong cùng thị trường.

2.1.4 Tình hình công nợ của Công ty

Bảng 24. Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	31/12/2023	31/12/2024	Tăng/giảm so với cùng kỳ	30/09/2025	Tăng/giảm so với cùng kỳ
Nợ phải thu	6.856.066	9.447.368	37,80%	13.155.667	29,82%
Nợ phải trả	4.140.717	6.607.452	59,57%	9.716.313	56,16%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

2.1.5 Tình hình các khoản phải thu

❖ Các khoản phải thu:

Bảng 25. Tình hình phải thu của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Các Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	298.584	167.084	1.009.130
- Cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	93.177	104.307	414.459
- Chứng chỉ đầu tư chứng khoán	1.289	2.146	6.660
- Chứng chỉ tiền gửi	204.118	0	0
- Trái phiếu	0	60.631	588.011
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.495.182	5.103.356	6.072.773
- TG có KH gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	955.000	2.574.750	3.396.750
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	1.810.500	200.000	100.000
- Trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành	630.223	1.385.533	1.761.023

CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 1 năm	0	144.000	815.000
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	99.459	799.074	0
Các khoản cho vay	2.483.069	3.881.586	5.750.067
- Cho vay kỳ quỹ	2.411.829	3.783.969	5.493.322
- Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	71.24	97.617	256.745
Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và tài sản thế chấp	-44.557	-42.162	-47.320
Các khoản phải thu	550.335	279.409	307.095
- Phải thu từ bán cổ phiếu	345.150	0	0
- Phải thu từ bán Tài sản tài chính	0	543	57.268
- Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	205.185	278.866	249.827
Trả trước cho người bán	2.513	5.398	1.363
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1.114	1.776	3.541
Các khoản phải thu khác	6.929	4.619	8.2329
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-63	-88	-88
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác (tạm ứng, chi phí trả trước,...)	62.960	46.389	50.872
TỔNG NỢ PHẢI THU	6.856.066	9.447.368	13.155.667

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

❖ Các khoản phải thu quá hạn: Không có.

2.1.6 Các khoản phải trả

❖ **Nợ ngắn hạn, nợ dài hạn:**

Bảng 26. Tình hình phải trả của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I. Nợ phải trả ngắn hạn	4.126.429	6.589.050	9.379.357
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	3.643.056	6.505.929	9.218.194
Vay ngân hàng	3.434.500	5.818.392	8.373.600
Vay khác	208.556	675.904	824.383
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	11.632	20.211
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.033	7.136	25.744
Phải trả người bán ngắn hạn	532	1.797	5.150
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30.278	25.652	60.816
Phải trả người lao động	16.149	18.553	27.105
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	526	1.053	1.544
Chi phí phải trả ngắn hạn	17.583	24.102	39.867
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	415.272	4.826	936
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,2	0,2	0,2
II. Nợ phải trả dài hạn	14.288	18.402	336.956
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.227	18.343	31.713
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	61	60	5.909
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	-	299.333
TỔNG CỘNG	4.140.717	6.607.452	9.716.313

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ, đảm bảo uy tín của Công ty. Việc thanh toán các khoản nợ được thực hiện đúng hạn và đầy đủ. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

Tổ Chức Phát Hành không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết liên quan đến các khoản nợ.

❖ **Trái phiếu chưa đáo hạn:**

Xem tại mục 8.3 Phần IV của Bản Cáo Bạch này.

2.1.7 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể như sau:

❖ **Tại thời điểm kết thúc 31/12/2023:**

Bảng 27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 31/12/2023

Đơn vị: triệu đồng

Các khoản phải nộp	Tại 1/1/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	Tại 31/12/2023
Thuế giá trị gia tăng	90	268	-352	6
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.005	58.591	-42.985	24.611
Thuế thu nhập cá nhân	5.111	79.390	-78.880	5.621
Các loại thuế khác	30	326	-316	40
Tổng cộng	16.236	136.575	-122.533	30.278

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của DNSE)

❖ **Tại thời điểm kết thúc 31/12/2024:**

Bảng 28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 31/12/2024

Đơn vị: triệu đồng

Các khoản phải nộp	Tại 1/1/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	Tại 31/12/2024
Thuế giá trị gia tăng	6	530	-378	158
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.611	45.732	-61.874	8.469
Thuế thu nhập cá nhân	5.621	189.164	-177.918	16.868
Các loại thuế khác	40	1.316	-1.199	157
Tổng cộng	30.278	236.743	-241.368	25.652

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của DNSE)

❖ **Tại thời điểm kết thúc 30/09/2025:**

Bảng 29. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 30/09/2025

Đơn vị: triệu đồng

Các khoản phải nộp	Tại 01/1/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ	Tại 30/9/2025
Thuế giá trị gia tăng	158	786	721	223
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.469	59.451	35.705	32.215
Thuế thu nhập cá nhân	16.868	191.432	180.044	28.256
Các loại thuế khác	157	418	453	122
Tổng cộng	25.652	252.087	216.923	60.816

(Nguồn: BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

2.1.8 Trích lập các quỹ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự trữ pháp định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014.

Với hiệu lực của Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành thay thế Thông tư 146, các quy định về trích lập các quỹ trên bị bãi bỏ. Theo đó:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác;
- Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

ĐHĐCĐ đã thông qua phương án về điều chỉnh và sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Theo đó số dư quỹ sẽ được sử dụng để thực hiện bổ sung vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động:

Bảng 30. Tình hình trích lập các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/09/2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,2	0,2	0,2
Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	2.599	2.599	2.599

Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/09/2025
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.235	3.235	0
Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh	10.015	10.036	10.050
Tổng cộng	15.849	15.870	12.649

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

2.1.9 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 31. Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	9T2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn [TSNH/Nợ ngắn hạn]	lần	1,60	1,24	1,20
Hệ số thanh toán nhanh [(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	1,60	1,24	1,20
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,56	0,62	0,69
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,25	1,64	2,26
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản [Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân]	lần	0,10	0,09	0,07
Vòng quay vốn lưu động [Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân]	lần	0,12	0,11	0,11
Vòng quay hàng tồn kho [Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân]	lần	0	0	0
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	32,05%	22,51%	25,73%

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	9T2025
<i>[LNST/Doanh thu thuần]</i>				
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,11%	4,96%	6,33%
<i>[LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân]</i>				
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	%	3,31%	2,01%	2,14%
<i>[LNST/Tổng tài sản bình quân]</i>				
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động kinh doanh	%	37,86%	26,45%	46,83%
<i>[Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần]</i>				
Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)	đồng	763	551	881

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, BCTC tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

Trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi các hệ lụy kéo dài sau đại dịch Covid và rồi tới chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ và những biến động địa chính trị, năm 2024 là năm có nhiều biến động trên Thị trường Chứng khoán; tuy nhiên với sự chỉ đạo linh hoạt và sáng tạo của đội ngũ lãnh đạo DNSE, các chỉ tiêu tài chính của DNSE vẫn đạt sự tăng trưởng bền vững và hiệu quả.

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2024 của DNSE vẫn đang trong ngưỡng cao, với Hệ số thanh toán ngắn hạn và Hệ số thanh toán nhanh đạt 1,24 lần và tăng lên 1,35 lần trong 6 tháng đầu năm 2025, đồng nghĩa với việc DNSE vẫn quản lý tốt vốn ngắn hạn và không bị cơ cấu vốn ngắn hạn làm ảnh hưởng tới việc vận hành hằng ngày.

Các chỉ tiêu cơ cấu vốn của DNSE đã có dấu hiệu tăng nhẹ trong năm 2024, với Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 0,62 và 1,64 lần tại thời điểm kết thúc 2024. Tại thời điểm 30/09/2025, hệ số nợ tiếp tục tăng nhẹ lần lượt lên 0,69 và 2,26 lần. DNSE đánh giá rằng các chỉ tiêu này vẫn nằm trong ngưỡng phù hợp, không gặp vấn đề quá mức với cơ cấu vốn của công ty. Đáng chú ý, trong quý đầu tiên của năm 2024, DNSE đã thành công trong việc thực hiện đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, huy động thành công 900 tỷ đồng và tăng vốn điều lệ của công ty lên mức 3.300 tỷ đồng. Động thái này không chỉ giúp DNSE giảm tỷ lệ vốn nợ mà còn tạo ra dư địa tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai. Điều này thể hiện cam kết của DNSE trong việc củng cố và mở rộng cơ sở vốn để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh và tạo ra cơ hội phát triển bền vững.

Các chỉ số về khả năng sinh lời của DNSE đều tích cực, đặc biệt là với chỉ số ROE và ROA năm 2023 lần lượt đạt 7% và 3%, năm 2024 lần lượt đạt 4,96% và 2,01% tại thời điểm kết thúc năm 2024. Tuy nhiên, bước sang 9 tháng đầu năm 2025, các chỉ tiêu giảm còn 2,14% với ROA, 6,33% với ROE nhưng chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) ghi nhận giá trị 25,7%, tăng nhẹ so với năm 2024. Với hoạt động kinh doanh chính trong năm 2023 chủ yếu từ việc cho vay ký quỹ, DNSE không ngừng mở rộng thế mạnh của mình trong công việc chuyên môn cũng như trong lĩnh vực truyền thông xã hội và công nghệ. DNSE đã đạt được

sự tăng trưởng ổn định về số lượng khách hàng, từ khoảng 604.000 khách hàng đầu năm 2024 lên hơn 1.300.000 khách hàng vào thời điểm hết 9 tháng đầu năm 2025. Nhờ đó, DNSE đảm bảo rằng nhu cầu vay ký quỹ của công ty cũng như khả năng sinh lời trên vốn quanh năm được duy trì và củng cố mạnh mẽ.

Trong tương lai, DNSE cam kết tiếp tục mở rộng thể mạnh của mình là CTCK công nghệ, nhằm thu hút và giữ chân khách hàng hiện tại, đồng thời tạo ra các nguồn thu nhập mới từ việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ tiên tiến. Mục tiêu là không chỉ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường mà còn tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông của DNSE.

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có): Không có.
- 3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành
- 3.1 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập – Công ty TNHH KPMG đối với Báo cáo tài chính năm 2023

"Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

- 3.2 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập – Công ty TNHH KPMG đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

"Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

- 3.3 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập – Công ty TNHH KPMG đối với Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ năm 2025

"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về

sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Bảng 32. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024 (triệu đồng)	Năm 2025	
		Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2024
Tổng Doanh thu	828.930	1.507.000	81,78%
Lợi nhuận trước thuế	227.501	327.000	43,74%
Lợi nhuận sau thuế	181.771	262.000	44,14%
Vốn điều lệ	3.300.000	4.125.000	25,00%
Vốn chủ sở hữu	4.029.800	5.380.058	33,51%
Tỷ lệ LNST/Tổng Doanh thu (%)	21,93%	17,39%	-20,72%
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	4,96%	4,87%	-1,82%
Cổ tức (%)	5%	7%	40,00%

(Nguồn: DNSE)

Ghi chú: Trong Bản cáo bạch này, Tổng Doanh thu là Doanh thu hoạt động, Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác.

- **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên:** Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 03 năm 2025.
- Trong năm 2025, Công ty đã và đang tích cực triển khai nhiều giải pháp để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Theo đó, Công ty sẽ có thêm một số sản phẩm mới cung cấp cho khách hàng và tăng cường hiệu quả hoạt động các hoạt động kinh doanh cốt lõi, sau 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu hoạt động DNSE đạt trên 1.023 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 328,6 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế 263,3 tỷ đồng, đạt hơn 100% so với kế hoạch, và hơn 68% kế hoạch về Doanh thu. Như vậy, sau 9 tháng, DNSE đã hoàn thành vượt mức lợi nhuận mục tiêu đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên hồi đầu năm.

4.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nói trên

Hoạt động kinh doanh của DNSE chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố kinh tế, chính trị trong và ngoài nước cũng như các yếu tố từ nội tại của Công ty. Sau đây là một số những căn cứ để HĐQT xây dựng kế hoạch cho năm 2025 và đạt được sự đồng thuận với ĐHĐCĐ.

4.2.1 Các yếu tố kinh tế, chính trị hỗ trợ việc đạt được kế hoạch 2024-2025 của DNSE**❖ Tình hình kinh tế vĩ mô:**

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. Theo đó, quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD; GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2024 ước đạt 28,3%, cao hơn 1,1 điểm phần trăm so với năm 2023).

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động mạnh và khó đoán định, tăng trưởng ở hầu hết các quốc gia và khu vực cho thấy nhiều bất ổn và thách thức, với những nỗ lực không ngừng nghỉ của Chính phủ, các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân nhằm khai thông các nguồn lực, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất - kinh doanh, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế cả năm 2024 đạt 7,09% - là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới, mở ra một bước chuyển mình mới, giai đoạn phát triển kinh tế Việt Nam trong 2025 - 2030, nấc thang mới, thể hiện tinh thần vươn mình, nỗ lực vượt bậc nhằm đạt được mức tăng trưởng đột phá và phát triển bền vững.

Sang năm 2025, Chính phủ vừa được ban hành đã đưa ra các kịch bản tăng trưởng kinh tế, tương ứng với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đặt ra trong năm. Theo đó, Chính phủ quyết tâm đưa nền kinh tế đạt mức tăng trưởng từ 8 - 10% nếu điều kiện thuận lợi. Chính phủ ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế và có thặng dư cao. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại; cơ cấu lại các ngành kinh tế, tăng sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế.

Kinh tế năm 2025 sẽ gặp nhiều khó khăn đến từ sự suy thoái và bất ổn chính trị toàn cầu, ảnh hưởng tới khả năng tăng trưởng của Việt Nam. Để ứng phó với thực trạng kinh tế này, Việt Nam không chỉ dựa vào các giải pháp tài khóa và tiền tệ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mà đã tạo dựng không ít động lực mới từ cải cách thể chế kinh tế nhằm phát triển các mô hình kinh tế mới, cải cách môi trường kinh doanh, cơ cấu lại nền kinh tế; hỗ trợ doanh nghiệp có môi trường hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn; thực hiện điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với thị trường; thực hiện chính sách tài khóa chủ động; đẩy mạnh đầu tư công... Các yếu tố này sẽ hỗ trợ Việt Nam tăng trưởng đạt mục tiêu trong năm 2025, đảm bảo tình hình kinh tế xã hội..

❖ Tình hình thị trường chứng khoán:

Mặc dù có nhiều biến động trước nhiều tác động từ tình hình kinh tế, thương mại, địa chính trị thế giới, nhưng năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam về cơ bản giữ được sự ổn định, an toàn, phát triển, tiếp tục khẳng định được vai trò là kênh dẫn vốn trung, dài hạn quan trọng của nền kinh tế, doanh nghiệp. Trong năm 2024, việc nới lỏng chính sách tiền tệ của

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thúc đẩy các nhà đầu tư trong nước quay trở lại thị trường.

Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 12/2024, chỉ số VNIndex đạt 1.266,78 điểm, VNAIshare đạt 1.336,36 điểm và VN30 đạt 1.344,75 điểm. So với cuối tháng 11/2024, chỉ số VNIndex, VNAIshare, VN30 đều tăng lần lượt là 1,31%, 2,65% và 2,55%.

Thanh khoản thị trường ghi nhận mức cải thiện đáng kể với giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 22.000 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2023. Sự sôi động này đến từ dòng tiền mạnh mẽ của các nhà đầu tư cá nhân nội địa, dù khối ngoại vẫn duy trì xu hướng bán ròng. Quy mô vốn hóa của thị trường cổ phiếu trên ba sàn HOSE, HNX, và UPCoM đạt mức 7.200 nghìn tỷ đồng, tăng 20% so với cuối năm 2023, tương đương khoảng 70% GDP. Điều này phản ánh sự gia tăng giá trị của các doanh nghiệp niêm yết và dòng vốn mới đổ vào thị trường.

Mặc dù thị trường năm 2023 đến hết năm 2024 không sôi động như giai đoạn trước, tuy nhiên thị trường đã chứng kiến những động thái hỗ trợ gỡ những nút thắt như:

Nghị định 08/2023/NĐ-CP và Nghị quyết 33/NQ-CP nhằm hỗ trợ doanh nghiệp "hạ cánh mềm" cho trái phiếu doanh nghiệp, cũng như cho các nhà phát triển bất động sản đang gặp khó khăn về thanh khoản trong thời gian gần đây;

Hỗ trợ cắt giảm lãi suất điều hành từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ổn định;

Động lực tăng trưởng mạnh mẽ đến từ giải ngân đầu tư công, sự trở lại của ngành du lịch và sản xuất trong nước;

Dòng vốn nước ngoài tiếp tục quay lại trong bối cảnh chỉ số USD giảm và các điều kiện vĩ mô thuận lợi hơn.

Tiếp đà tăng trưởng tích cực của năm 2024, Đến quý III/2025, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận nhiều diễn biến nổi bật: chỉ số VN-Index tăng khoảng 30-33% trong năm tới thời điểm hiện tại, trở thành thị trường tăng trưởng mạnh nhất khu vực Đông Nam Á. Việc FTSE Russell nâng hạng Việt Nam từ "frontier market" lên "emerging market" đã củng cố niềm tin quốc tế và dự báo sẽ thu hút thêm hàng tỷ USD đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, thị trường cũng trải qua phiên sụt giảm khoảng 5,5% trong một ngày ngày 20/10/2025, mức giảm mạnh nhất trong 25 năm do vụ điều tra sai phạm trong thị trường trái phiếu gây tâm lý bán mạnh. Đồng thời, thanh khoản và giao dịch cổ phiếu được đẩy mạnh, nhưng rủi ro điều chỉnh trở nên lớn hơn khi nhiều nhà đầu tư có dấu hiệu chốt lời sau đợt tăng mạnh. Tổng thể, thị trường hiện đang ở giai đoạn cơ hội lớn nhưng song hành cùng rủi ro tăng, đòi hỏi nhà đầu tư không chỉ nhìn vào con số tăng trưởng mà còn phải cân nhắc yếu tố thanh khoản, dòng vốn ngoại và yếu tố vĩ mô quốc tế để có chiến lược đầu tư phù hợp.

Ngoài ra, Việt Nam đang chứng kiến mạnh sự kiện người dân trong nước đang càng ngày càng quan tâm đến các kênh đầu tư bên cạnh các kênh truyền thống như bất động sản, vàng hay gửi tiết kiệm ngân hàng. Việt Nam có dân số trẻ với thu nhập trung bình tăng dần qua các năm cùng với độ hiểu biết về thị trường tài chính nâng cao hơn. Điều đó khẳng định việc đầu tư vào thị trường chứng khoán sẽ là xu hướng tất yếu và phù hợp với hướng phát triển của thị trường tài chính trên toàn thế giới.

4.2.2 Căn cứ để đặt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Để đạt được những kế hoạch kinh doanh 2025, Ban Tổng giám đốc đã xây dựng các chiến lược phát triển các mảng hoạt động của Công ty cụ thể như sau:

a. Sản phẩm công nghệ dẫn dắt

Triển khai trọng tâm các sản phẩm chứng khoán phái sinh

Tận dụng bước nhảy lớn từ năm 2023 và 2024, sang năm 2025 công nghệ sẽ tiếp tục là trọng tâm phát triển sản phẩm của DNSE mà trong đó, sản phẩm chứng khoán phái sinh là trụ cột tăng trưởng lớn. Future X sẽ tiếp tục được cải tiến và phát triển thêm nhiều tính năng giúp đơn giản hóa, tự động hóa và tối ưu trải nghiệm giao dịch, nhằm đưa DNSE đạt mục tiêu lọt vào Top 10 công ty chứng khoán có thị phần phái sinh lớn nhất. DNSE tiếp tục sẽ cập nhật các tính năng tối ưu cho giao dịch bao gồm: kết nối API, gia tăng tốc độ xử lý lệnh, nộp rút tiền, giao dịch với tỷ lệ linh hoạt, những tính năng cải đặt giao dịch bằng thuật toán – Amibroker, các công cụ lọc tin hiệu, cảnh báo tự động.... nhằm giảm thiểu tối đa chi phí cơ hội cho khách hàng.

DNSE đặt trọng tâm phát triển vào sản phẩm chứng khoán phái sinh, đưa giao dịch phái sinh trở thành một trong những lợi thế cạnh tranh mũi nhọn. Minh chứng cho nỗ lực phát triển mảng kinh doanh này, kết thúc 30/06/2025, 30/09/2025, DNSE tiếp tục duy trì vị trí Top 2 thị phần giao dịch chứng khoán phái sinh 09 tháng đầu năm với 23,67% thị phần.

Phát triển tính năng nâng cao cho giao dịch chứng khoán cơ sở, mở rộng hệ sinh thái sản phẩm cung cấp

Ngoài các sản phẩm và tính năng sẵn có, DNSE sẽ không ngừng cải tiến và hoàn thiện các tính năng giao dịch nâng cao cho nền tảng giao dịch cơ sở, mang tới cho Khách hàng nhiều sự lựa chọn để tối ưu đầu tư. Tiếp tục phát huy thế mạnh tiên phong về sản phẩm công nghệ, DNSE sẽ bổ sung các tính năng nâng cao cho giao dịch chứng khoán cơ sở, mở rộng hệ sinh thái sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, như quản trị cho vay margin theo từng giao dịch Margin X, trợ lý ảo Ensa, hay trang phân tích, đánh giá toàn diện cổ phiếu Senses... Đáng chú ý, DNSE triển khai các gói vay margin rất phong phú, với lãi suất ở mức thấp bậc nhất thị trường, chỉ từ 5,99%.

Đồng thời, DNSE đã triển khai thành công nền tảng giao dịch trái phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư trong năm 2023 và sẽ tiếp tục phát triển sản phẩm này phục vụ Khách hàng. DNSE vẫn luôn sẽ tiếp tục đẩy mạnh các sản phẩm công nghệ và lấy đó làm nền tảng trọng tâm, hướng đến hoàn thiện hệ thống giao dịch sản phẩm chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh đa dạng trên nền tảng số, mang đến cho nhà đầu tư những dịch vụ và trải nghiệm tiện lợi, giá trị, đáng tin cậy khi tương tác với DNSE.

Cũng nằm trong kế hoạch ngày càng cung cấp đa dạng sản phẩm cho khách hàng, trong năm 2025, DNSE sẽ xin phép và đăng ký phát hành Chứng quyền có bảo đảm. Đây là sản phẩm đầu tư với tính chất đòn bẩy tài chính cao, phù hợp cho các Nhà đầu tư có khả năng chịu rủi ro và mức lợi nhuận kỳ vọng cao. Đối với các mã chứng quyền phát hành, DNSE ưu tiên lựa chọn các mã có động lực tăng trưởng tốt, có thời gian đáo hạn phù hợp để đảm bảo mục tiêu luôn đồng hành cùng Nhà đầu tư.

b. Đa dạng sản phẩm tài chính:

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động huy động vốn với chi phí tốt nhất

Từ năm 2025, DNSE sẽ tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng quy mô vốn thông qua việc huy động từ các nhà đầu tư, các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, phát hành thêm cổ phiếu, phát hành trái phiếu... và các sản phẩm nguồn vốn để nâng cao năng lực bảo lãnh phát hành, năng lực đầu tư và năng lực cho vay giao dịch ký quỹ nhằm đem lại nguồn vốn tối ưu với chi phí tốt nhất. Đây là cơ sở và nền tảng để DNSE có thể tối ưu hóa chi phí vốn cho và tiếp tục đem đến những dịch vụ sản phẩm công nghệ với chi phí rẻ nhất cho khách hàng.

Tăng cường quy mô cho vay margin

DNSE sẽ triển khai một loạt các sản phẩm linh hoạt – tạo riêng những gói vay phù hợp theo từng mã, nhóm và đối tượng khách hàng cho sản phẩm FinX, bao gồm: nhóm sản phẩm margin chung; margin theo deal; margin linh hoạt; các gói vay phái sinh theo deal; các sản phẩm thu xếp vốn cho khách hàng mass... Chiến lược của DNSE là đồng thời xây dựng các gói vay phù hợp với biến động thị trường theo các kênh bán cho sản phẩm margin chứng khoán cơ sở và phái sinh; song song triển khai hệ thống công nghệ và quản trị rủi ro tự động, giúp nhà đầu tư có thể quản lý rủi ro hiệu quả, minh bạch và chặt chẽ.

Theo đà phát triển, đội ngũ phát triển sản phẩm của DNSE sẽ tập trung vào hoàn thiện tối ưu hệ thống vận hành, tự động hoá thiết kế các sản phẩm cho vay linh hoạt hơn, cấu trúc được nhiều gói vay đa dạng theo nhu cầu cá nhân hoá của từng nhà đầu tư, nhạy bén hơn và đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư kịp thời trên TTCK Việt Nam. Song song đó, DNSE sẽ phát triển các mô hình máy học và trí tuệ nhân tạo trong việc đánh giá rủi ro mã, rủi ro thị trường, đánh giá tín dụng khách hàng, nhằm tự động hoá quá trình phê duyệt gói sản phẩm đề xuất, chủ động cung cấp gói sản phẩm cá nhân hoá phù hợp từng nhà đầu tư.

c. Thúc đẩy bán hàng

Tiếp tục phát triển trọng tâm đa kênh bán

Tiếp tục phát huy những kinh nghiệm từ việc tích hợp, DNSE sẽ mở rộng việc kết hợp với các đối tác tích hợp giao dịch chứng khoán vào các nền tảng data tài chính; ngân hàng thương mại, ví điện tử, công ty công nghệ tài chính, đối tác tài chính và tổ chức nước ngoài... để từng bước xây dựng và cung cấp sản phẩm thuận tiện hơn – chất lượng hơn cho khách hàng. Với sản phẩm tài khoản chứng khoán tích hợp hiện đang triển khai, DNSE sẽ tiếp tục phát triển thêm các tính năng mới về giao dịch nâng cao, cho vay margin, sản phẩm tư vấn đầu tư... nhằm thu hút và hỗ trợ khách hàng, để khai thác tối đa lượng khách hàng đến từ ví điện tử có lượng người dùng hàng đầu Việt Nam.

Các kênh bán phong phú của DNSE dựa trên việc kết nối B2B2C (viết tắt của Business To Business To Customer) là một mô hình kinh doanh kết hợp các tính năng của cả mô hình bán hàng B2B (Business to Business) và mô hình B2C (Business to Customer), các kênh mạng xã hội Bò và Gấu, hệ thống cộng tác viên SACO... cũng tiếp tục được đẩy mạnh. Song song với đó, để bám sát tinh cách thương hiệu và thị hiếu tiếp cận của người dùng thế hệ 4.0, DNSE sẽ tiếp tục đẩy mạnh các kênh marketing thông qua hệ thống mạng xã hội Bò và Gấu mà DNSE hiện đang xây dựng trên đa nền tảng: website, facebook, youtube, tiktok,... Các nội dung thông tin chứng khoán đơn giản, dễ hiểu, mang tính giải trí tại đây sẽ được đẩy mạnh, giữ vững vị thế là mạng xã hội giải trí – chứng khoán được yêu thích tại Việt Nam, từ đó tăng cường tiếp cận khách hàng sâu, rộng bằng nội dung đa dạng, sáng tạo, nhằm đến những phân khúc khách hàng cụ thể.

Tối ưu CRM để phục vụ sản phẩm toàn diện nhất cho khách hàng

DNSE vẫn tiếp tục triển khai mô hình hỗn hợp đa kênh mới (Omnichannel) với chi phí mua lại thấp, hiệu quả hơn thông qua KOL (viết tắt của Key Opinion Leader - người dẫn dắt tư tưởng) & miniKOL, Facebook, Youtube, Tiktok... Cách tiếp cận khách hàng hiện đại của DNSE sẽ là phương thức đòn đầu và là nguồn động lực tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai. Để phục vụ cho nhóm đối tượng lớn này, tối ưu CRM sẽ là chiến lược tập trung của DNSE trong năm 2024.

Với hệ thống CRM tự động mà DNSE sẽ tích cực triển khai trong năm 2025, mọi sản phẩm, dịch vụ, cách thức giao tiếp, chiến lược marketing truyền thông... mà công ty cung cấp sẽ được cải tiến và tối ưu nhất đến từng người dùng.

d. Quản trị hiệu quả, minh bạch

Năm 2024 là năm DNSE trở thành công đại chúng và sẽ triển khai việc niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh. Theo đó, yêu cầu cấp thiết là xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, minh bạch mà công nghệ chính là nền tảng hỗ trợ.

Không chỉ số hóa về sản phẩm chứng khoán, với định vị là công ty chứng khoán công nghệ toàn diện, từ năm 2023 DNSE cũng chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình quản trị, vận hành công ty, nâng cao năng suất và chất lượng lao động cho cán bộ nhân viên và sẽ tiếp tục được phát triển và ứng dụng tối đa trong các năm sau. Các hệ thống nội bộ do đội ngũ DNSE chủ động xây dựng có thể kể đến CRM, ERP xây dựng trên nền tảng mã nguồn mở Odoo, hệ thống Datawarehouse (kho dữ liệu) và trí tuệ doanh nghiệp (BI-Business Intelligence) để phục vụ báo cáo phân tích và lên chiến lược kinh doanh hiệu quả, nhanh chóng, các hệ thống giám sát, ghi nhận (tracking) hành vi người dùng hỗ trợ việc đánh giá hiệu quả marketing và xây dựng dữ liệu khách hàng, phục vụ vận hành hiệu quả.

Về hoạt động nội bộ, các công việc của các phòng ban như Chăm sóc khách hàng, Nhân sự... ứng dụng các phần mềm tân tiến như Hệ thống Snowplow, Chatwoot, Hubspot, CRM ErpNext, nhằm giảm thiểu chi phí vận hành và nguồn nhân lực, tối ưu hiệu suất. Song song với đó, DNSE vẫn hoàn thiện cơ cấu tổ chức và bộ máy nhân sự phục vụ cho việc phát triển các hướng kinh doanh mới. Công ty vẫn tiếp tục chủ trương tập trung hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh giản gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường và thích ứng nhanh với mọi thay đổi.

Chiến lược tăng trưởng đa dạng nguồn vốn: Với mục tiêu giữ vững vị thế dẫn đầu ở mảng công nghệ tài chính, đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh và tận dụng tối đa nguồn vốn dồi dào để mang lại giá trị dài hạn cho khách hàng và cổ đông. Cũng nhằm mục tiêu tăng quy mô vốn, ĐHCĐ đã thống nhất chủ trương phát hành trái phiếu trong năm 2025 với tổng giá trị tối đa 1.200 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn phục vụ các hoạt động kinh doanh, đầu tư của công ty. Bên cạnh đó, trong năm 2025, DNSE đặt kế hoạch triển khai phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động nhằm ghi nhận đóng góp của cán bộ nhân viên, cũng như bổ sung nguồn vốn cho kinh doanh. Theo đó, trong 2025 DNSE đã phát hành 12,6 triệu cổ phần ESOP cho người lao động, tương đương 3,82% cổ phần. Việc thực các kế hoạch tăng trưởng nguồn vốn dự kiến sẽ được thực hiện trong năm 2025 là một trong những bước đi chiến lược nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động từ các mảng kinh doanh cốt lõi, từ đó hoàn thành các mục tiêu tài chính đã đề ra.

Do đó, cùng với chiến lược kinh doanh cụ thể, quyết liệt kết hợp với những yếu tố tích cực từ của các yếu tố kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán, DNSE đánh giá kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm 2025 là thực tế và hoàn toàn khả thi. Do vậy,

tính riêng 09 tháng đầu năm 2025, DNSE đã hoàn thành vượt mức lợi nhuận mục tiêu đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên hồi đầu năm.

4.2. Đánh giá của Tổ chức tư vấn và Tổ chức kiểm toán độc lập về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Không có.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP, CỔ ĐỒNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về Cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh Nghiệp: *"Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó"*. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

DNSE được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102459106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 30/10/2007. Ở thời điểm hiện tại, Công ty không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1 Cổ đông lớn là cá nhân

Không có.

2.2 Cổ đông lớn là tổ chức

❖ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH ENCAPITAL

- Tên cổ đông : Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
- Năm thành lập : 2018
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 48 phố Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Giấy CNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0108400691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 09/08/2018 và cấp thay đổi từng thời điểm và Giấy chứng nhận số 71/DNKHCN ngày 09/02/2021 cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Vốn điều lệ : 1.923.770.000.000 đồng

- Người Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Hoàng Giang – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành : Ông Nguyễn Hoàng Giang – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :
 - Nhận được lợi nhuận được chia theo tỷ lệ sở hữu tương ứng;
 - Ngoài lợi ích trên, Cổ đông lớn không có lợi ích khác tại Tổ Chức Phát Hành.
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành và những người có liên quan của họ: Không có.
- Giao dịch phát sinh với Tổ Chức Phát Hành:

Sổ dư các giao dịch chủ yếu của Công ty với CTCP Công nghệ Tài chính Encapital

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/09/2025
1	Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	1.683.000	1.683.000	1.683.000
2	Phải thu phí lưu ký	-	3	26
3	Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	56	443	12.324

(Nguồn: DNSE)

Giá trị các giao dịch chủ yếu của Công ty với CTCP Công nghệ Tài chính Encapital

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2025
1	Thu nhập từ chiết khấu thanh toán mua phần mềm khác	2.732	-	-
2	Cổ tức đã trả	39.000	168.300	-
3	Chi phí phải trả cho các hợp đồng dịch vụ	-	576	-
4	Chi phí quản trị hệ thống	9.000	-	-

STT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2025
5	Chi phí mua phần mềm	22.766	-	-
6	Chi phí lãi thỏa thuận quản lý tối ưu tài sản	1.429	-	-
7	Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán	15	25	66
8	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	17	461
9	Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	3.407.908	1.252.838	2.405.637
10	Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	3.407.861	1.252.450	2.393.756
11	Số tiền gốc đã nhận trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại công ty	1.580.473	-	-
12	Số tiền gốc đã trả trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại công ty	1.580.473	-	-
13	Hoàn đặt cọc từ bên liên quan về mua trái phiếu/cổ phiếu và phát triển phần mềm	43	-	-

(Nguồn: DNSE)

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: Không có. Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital và người có liên quan của Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của một công ty chứng khoán khác.

❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN ENCAPITAL HOLDINGS**

- Tên cổ đông : Công ty Cổ phần Encapital Holdings
- Năm thành lập : 2020
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 46 phố Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Giấy CNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0109201071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2020, cấp thay đổi từng thời điểm
- Quốc tịch : Việt Nam
- Vốn điều lệ : 613.513.000.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Hoàng Giang – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Encapital Holdings
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành : Ông Nguyễn Hoàng Giang – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Encapital Holdings kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :
 - Nhận được lợi nhuận được chia theo tỷ lệ sở hữu tương ứng;
 - Ngoài lợi ích trên, Cổ đông lớn không có lợi ích khác tại Tổ Chức Phát Hành.
- Thông tin về cá hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành và những người có liên quan của họ: Không có.
- Giao dịch phát sinh với Tổ Chức Phát Hành:

Sổ dư các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty Cổ phần Encapital Holdings

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/09/2025
1	Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	34	7.335	393.268
2	Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	330.000	330.000	330.000

STT	Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/09/2025
3	Phải thu phí lưu ký	-	1	9
4	Trái phiếu phát hành dài hạn của Công ty	-	-	-

(Nguồn: DNSE)

- Giá trị các giao dịch trong kỳ với Tổ Chức Phát Hành

Giá trị các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty Cổ phần Encapital Holdings

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2025
1	Thu nhập khác	1.430	-	-
2	Cổ tức đã trả	16.957	33.000	-
3	Chi phí dịch vụ tư vấn	-	23.876	-
4	Chi phí lãi thỏa thuận quản lý tối ưu tài sản	627	-	-
5	Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán	4	23.876	266
6	Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	859.642	1.921.819	7.085.943
7	Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	859.608	1.914.518	6.693.511
8	Số tiền gốc đã nhận trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch	406.535	-	-

STT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2025
	chứng khoán của bên liên quan tại công ty			
9	Số tiền gốc đã trả trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại công ty	406.535	-	-
10	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	51	266
11	Đặt cọc cho bên liên quan để mua trái phiếu	100	-	-
12	Hoàn cọc từ bên liên quan để mua trái phiếu	100	-	-
13	Mua trái phiếu phát hành của Công ty	-	-	-
14	Bán trái phiếu phát hành của Công ty	-	-	-

(Nguồn: DNSE)

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: Không có. Công ty Cổ phần Encapital Holdings và người có liên quan của Công ty Cổ phần Encapital Holdings không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của một công ty chứng khoán khác.

❖ **PYN ELITE FUND (NON-UCITS)**

- Tên cổ đông : Pyn Elite Fund (NON-UCITS)
- Năm thành lập : 1987
- Địa chỉ trụ sở chính : C/O PYN Fund Management Ltd, PL 139 00101, Helsinki, Finland / C/O PYN Fund Management Ltd, PL 139 00101, Helsinki, Phần Lan

- Giấy phép kinh doanh : Số 0665275 – 5 do Cơ quan đăng ký thương mại Phần Lan cấp ngày 25/03/1987
- Giấy phép giao dịch chứng khoán : CA5604
- Quốc tịch : Phần Lan
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Eino Oskari Laitinen – Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành : Ông Eino Oskari Laitinen – Tổng Giám đốc
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :
 - Nhận được lợi nhuận được chia theo tỷ lệ sở hữu tương ứng;
 - Ngoài lợi ích trên, Cổ đông lớn không có lợi ích khác tại Tổ Chức Phát Hành.
- Thông tin về cá hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành và những người có liên quan của họ: Không có.
- Giao dịch phát sinh với Tổ Chức Phát Hành:

Số dư các giao dịch chủ yếu của Công ty với PYN ELITE FUND

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/09/2025
1	Vốn cổ phần của bên liên quan tại công ty	-	364.926	350.723

Giá trị các giao dịch chủ yếu của Công ty với PYN ELITE FUND

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2025
1	Cổ tức đã trả	-	18.000	-
2	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	40	256

(Nguồn: DNSE)

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: Không có. Pyn Elite Fund (NON-UCITS) và người có liên quan của Pyn Elite Fund (NON-UCITS) không sở hữu trên 5% vốn điều lệ của một công ty chứng khoán khác.
- 2.3 Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán**

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 33. Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan

TT	Tên	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Tại ngày trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm đăng ký chào bán (*)			Dự kiến sau đợt chào bán (**)		
			Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu trên VDL sau đợt chào bán
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	Cổ đông lớn	10.400.000	10.400.000	65,00%	168.300.000	168.300.000	49,12%	210.375.000	210.375.000	49,12%
Người liên quan của cổ đông lớn											
1.1.	Công ty Cổ phần Encapital Holdings	Công ty mẹ	5.316.400	5.316.400	33,23%	33.000.000	33.000.000	9,63%	41.250.000	41.250.000	9,63%
1.2.	Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	0	0	0,00%	2.709.720	2.709.720	0,79%	3.387.150	3.387.150	0,79%
1.3.	Nguyễn Hà Ninh	Giám đốc tài chính	0	0	0,00%	372.600	372.600	0,11%	465.750	465.750	0,11%
1.4.	Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT của Công ty mẹ	0	0	0,00%	2.702.200	2.702.200	0,79%	3.377.750	3.377.750	0,79%

TT	Tên	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Tại ngày trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm đăng ký chào bán (*)			Dự kiến sau đợt chào bán (**)		
			Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu trên VDL sau đợt chào bán
2	Công ty Cổ phần Encapital Holdings	Cổ đông lớn	5.316.400	5.316.400	33,23%	33.000.000	33.000.000	9,63%	41.250.000	41.250.000	9,63%
Người liên quan của cổ đông lớn											
2.1.	Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	Công ty con	0	0	0,00%	168.300.000	168.300.000	49,12%	210.375.000	210.375.000	49,12%
2.2.	Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	0	0	0,00%	2.709.720	2.709.720	0,79%	3.387.150	3.387.150	0,79%
2.3.	Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	0	0	0,00%	2.702.200	2.702.200	0,79%	3.377.750	3.377.750	0,79%
2.4.	Nguyễn Thị Hà Ninh	Giám đốc tài chính	0	0	0,00%	372.600	372.600	0,11%	465.750	465.750	0,11%



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

TT	Tên	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Tại ngày trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm đăng ký chào bán (*)			Dự kiến sau đợt chào bán (**)		
			Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu trên VDL sau đợt chào bán
3	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	Cổ đông lớn	36.000.000	36.000.000	10,91%	33.452.300	33.452.300	9,76%	41.815.375	41.815.375	9,76%

Ghi chú:

(*) : Số lượng cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại thời điểm đăng ký chào bán: Số liệu được cập nhật tại ngày 01/12/2025 dựa trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất ngày 31/10/2025 do VSDC cung cấp cho Công ty và theo công bố thông tin của Công ty đến ngày 01/12/2025.

(**) : Số lượng cổ phần nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến: tạm tính với giả định DNSE chào bán thành công toàn bộ cổ phần cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu của họ trước đợt chào bán. Vốn điều lệ của DNSE sau đợt chào bán tạm tính là: 4.282.500.000.000 đồng.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

Tính đến thời điểm 01/12/2025, Công ty có 05 (năm) thành viên HĐQT. Cụ thể:

Bảng 34. Danh sách Hội đồng quản trị

TT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Ông Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
5	Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành

Lý lịch tóm tắt của thành viên Hội đồng quản trị

a. Nguyễn Hoàng Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : Nguyễn Hoàng Giang
- Ngày tháng năm sinh : 12/06/1986
- Nơi sinh : Hải Dương
- CC số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/2008 – 09/2009	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Chuyên viên phòng giải pháp nghiệp vụ
10/2009 – 06/2010	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Trưởng phòng giải pháp nghiệp vụ và quản trị rủi ro
07/2010 – 09/2010	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Giám đốc Khối phát triển sản phẩm và giải pháp nghiệp vụ
10/2010 – 04/2018	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Tổng Giám đốc
04/2012 – 06/2020	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Thành viên HĐQT

11/2019 – 10/2022	CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay	Thành viên HĐQT
10/2018 – 11/2022	CTCP Tư vấn Tài chính Eagle Partner	Tổng Giám đốc
05/2020 – 12/2022	CTCP Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SVC)	Thành viên HĐQT
06/2022 – 07/2023	CTCP Chứng Khoán DNSE	Trưởng phòng Tư vấn Đầu tư
08/2018 – hiện nay	CTCP Công nghệ Tái chính Encapital	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
10/2019 – hiện nay	CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)	Thành viên HĐQT
05/2020 – hiện nay	Công ty Cổ phần Encapital Holdings	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
05/2020 – hiện nay	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)	Thành viên HĐQT
06/2022 – hiện nay	CTCP Tập đoàn Yeah 1	Phó chủ tịch HĐQT
07/2020 – hiện nay	CTCP Chứng Khoán DNSE	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Từ 07/2020 – hiện nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	CTCP Công nghệ Tái chính Encapital	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)	Thành viên HĐQT
3	CTCP Encapital Holdings	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)	Thành viên HĐQT
5	CTCP Tập đoàn Yeah 1	Phó chủ tịch HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):

+ Đại diện sở hữu:

- ✓ 168.300.000 cổ phiếu, chiếm 49,12% vốn điều lệ (Công ty Cổ phần Công nghệ Tái chính Encapital)
- ✓ 33.000.000 cổ phiếu, chiếm 9,63% vốn điều lệ (Công ty Cổ phần Encapital Holdings)

+ Cá nhân sở hữu: 2.709.720 cổ phiếu, chiếm 0,79% vốn điều lệ

+ Người có liên quan sở hữu: Như nêu tại mục Đại diện sở hữu.

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số CCCD/hộ chiếu/ Giấy CNDKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	CTCP Công nghệ Tài chính Encapital	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Số 0108400691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay Sở Tài chính TP Hà Nội) cấp lần đầu ngày 09/08/2018, cấp thay đổi từng thời điểm	168.300.000	49,12
2	CTCP Encapital Holdings	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Số 0109201071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay Sở Tài chính TP Hà Nội) cấp lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2020, cấp thay đổi từng thời điểm	33.000.000	9,63

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - ✓ Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng
2023	2.790.000.000	-	-
2024	1.350.000.000	231.000.000	2.373.000.000
9T/2025	-	209.000.000	1.766.181.818

- ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 với thông tin như sau:
 - + Số lượng: 2.709.720 cổ phiếu;
 - + Giá: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động không thu tiền.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

b. Ông Lê Anh Tuấn – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên : Lê Anh Tuấn
- Ngày tháng năm sinh : 08/04/1982
- Nơi sinh : Hà Nội
- CCCD số :

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Cử nhân
- Năng lực chuyên môn : Quản Trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2006 - 2009	Công ty TNHH KPMG	Kế toán viên cao cấp
2009 - 2011	Công ty CP Chứng khoán SSI	Chuyên viên cao cấp
2011 - 2017	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Phó GD Khối KHCN
2017 - 2019	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	GD Chi nhánh HCM
Từ 06/2020 - nay	CTCP Encapital Holdings	Thành viên HĐQT
07/2020 – 12/2023	CTCP Chứng khoán DNSE	Phó Phòng Tư vấn đầu tư
12/2020 – 03/2024	CTCP Chứng khoán DNSE	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 07/2020 - nay	Công ty CP Chứng khoán DNSE	Phó Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Chủ tịch HĐQT	Từ 07/2020 - nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Công ty Cổ phần Encapital Holdings	Thành viên HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 2.702.200 cổ phiếu, chiếm 0,79% vốn điều lệ
 - + Người có liên quan sở hữu: 33.000.000 cổ phiếu, chiếm 9,63% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số CCCD/hộ chiếu/ Giấy CNĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Công ty Cổ phần	Thành viên HĐQT	Số 0109201071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay Sở Tài chính TP	33.000.000	9,63%

Encapital Holdings	Hà Nội) cấp lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2020, cấp thay đổi từng thời điểm		
Tổng		33.000.000	9,63%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng
2023	2.790.000.000	252.000.000	1.699.636.364
2024	1.350.000.000	252.000.000	1.690.409.091
9T/2025	-	209.000.000	1.193.454.545

Nguồn: DNSE

- ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 với thông tin như sau:
 - + Số lượng: 2.702.200 cổ phiếu;
 - + Giá: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động không thu tiền.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

c. Phạm Thị Thanh Hoa – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : Phạm Thị Thanh Hoa
- Ngày tháng năm sinh : 17/11/1985
- Nơi sinh : Hà Nội
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Ngân hàng và Tài chính
- Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
08/2007 – 10/2010	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	Trưởng nhóm kiểm toán
05/2010 – 07/2012	CTCP Chứng khoán SSI	Chuyên viên cao cấp khối Ngân hàng Đầu tư
08/2012 – 02/2019	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Trưởng phòng Phát triển Kinh doanh - Khối Ngân hàng Đầu tư
03/2019 – 06/2020	CTCP Công nghệ tài chính Encapital	Giám đốc vận hành
06/2020 – 06/2025	CTCP Chứng khoán DNSE	Tổng giám đốc
07/2020 – hiện nay	CTCP Chứng khoán DNSE	Thành viên HĐQT
07/2025 – hiện nay	CTCP Thanh toán Enpay	Thành viên HĐQT
08/2025 – hiện nay	CTCP Chứng khoán DNSE	Người phụ trách quản trị công ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	07/2020 – hiện nay
Người phụ trách quản trị công ty - Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	08/2025 – hiện nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thanh toán Enpay	07/2025 – hiện nay

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):

- + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu : 288.710 cổ phiếu, chiếm 0,08% vốn điều lệ
- + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- ✓ Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng
2023	200.000.000	252.000.000	1.435.000.000

Năm	Thủ lao	Tiền lương	Tiền thưởng
2024	100.000.000	252.000.000	1.717.000.000
9T/2025	-	199.000.000	915.636.363

- ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 với thông tin như sau:
 - + Số lượng: 288.710 cổ phiếu;
 - + Giá: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động không thu tiền.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

d. Bà Nguyễn Thị Hà Ninh – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : **Nguyễn Thị Hà Ninh**
- Ngày tháng năm sinh : **10/08/1977**
- Nơi sinh : **Hà Nội**
- CCCD số :
- Quốc tịch : **Việt Nam**
- Dân tộc : **Kinh**
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : **Thạc sỹ**
- Năng lực chuyên môn : **Tài chính**
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000-2005	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Vĩnh Lộc Phát	Kế toán trưởng
2006-2007	Công ty cổ phần Anh Đức	Kế toán trưởng
2007-03/2020	Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	Kế toán trưởng
04/2020-04/2022	Công ty cổ phần VSD Holdings	Giám đốc tài chính
05/2020-05/2022	Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp Sông Đà	Thành viên HĐQT
04/2021 – 05/2023	Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Thành viên HĐQT
04/2021 – 05/2023	Công ty cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Thành viên HĐQT
05/2020 – 05/2023	Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La	Thành viên HĐQT

04/2021 - nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và năng lượng VCP	Thành viên HĐQT
04/2013 – nay	Tổng công ty Bảo hiểm Bưu điện	Thành viên BKS
20/06/2023 – 08/2023	Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	Giám đốc Tài chính
22/06/2022 - nay	Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	Giám đốc tài chính
28/06/2022 - nay	Công ty Cổ phần Encapital Holdings	Giám đốc Tài chính
04/2022 - nay	Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	Thành viên HĐQT
01/2025 - nay	Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	Giám đốc Tài chính

- Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	Từ 04/2022 - nay
Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	Từ 01/2025 - nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và năng lượng VCP	Thành viên HĐQT
2	Tổng công ty Bảo hiểm Bưu điện	Thành viên BKS
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	Giám đốc tài chính
4	Công ty Cổ phần Encapital Holdings	Giám đốc tài chính

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 372.600 cổ phiếu, chiếm 0,11% vốn điều lệ
- + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - ✓ 168.300.000 cổ phiếu, chiếm 49,12% vốn điều lệ (Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital)
 - ✓ 33.000.000 cổ phiếu, chiếm 9,63% vốn điều lệ (Công ty Cổ phần Encapital Holdings)

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số CCCD/hộ chiếu/ Giấy CNDKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Tài	Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc	Số 0108400691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay Sở Tài chính TP Hà Nội) cấp lần đầu ngày	168.300.000	49,12

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số CCCD/hộ chiếu/ Giấy CNĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
	chính Encapital		09/08/2018, cấp thay đổi từng thời điểm		
2	Công ty Cổ phần Encapital Holdings	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Số 0109201071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay Sở Tài chính TP Hà Nội) cấp lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2020, cấp thay đổi từng thời điểm	33.000.000	9,63

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- ✓ Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng
2023	180.000.000	-	-
2024	100.000.000	-	-
9T/2025	-	199.000.000	1.527.409.091

(Nguồn: DNSE)

- ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 với thông tin như sau:
 - + Số lượng: 312.600 cổ phiếu;
 - + Giá: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động không thu tiền.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

e. Ông Bùi Anh Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ và tên : Bùi Anh Dũng
- Ngày tháng năm sinh : 15/11/1985
- Nơi sinh : Hà Nội
- CCCD số :

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Công nghệ thông tin
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010 - 2012	Isobar Australia	Kỹ sư công nghệ
2012 - 2014	Isobar UK	Kỹ sư công nghệ
2014 - 2015	CTCP VNP Group	Trưởng phòng Marketing mảng Công cụ Marketing
2015 - 2017	CTCP Chứng khoán VN Direct	Giám đốc Công nghệ mảng Mobile
2015 - 2018	CTCP Vicare	Giám đốc Công nghệ
07 - 12/2018	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	Giám đốc Công nghệ Sáng tạo – Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec
2019 - nay	Công ty TNHH AhaSlides Việt Nam	Giám đốc
08/2023 - nay	Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	Từ 08/2023 - nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Công ty TNHH AhaSlides Việt Nam	Giám đốc

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu
 - + Cá nhân sở hữu : 300.000 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ
 - + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50%

vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

- ✓ Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng
2023	40.000.000	-	-
2024	100.000.000	-	-
9T/2025	-	-	-

(Nguồn: DNSE)

- ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có.

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.2 Ban Kiểm soát

Bảng 35. Danh sách Ban Kiểm soát

TT	Họ tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Trần Vĩnh Cửu	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Nguyễn Quang Sơn	Thành viên Ban kiểm soát

Lý lịch tóm tắt của thành viên Ban Kiểm soát

a. Bà Nguyễn Quỳnh Mai – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên : Nguyễn Quỳnh Mai
- Ngày tháng năm sinh : 16/11/1985
- Nơi sinh : Hà Nội
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn : Tài chính kế toán
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2009 - 04/2010	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Chuyên viên
04/2010 - 06/2014	Tổng Công ty Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị	Kế toán tổng hợp
06/2014 - 11/2017	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà Hà Nội số 5	Trưởng Ban Kiểm soát – Phó phòng Tài chính kế toán
11/2017 - 09/2020	Công ty CP The Cottons Việt Nam	Tổng giám đốc
09/2020 - 06/2024	Công ty CP Thanh toán Enpay	Kế toán trưởng
04/2022 - 06/2023	Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	Kế toán trưởng
06/2022 - 06/2023	Công ty cổ phần Encapital Holdings	Kế toán trưởng
04/2023 – nay	Công ty cổ phần Chứng khoán DSNE	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Trưởng Ban kiểm soát	Từ 04/2023 – nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 107.912 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
 - + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nổi bật của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - ✓ Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có.
 - ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 với thông tin như sau:
 - + Số lượng: 77.310 cổ phiếu;
 - + Giá: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động không thu tiền.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

b. Ông Trần Vĩnh Cửu – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : Trần Vĩnh Cửu
- Ngày tháng năm sinh : 25/06/1989
- Nơi sinh : Nam Định
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Đại học
- Năng lực chuyên môn : Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016	Công ty cổ phần 9Fury	Lập trình viên
2017	Công ty cổ phần Quant Edge	Lập trình viên
2017 - 2019	Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	Trưởng nhóm Công nghệ
2019 - nay	Công ty CP Công nghệ Tài chính Encapital	Lập trình viên
04/2023 – nay	Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên Ban kiểm soát	Từ 04/2023 – nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	CTCP Công nghệ Tài chính Encapital	Lập trình viên

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 155.570 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ
 - + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.

- ✓ Lợi ích Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - ✓ Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có.
 - ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 với thông tin như sau:
 - + Số lượng: 155.570 cổ phiếu;
 - + Giá: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động không thu tiền.
 - Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
 - Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.
- c. Ông Nguyễn Quang Sơn – Thành viên Ban kiểm soát**
- Họ và tên : Nguyễn Quang Sơn
 - Ngày tháng năm sinh : 10/07/1985
 - Nơi sinh : Hà Nội
 - CCCD số :
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú :
 - Trình độ học vấn : Thạc sĩ
 - Năng lực chuyên môn : Tài chính Ngân hàng
 - Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 - 2008	CTCP Đầu tư & Truyền thông HBT Vietnam	Phó phòng Phân tích
2008 - 2012	Báo Đầu tư Chứng khoán	Phòng viên
2012 - 2014	CTCP Chứng khoán SSI	Phó ban Đầu tư
2014 - 2018	Tạp chí Nhà Đầu tư	Thư ký tòa soạn
2018 - 2019	CTCP Giải pháp Thời tiết và Nông nghiệp AgriMedia	Giám đốc Marketing

2019 - nay	CTCP Tài chính Encapital	Giám đốc Marketing
07/2020 - nay	CTCP Chứng khoán DNSE	Thành viên ban kiểm soát
10/2025 - nay	CTCP Chứng khoán DNSE	Giám đốc Kinh doanh Phái sinh

- Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE	Từ 07/2020 - nay
Giám đốc Kinh doanh Phái sinh Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE	Từ 10/2025 - nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu : 133.210 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ
 - + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - ✓ Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có.
 - ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 với thông tin như sau:
 - + Số lượng: 133.210 cổ phiếu;
 - + Giá: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động không thu tiền.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.2. Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác

Bảng 36. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác

TT	Họ tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Ngọc Linh	Tổng Giám đốc

TT	Họ tên	Chức danh
2	Ông Nguyễn Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Giám đốc Chi nhánh TP.HCM
4	Bà Nguyễn Thị Duyên	Kế toán trưởng
5	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Giám đốc tài chính

Lý lịch tóm tắt của Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác

a. Bà Nguyễn Ngọc Linh – Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Ngọc Linh
- Ngày tháng năm sinh : 03/06/1985
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn : Tài chính
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2007 – 03/2008	CTCP Chứng khoán Phú Hưng	Chuyên viên phân tích
03/2008 – 10/2013	CTCP Chứng khoán Phú Hưng	Phó phòng phân tích
10/2013 – 09/2018	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Chuyên gia Tư vấn đầu tư
10/2018 – 09/2019	CTCP chứng khoán VNDIRECT	Trưởng phòng Tư vấn đầu tư
09/2019 – 10/2020	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Trưởng Phòng Sản phẩm Wealth Management
12/2020 – 11/2023	CTCP Chứng khoán DNSE	Trưởng phòng Tự doanh
11/2023 – 01/2025	CTCP Chứng khoán DNSE	Giám đốc Phát triển sản phẩm & Đối tác

01/2025 – nay	CTCP Chứng khoán DNSE	Giám đốc giao dịch chứng khoán và đối tác
03/2021 - nay	Công ty Cổ phần Wigroup	Thành viên Hội đồng quản trị
01/07/2025 – nay	CTCP Chứng khoán DNSE	Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Tổng Giám đốc	Từ 01/07/2025 – nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Wigroup	Từ 03/2021- nay

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 186.600 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ
 - + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - ✓ Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng
2023	-	180.000.000	894.500.000
2024	-	180.000.000	852.791.667
9T/2025	-	163.000.000	1.026.227.273

Nguồn: DNSE

- ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 với thông tin như sau:
 - + Số lượng: 186.600 cổ phiếu;
 - + Giá: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động không thu tiền.

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

b. Ông Nguyễn Hoàng Việt – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Hoàng Việt
- Ngày tháng năm sinh : 03/10/1981
- Nơi sinh : Hà Nội
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn : Tài chính
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2003 – 05/2007	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte	Chuyên viên kiểm toán cao cấp
09/2009 – 09/2011	CTCP Chứng khoán SSI	GD Dự án, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư
10/2011 – 03/2015	CTCP Chứng khoán HSC	GD Dự án, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư
04/2015 – 11/2018	CTCP Chứng khoán VNDirect	GD phát triển kinh doanh, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư
07/2019 – 01/2023	CTCP Chứng khoán SSI	GD phát triển kinh doanh, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư
02/2023 – 07/2024	CTCP Chứng khoán DNSE	Giám đốc khối Ngân hàng đầu tư
07/2024 - nay	CTCP Chứng khoán DNSE	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Tổng giám đốc	Từ 07/2024 - nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu : 292.900 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ

- + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - ✓ Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng
2023	-	231.000.000	1.416.757.575
2024	-	252.000.000	1.654.037.879
9T/2025	-	199.000.000	998.000.000

Nguồn: DNSE

- ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 với thông tin như sau:
 - + Số lượng: 292.900 cổ phiếu;
 - + Giá: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động không thu tiền.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

c. Ông Phan Nguyễn Hữu Phương – Giám đốc Chi nhánh TP.HCM

- Họ và tên : Phan Nguyễn Hữu Phương
- Ngày tháng năm sinh : 05/07/1986
- Nơi sinh : Bình Dương
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn : Tài chính
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2009 – 03/2011	CTCP chứng khoán Âu Việt	Nhân viên môi giới
03/2011 – 09/2011	CTCP chứng khoán SSI	Nhân viên môi giới
10/2011 – 12/2013	CTCP chứng khoán VNDirect	Nhân viên môi giới
01/2014 – 09/2019	CTCP chứng khoán VNDirect	Trưởng phòng môi giới
10/2019 – 04/2023	CTCP chứng khoán VNDirect	Giám Đốc Chi nhánh Sala
05/2023 – 03/2024	CTCP Chứng khoán DNSE	Giám đốc khối Khách hàng cao cấp
03/2024 – nay	CTCP Chứng khoán DNSE	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

- Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Từ 03/2024 – nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu : 69.400 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ
 - + Người có liên quan sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - ✓ Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng
2023	-	105.000.000	658.694.444
2024	-	180.000.000	968.389.385
9T/2025	-	145.000.000	310.000.000

(Nguồn: DNSE)

- ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 với thông tin như sau:
 - + Số lượng: 69.400 cổ phiếu;
 - + Giá: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động không thu tiền.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

d. Bà Nguyễn Thị Hà Ninh – Giám đốc tài chính
(Thông tin đã trình bày tại Mục 3.1)

e. Bà Nguyễn Thị Duyên – Kế toán trưởng

- Họ và tên : Nguyễn Thị Duyên
- Ngày tháng năm sinh : 14/06/1986
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Cử nhân
- Năng lực chuyên môn : Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2009 - 05/2010	Công ty CP Chứng khoán DNSE	Nhân viên môi giới
06/2010 - 08/2014	Công ty CP Chứng khoán DNSE	Chuyên viên kế toán giao dịch
09/2014 - 01/2019	Công ty CP Chứng khoán DNSE	Kiểm soát giao dịch
02/2019 - 06/2020	Công ty CP Chứng khoán DNSE	Phụ trách phòng Kế toán - Tài chính
07/2020 - nay	Công ty CP Chứng khoán DNSE	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại DNSE:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Kế toán trưởng	Từ 07/2020 - nay

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người của liên quan của họ (đến thời điểm ngày 01/12/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 109.610 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
 - + Người có liên quan sở hữu: Không có

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - ✓ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa DNSE, công ty con của DNSE, công ty do DNSE nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - ✓ Thù lao, tiền lương và tiền thưởng trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng
2023	-	156.000.000	583.227.273
2024	-	156.000.000	740.066.667
9T/2025	-	127.000.000	435.652.174

Nguồn: DNSE

- ✓ Các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 với thông tin như sau:
 - + Số lượng: 109.610 cổ phiếu;
 - + Giá: Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động không thu tiền.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Người nội bộ có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

- 1. Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- 2. Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- 3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 85.650.000 cổ phiếu, tương ứng chiếm 25% số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm thực hiện chào bán.
- 4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 856.500.000.000 đồng.
- 5. Giá chào bán dự kiến:** 15.000 đồng/cổ phiếu
- 6. Phương pháp tính giá**

6.1. Nguyên tắc xác định giá chào bán:

- Căn cứ vào Điều 126 Luật Doanh Nghiệp: "*Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:*

1. *Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;*
2. *Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;"*

HĐQT thông qua việc xác định giá chào bán dựa trên (a) giá trị sổ sách và (b) trung bình giá giao dịch của cổ phiếu DSE trong 30 phiên giao dịch từ ngày 22/08/2025 đến ngày 06/10/2025. Cụ thể:

- (a) Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Theo đó, giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2025 theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét của Công ty là:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{4.156.250.377.039}{339.900.000} = 12.228 \text{ VND}$$

- (b) Giá tham chiếu cổ phiếu trung bình 30 phiên giao dịch từ ngày 22/08/2025 đến ngày 06/10/2025 là 29.795 VND/cổ phiếu.

6.2. Giá chào bán:

Theo tờ trình số 11/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua giá Giá cổ phiếu chào bán dự kiến tối thiểu là 12.500 VND/cổ phiếu, ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT xây dựng nguyên tắc giá chào bán chi tiết, quyết định giá chào bán cụ thể và đảm bảo giá chào bán không thấp hơn 12.500 VND/cổ phiếu.

Dựa trên nguyên tắc xác định giá tại Mục 6.1 và để đảm bảo cho đợt chào bán thành công đồng thời tri ân cổ đông đã gắn bó với DNSE, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được HĐQT thông qua là **16.000 VND/cổ phiếu**.

7. Phương thức phân phối

- ❖ Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- ❖ Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.

- ❖ Tỷ lệ thực hiện quyền: 4:1 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 04 quyền thì được mua 01 cổ phiếu mới).
- ❖ Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 99 cổ phần, sẽ được hưởng 99 quyền mua. Khi đó số cổ phần chào bán cổ đông A được mua như sau: $99/4 = 24,75$ cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần mà Cổ đông A được quyền mua là 24 cổ phần. Phần lẻ 0,75 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.

- ❖ Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết trong trường hợp cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua:

Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết do cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua ("**Cổ Phiếu Cản Phân Phối**") được chào bán cho các nhà đầu tư với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Trong trường hợp phân phối tiếp, HĐQT xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu chưa phân phối hết. Việc phân phối Cổ Phiếu Cản Phân Phối cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Tuân thủ quy định tại điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: "*Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.*"
- Đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các quy định khác liên quan đến pháp luật hiện hành.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- ❖ Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định.

- ❖ Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cụ thể phụ thuộc theo thời gian phân phối cổ phiếu, đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật. Công ty sẽ thông báo thời hạn đăng ký mua cụ thể trong Thông báo phát hành cổ phiếu và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu tối thiểu cho Nhà đầu tư là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- ❖ Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu (nếu có): Không quy định.

- ❖ Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu:

- a) Đối với cổ đông đã lưu ký:

Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký.

Sau thời hạn quy định, các quyền mua cổ phiếu chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.

- b) Đối với cổ đông chưa lưu ký:

Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở Công ty.

c) Hình thức chuyển tiền:

Tiền mua cổ phiếu được chuyển vào Tài khoản phong tỏa của Công ty.

❖ Chuyển nhượng quyền mua:

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua cổ phiếu chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không chuyển nhượng cho người thứ 3). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.

❖ Chuyển giao cổ phiếu:

- Sau khi VSDC gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các TVLK, TVLK hạch toán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa phát hành.
- Khi cổ phiếu được thông báo chính thức phát hành bổ sung, sổ chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của cổ đông.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại trụ sở Công ty.
- Sau khi Công ty tiến hành các thủ tục phân phối cổ phiếu, các cổ phiếu mới phát hành có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu cũ.

9. **Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:**

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến được thực hiện sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực nhưng không được vượt quá 90 (chín mươi) ngày. Trong trường hợp vì một số lý do khách quan dẫn đến việc phát hành kéo dài hơn thời hạn 90 (chín mươi) ngày, Công ty sẽ xin gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng tối đa gia hạn thêm không quá 30 (ba mươi) ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Quý IV/2025 - Quý I/2026, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Bảng 37. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.	T
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới VSDC và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để triển khai.	T đến T+2
3	Công bố thông tin về việc chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng.	T đến T+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	T+12
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	T+13
6	Thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các cổ đông.	T+15 đến T+18
7	Cổ đông đăng ký, chuyển nhượng quyền mua; nộp tiền mua cổ phiếu.	T+19 đến T+40
8	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu.	T+47

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
9	HĐQT phân phối tiếp số cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua cổ phần	T+48 đến T+58
10	Báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành.	T+59
11	Chuyển giao cổ phiếu hoặc trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua; thực hiện và hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu.	T+59 đến T+88

Thời gian phân phối cổ phiếu cụ thể sẽ được nêu chi tiết tại Bản thông báo chào bán thêm cổ phiếu ra công chứng của Công ty sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

10. **Phương thức thực hiện quyền** (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi): Không có do Tổ chức phát hành không chào bán cổ phiếu ưu đãi.
11. **Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu**
 - Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không chuyển nhượng cho người thứ 3). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.
 - Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền mua được tự do chuyển nhượng. Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần. Số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho các Nhà đầu tư khác phát sinh do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
12. **Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**
 - Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
 - Số tài khoản: 8600073181
 - Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành.
13. **Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành** (trường hợp Tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền)
Không có.
14. **Hủy bỏ đợt chào bán**
Do Công ty không thực hiện huy động vốn sử dụng cho mục đích thực hiện dự án nên không áp dụng.
15. **Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài**
Để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, HĐQT Công ty đã thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài như sau:

Theo Công văn số 1512/UBCK-QLKD ngày 12/03/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công Ty là 100%. Do đó, Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế sở hữu khi được phân phối cổ phiếu theo phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu này của Công ty.

Đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu này của Công ty, nếu tất cả các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty. Cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua thêm cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này theo tỷ lệ thực hiện quyền mua theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi bởi Điểm b Khoản 56 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.

16. Các loại thuế có liên quan

❖ Đối với Công ty

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- (i) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế;
- (ii) Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (iii) Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- (iv) Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 về việc hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam;
- (v) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (vi) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vii) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; và
- (viii) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/8/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về TTNDN tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày

- 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính,
- (ix) Thông Tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính Phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính, Thông Tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài Chính; và
- (x) Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
- Căn cứ theo văn bản hướng dẫn trên thì mức thuế suất áp dụng đối với Công ty là 20%.
- Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.
- Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của DNSE được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.
- **Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng bao gồm:

(i) Luật số 48/2004/QH15 ngày 26/11/2004 Luật thuế Giá trị gia tăng;

(ii) Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; và luật số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

(iii) Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế; Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9/2/2017 ban hành quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013;

(iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

(v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

(vi) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi

tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

- (vii) Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐCP ngày 1/7/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý Thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế,
- (viii) Thông Tư số 93/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 9 năm 2017 sửa đổi Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 Thông tư 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi tại Thông tư 119/2014/TT-BTC) và bãi bỏ Khoản 7 Điều 11 Thông tư 156/2013/TT-BTC;
- (ix) Thông Tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 hướng dẫn Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi Thông tư 78/2014/TT-BTC, 111/2013/TT-BTC;
- (x) Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà DNSE phải chịu sẽ tùy hoạt động có mức thuế suất phù hợp theo quy định của Luật thuế hiện hành.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

- ✧ **Đối với nhà đầu tư**

- a. **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Tại Việt Nam, thuế thu nhập cá nhân được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật sau đây:

- (i) Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân số 04/2007/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007; Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân thông qua ngày 22/11/2012; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính thông qua ngày 29/11/2024 (gọi chung là "**Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân**");
- (ii) Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ hướng dẫn Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 sửa đổi, một số điều tại các Nghị định quy định về thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (iii) Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân;
- (iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

- (v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vi) Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện thuế Giá trị gia tăng và Thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (vii) Thông Tư số 80/2021/TT-BTC ngày ngày 29 tháng 9 năm 2021 hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế; và
- (viii) Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

Đối với nhà đầu tư trong nước: Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại Điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc "Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn".

- **Thu nhập từ cổ tức**

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân, thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức:

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhận với thuế suất 5%;

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.

- ❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- a. **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh Nghiệp, Luật Đầu tư; thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

- b. **Thu nhập từ cổ tức**

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp 2008.

17. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về việc thực hiện hoàn thiện nộp hồ sơ đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Công ty cam kết đáp ứng quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về việc "Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Nâng cao năng lực hoạt động và hiệu quả kinh doanh, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm nhưng không giới hạn bổ sung vốn cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán; bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác,...

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Để làm rõ về phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2025 ("Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 01"), Hội đồng Quản trị ("HĐQT") thông qua Nghị quyết số 34/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 03/11/2025 ("Nghị Quyết HĐQT số 34"), Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE xin báo cáo Quý Ủy ban một số thông tin về việc sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán theo phương án sử dụng vốn như sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Tỷ lệ phân bổ	Số tiền sử dụng dự kiến (triệu đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ	47,1%	604.685	Sau khi kết thúc đợt chào bán, trong năm 2025 hoặc năm 2026
2	Cho khách hàng Ứng trước tiền bán	38,9%	500.000	
3	Đầu tư vào trái phiếu	6,2%	79.865	
4	Đầu tư chứng chỉ tiền gửi và Các giấy tờ có giá khác	7,8%	100.000	
Tổng cộng		100%	1.284.750	

Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành:

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công Ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn theo thứ tự từ (1) đến (4).

Trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên, Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán phù hợp hoạt động kinh doanh của Công Ty và quy định pháp luật.

Về việc sử dụng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán, Công Ty xin trình bày như sau:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh và nhu cầu về vốn của Công Ty:

Năm 2024 là một năm nhiều khó khăn với thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và DNSE nói riêng, tuy nhiên vượt lên bối cảnh thị trường không thuận lợi, DNSE đã tập trung phát triển quy mô khách hàng và hệ thống sản phẩm phát huy thế mạnh công nghệ. Chiến lược này đã giúp DNSE tiếp tục tăng trưởng với doanh thu 829 tỷ đồng, tăng 12% so với 2023; tổng tài sản hơn 10.600 tỷ đồng, tăng 43%; dư nợ cho vay kỳ quỹ tăng 56% so với đầu năm. Hoạt động mở rộng khách hàng là điểm nhấn đáng tự hào năm 2024. DNSE duy trì vị thế dẫn đầu về thị phần mở tài khoản mới 4 Quý liên tiếp, chiếm 21,6% thị phần tài khoản chứng khoán mở mới toàn thị trường. Cứ 5 tài khoản mở mới thì có một tài khoản mở tại DNSE.

Đầu năm 2025, DNSE đón cột mốc 1 triệu tài khoản chứng khoán. Thành tựu này đạt được chỉ trong vòng 3,5 năm từ khi DNSE bắt đầu hành trình đổi mới toàn diện. Bên cạnh đó, từ vị trí Top 5 thị phần giao dịch chứng khoán phái sinh trong Quý 1/2024, DNSE đã bứt tốc vươn lên vị trí Top 2 vào Quý 4/2024.

Theo kế hoạch đặt ra, xác định năm 2025 sẽ tiếp tục đối diện nhiều thách thức, đội ngũ DNSE kiên định với tâm thế tập trung và thúc đẩy những thế mạnh sẵn có. Với tài nguyên nhân sự chất lượng cao, sức mạnh công nghệ và sự đầu tư sát sao nhằm phát triển tệp khách hàng cốt lõi sẽ là những chiến lược then chốt đưa DNSE gặt hái những bước tăng trưởng đột phá. Về nhân sự, DNSE luôn hướng đến củng cố một nguồn nhân lực hiệu suất cao, vận hành khoa học, sáng tạo, tự động hóa. Sự gắn bó và phát triển của những thành viên trong đội ngũ sẽ là chìa khóa then chốt trong mô hình phát triển tinh gọn của DNSE. Với tài nguyên nhân sự chất lượng cao, sức mạnh công nghệ và sự đầu tư sát sao nhằm phát triển tệp khách hàng cốt lõi sẽ là những chiến lược then chốt đưa DNSE gặt hái những bước tăng trưởng đột phá. Về công nghệ, nhiệm vụ tiên quyết của DNSE là đảm bảo hệ thống vận hành nhanh, ổn định, linh hoạt. Cùng với việc tiên phong ứng dụng hệ thống bảo mật từ eSentire - đơn vị cung cấp dịch vụ an ninh mạng dẫn đầu toàn cầu từ 6 tháng cuối năm 2024, DNSE cũng đã đầu tư hệ thống LinuxONE và vận hành hạ tầng mới với những cải tiến rõ nét. Hiện tại, thời gian xử lý lệnh đã giảm 30% so với nền tảng cũ. Nền tảng của DNSE cũng đã vận hành tốt với hệ thống KRX thời gian qua. Do đó, khi tính năng giao dịch trong ngày (T+0) áp dụng, mô hình quản trị, cho vay theo từng giao dịch (Margin Deal) mà DNSE là đơn vị đầu tiên, duy nhất hiện nay áp dụng sẽ trở thành lợi thế cạnh tranh lớn của DNSE, giúp khách hàng gia tăng hiệu quả đầu tư.

Về phát triển khách hàng, vừa qua DNSE đã triển khai đồng loạt các hoạt động nghiên cứu khách hàng thông qua nhiều hình thức. Trên cơ sở đó, năm 2025, DNSE sẽ mở rộng các sản phẩm tài chính đa dạng, chuyên biệt hơn, đưa ra những giải pháp đơn giản, nhanh, tối ưu về chi phí nhất cho khách hàng.

Với mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2025, DNSE xác định nhu cầu tăng vốn là cần thiết và mang tính chiến lược. Sự gia tăng mạnh mẽ về quy mô hoạt động kéo theo nhu cầu vốn lớn để đáp ứng dịch vụ cho vay kỳ quỹ, ứng trước tiền bán, cũng như mở rộng mảng tư doanh và đầu tư tài chính. Việc bổ sung vốn điều lệ không chỉ giúp Công Ty củng cố năng lực tài chính và duy trì dòng tiền ổn định cho hoạt động kinh doanh, mà còn tạo điều kiện nâng cao khả năng nắm bắt các cơ hội đầu tư trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam đang phát triển nhanh và hướng đến mục tiêu nâng hạng trong năm 2025. Đây là nền tảng then chốt để DNSE duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, gia tăng sức cạnh tranh, và khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán tiên phong tại Việt Nam.

2. Chi tiết về việc sử dụng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cụ thể như sau:

tăng then chốt để DNSE duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, gia tăng sức cạnh tranh, và khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán tiên phong tại Việt Nam.

2. Chi tiết về việc sử dụng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cụ thể như sau:

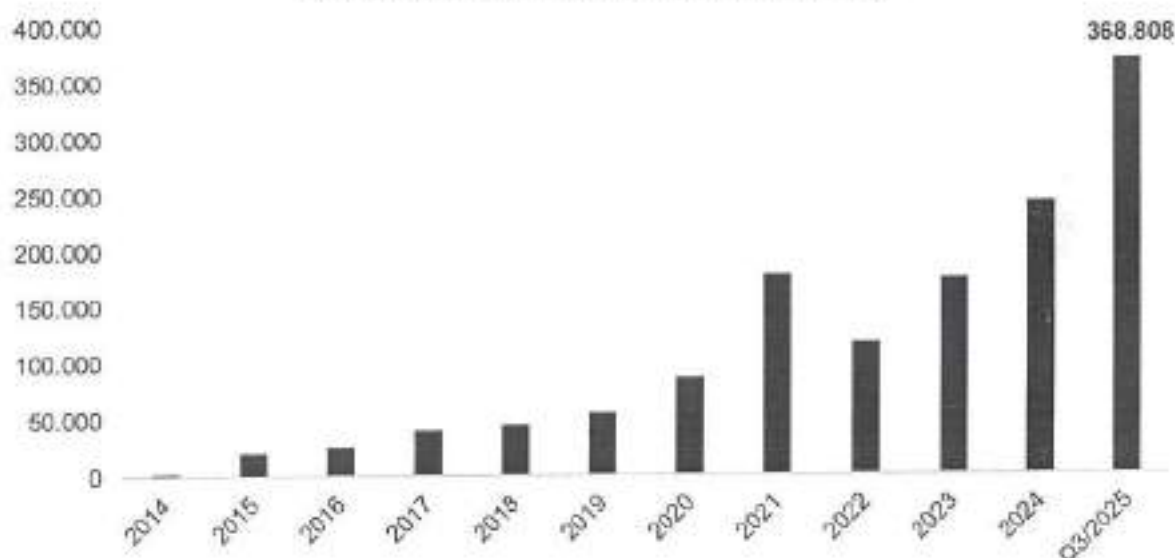
(i) Bổ sung vốn cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán

Công Ty dự kiến sử dụng 1.104.885.000.000 đồng từ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu thêm ra công chứng cho cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, trong đó 604.885.000.000 đồng dùng để cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ, còn 500.000.000.000 đồng dùng để cho khách hàng ứng trước tiền bán.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam liên tục duy trì thanh khoản sôi động và ngày càng thu hút đông đảo nhà đầu tư cá nhân, nhu cầu sử dụng dịch vụ vay ký quỹ và ứng trước tiền bán tăng trưởng mạnh mẽ. Theo số liệu từ Finpro, dư nợ cho vay ký quỹ toàn thị trường tại ngày 30/09/2025 đạt xấp xỉ 368.808,04 tỷ đồng. So với giai đoạn năm 2020–2021, quy mô dư nợ margin của thị trường đã tăng gần gấp đôi, phản ánh xu hướng sử dụng đòn bẩy tài chính ngày càng phổ biến của nhà đầu tư. Đây là yếu tố then chốt thúc đẩy doanh thu và lợi nhuận cho các công ty chứng khoán có tiềm lực vốn mạnh.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Tổng dư nợ vay ký quỹ trên toàn thị trường



(Nguồn: Finpro)

Đối với DNSE, dịch vụ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán đang là một trong những trụ cột chính đóng góp vào tổng doanh thu hoạt động. Tính đến cuối năm 2024, dư nợ margin của DNSE đã đạt gần 3,9 nghìn tỷ đồng, tăng 56% so với đầu năm. Doanh thu từ cho vay margin cũng tăng 25% so với cùng kỳ năm trước, đạt 342 tỷ đồng. Tính đến kết thúc Quý III năm 2025, dư nợ margin của DNSE đạt 5,75 tỷ đồng, tăng gần 50% so với số dư đầu năm 2025 và doanh thu từ hoạt động tự doanh, đầu tư tính riêng 09 tháng đầu năm 2025 tăng hơn 56% so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, tình hình hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán của Công Ty (theo giá gốc) như sau:

Đơn vị: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	2.411.829,16	3.783.968,87	5.493.321,61
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	71.239,47	97.616,60	256.745,37
Tổng cộng	2.483.068,63	3.881.585,48	5.750.066,98

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tự lập Quý III năm 2025 của DNSE)

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, số lượng tài khoản mở mới tại DNSE tăng trưởng liên tục. Số lượng khách hàng lần đầu sử dụng sản phẩm margin trong Quý IV/2024 đã tăng 1,8 lần so với cùng kỳ, nhờ chiến lược mở rộng danh mục gói vay đa dạng và lãi suất cạnh tranh, cụ thể: DNSE triển khai các sản phẩm miễn lãi như các gói Rocket 3 ngày, Rocket 5 ngày, Rocket 10 ngày và các gói vay margin với lãi suất ưu đãi 5,99% và 5,99% plus áp dụng cho 1 số mã chứng khoán, giúp thu hút nhiều khách hàng mới. Trong năm 2024, DNSE chiếm 21,6% thị phần tài khoản chứng khoán mở mới trên toàn thị trường với 433.532 tài khoản, nâng tổng số tài khoản khách hàng lên 994.406, tương đương mức tăng trưởng 77,2% so với năm 2023. Bước sang năm 2025, ngay trong tháng 1, tổng số tài khoản chứng khoán của DNSE đã chính thức vượt mốc 1 triệu, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình tăng trưởng. Đà tăng trưởng này tiếp tục được duy trì trong những tháng tiếp theo, giúp DNSE giữ vững vị thế dẫn đầu về thị phần tài khoản mở mới 9 tháng đầu năm 2025 với 361.000 tài khoản, chiếm trên 20% số tài khoản mở mới toàn thị trường, nâng tổng số tài khoản lên hơn 1.300.000 vào thời điểm kết thúc Quý III/2025.

(Đơn vị: tài khoản)



(Nguồn: DNSE)

Do đó, để duy trì khả năng cạnh tranh trên thị trường, DNSE cần đảm bảo luôn có nguồn vốn dồi dào, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vay kỳ quỹ của khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời và với lãi suất hợp lý.

Trên các cơ sở trên, có thể nhận thấy tiềm năng tăng trưởng của thị trường trong thời gian tới là rất đáng kỳ vọng. Điều này kéo theo nhu cầu sử dụng margin ở mức cao, nhất là trong

các giai đoạn thị trường chuyển pha hoặc điều chỉnh kỹ thuật. Việc DNSE chủ động tăng vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán không chỉ giúp Công Ty tận dụng cơ hội tăng trưởng doanh thu, mà còn thể hiện năng lực dự báo, ứng phó đòn đầu linh hoạt với yêu cầu vốn hoạt động trong bối cảnh thị trường đang dần bước vào chu kỳ hồi phục mới.

Vì vậy, việc DNSE dự kiến sẽ sử dụng số tiền 1.104.885.000.000 đồng để bổ sung vốn cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán của Công Ty là hoàn toàn phù hợp.

(ii) Bổ sung vốn để đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác

Công Ty dự kiến sử dụng 179.865.000.000 đồng từ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để thực hiện bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác.

Hiện nay, DNSE định hướng danh mục đầu tư tài chính tập trung đa dạng vào các cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch, đồng thời kết hợp linh hoạt với trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, chứng chỉ quỹ và các khoản đầu tư tài chính khác nhằm tối ưu hóa hiệu quả sinh lời. Hoạt động đầu tư của DNSE trong giai đoạn gần đây cho thấy sự tăng trưởng đáng kể cả về quy mô danh mục lẫn giá trị hợp lý các khoản đầu tư. Cụ thể, tình hình đầu tư tài chính của Công ty trong năm 2023, năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

Đơn vị: Triệu Đồng

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31/12/2023		31/12/2024	
	Giá gốc	Giá trị Hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch	99.593,68	93.177,03	135.468,83	104.307,36
- Công ty Cổ phần Vinhomes	0	0	42.925,92	40.000,00
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	96.480,28	90.837,72	0	0
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	2.661,67	1.902,83	0	0
- Các cổ phiếu khác	451,73	436,48	92.542,91	64.307,36
Trái phiếu niêm yết	0	0	64.010,19	60.630,92
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán	1.005,23	1.289,42	2.003,89	2.146,33
Chứng chỉ tiền gửi	204.118,23	204.118,23	0	0
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	101.773,78	101.773,78	0	0

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31/12/2023		31/12/2024	
	Giá gốc	Giá trị Hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	102.344,46	102.344,46	0	0
Cộng	304.717,14	298.584,68	201.482,90	167.084,60

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	30/06/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch	192.878,36	208.498,08
- Công ty Cổ phần Vinhomes	17.599,63	31.447,00
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	76.532,52	73.214,71
- Các cổ phiếu khác	98.746,21	103.836,37
Trái phiếu niêm yết	233.054,65	232.887,99
Trái phiếu chưa niêm yết	294.978,29	294.978,29
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán	6.810,60	7.052,76
Cộng	727.721,90	743.417,12

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét của DNSE)

Hiện nay, bối cảnh thị trường tài chính Việt Nam đang tạo ra nhiều cơ hội thuận lợi để các công ty chứng khoán gia tăng hiệu quả từ hoạt động tự doanh và đầu tư vào các công cụ tài chính có thu nhập cố định. Theo số liệu từ Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm đang duy trì ở mức 3,6 – 3,7%/năm, phản ánh sự ổn định và mức độ an toàn cao của kênh đầu tư này. Song song, thị trường trái phiếu doanh nghiệp đang phục hồi mạnh mẽ khi tổng giá trị phát hành trong tháng 8/2025 đã tăng khoảng 50% so với tháng trước. Lãi suất phát hành của các doanh nghiệp có tín nhiệm cao, đặc biệt trong nhóm ngân hàng và bất động sản, dao động từ 6% đến trên 10%/năm, cao hơn đáng kể so với mặt bằng lãi suất huy động ngân hàng. Tính đến đầu tháng 9/2025, VN-Index đang đứng khoảng 1.640 - 1.680 điểm, sau khi đã có một đợt tăng mạnh trong tháng 8, vượt mốc 1.680 điểm, đồng thời tiến sát vùng đỉnh lịch sử quanh 1.700 điểm. Mặc dù có những phiên thị trường rung lắc do áp lực chốt lời, đặc biệt khi chỉ số tiệm cận vùng kháng cự, nhìn chung xu hướng ngắn hạn vẫn nghiêng về tích cực.

Đối với DNSE, hoạt động đầu tư là mảng kinh doanh cốt lõi, có biên lợi nhuận cao và đóng góp lớn vào tổng doanh thu của Công Ty, với mức tăng trưởng cao trong năm 2024. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán đang bước vào chu kỳ phục hồi, DNSE cần gia tăng nguồn lực tài chính để chủ động mở rộng danh mục đầu tư và tận dụng các cơ hội sinh lời trên thị trường. Đây chính là cơ hội để các công ty chứng khoán, trong đó có DNSE, phân bổ vốn hợp lý nhằm vừa tối ưu hóa lợi nhuận vừa đảm bảo tính an toàn và cân bằng danh mục.

Do đó, việc bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư là cần thiết để Công Ty có thể chủ động mở rộng danh mục đầu tư vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, đang trong vùng định giá hấp dẫn, đồng thời tận dụng cơ hội sinh lời trong giai đoạn thị trường chuyển sang pha tích lũy và phục hồi. Mục tiêu là nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng quy mô tài sản sinh lời và cải thiện năng lực cạnh tranh của Công Ty.

Bên cạnh đó, việc tăng vốn cho hoạt động đầu tư còn diễn ra trong bối cảnh hệ thống pháp lý và hạ tầng giao dịch của thị trường chứng khoán Việt Nam đang có những thay đổi tích cực. Cụ thể, hệ thống công nghệ thông tin mới KRX – đã chính thức được đưa vào vận hành từ tháng 5/2025. Hệ thống này giúp xử lý giao dịch theo chuẩn quốc tế, rút ngắn thời gian thanh toán, đồng thời tạo tiền đề cho việc triển khai các sản phẩm mới. Sự kiện này được đánh giá là cột mốc quan trọng trong tiến trình hiện đại hóa thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần nâng cao thanh khoản, tăng tính minh bạch và thu hút thêm dòng vốn tổ chức trong và ngoài nước.

Song song, hành lang pháp lý cũng đang được hoàn thiện. Bộ Tài chính đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 và một số các văn bản pháp luật liên quan được ban hành thay thế. Các sửa đổi này tập trung vào việc bổ sung nhóm các quy định để nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động phát hành, chào bán chứng khoán; tăng cường công tác giám sát và xử lý nghiêm các hành vi gian lận, lừa đảo trong hoạt động phát hành, chào bán chứng khoán, quy định rõ trách nhiệm các bên; tháo gỡ các vướng mắc trên thực tiễn, thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán với mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán. Điều này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động đầu tư, bao gồm cả tự doanh tại các công ty chứng khoán.

Với những yếu tố hỗ trợ tích cực nêu trên, giới phân tích kỳ vọng thị trường sẽ đón nhận thêm nhiều thông tin tích cực trong thời gian tới, bao gồm khả năng nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi, sự trở lại của dòng vốn ngoại, và sự phục hồi niềm tin từ nhà đầu tư cá nhân. Trong bối cảnh định giá đang ở vùng hấp dẫn, các yếu tố vĩ mô ổn định và hạ tầng giao dịch được cải thiện, thị trường chứng khoán Việt Nam nhiều khả năng sẽ bước vào giai đoạn tích lũy và hồi phục rõ nét hơn từ nửa cuối năm 2025. Việc DNSE chủ động gia tăng nguồn lực cho hoạt động đầu tư là hợp lý về mặt chiến lược và thể hiện tầm nhìn đón đầu chu kỳ tăng trưởng mới của thị trường, khi nhiều công ty chứng khoán lớn đang đẩy mạnh đầu tư như một chiến lược tăng trưởng trọng tâm. Với nguồn lực tài chính được củng cố từ đợt phát hành, DNSE có thể linh hoạt hơn trong việc ra quyết định đầu tư, củng cố năng lực quản trị rủi ro và duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững trong những năm tới.

Dựa trên diễn biến thị trường hiện tại với định giá hấp dẫn và nhiều cơ hội đầu tư, việc DNSE dự kiến sử dụng 179.865.000.000 đồng từ đợt chào bán cổ phiếu để bổ sung vốn để đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác là hoàn toàn hợp lý, nhằm gia tăng năng lực đầu tư, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và đón đầu sóng hồi phục của thị trường.

Hiện nay DNSE đã phân phối thành công 10.000.000 trái phiếu chào bán ra công chúng với giá trị chào bán tính theo mệnh giá là 1.000 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 340/GCN-UBCK ngày 02/10/2025.

Như vậy, việc Công Ty sẽ sử dụng 1.284.750.000.000 đồng dự kiến thu được từ đợt chào bán để thực hiện cho các mục đích nêu trên là phù hợp với Nghị Quyết ĐHĐCĐ thông qua, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công Ty.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. **Tổ chức Tư vấn:** Không có.
2. **Tổ chức bảo lãnh phát hành/Tổ chức bảo lãnh phát hành chính (trường hợp có tổ hợp bảo lãnh phát hành):** Không có.
3. **Tổ chức Kiểm toán:**

CÔNG TY TNHH KPMG

Trụ sở chính : Tầng 46, Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, tòa nhà 72, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (024) 3946 1600 **Fax:** (024) 3946 1601

Website : www.kpmg.com.vn

4. **Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán:**

Không có.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty và các Giấy phép điều chỉnh;
2. **Phụ lục 2:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị:
 - (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 03 năm 2025 (kèm Tờ trình số 11/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/3/2025);
 - (ii) Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE số 31/2025/NQ-HĐQT-DNSE ngày 10/10/2025 về việc Phê duyệt triển khai chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua năm 2025;
 - (iii) Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE số 34/2025/NQ-HĐQT-DNSE ngày 03/11/2025 về việc Thông qua điều chỉnh chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua năm 2025.
3. **Phụ lục 3:** Điều lệ công ty;
4. **Phụ lục 4:** Báo cáo tài chính năm 2023, 2024 được kiểm toán; Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 được soát xét; Báo cáo tài chính tự lập Quý III năm 2025 của Công ty;
5. **Phụ lục 5:** Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng tại ngày 03/11/2025 của CTCP Chứng khoán DNSE được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 197/2025/BCKT-AVI-TC1 ngày 06/11/2025.

Ngày ..08.. tháng ..12.. năm 2025

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN HOÀNG GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ DUYÊN

BẢN SAO

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0102459106

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 10 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 22 tháng 10 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DNSE SECURITIES JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: DNSE JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Tầng 6 tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngõ Thị Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 024.7108.9234

Số Fax:

Thư điện tử: *info@dnse.com.vn*

Website: *dnse.com.vn*

3. Vốn điều lệ: 3.426.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn bốn trăm hai mươi sáu tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 342.600.000

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **59585 01** ...Quản số:SCT/BS

NGÀY: 28 -10- 2025

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN NGỌC LINH

Người thực hiện chứng thực

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 03/06/1985

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân:

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc:



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Đình Bảo Lâm

**KI. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trịnh Huy Tâm

2.	Lê Minh Tuấn		011511920	Việt Nam
3.	Trịnh Quốc Văn		011879879	Việt Nam
4.	Đinh Quang Bách		B0955903	Việt Nam
5.	Trần Quang Luyện		012049549	Việt Nam
6.	Trần Đức Chiến		011843298	Việt Nam
7.	Trần Thị Hồng Hà		012795725	Việt Nam
8.	Lê Phương Huyền		012425490	Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Chức danh: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên: **Lê Minh Tuấn** Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **24/05/1970** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh thư nhân dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điều 2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam được thực hiện các loại hình kinh doanh sau đây:

1. Môi giới chứng khoán;
2. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
3. Lưu ký chứng khoán.

Điều 3. Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của Công ty.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Công ty phải khai trương hoạt động. Sau thời hạn trên, nếu Công ty không khai trương hoạt động Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ thu hồi Giấy phép.

Điều 5. Giấy phép này được lập thành hai (02) bản gốc: Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam giữ một (01) bản; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giữ một (01) bản.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **53056** Quyết định **01**.....SCT/BS

Ngày: **26-09-2025**

Người thực hiện chứng thực



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đình Bảo Lâm

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đoàn Hùng

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚCCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 115 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2025

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 62/UBCK-GP ngày 30 tháng 10 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Nam (nay là Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE);

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thay đổi vốn điều lệ và Tài liệu đề nghị cập nhật thông tin về địa chỉ trụ sở chính do thay đổi địa giới hành chính của Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE;

Theo đề nghị của Trường Ban Quản lý kinh doanh chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 62/UBCK-GP ngày 30 tháng 10 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE với nội dung như sau:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6 tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngõ Thỉ Nhậm, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Vốn điều lệ: 3.426.000.000.000 đồng (Ba nghìn bốn trăm hai mươi sáu tỷ đồng).



Điều 2. Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 62/UBCK-GP ngày 30 tháng 10 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. *Me*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hoàng Hải

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực Quyền số: SCT/BS

65973 01
NGÀY: 26-11-2025

Người thực hiện chứng thực



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đình Bảo Lâm



BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DNSE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2025/VBUQ-DNSE-TGD

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2025

VĂN BẢN ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE;
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của các Bên.

I. Người ủy quyền

• Họ và tên : Nguyễn Ngọc Linh

• CC số :

Cấp ngày:

Nơi cấp:

• Chức vụ : Tổng giám đốc

II. Người được ủy quyền

• Họ và tên : Nguyễn Thị Tuyền

• CCCD số :

Cấp ngày:

Nơi cấp:

• Chức vụ : Giám đốc Vận hành

III. Nội dung ủy quyền

Người được ủy quyền được đại diện cho Người ủy quyền với vai trò người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("DNSE" hoặc "Công ty") thực hiện một số công việc sau đây:

1. Về hoạt động quản lý và sử dụng tài khoản ngân hàng của Công ty
 - a. Thực hiện toàn bộ công việc với vai trò và thẩm quyền của chủ tài khoản trên toàn bộ các tài khoản ngân hàng của Công ty. Trong phạm vi ủy quyền này, Bên được ủy quyền được quyền ký các chứng từ, tài liệu liên quan đến việc sử dụng tài khoản ngân hàng của Công ty (như ủy nhiệm chi, các đề nghị, thông báo...) và nhân danh Bên ủy quyền thực hiện các giao dịch

liên quan đến nội dung ủy quyền theo quy định của pháp luật và của tổ chức tín dụng mà DNSE có quan hệ hợp tác/sử dụng dịch vụ.

- b. Bên được ủy quyền không được ký kết và/hoặc thực hiện bất kỳ thủ tục nào liên quan đến việc đóng/chấm dứt/thay đổi thông tin người đại diện hợp pháp của các tài khoản ngân hàng của Công ty.

2. Về hoạt động vận hành nội bộ/kinh doanh của Công ty

- a. Phê duyệt, ký các bản sao, sao y, trích lục văn bản dựa trên văn bản gốc của Công ty.
- b. Phê duyệt các khoản chi phí và quyết định nội dung, kỳ/kết hợp đồng, văn kiện liên quan đến hoặc phục vụ cho (các) giao dịch/hoạt động vận hành, hợp tác, cung ứng/sử dụng dịch vụ, hàng hóa thường ngày của Công ty với giá trị từ 2.000.000.000 VNĐ (Hai tỷ đồng) trở xuống.
- c. Ký/kết các hợp đồng, văn kiện cùng loại với tài liệu nêu tại Điều 2.(b) trên đây với giá trị trên 2.000.000.000 VNĐ (Hai tỷ đồng) sau khi có phê duyệt của Tổng giám đốc/cấp có thẩm quyền khác phù hợp với quy định của Công ty.
- d. Ký các hợp đồng, phụ lục, thỏa thuận và các tài liệu tương đương khác không thuộc trường hợp quy định tại Điều 2.(b) và Điều 2.(c) nêu trên sau khi có phê duyệt của Tổng giám đốc và/hoặc cấp có thẩm quyền (phê duyệt thông qua email và/hoặc văn bản).
- e. Phê duyệt và ký/kết giấy tờ liên quan tới hoạt động cung cấp dịch vụ/giao dịch được phép cho khách hàng/đối tác và bên thứ ba có liên quan, bao gồm cả các loại xác nhận/chấp thuận của DNSE với tư cách bên quản lý tài khoản chứng khoán và tiền/tài sản được lưu ký của khách hàng.
- f. Ký các hồ sơ thanh toán, chứng từ thanh toán, tạm ứng, hoàn ứng liên quan đến các hoạt động kế toán, tài liệu liên quan tới chi phí lương hàng tháng, chi tiêu, thanh toán nội bộ hàng ngày của Công ty (như Bảng kê lương hàng tháng, Đề nghị chi tiêu nội bộ... theo quy định của Công ty).
- g. Xác nhận thông tin, chấp thuận, ký và/hoặc ký kết các hồ sơ, thỏa thuận, tài liệu, văn bản, thông báo, công văn, giấy xác nhận, báo cáo và văn kiện khác có giá trị tương đương phục vụ cho các hoạt động vận hành, giao dịch, dịch vụ, sản phẩm của DNSE và các hoạt động khác với khách hàng hoặc đối tác phát sinh theo nhu cầu/nghị vụ của Phòng Quản lý giao dịch, Phòng Kiểm soát nội bộ và Trung tâm Dịch vụ khách hàng.

3. Về công tác nhân sự

- a. Phê duyệt, ký xác nhận nhân sự, giấy giới thiệu cho cán bộ, nhân viên Công ty tại các hồ sơ, chứng từ, văn bản cung cấp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, phục vụ nhu cầu công tác, làm việc với cá nhân, cơ quan, tổ chức đó hoặc để hoàn thiện thủ tục hành chính, thủ tục nhân sự và/hoặc các thủ tục, công việc khác.
- b. Phê duyệt, ký các văn bản liên quan tới việc nghỉ phép, làm thêm giờ của cán bộ, nhân viên Công ty thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng Giám đốc.
- c. Phê duyệt, ký tại các văn bản xác nhận, hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của cán bộ, nhân viên Công ty theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công ty bảo hiểm.
- d. Phê duyệt, ký tại các hóa đơn, chứng từ xác nhận thuê thu nhập cá nhân của cán bộ, nhân viên công ty.
- e. Ký các hợp đồng cộng tác viên, hợp đồng khoán việc, hợp đồng về nhân sự có tính chất thời vụ theo từng vụ việc mà không phải là hợp đồng lao động.
- f. Ký tại các văn bản, hồ sơ liên quan tới người lao động, cụ thể:
 - (i) Ký hợp đồng lao động với người lao động, cán bộ nhân viên DNSE sau khi có phê duyệt của Tổng giám đốc.
 - (ii) Ký các thông báo, yêu cầu, văn bản khác tới người lao động, người học nghề, cộng tác viên... về các vấn đề liên quan tới hợp đồng lao động, hợp đồng học nghề, hợp đồng cộng tác viên... giữa các đối tượng nêu trên với Công ty sau khi nhận được phê duyệt của Tổng giám đốc/Cấp có thẩm quyền, cụ thể về việc: chấm dứt hợp đồng; giao kết hợp đồng; thực hiện hợp đồng; xử lý vi phạm, xử lý kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, các vấn đề khác trong phạm vi hợp đồng.
- g. Ký các thông báo, yêu cầu, văn bản khác tới người lao động, người học nghề, cộng tác viên... về các vấn đề liên quan tới hợp đồng, thỏa thuận giữa các đối tượng nêu trên với Công ty sau khi nhận được phê duyệt của Tổng giám đốc/Cấp có thẩm quyền, bao gồm việc giao kết, thực hiện, xử lý vi phạm, xử lý kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất và chấm dứt đối với hợp đồng đó và các vấn đề khác theo hợp đồng.

4. Về công tác tiếp xúc, trao đổi, phúc đáp, cung cấp thông tin và báo cáo với tổ chức, cơ quan, cá nhân
 - a. Xác nhận thông tin, ký hoặc ký kết các văn bản, đơn từ, công văn, văn kiện khác để gửi hoặc phúc đáp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc báo cáo, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, các yêu cầu khác liên quan đến hoạt động của Công ty.
 - b. Phê duyệt, ký/ký kết các văn bản, thông báo, công văn, đơn từ gửi tới cơ quan, tổ chức, cá nhân, khách hàng có liên quan đến hoạt động vận hành/kinh doanh của Công ty.
 - c. Phê duyệt, ký các báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường, báo cáo theo yêu cầu gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Về công tác tiếp, đón, làm việc cùng các cá nhân, tổ chức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc thanh tra, kiểm tra hoạt động của DNSE
 - a. Đại diện DNSE để đón tiếp và làm việc với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam; Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và/hoặc các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến các yêu cầu thanh tra, kiểm tra, cung cấp thông tin, trao đổi thông tin và/hoặc các hoạt động tương tự giữa DNSE và các cơ quan có thẩm quyền.
 - b. Chuẩn bị, cung cấp và giải trình các tài liệu liên quan theo yêu cầu của các cơ quan nêu tại điểm a khoản 5 Mục III trên đây.
 - c. Xác nhận nội dung và ký, ký kết (các) biên bản làm việc, văn bản, công văn cung cấp thông tin, công văn giải trình và tài liệu có liên quan trong quá trình các cơ quan nêu trên tiến hành kiểm tra, làm việc, yêu cầu đối với DNSE.
 - d. Thực hiện các công việc khác nhằm mục đích tiếp, đón và/hoặc làm việc với các tổ chức, cá nhân, cơ quan nêu tại điểm a khoản 5 Mục III Văn bản ủy quyền này.
6. Người được ủy quyền được phép sử dụng con dấu của DNSE lên các tài liệu DNSE ký, giao kết, thực hiện theo phạm vi ủy quyền nêu trên đây.

IV. Người được ủy quyền có trách nhiệm

1. Thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định tại văn bản ủy quyền này, quy định của DNSE và quy định của pháp luật hiện hành.
2. Tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định, quy trình nội bộ của DNSE liên quan đến các nghiệp vụ được quy định tại văn bản ủy quyền này.

3. Không được thực hiện bất kỳ giao dịch nào khác ngoài phạm vi được ủy quyền.
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Người ủy quyền về các quyết định của mình theo đúng nội dung được ủy quyền.
5. Không thực hiện ủy quyền lại cho Người khác thực hiện các công việc tại văn bản ủy quyền này, trừ trường hợp được sự đồng ý của Người ủy quyền.
6. Có trách nhiệm báo cáo cho Người ủy quyền các công việc đã thực hiện thay mặt cho Người ủy quyền trong phạm vi ủy quyền này.

V. Thời hạn ủy quyền

1. Văn bản ủy quyền này thay thế Văn bản ủy quyền số 09/2025/VBUQ-DNSE-TGD ngày 31/07/2025.
2. Văn bản ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 13/10/2025 và chấm dứt trong các trường hợp sau: (i) khi Người ủy quyền ban hành văn bản chấm dứt, thay thế Văn bản ủy quyền này; hoặc (ii) Người ủy quyền hoặc Người được ủy quyền không còn là người lao động tại DNSE. Để làm rõ, trường hợp Người được ủy quyền thay đổi chức danh tại DNSE, Văn bản ủy quyền này vẫn có hiệu lực thi hành.
3. Văn bản ủy quyền này được lập thành 03 (ba) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ 01 (một) bản gốc, Người được ủy quyền giữ 01 (một) bản gốc, 01 bản gốc được lưu tại Công ty làm căn cứ để thực hiện.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

NGƯỜI ỦY QUYỀN

Nguyễn Thị Tuyết

Nguyễn Ngọc Linh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **65971-01** Quyền số:SCT/BS

NGÀY: **26-11-2025**



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đình Bảo Lâm



H.Đ.Đ. H.Đ.Đ. H.Đ.Đ. H.Đ.Đ.



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DNSE

Số: 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2025

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE



GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH

Nguyễn Thị Huyền

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, các văn bản sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("DNSE/Công ty");
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/BB-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị tại Đại hội đồng cổ đông ("Đại hội đồng cổ đông" hoặc "ĐHĐCĐ") thường niên năm 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo nội dung Báo cáo số 40/2025/BC-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Báo cáo của Ban Tổng giám đốc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo nội dung Báo cáo số 41/2025/BC-DNSE-TGD ngày 18/03/2025.

Điều 3. Thông qua Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo nội dung Báo cáo số 42/2025/BC-DNSE-BKS ngày 18/03/2025.

Điều 4. Thông qua Danh sách công ty kiểm toán được lựa chọn thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính (năm, bán niên) năm 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách công ty kiểm toán được lựa chọn thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính (năm, bán niên) 2025 theo nội dung Tờ trình số 01/2025/TTr-DNSE-BKS ngày 18/03/2025.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam theo nội dung Tờ trình số 01/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.



Điều 6. Thông qua thu lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua thu lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025 theo nội dung Tờ trình số 02/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 7. Thông qua phương án điều chỉnh việc sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ

Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án điều chỉnh việc sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo nội dung Tờ trình số 03/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 8. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, thông qua chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch chia cổ tức cho năm 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận, thông qua chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch chia cổ tức cho năm 2025 theo nội dung Tờ trình số 04/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 9. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 theo nội dung Tờ trình số 05/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE theo nội dung Tờ trình số 06/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 11. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE theo nội dung Tờ trình số 07/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 12. Thông qua tờ trình bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030

Đại hội đồng cổ đông thông qua tờ trình bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030 theo nội dung Tờ trình số 08/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 13. Thông qua việc đăng ký niêm yết Trái phiếu DSEH2426001 Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE phát hành ra công chúng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng ký niêm yết Trái phiếu DSEH2426001 Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE phát hành ra công chúng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo nội dung Tờ trình số 09/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 14. Thông qua phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động năm 2025 (ESOP)

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động năm 2025 (ESOP) theo nội dung Tờ trình số 10/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 15. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo nội dung Tờ trình số 11/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 16. Thông qua Phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp 2025

Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp 2025 theo nội dung Tờ trình số 12/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 17. Thông qua chủ trương đầu tư, góp vốn mua cổ phần, phần vốn góp của công ty quản lý quỹ

Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương đầu tư, góp vốn mua cổ phần, phần vốn góp của công ty quản lý quỹ theo nội dung tại Tờ trình số 13/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 18. Thông qua việc xin cấp phép và triển khai chứng quyền

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc xin cấp phép và triển khai chứng quyền, nội dung chi tiết tại Tờ trình số 14/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025.

Điều 19. Thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu 03 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-230, cụ thể như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Hoàng Giang, ông Lê Anh Tuấn, bà Phạm Thị Thanh Hoa
- Thành viên Ban kiểm soát: ông Nguyễn Quang Sơn
(Thông tin chi tiết của các thành viên đính kèm)

Điều 20. Tổ chức thực hiện

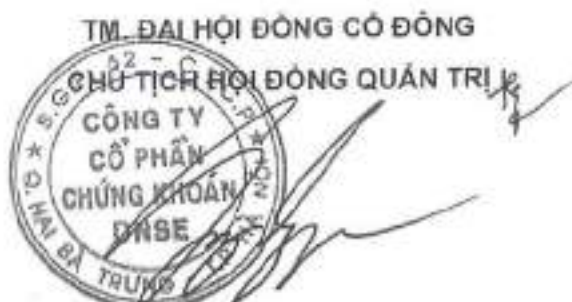
Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện mọi thủ tục và công việc cần thiết khác để triển khai thành công các nội dung nêu trên, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại các kỳ họp trước chưa thực hiện xong thì tiếp tục triển khai thực hiện và báo cáo kết quả tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các cổ đông, cá nhân và đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- ĐHĐCB;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu PC&TT.



NGUYỄN HOÀNG GIANG

**DANH SÁCH TRƯNG CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE NHIỆM KỲ 2025 – 2030**

**OF ELECTED MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS, SUPERVISORY BOARD
OF DNSE SECURITIES JOINT STOCK COMPANY FOR THE TERM 2025 – 2030**

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ THE BOARD OF DIRECTORS

TT No.	Họ và tên Full name	Năm sinh Year of Birth	Quốc tịch Nationality	CC/CCCD ID	Trình độ chuyên môn Professional	Lợi ích có liên quan với DNSE và bên có liên quan của DNSE Current position at other company	Chiều vụ quản lý tại công ty khác Interest related to DNSE and parties related to DNSE
1	Ông/Mr Nguyễn Hoàng Giang	1986	Việt Nam		Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh Master of Business Administration	08/2018 – hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiểm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital. 08/2018 – present: Chairman of the Board of Directors General Director of Encapital Financial Technology Joint Stock Company. 05/2020 – hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiểm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Encapital Holdings. 05/2020 – present: Chairman of the Board of Directors General Director of Encapital Holdings Joint Stock Company.	10/2019 – hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam. 10/2019 – present: Member of the Board of Directors of Southern Gas Trading Joint Stock Company. 05/2020 – hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. 05/2020 – present: Member of the Board of Directors of TNG Investment and Trading Joint Stock Company.
2	Ông/Mr Lê Anh Tuấn	1982	Việt Nam		Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh	07/2020 – hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE. 07/2020 – present: Chairman of the Board of Directors DNSE Securities Joint Stock Company.	06/2022 – hiện nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah 1. 06/2022 – present: Vice Chairman of the Board of Directors of Yeah 1 Group Joint Stock Company.



TT No.	Họ và tên Full name	Năm sinh Year of Birth	Quốc tịch Nationality	CC/CCCD ID	Trình độ chuyên môn Professional	Lợi ích có liên quan với DNSE và bên có liên quan của DNSE Current position at other company	Chức vụ quản lý tại công ty khác Interest related to DNSE and parties related to DNSE
3	Bà/Ms Phạm Thị Thanh Hoa	1985	Việt Nam		Thạc sỹ Ngân hàng và Tài chính Master of Banking and Finance	From 07/2020 - present: Vice Chairman of the Board of Directors of Directors DNSE Securities Joint Stock Company. Từ 06/2020 - hiện nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE. From 07/2020 - present: General Director of DNSE Securities Joint Stock Company. Từ 07/2020 - hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE. From 07/2020 - present: Member of the Board of Directors of DNSE Securities Joint Stock Company.	

2. BAN KIỂM SOÁT/ THE SUPERVISORY BOARD

TT No.	Họ và tên Full name	Năm sinh Year of Birth	Quốc tịch Nationality	CC/CCCD ID	Trình độ chuyên môn Professional	Lợi ích có liên quan với DNSE và bên có liên quan của DNSE Current position at other company	Chức vụ quản lý tại công ty khác Interest related to DNSE and parties related to DNSE
1	Ông/Mr Nguyễn Quang Sơn	1986	Việt Nam		Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng Master of Banking and Finance	Từ 07/2020 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khốn DNSE. From 07/2020 - present: Member of the Supervisory Board of DNSE Securities Joint Stock Company.	

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DNSE
DNSE SECURITIES JOINT
STOCK COMPANY

Số/No.: 11/2025/TTr-DNSE-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2025



TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua năm 2025

PROPOSAL

Re: Approval for the Share Issuance Plan for Existing Shareholders via Rights Offering Method in 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

To: The General Meeting of Shareholders of DNSE Securities Joint Stock Company

Căn cứ/ Pursuant to:

- hành/ The Enterprise Law No.59/2020/QH14 dated June 17, 2020, and guidelines for implementation;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành/ The Securities Law No.54/2019/QH14 dated November 26, 2019, as amended and supplemented by the Law on amendments and supplements to a number of articles of the Securities Law, Accounting Law, Independent Auditing Law, State Budget Law, Law on Management and Use of Public Property, Tax Administration Law, and National Reserve Law dated November 29, 2024, and guidelines for implementation;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán/ Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government providing detailed regulations for implementing a number of articles of the Securities Law;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ Phần Chứng khoán DNSE/ Pursuant to the Charter of DNSE Securities Joint Stock Company;
- Căn cứ kế hoạch và nhu cầu vốn của Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công Ty") hoặc ("DNSE")/ The capital plan and funding needs of DNSE Securities Joint Stock Company;

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét và phê duyệt các nội dung liên quan đến chủ trương và kế hoạch phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua của Công Ty với nội dung cụ thể như sau:



GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH
Nguyễn Thị Huyền

Based on the business plan 2025, the Board of Directors of DNSE Securities Joint Stock Company ("Board of Directors") respectfully submits to the Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") for consideration and approval for matters of the policy and plan for issuing shares to existing shareholders via the rights offering method, with the following specific details:

A. Thông qua kế hoạch và chủ trương phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua ("Kế Hoạch Phát Hành") của Công Ty như sau/ Approval for the plan and policy of issuing shares to existing shareholders via rights offering (the "Issuance Plan") of the Company as follows:

- | | |
|--|---|
| 1. Tổ chức phát hành
<i>Issuer</i> | : Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
<i>DNSE Securities Joint Stock Company</i> |
| 2. Tên cổ phiếu
<i>Name of share</i> | : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
<i>DNSE Securities Joint Stock Company Shares</i> |
| 3. Mã chứng khoán
<i>Ticker symbol</i> | : DSE
<i>DSE</i> |
| 4. Loại cổ phiếu
<i>Type of shares</i> | : Cổ phiếu phổ thông
<i>Common Shares</i> |
| 5. Mệnh giá cổ phiếu
<i>Par value per share</i> | : 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu
<i>10,000 VND (Ten Thousand VND)/share</i> |
| 6. Số lượng trước khi phát hành dự kiến
<i>Estimated number of shares before issuance</i> | : 342.600.000 cổ phiếu (đã bao gồm số lượng cổ phiếu thưởng dự kiến phát hành cho người lao động (ESOP) năm 2025).
<i>342,600,000 shares (included the number of bonus shares expected to be issued to employees (ESOP) in 2025)</i> |
| 7. Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại
<i>Number of Treasury shares</i> | : 0 cổ phiếu
<i>0 share</i> |
| 8. Số lượng cổ phiếu chào bán
<i>Number of offered shares</i> | : Dự kiến là 85.650.000 (Tám mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn) cổ phiếu, tương đương 25,00% số lượng cổ phiếu trước phát hành.

Số lượng cổ phần chào bán có thể thay đổi tùy thuộc vào số lượng cổ phần đang lưu hành tại thời điểm chào bán và được xác định theo tỷ lệ thực hiện quyền.

<i>Expected to be 85,650,000 shares (Eighty five million six hundred and fifty thousand shares), equivalent to 25,00% of the total number of shares prior to the issuance.</i>

<i>The number of offered shares may vary depending on the actual number of outstanding shares at the time of offering</i> |

and will be determined based on the rights offering ratio.

9. Giá chào bán

Offering price

: Giá chào bán dự kiến tối thiểu là 12.500 VND/cổ phiếu. Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho HĐQT xây dựng nguyên tắc xác định giá chào bán chi tiết, quyết định giá chào bán cụ thể và đảm bảo giá chào bán không thấp hơn 12.500 VND/cổ phiếu.

The expected minimum offering price is 12,500 VND per share.

The General Meeting of Shareholders assigns/authorizes the Board of Directors to establish detailed principles for determining the offering price, decide on the specific offering price, and ensure that the offering price is not lower than 12,500 VND per share

10. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán (theo mệnh giá)

Total par value of offered shares

: Dự kiến là 856.500.000.000 VND (Tám trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm tỷ đồng).

Expected to be 856,500,000,000 VND (Eight hundred fifty-six thousand five hundred trillion Vietnam Dong).

11. Số tiền dự kiến thu được

Expected proceeds

: 1.070.625.000.000 VND (Một nghìn không trăm bảy mươi tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng).

1,070,625,000,000 VND (One trillion seventy billion six hundred twenty-five million VND)

12. Đối tượng chào bán

Target Investors for the offering

: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng được phân bổ quyền mua cổ phiếu.

Existing shareholders on the shareholder list as of the record date for rights allocation

13. Phương thức thực hiện quyền

Method of Exercising Rights

: Cổ đông được hưởng quyền mua cổ phần sẽ thực hiện theo phương thức thực hiện quyền. Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng theo nguyên tắc là người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác, người nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho người thứ ba.

Shareholders entitled to purchase shares shall exercise their rights according to the prescribed method. The right to purchase shares can be transferred under the principle that the holder of the purchase right may transfer it to another person, but the transferee shall not transfer the purchase right to a third party.

14. Hình thức chào bán

Form of offering

: Thông qua tỷ lệ thực hiện quyền mua tương ứng của cổ đông tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền.

Rights offering proportional to shareholders' ownership as of



	<i>the record date.</i>
15. Tỷ lệ thực hiện quyền <i>Rights offering ratio</i>	: 4:1 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần tương ứng với 01 quyền, 04 quyền được mua 01 cổ phần mới). 4:1 (On the record date, for every 1 share owned, the shareholder receives 1 right, 4 rights entitle the shareholder to purchase 1 new share).
16. Nguyên tắc làm tròn <i>Rounding principle</i>	: Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phần. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 99 cổ phần, sẽ được hưởng 99 quyền mua. Khi đó số cổ phần chào bán cổ đông A được mua như sau: $99/4 = 24,75$ cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần mà Cổ đông A được quyền mua là 24 cổ phần. <i>Fractional shares arising from the rights exercise will be rounded down to the nearest whole number to ensure the total shares do not exceed the total number of offered shares. Decimal shares will be rounded down to 0 share.</i> <i>Example: On the record date, Shareholder A owns 99 shares, equivalent to 99 rights. The number of shares Shareholder A can purchase is calculated as $99/4 = 24.75$ shares. After rounding down, Shareholder A can purchase 24 shares.</i>
17. Hạn chế chuyển nhượng <i>Transfer restrictions</i>	: Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền mua được tự do chuyển nhượng. Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần. Số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng. <i>Shares offered to existing shareholders via rights exercise will not be restricted to transfer.</i> <i>Existing shareholders holding restricted shares are still entitled to rights. Additional shares purchased through the rights exercise will not be subject to transfer restrictions.</i>
18. Chuyển nhượng quyền mua <i>Rights transfer</i>	: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người

nhận chuyển nhượng không chuyển nhượng cho người thứ 3). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.

Shareholders named in the shareholder list on the record date are entitled to transfer their rights to others during the prescribed period, with a one-time transfer limit (the transferee cannot transfer the rights to a third party). The transferor and transferee agree on the transfer price and payment terms.

19. Thời gian dự kiến chào bán : Trong năm 2025 sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Expected offering period

in 2025, after receiving the Certificate of Public Offering Registration from the State Securities Commission.

20. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không chào bán hết trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua : Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết do cổ đông không thực hiện quyền mua ("Cổ Phiếu Cần Phân Phối") được Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị ("HĐQT") chào bán cho các nhà đầu tư với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc chấm dứt đợt chào bán theo quyết định của HĐQT.

Plan for handling odd shares and shares that are not fully offered for sale in case shareholders do not exercise or partially exercise their rights

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn nhà đầu tư có nhu cầu mua Cổ Phiếu Cần Phân Phối.

Số lượng Cổ Phiếu Cần Phân Phối được chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.

Việc phân phối Cổ Phiếu Cần Phân Phối cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện sau:

Tuân thủ quy định tại điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: "Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau."

Đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các quy định khác liên quan đến pháp luật hiện hành.

Unallocated shares from shareholders not exercising or partially exercising their rights ("Shares to be Allocated") are assigned/authorized by the AGM to be sold to investors at a price not lower than the offering price to existing shareholders or to terminate the offering as decided by the BOD.

The AGM authorizes the BOD to establish criteria and select investors being interested in purchasing Shares to be Allocated. Shares sold to other investors as decided by the BOD will be subject to a transfer restriction for 1 year from the completion of the offering.

If the statutory distribution period (including extensions, if any) expires and shares remain undistributed, those shares will be canceled, and the BOD will decide to conclude the offering.

The allocation of Shares to be Allocated to other investors must meet the following conditions:

Complying with Article 195 of the Enterprise Law 2020: "Subsidiaries are not allowed to invest in their parent company. Subsidiaries of the same parent company are not allowed to invest in or purchase shares to create cross-ownership."

Complying with the provisions of Article 42 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, detailing the implementation of certain provisions of the Securities Law and other relevant regulations under the current law.

21. Điều khoản pha loãng

Dilution terms

: Do số lượng cổ phần lưu hành sẽ tăng lên nên các rủi ro pha loãng có thể xảy ra gồm (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần và (iii) pha loãng tỷ lệ sở hữu đối với cổ đông hiện hữu không tham gia đợt chào bán

Due to the increase in the number of outstanding shares, dilution risks may include: (i) Dilution of earnings per share (EPS); (ii) Dilution of book value per share and (iii) Dilution of ownership ratio for shareholders not participating in the offering

22. Đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán thêm

Registration of listing shares

: Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thêm thành công sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung theo quy định của pháp luật chứng khoán

All successfully additional issued shares will be registered in accordance with the securities law.

23. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu

: Không quy định.

<i>Minimum successful offering ratio</i>	<i>Not applicable.</i>
--	------------------------

- | | |
|--|--|
| <p>24. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán</p> <p><i>Plan of compensating the expected capital shortfall to be raised from the offering</i></p> | <p>Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh tiến độ triển khai phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành và huy động các nguồn vốn từ các tổ chức/cá nhân để bù đắp phần thiếu hụt.</p> |
|--|--|

If not all shares are distributed as expected and the proceeds fall short of expectations, the AGM assigns/authorizes the BOD to adjust the timeline for implementing the plan for using the proceeds raised from the offering and raise additional funds from institutions or individuals to cover the shortfall.

- | | |
|---|--|
| <p>25. Phương án đảm bảo đợt chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài</p> <p><i>Plan to ensure compliance with Foreign Ownership Regulations</i></p> | <p>ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.</p> |
|---|--|

The AGM assigns/authorizes the BOD to implement measures ensuring the offering complies with foreign ownership limits.

B. Thông qua Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán/ Approval of the Plan for Using Proceeds from the Issuance

Số tiền thu được từ đợt phát hành được sử dụng để bổ sung vốn cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán, đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác. Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

The proceeds from the issuance will be used to supplement capital for loans, cash advance, investments in bonds, certificates of deposit, and other valuable papers. The General Meeting of Shareholders assigns/authorizes the BOD to decide on specific capital usage plans and proactively adjust the use of collected capital, the time of capital disbursement if necessary and in accordance with the actual situation of the Company.

C. Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung/ Approval of Additional Registration for Depository and Listing

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty cam kết sẽ thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh toàn bộ số lượng cổ phần đã phát hành theo đúng quy định của pháp luật.

After completing the issuance, the Company commits to carrying out the registration for additional depository with the Vietnam Securities Depository and additional listing of shares on the Ho Chi Minh City Stock Exchange for all shares issued in accordance with legal regulations.

D. Thông qua trình tự thực hiện các phương án phát hành, chào bán chứng khoán nêu tại tờ trình này như sau/ Approving the implementation procedures for the issuance and offering of securities as outlined in this Proposal as follows:

Đề nghị ĐHCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định thủ tục thực hiện các phương án phát hành sau/ Proposing that the General Meeting of Shareholders assigns/authorizes the Board of Directors:

STT No.	Phương án Issuance Plan	Trình tự thực hiện dự kiến Expected order of execution
1	Phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động năm 2025 <i>Plan for issuing bonus shares to employees in 2025</i>	Trong năm 2025 hoặc thời gian khác theo quyết định của HĐQT <i>In 2025 or another time according to the decision of the BOD</i>
2	Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua <i>Plan for issuing shares to existing shareholders via the rights offering method</i>	Trong năm 2025 hoặc thời gian khác theo quyết định của HĐQT <i>In 2025 or another time according to the decision of the BOD</i>

Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu chính xác phụ thuộc vào kết quả đợt phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động nên trong tờ trình này đang được ghi là số dự kiến.

The exact number of shares issued to existing shareholders depends on the results of the stock bonus issuance for employees, so in this proposal, it is recorded as an estimated number.

E. Thông qua việc giao/ủy quyền và triển khai thực hiện/ Approval for assignment/ authorization, and implementation

ĐHCĐ giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan để triển khai Kế Hoạch Phát Hành bao gồm nhưng không hạn chế bởi việc/ The AGM assigns/authorizes the BOD to carry out relevant tasks to implement the Issuance Plan including but not limited to:

1. Thực hiện việc phát hành cổ phiếu và quyết định, thực hiện thủ tục phân phối cổ phần theo phương án phát hành;

Implementing the issuance of shares and decide on matters related to the procedures for distributing shares according to the Issuance Plan;

2. Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;

Deciding on the detailed content of the share Issuance Plan and/or modify and supplement the Issuance Plan as necessary to ensure the practicality of the Company or upon the request of competent authorities to ensure that the issuance is completed in compliance with the law, the Company's charter, and the rights of shareholders and the Company;

3. Quyết định số lượng cổ phần phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án phát hành;

Determining the number of shares to be issued based on the actual number of shares in circulation at the time of the implementation of the Issuance Plan.

4. Lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để thực hiện chào bán, phát hành cổ phần sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Selecting an appropriate issuance timing for conducting offerings, issuing shares after obtaining approval from the State Securities Commission;

5. Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần, cổ phiếu mà cổ đông từ chối mua;

Handling odd shares, fractional shares, or shares refused to purchase by shareholders;

6. Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;

Deciding on the use of proceeds and adjust the use of proceeds, timing for fund disbursement in case these align with the Company's actual business situation.

7. Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả phát hành.

Carrying out amendments or additions to the Company's charter to record the increase in charter capital after the issuance result;

8. Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành;

Approving the increase in charter capital and carry out necessary legal and procedural tasks, including amending the Company's Business Registration Certificate, Operating License, and other licenses corresponding to the total par value of the issued shares after the issuance;

9. Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh toàn bộ số lượng cổ phần thực tế phát hành theo quy định của pháp luật;

Performing tasks needed for registration, depository, listing of issued shares with the Vietnam Securities Depository and listing on the Ho Chi Minh Stock Exchange, for the entire number of shares issued according to legal regulations.

10. Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc chào bán, phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu;

Deciding on all issues related to share issuance, the additional registration, depository, and additional listing or re-listing of shares.

11. Các nội dung giao/ủy quyền khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành chi tiết.

Other assigned/authorized issues as specified in the detailed Issuance Plan.

HĐQT được quyền giao/ủy quyền lại cho cá nhân/đơn vị khác thuộc Công ty có chuyên môn có liên quan thực hiện bất kỳ công việc nào nêu trên. Việc giao/ủy quyền này được lập thành văn bản riêng.



The BOD is able to assign or reauthorize individuals or units within the Company or specialized external organizations to execute any of the aforementioned tasks. This delegation will be documented in a separate written agreement.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Respectfully submitted to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như k/g/ As above;
- HĐQT, BKS/ BOD, BOS;
- Ban TGD/ BOM;
- Lưu PC&TT/ Archive: L&C.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn Hoàng Giang

Số: 31./2025/NQ-DNSE-HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE**

(V/v: Phê duyệt triển khai chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua năm 2025)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty" hoặc "DNSE");
- Nghị quyết số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 03 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01");
- Biên bản họp Hội đồng quản trị ("HĐQT") số 11./2025/BBKP-HĐQT-DNSE ngày 10./10/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua năm 2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2025. Chi tiết như sau:

1. Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 01 tháng 10 năm 2025



GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH
Nguyễn Thị Tuyên



2. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
3. Mã chứng khoán : DSE
4. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
5. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu
6. Số lượng trước khi phát hành : 342.600.000 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại : 0 cổ phiếu
8. Mục đích chào bán : Nâng cao năng lực hoạt động và hiệu quả kinh doanh, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm nhưng không giới hạn bổ sung vốn cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán; bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh (đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác,...)
9. Số lượng cổ phiếu chào bán : 85.650.000 (Tám mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn) cổ phiếu, tương đương 25,00% số lượng cổ phiếu trước phát hành.
10. Giá chào bán : 15.000 VND/cổ phiếu.

10.1. Nguyên tắc xác định giá chào bán:

Căn cứ vào Điều 126 Luật Doanh Nghiệp: "Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

....."

HĐQT thông qua việc xác định giá chào bán dựa trên (a) giá trị sổ sách và (b) trung bình giá giao dịch của cổ phiếu DSE trong 30 phiên giao dịch từ ngày 22/08/2025 đến ngày 06/10/2025. Cụ thể:

- (a) Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Theo đó, giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2025 theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét của Công ty là:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{4.156.250.377.039}{339.900.000} = 12.228 \text{ VND}$$

- (b) Giá tham chiếu cổ phiếu trung bình 30 phiên giao dịch từ ngày 22/08/2025 đến ngày 06/10/2025 là 29.795 VND/cổ phiếu.

10.2. Giá chào bán:

Theo tờ trình số 11/2025/TTr-DNSE-HĐQT ngày 18/03/2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua giá Giá cổ phiếu chào bán dự kiến tối thiểu là 12.500 VND/cổ phiếu. ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT xây dựng nguyên tắc giá chào bán chi tiết, quyết định giá chào bán cụ thể và đảm bảo giá chào bán không thấp hơn 12.500 VND/cổ phiếu.

Dựa trên nguyên tắc xác định giá tại mục 10.1 và để đảm bảo cho đợt chào bán thành công, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được HĐQT thông qua là **15.000 VND/cổ phiếu**.

11. Tổng giá trị cổ phiếu : 856.500.000.000 VND (Tám trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm tỷ đồng).
12. Số tiền dự kiến thu : 1.284.750.000.000 VND (Một nghìn hai trăm tám mươi tư tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng).
13. Đối tượng chào bán : Cổ đông trong danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") lập
14. Phương thức thực hiện quyền : Cổ đông được hưởng quyền mua cổ phần sẽ thực hiện theo phương thức thực hiện quyền. Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng theo nguyên tắc là người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác, người nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho người thứ ba.
15. Hình thức chào bán : Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
16. Tỷ lệ thực hiện quyền : 4:1 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 04 quyền thì được mua 01 cổ phiếu mới).
17. Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
- Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 99 cổ phần, sẽ được hưởng 99 quyền mua. Khi đó số cổ phần

chào bán cổ đông A được mua như sau: $99/4 = 24,75$ cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần mà Cổ đông A được quyền mua là 24 cổ phần. Phần lẻ 0,75 cổ phiếu sẽ bị huỷ bỏ.

18. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không chuyển nhượng cho người thứ 3). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.
19. Thời gian dự kiến chào bán : Quý IV/2025 - Quý I/2026, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.
20. Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết trong trường hợp cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua :

Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết do cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua ("**Cổ Phiếu Cần Phân Phối**") được chào bán cho các nhà đầu tư với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Trong trường hợp phân phối tiếp, HĐQT xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu chưa phân phối hết. Việc phân phối Cổ Phiếu Cần Phân Phối cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện sau:

 - Tuân thủ quy định tại điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: "*Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.*"
 - Đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các quy định khác liên quan đến pháp luật hiện hành.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.
21. Các hạn chế liên quan :
 - Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong trạng thái hạn chế chuyển nhượng vẫn được hưởng quyền

mua cổ phiếu chào bán thêm. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ việc thực hiện quyền mua sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho các Nhà đầu tư khác phát sinh do cổ đông không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật theo từng thời điểm (nếu có).

22. Tỷ lệ chào bán thành : Không quy định.
cống tối thiểu

Điều 2. Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 1.284.750.000.000 VND sẽ được phân bổ sử dụng theo phương án sử dụng vốn như sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Tỷ lệ phân bổ	Số tiền sử dụng dự kiến (triệu đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch kỳ quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán	86%	1.104.885	Sau khi kết thúc đợt chào bán, trong năm 2025 hoặc năm 2026
2	Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh (đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác,...)	14%	179.865	Sau khi kết thúc đợt chào bán, trong năm 2025 hoặc năm 2026
Tổng cộng		100%	1.284.750	

Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành:

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công Ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn theo thứ tự từ (1) đến (2).

Trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên, Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán phù hợp hoạt động kinh doanh của Công Ty và quy định pháp luật.

Điều 3. Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung

Toàn bộ cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) theo quy định pháp luật.

Điều 4. Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của đợt chào bán

Để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài như sau:

Theo Công văn số 1512/UBCK-QLKD ngày 12/03/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công Ty là 100%. Do đó, Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế sở hữu khi được phân phối cổ phiếu theo phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu này của Công Ty.

Điều 5. Giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các công việc cần thiết và ký kết các văn bản liên quan để triển khai và hoàn tất phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và niêm yết bổ sung tại HOSE đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Khối, Phòng ban có liên quan của Công Ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu: VPHĐQT, IB.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
DNSE
P. HAI BÀ TRƯNG
NGUYỄN HOÀNG GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DNSE
DNSE SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 34 /2025/NQ-DNSE-HĐQT
No: 34 /2025/NQ-DNSE-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2025
Hanoi, November 03 2025

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE
DNSE SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 03 tháng 11 năm 2025

(V/v: Thông qua điều chỉnh chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua năm 2025)

(Re: Approving the detailed adjustments of the using capital proceeds from the Share Issuance Plan for Existing Shareholders via Rights Offering Method in 2025)

Căn cứ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
The Law on Enterprise No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 of the National Assembly of the Socialist Republic and documents amending, supplementing and guiding its implementation;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
The Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam and implementing documents;
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;
The Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024 amending and supplementing a number of articles of the Law on Securities, Law on Accounting, the Law on Independent Audit, the Law on State Budget, the Law on Management and Use of Public Property, the Law on Tax Administration, the Law on Personal Income Tax, the Law on National Reserves, and the Law on Penalties for Administrative Violations
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;



GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH
Nguyễn Thị Huyền



Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, of the Government providing detailed regulations for implementing a number of articles of the Securities Law;

- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Decree No. 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025, of the Government amending and supplementing a number of articles of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities;

- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Circular 118/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 providing guidance on a number of contents on offering, issuing securities, public offering, repurchasing shares, registering public companies and canceling public company status;

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty" hoặc "DNSE");

Charter of DNSE Securities Joint Stock Company ("Company" or "DNSE");

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 03 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01");

Resolution No. 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ dated March 19, 2025 of the General Meeting of Shareholders of DNSE Securities Joint Stock Company ("Resolution of General Meeting of Shareholders No. 01");

- Nghị quyết Hội đồng quản trị ("HĐQT") số 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 10/10/2025 về việc Phê duyệt triển khai chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua năm 2025;

Resolution of the board of directors ("Board of Directors") no 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT dated 10/10/2025 approving the detailed implementation of the Share Issuance Plan for Existing Shareholders via Rights Offering Method in 2025;

- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản số 34./2025/BBKP-DNSE-HĐQT ngày 03./10./2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE.

Minutes of the Board of Directors meeting ("Board of Directors") No. 34./2025/BBKP-HĐQT-DNSE dated 03./10./2025 of DNSE Securities Joint Stock Company.

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1. Thông qua điều chỉnh chi tiết Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đã thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 10/10/2025, cụ thể như sau:

Article 1. Approving the detailed adjustments plan for using capital proceeds from the Share Issuance Plan for Existing Shareholders via Rights Offering Method in 2025

according to Resolution of the board of directors ("Board of Directors") no 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT dated 10/10/2025 approving the detailed implementation of the Share Issuance Plan for Existing Shareholders via Rights Offering Method in 2025, specifically as follows:

Nội dung đã thông qua/ Previous approved plan:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 1.284.750.000.000 VND sẽ được phân bổ sử dụng theo phương án sử dụng vốn như sau/ The total estimated proceeds from the rights offering to existing shareholders amounting to VND 1,284,750,000,000 shall be allocated and used under the Using Proceeds from the issuance Plan as follows:

STT No	Phương án sử dụng vốn <i>Plan for the Use of Proceeds</i>	Tỷ lệ phân bổ <i>Allocation ratio</i>	Số tiền sử dụng dự kiến (triệu đồng) <i>Estimated Amount to Be Used (million VND)</i>	Thời gian giải ngân dự kiến <i>Estimated Disbursement Schedule</i>
1	Bổ sung vốn cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch kỳ quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán <i>Providing capital for customers to borrow money to buy securities to conduct margin transactions, advance money for selling securities</i>	86%	1.104.885	Sau khi kết thúc đợt chào bán, trong năm 2025 hoặc năm 2026 <i>After the completion of the offering, in 2025 or 2026</i>
2	Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh (đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác,...) <i>Supplement capital for proprietary trading activities (investments in bonds, certificates of deposit, and other valuable papers, etc.)</i>	14%	179.865	Sau khi kết thúc đợt chào bán, trong năm 2025 hoặc năm 2026 <i>After the completion of the offering, in 2025 or 2026</i>
Tổng cộng/ Total		100%	1.284.750	

Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành/
Solution in Case of Insufficient Capital Raised from the Issuance Plan

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công Ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn theo thứ tự từ (1) đến (2)/ *In the event that the total proceeds raised are insufficient to fully implement all of the intended purposes stated above, the Company shall prioritize the use of funds in the order from (1) to (2).*

Trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên, Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán phù hợp hoạt động kinh doanh của Công Ty và quy định pháp luật/ *If the total amount raised remains insufficient, the Board of Directors shall have full authority to decide and rebalance the Company's capital sources or propose appropriate measures to offset the shortfall in the proceeds from the offering, in accordance with the Company's business operations and applicable laws.*

Nội dung điều chỉnh/ Adjusted plan:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 1.284.750.000.000 VND sẽ được phân bổ sử dụng theo phương án sử dụng vốn như sau/ *The total estimated proceeds from the rights offering to existing shareholders amounting to VND 1,284,750,000,000 shall be allocated and used under the Using Proceeds from the Issuance Plan as follows:*

STT No	Phương án sử dụng vốn <i>Plan for the Use of Proceeds</i>	Tỷ lệ phân bổ <i>Allocation ratio</i>	Số tiền sử dụng dự kiến (triệu đồng) <i>Estimated Amount to Be Used (million VND)</i>	Thời gian giải ngân dự kiến <i>Estimated Disbursement Schedule</i>
1	Cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ <i>Lend to customers for the purchase of securities by margin transactions</i>	47,1%	604.885	Sau khi kết thúc đợt chào bán, trong năm 2025 hoặc năm 2026 <i>After the completion of the offering, in 2025 or 2026</i>
2	Cho khách hàng Ứng trước tiền bán <i>Advance money for selling securities to customers</i>	38,9%	500.000	
3	Đầu tư vào trái phiếu <i>Invest in bonds</i>	6,2%	79.865	

STT No	Phương án sử dụng vốn <i>Plan for the Use of Proceeds</i>	Tỷ lệ phân bổ <i>Allocation ratio</i>	Số tiền sử dụng dự kiến (triệu đồng) <i>Estimated Amount to Be Used (million VND)</i>	Thời gian giải ngân dự kiến <i>Estimated Disbursement Schedule</i>
4	Đầu tư chứng chỉ tiền gửi và Các giấy tờ có giá khác <i>Invest in certificates of deposit and other valuable papers.</i>	7,8%	100.000	
Tổng cộng		100%	1.284.750	

Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành/
Solution in Case of Insufficient Capital Raised from the Issuance Plan

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công Ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn theo thứ tự từ (1) đến (4). *In the event that the total proceeds raised are insufficient to fully implement all of the intended purposes stated above, the Company shall prioritize the use of funds in the order from (1) to (4).*

Trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên, Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán phù hợp hoạt động kinh doanh của Công Ty và quy định pháp luật. *If the total amount raised remains insufficient, the Board of Directors shall have full authority to decide and rebalance the Company's capital sources or propose appropriate measures to offset the shortfall in the proceeds from the offering, in accordance with the Company's business operations and applicable laws.*

Nghị quyết này điều chỉnh chi tiết Điều 2 tại Nghị quyết HĐQT số 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 10/10/2025 của Công ty về việc Phê duyệt triển khai chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua năm 2025. Nội dung khác không bị điều chỉnh tại Nghị quyết HĐQT số 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 10/10/2025 vẫn có hiệu lực thi hành. *This Resolution adjusts in detail Article 2 of the Resolution No. 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT dated 10/10/2025 of the Company on Approving the detailed implementation of the Share Issuance Plan for Existing Shareholders via Rights Offering Method in 2025. Other contents not adjusted in the Resolution No. 31/2025/NQ-DNSE-HĐQT dated 10/10/2025 remain in effect.*

Điều 2. Điều khoản thi hành

Article 2. Enforcement terms

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. *This Resolution takes effect from the date of signing.*



Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Khối, Phòng ban có liên quan của Công Ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này/ *Members of the Board of Directors, the General Director and relevant Divisions, Departments of the Company are responsible for implementing this Resolution./*

Nội nhân/ Recipients:

- HĐQT, BKS, BTGD/ *Board of Directors, Supervisory Board, Executive Board;*
- Lưu: VP HĐQT/ *Archive: BOD's Office.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ CHAIRMAN



NGUYỄN HOÀNG GIANG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 04 tháng 12 năm 2025



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Hoàng Giang

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE



Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	1
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	1
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 4. Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Công ty	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	3
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập, tỷ lệ sở hữu nước ngoài	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 10. Phát hành chứng quyền có bảo đảm	6
Điều 11. Các hình thức tăng, giảm vốn điều lệ	6
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	7
Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	7
VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	7
Điều 13. Quyền của cổ đông	7
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 18. Thay đổi các quyền	12
Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	15
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	16

Điều 24.	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 25.	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 26.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 27.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 28.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 29.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 30.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	21
Điều 31.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 32.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	23
Điều 33.	Người phụ trách quản trị công ty.....	23
Điều 34.	Bộ phận kiểm toán nội bộ.....	24
Điều 35.	Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	25
Điều 36.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	26
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	26
Điều 37.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	26
Điều 38.	Người điều hành Công ty.....	26
Điều 39.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	27
Điều 40.	Bộ phận kiểm soát nội bộ.....	28
IX.	BAN KIỂM SOÁT.....	29
Điều 41.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	29
Điều 42.	Thành phần Ban Kiểm soát.....	29
Điều 43.	Trưởng Ban kiểm soát.....	29
Điều 44.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	30
Điều 45.	Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	30
Điều 46.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	30
X.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	31
Điều 47.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	31
Điều 48.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	31
XI.	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	32
Điều 49.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	32
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	32
Điều 50.	Công nhân viên và công đoàn.....	32
XIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	33

Điều 51. Phân phối lợi nhuận.....	33
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	33
Điều 52. Tài khoản ngân hàng.....	33
Điều 53. Năm tài chính.....	33
Điều 54. Chế độ kế toán.....	33
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	34
Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	34
Điều 56. Báo cáo thường niên.....	34
Điều 57. Trách nhiệm công bố thông tin.....	34
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	34
Điều 58. Kiểm toán.....	34
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	34
Điều 59. Dấu của doanh nghiệp.....	34
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	34
Điều 60. Giải thể công ty.....	34
Điều 61. Thanh lý.....	35
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	35
Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	35
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	35
Điều 63. Điều lệ công ty.....	35
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	36
Điều 64. Ngày hiệu lực.....	36

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-DNSE-HĐĐCĐ ngày 19/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE, Nghị quyết số 16/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 23/08/2025 và Nghị quyết số 30/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 26/09/2025.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "*Công ty*" là Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE;
 - b) "*Vốn điều lệ*" là tổng mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ, được ghi trong Điều lệ Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c) "*Vốn có quyền biểu quyết*" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - đ) "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - e) "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - g) "*Người điều hành Công ty*" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - h) "*Người quản lý Công ty*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - i) "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) "*Cổ đông*" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - l) "*Cổ đông lớn*" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m) "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n) "*Sở giao dịch chứng khoán*" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản mới hủy bỏ/thay thế hoặc sửa đổi/bổ sung nội dung của các văn bản pháp luật được nhắc tới trong Điều lệ, thì các văn bản mới mặc nhiên có hiệu lực áp dụng và thay thế văn bản đã ban hành trước đó (trừ trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có quy định khác).

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE



- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DNSE Securities Joint Stock Company
 - Tên Công ty viết tắt: DNSE Jsc
2. Mã số doanh nghiệp: 0102459106
 3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
 4. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, số 63-65 Ngõ Thi Nhậm, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
 - Điện thoại: (84-24) 710 89234
 - E-mail: info@dnse.com.vn
 - Website: www.dnse.com.vn
 5. Công ty có 01 Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
 - Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
 - Địa điểm chi nhánh: C-00.01, C-00.02, C-00.03, Lô C1, Khu nhà thấp tầng Khu III (Khu chung cư Sarina), số 62 đường Hoàng Thế Thiện, P. An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
 - Phạm vi hoạt động: Môi giới chứng khoán.
 6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
 7. Thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 60 Điều lệ này, quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Công ty.
2. Khi người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Khi người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- a) Tăng trưởng lợi ích bền vững cho tất cả các cổ đông Công ty;
 - b) Trở thành một trong các công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam về thị phần và là công ty tiên phong trong việc áp dụng công nghệ, kỹ thuật số đem lại tiện ích và trải nghiệm tối đa cho khách hàng;
 - c) Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ mang lại giá trị gia tăng thỏa mãn nhu cầu khách hàng;
 - d) Đóng góp xây dựng kinh tế xã hội của đất nước.
2. Nguyên tắc hoạt động của Công ty:
- a) Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
 - b) Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
 - c) Ban hành quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ kinh doanh, quy tắc đạo đức hành nghề của Công ty.
 - d) Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
 - e) Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
 - f) Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
 - g) Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.
 - h) Trung thực với khách hàng, không xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty.
 - i) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
 - k) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.
 - l) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.
 - m) Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
 - n) Công ty thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
 - o) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán, bao gồm:

- a) Môi giới chứng khoán;
- b) Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- c) Tự doanh chứng khoán; và
- d) Bảo lãnh phát hành chứng khoán.



2. Hoạt động khác của Công ty: Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh và cung cấp các dịch vụ sau khi đủ điều kiện phù hợp với quy định pháp luật và sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước:
 - a) Kinh doanh chứng khoán phái sinh;
 - b) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;
 - c) Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán;
 - d) Các dịch vụ ký quỹ, ứng trước tiền bán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính, tuân thủ quy định của pháp luật; và
 - e) Chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm, trong đó:
 - (i) Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện;
 - (ii) Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty (không bao gồm lượng chứng quyền chưa lưu hành). Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn trong các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, cầm cố, thế chấp và các quyền khác phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và quy định của Công ty trong từng thời kỳ.
3. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập, tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Vốn điều lệ của Công ty là 3.426.000.000.000 đồng (Ba nghìn bốn trăm hai mươi sáu tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 342.600.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này.
3. Ngoài cổ phần phổ thông, công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
 - a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
 - c) Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
 - d) Cổ phần ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 100%, trong đó:
 - a) Nhà đầu tư nước ngoài được tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của Công ty theo nguyên tắc sau đây:
 - (i) Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 9 Điều này và người có liên quan được sở hữu đến 100% vốn điều lệ của Công ty. Trường hợp không đáp ứng quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công ty;
 - (ii) Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công ty;
 - (iii) Tuân thủ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 của Luật Chứng khoán (và các điều khoản được sửa đổi, bổ sung, thay thế từng thời kỳ - nếu có);
 - (iv) Các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
 - b) Tổ chức nước ngoài tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp để sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - (i) Được cấp phép và có thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm trong thời hạn 02 năm liền trước năm tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp;
 - (ii) Cơ quan cấp phép của nước nguyên xứ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ký kết thỏa thuận hợp tác song phương hoặc đa phương về trao đổi thông tin, hợp tác quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - (iii) Hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm liền trước năm tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp và báo cáo tài chính năm gần nhất phải được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần;
 - (iv) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần được cấp



chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Phát hành chứng quyền có bảo đảm

1. Căn cứ quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Công ty được phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.
2. Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
3. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty. Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền... Cụ thể:
 - a) Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo quy định của pháp luật và quy định của pháp luật và quy định của Công ty khi phát hành;
 - b) Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định của pháp luật;
 - c) Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp trong các quan hệ dân sự kinh tế theo quy định của pháp luật;
 - d) Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Các hình thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Công ty có thể tăng vốn điều lệ thông qua việc chào bán cổ phần theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:
 - a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty với điều kiện Công ty bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

- b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 Luật Doanh nghiệp; Việc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.
- c) Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác dọc pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có các quyền tương ứng tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban

Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (như Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cơ quan đăng ký kinh doanh) giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- ì) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
 - t) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
 - u) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - v) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo quy định sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- c) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tiến hành theo một trong các hình thức thức sau:
 - (i) Trực tiếp tại một địa điểm do Công ty quyết định (hình thức gặp mặt trực tiếp);
 - (ii) Trực tuyến thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác (hình thức online - trực tuyến);
 - (iii) Kết hợp cả hai hình thức trên.

Theo đó, việc biểu quyết có thể được thực hiện thông qua thẻ biểu quyết bằng văn bản giấy, biểu quyết thông qua phương tiện điện tử (phiếu điện tử, biểu mẫu điện tử, thư điện tử, phương tiện điện tử khác).

Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định hình thức họp, phương thức biểu quyết và ban hành quy chế họp tương ứng, đồng thời phải thông báo tới cổ đông về các nội dung trên theo đúng quy định.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo cơ chế sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 02 (hai) thành viên;

- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 03 (ba) thành viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 04 (bốn) thành viên;
 - đ) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên vào Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 thành viên và tối đa là 11 thành viên.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có số lượng thành viên độc lập theo quy định như sau (i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; (ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; (iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
7. Thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 6 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không còn



đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - r) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
 - s) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;

- l) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
- u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức điện tử khác phù hợp quy định của pháp luật. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của 01 công ty đại chúng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty phù hợp quy định pháp luật. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập có thể mời thành viên Ban Kiểm soát với vai trò khách mời dự họp thông qua việc gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ này và/hoặc được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị có thể thay thế bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, được thực hiện thông qua giấy tờ vật lý, thư điện tử (email) hoặc các phương tiện, công cụ khác theo Quyết định của Chủ tịch HĐQT trong từng thời kỳ.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 34. Bộ phận kiểm toán nội bộ

1. Trường hợp được thành lập, Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị để đảm bảo thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ sau đây:
 - a) Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;
 - b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - đ) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - e) Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
 - g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - k) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - l) Điều tra các vi phạm trong nội bộ công ty chứng khoán;
 - m) Thực hiện kiểm toán nội bộ công ty chứng khoán và các công ty con của công ty chứng khoán.
2. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:
 - a) Tính độc lập: bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập với các bộ phận khác của công ty chứng khoán, kể cả ban điều hành; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, nghiệp vụ của công ty chứng khoán; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ, không được kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, phân tích, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành, quản trị rủi ro;

- b) Tính khách quan: bộ phận kiểm toán nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, không định kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty chứng khoán phải bảo đảm kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện đúng nhiệm vụ của mình;

Nhân viên kiểm toán nội bộ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;

- c) Tính trung thực: kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thực hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của pháp luật và nghề nghiệp;
- d) Bảo mật: nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin mà không có ủy quyền hợp lệ trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của công ty.

3. Nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Người làm việc bộ phận này không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
- b) Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán;
- d) Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- đ) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong công ty.

Điều 35. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trưởng hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản

hợp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 39. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - b) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;
 - d) Tổng Giám đốc (Giám đốc) không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - e) Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
 - f) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
 - g) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm được bổ nhiệm.
5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị.
 - k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 40. Bộ phận kiểm soát nội bộ

1. Công ty phải thiết lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc (Ban điều hành). Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình.
2. Bộ phận kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:
 - a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
 - b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - đ) Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - e) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
3. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:
 - a) Hoạt động của công ty chứng khoán tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
 - b) Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
 - c) Hoạt động của công ty chứng khoán an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - d) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của công ty.
4. Yêu cầu nhân sự của bộ phận kiểm soát nội bộ
 - a) Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
 - b) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty;
 - d) Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - đ) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 41. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quyết định của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát của Công ty không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.



Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 45. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung họp và lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những quyết định, hành vi liên quan đến Công ty của người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám

độc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 50. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thống lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thống lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 51. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phần.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phần và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phần, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 52. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 54. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BẢO CÁO TÀI CHÍNH, BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 55. Bảo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 56. Bảo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 57. Trách nhiệm công bố thông tin

Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 58. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Trong trường hợp cần thiết, Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 59. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cá nhân có liên quan sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 60. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 61. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chấm dứt hoạt động, giải thể, thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.



- Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Ngày hiệu lực

- Bản điều lệ này gồm 21 (hai mươi mốt) Mục, 64 (sáu mươi bốn) Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19/03/2025, Nghị quyết số 16/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 23/06/2025 và Nghị quyết số 30/2025/NQ-DNSE-HĐQT ngày 26/09/2025.
- Điều lệ được lập thành 02 bản gốc, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Tất cả các bản Điều lệ trước đây chấm dứt hiệu lực tại ngày Điều lệ này được ký ban hành. Các phụ lục, văn bản sửa đổi Điều lệ này (nếu có) là một bộ phận và một phần không tách rời của Điều lệ này.
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị pháp lý khi có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Linh



BẢN SAO

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động**

62/UBCK-GP

ngày 30 tháng 10 năm 2007

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 37/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 5 năm 2022.

**Quyết định Thành lập
Chi nhánh**

132/QĐ-UBCK

ngày 16 tháng 3 năm 2021

Quyết định Thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, điều chỉnh mới nhất số 71/QĐ-UBCK ngày 2 tháng 2 năm 2023.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

0102459106

ngày 30 tháng 10 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 7 năm 2022.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Giang
 Ông Lê Anh Tuấn
 Bà Phạm Thị Thanh Hoa
 Bà Nguyễn Thị Hà Ninh
 Ông Bùi Anh Dũng

Chủ tịch
 Phó Chủ tịch
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên độc lập
(từ ngày 10 tháng 8 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Quỳnh Mai
 Bà Phạm Thị Liên
 Ông Nguyễn Quang Sơn
 Ông Trần Vĩnh Cửu
 Bà Phạm Thu Quỳnh

Trưởng ban kiểm soát
(từ ngày 19 tháng 4 năm 2023)
 Trưởng ban kiểm soát
(đến ngày 19 tháng 4 năm 2023)
 Thành viên
 Thành viên
(từ ngày 19 tháng 4 năm 2023)
 Thành viên
(đến ngày 19 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Thanh Hoa
 Ông Lê Anh Tuấn

Tổng Giám đốc
 - Người đại diện theo pháp luật
 Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở đăng ký

Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky
 63 - 65 Ngõ Thi Nhậm, Phường Phạm Đình Hồ
 Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 599501
Quyển số: SCT/BS
Ngày: 27-09-2025



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2024



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thu Hà



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 2 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 60.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00169-24-1



Đoàn Thanh Toán

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2024

Lê Nhật Vương

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3849-2022-007-1

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B01 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		6.597.764.367.356	5.429.789.416.430
I. Tài sản tài chính	110		6.568.700.001.482	5.401.669.849.551
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	505.275.910.457	431.936.111.485
1.1. Tiền	111.1		505.275.910.457	431.936.111.485
2. Các tài sản tài chính ("TSTC") ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7(a)	298.584.681.685	575.600.703.154
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	2.765.500.000.000	1.902.876.744.103
4. Các khoản cho vay	114	7(c)	2.483.068.630.247	2.280.376.720.422
6. Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và tài sản thế chấp	116		(44.556.698.543)	(39.586.100.297)
7. Các khoản phải thu	117	8	550.334.911.418	125.962.559.300
7.1. Phải thu bán các TSTC	117.1		345.150.124.150	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		205.184.787.268	125.962.559.300
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		205.184.787.268	125.962.559.300
8. Trả trước cho người bán	118	9	2.512.503.804	123.424.423.195
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	8	1.114.284.104	999.297.697
12. Các khoản phải thu khác	122	8	6.928.554.633	79.390.492
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(62.776.323)	-
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		29.064.365.874	28.119.566.879
1. Tạm ứng	131		23.635.074.373	26.152.801.483
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10(a)	5.402.291.501	1.939.765.396
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		27.000.000	27.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)	200		848.298.327.765	979.355.431.642
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		729.681.708.989	920.608.888.524
2. Các khoản đầu tư	212		729.681.708.989	920.608.888.524
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	729.681.708.989	920.608.888.524
II. Tài sản cố định	220		84.720.317.580	41.705.860.373
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.279.282.510	6.642.640.919
- Nguyên giá	222		19.518.941.767	11.263.781.519
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(7.239.659.257)	(4.621.140.600)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	19.884.750.722	-
- Nguyên giá	225		20.991.823.600	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226a		(1.107.072.878)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	52.556.284.348	35.063.219.454
- Nguyên giá	228		74.754.292.000	44.737.612.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(22.198.007.652)	(9.674.392.546)
V. Tài sản dài hạn khác	250		33.896.301.196	17.040.682.745
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		2.926.278.681	1.981.640.841
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	7.166.402.836	3.960.268.810
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	14	13.789.036.252	11.098.773.094
5. Tài sản dài hạn khác	255		10.014.583.427	-
5.1. Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	255.1		10.014.583.427	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.446.062.695.121	6.409.144.848.072

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		4.140.717.286.256	3.272.783.700.813
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.126.428.950.224	3.272.783.520.643
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	-	3.643.056.054.047	2.584.842.672.289
1.1. Vay ngắn hạn	312	15	3.643.056.054.047	2.584.842.672.289
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	150.000.000.000
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	16	3.032.653.338	1.780.835.515
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		531.808.131	359.088.528
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	160.000.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	17	30.277.977.003	16.235.901.025
11. Phải trả người lao động	323		16.149.415.347	6.651.489.424
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		526.339.935	263.170.429
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	18	17.582.968.619	7.804.079.088
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	19	415.271.515.408	504.686.065.949
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		218.396	218.396
II. Nợ phải trả dài hạn	340		14.288.336.032	180.170
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		14.227.038.282	-
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343		14.227.038.282	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	20	61.297.750	180.170
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.305.345.408.865	3.136.361.147.259
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.305.345.408.865	3.136.361.147.259
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.000.041.575.300	3.000.041.575.300
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	21	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		41.575.300	41.575.300
4. Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	414		2.598.930.256	2.598.930.256
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3.234.930.256	3.234.930.256
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		299.469.973.053	130.485.711.447
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		305.663.728.982	208.665.324.863
7.2. Lỗ chưa thực hiện	417.2		(6.193.755.929)	(78.179.613.416)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		7.446.062.695.121	6.409.144.848.072

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
A.	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006		300.000.000	300.000.000
8.	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	008	22(a)	35.758.920.000	100.633.310.000
a.	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		35.758.870.000	100.633.310.000
e.	TSTC chờ thanh toán	008.5		50.000	-
9.	TSTC đã lưu ký giao dịch tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	009	22(b)	180.000	340.000
a.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	009.1		180.000	340.000
B.	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1.	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	22(c)	11.700.477.370.000	8.568.639.410.000
a.	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		10.832.883.870.000	7.919.828.610.000
b.	TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		3.149.520.000	29.053.520.000
c.	TSTC giao dịch cầm cố	021.3		699.083.870.000	560.862.510.000
e.	TSTC chờ thanh toán	021.5		165.360.110.000	58.894.770.000
2.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	22(d)	1.301.366.710.000	125.442.940.000
a.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		844.296.140.000	1.357.920.000
b.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		457.070.570.000	124.085.020.000
3	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	22(e)	193.516.650.000	66.044.730.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
7.	Tiền gửi của khách hàng	026		877.334.497.982	293.724.871.095
7.1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	22(f)	698.351.886.798	251.035.496.978
7.1.1.	Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	027.1	22(f)	92.064.884.837	-
7.2.	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	22(f)	7.066.607	7.022.034
7.3.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	22(f)	86.910.659.740	42.682.352.083
a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		83.279.527.507	40.731.981.299
b.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		3.631.132.233	1.950.370.784
8.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	22(g)	877.334.352.382	293.724.312.095
8.1.	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		781.638.335.312	293.719.398.927
8.2.	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		3.631.132.233	4.913.168
8.3.	Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	031.3		92.064.884.837	-
12.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		145.600	559.000

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B02 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		157.859.157.924	18.718.169.267
a. Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	23(a)	135.168.649.806	15.791.720.906
b. Chênh lệch tăng/(giảm) về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.2	23(b)	305.587.898	(6.479.470.056)
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	23(c)	22.384.920.220	9.405.918.417
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	23(c)	195.975.927.147	112.885.074.974
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	23(c)	286.223.721.868	223.074.905.611
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	23(d)	67.645.377.330	84.848.044.663
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	23(d)	100.000.000	250.000.000
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	23(d)	558.959.844	6.654.163.033
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	23(d)	4.207.341.031	2.834.979.254
1.10. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư tài chính	10	23(d)	200.000.000	90.000.000
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	23(d)	1.743.145.684	2.732.330.337
Cộng doanh thu hoạt động	20		714.513.630.828	452.087.667.139
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. (Lãi)/lỗ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		(174.279.666)	80.013.516.180
a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	24	71.137.312.989	1.761.701.302
b. Chênh lệch (tăng)/giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	23(b)	(71.741.387.169)	78.176.522.917
c. Chi phí giao dịch mua các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.3		429.794.514	75.291.961
2.4. Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm TSTC và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	25	211.495.914.184	142.467.628.953
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		122.293.335	145.335.923
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		111.115.541.840	74.404.728.375
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		140.356.789	204.831.070
2.9. Chi phí tư vấn, đầu tư chứng khoán	29		2.515.735.142	18.601.221
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		4.904.893.885	2.736.807.188
2.12. Chi phí hoạt động khác	32		3.883.841.382	4.570.863.060
Cộng chi phí hoạt động	40		334.004.296.891	304.562.311.970

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B02 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết t minh	2023 VND	2022 VND
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	26	896.049	20.701.367
3.2. Doanh thu lãi tiền gửi phát sinh trong năm	42	26	3.457.413.905	1.854.143.406
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44	26	2.981.903.200	2.906.324.072
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		6.440.213.154	4.781.168.845
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái và chưa thực hiện	51		579.312	205.926
4.2. Chi phí lãi vay	52		22.102.263.239	29.836.352.893
4.4. Chi phí tài chính khác	55		-	443.817.204
Cộng chi phí tài chính	60		22.102.842.551	30.280.376.023
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	27	94.313.051.564	37.071.988.580
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)	70		270.533.652.976	84.954.159.411
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	28	18.343.103.609	10.073.991.233
8.2. Chi phí khác	72		3.240.699.072	104.352.121
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		15.102.404.537	9.969.639.112
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		285.636.057.513	94.923.798.523
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		213.589.082.446	179.579.791.496
9.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	92		72.046.975.067	(84.655.992.973)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		56.651.795.907	17.160.980.111
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	29	56.590.678.327	18.456.111.887
10.2. Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	100.2	29	61.117.580	(1.295.131.776)
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		228.984.261.606	77.762.818.412
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	30	763	320

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập:

Vũ Thị Thanh Tâm

Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Nguyễn Thị Duyên

Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa

Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		285.636.057.513	94.923.798.523
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(56.241.857.414)	23.738.787.170
- Khấu hao tài sản cố định	03		16.249.206.641	5.035.290.326
- Các khoản dự phòng	04		5.033.374.569	39.586.100.297
- Chi phí lãi vay	06		22.102.263.239	29.836.352.893
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07		(3.457.413.905)	(1.854.143.406)
- Dự thu tiền lãi	08		(96.169.287.958)	(48.864.812.940)
3. (Giảm)/tăng các chi phí phi tiền tệ	10		(71.741.387.169)	78.176.522.917
- Chênh lệch (tăng)/giảm đánh giá lại giá trị TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11		(71.741.387.169)	78.176.522.917
4. (Tăng)/giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(305.587.898)	6.479.470.056
- Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19		(305.587.898)	6.479.470.056
5. Thay đổi vốn lưu động	30		(890.641.596.157)	(3.278.261.553.618)
- Giảm/(tăng) TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		349.062.996.536	(576.163.546.392)
- Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		(671.696.076.362)	(1.940.614.632.627)
- Tăng các khoản cho vay	33		(202.691.909.825)	(1.087.881.366.734)
- Tăng phải thu bán các TSTC	35		(345.150.124.150)	-
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		16.947.059.990	(49.830.442.019)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu về các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(114.986.407)	264.435.410
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39		114.062.755.250	(50.395.362.997)
- Giảm/(tăng) các tài sản khác	40		2.517.727.110	(24.906.831.884)
- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		206.525.315.938	102.881.528.656
- Tăng chi phí trả trước	42		(6.668.660.131)	(2.882.053.352)
- Thuế TNDN đã nộp	43		(42.984.523.518)	(8.902.130.594)
- Lãi vay đã trả	44		(218.848.689.646)	(128.422.913.503)
- Tăng phải trả cho người bán	45		172.719.603	118.329.829
- Tăng các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46		263.169.506	84.429.057
- Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		435.921.169	(9.594.180.155)
- Tăng phải trả người lao động	48		9.497.925.923	26.106.956
- (Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	50		(88.322.732.718)	501.954.064.379
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(13.649.484.425)	(3.996.987.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(733.294.371.125)	(3.074.942.974.952)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61		(44.027.637.328)	(27.010.280.600)
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		3.457.413.905	1.854.143.406
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>		<i>(40.570.223.423)</i>	<i>(25.156.137.194)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	71		-	2.000.030.602.000
3. Tiền thu từ đi vay	73		14.905.480.241.429	9.434.861.465.387
3.2. Tiền vay khác	73.2		14.905.480.241.429	9.434.861.465.387
4. Tiền trả nợ gốc vay	74		(13.997.266.859.671)	(7.923.878.793.098)
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(13.997.266.859.671)	(7.923.878.793.098)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	75		(1.008.988.238)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(60.000.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>		<i>847.204.393.520</i>	<i>3.511.013.274.289</i>
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90		73.339.798.972	410.914.162.143
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		431.936.111.485	21.021.949.342
Tiền	101.1		431.936.111.485	684.350.376
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	20.337.598.966
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)	103	5	505.275.910.457	431.936.111.485
Tiền	103.1		505.275.910.457	431.936.111.485

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC
CỦA KHÁCH HÀNG**

	Mã số	2023 VND	2022 VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	41.690.278.902.160	37.934.970.715.260
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(44.313.429.384.116)	(37.964.109.864.680)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	80.257.589.853.960	67.486.378.879.937
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(77.046.964.378.246)	(67.605.828.111.258)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(3.864.953.471)	(2.634.301.725)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	576.958.292.063	79.561.634.130
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(576.958.705.463)	(79.561.349.630)
Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm	20	583.609.626.887 ↓	(151.222.397.966)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	293.724.871.095 ↓	444.947.269.061
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	293.724.871.095	444.947.269.061
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	251.035.496.978	434.671.888.135
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	7.022.034	7.262.740
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	42.682.352.083	10.268.118.186

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	877.334.497.982	293.724.871.095
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	877.334.497.982	293.724.871.095
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	698.351.886.798	251.035.496.978
- Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	42.1	92.064.884.837	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	7.066.607	7.022.034
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	86.910.659.740	42.682.352.083

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng




Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B04 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm		Số dư cuối năm		Số tăng/(giảm)		Giảm (*)		Số dư cuối năm	
	1/1/2022		1/1/2023		2022		2023		31/12/2022	
	VND	VND	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm (*) VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu										
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.010.973.300	3.000.041.575.300	2.000.030.602.000		-	-	-	-	3.000.041.575.300	3.000.041.575.300
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000		-	-	-	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
1.2 Thông dư vốn cổ phần	10.973.300	41.575.300	30.602.000		161.123.679.609	(83.360.861.197)	228.984.261.606	(60.000.000.000)	41.575.300	41.575.300
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.598.930.256	2.598.930.256	-		-	-	-	-	-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.234.930.256	3.234.930.256	-		-	-	-	-	2.598.930.256	2.598.930.256
8. Lợi nhuận chưa phân phối	52.722.893.035	130.485.711.447	161.123.679.609		161.123.679.609	(83.360.861.197)	228.984.261.606	(60.000.000.000)	3.234.930.256	3.234.930.256
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	47.541.645.254	208.665.324.863	161.123.679.609		161.123.679.609	(83.360.861.197)	156.998.404.119	(60.000.000.000)	130.485.711.447	299.469.973.053
8.2 Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	5.181.247.781	(78.179.613.416)	-		-	(83.360.861.197)	71.985.857.487	-	208.665.324.863	305.663.728.902
									(78.179.613.416)	(6.193.755.929)
TỔNG CỘNG	1.058.567.736.847	3.136.361.147.259	2.161.154.281.609	(83.360.861.197)	228.984.261.606	(60.000.000.000)	3.136.361.147.259	(60.000.000.000)	3.136.361.147.259	3.305.345.408.865

(*) Giám lợi nhuận sau thuế đã thực hiện trong năm bao gồm tiền chi trả cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Người lập:

W

Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người duyệt:



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 62/UBCK-GP được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2007 tại Việt Nam. Ngày 18 tháng 8 năm 2021, UBCKNN đã cấp Giấy phép điều chỉnh về việc thay đổi tên của Công ty. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 37/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13 tháng 5 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, Số 63 - 65 Ngô Thì Nhậm, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (1) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (1/1/2023: một (1) chi nhánh).

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất vào ngày 10 tháng 8 năm 2023.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000.000 VND (1/1/2023: 3.000.000.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, dịch vụ bù trừ và thanh toán phái sinh.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 186 nhân viên (1/1/2023: 89 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) **Tài sản và nợ phải trả tài chính**

(i) **Ghi nhận**

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) **Phân loại và đo lường**

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(e).

(iii) **Chấm dứt ghi nhận**

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) **Cẩn trừ**

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) **Xác định và đánh giá suy giảm giá trị**

Cuối kỳ kế toán năm, Công ty đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC không thuộc nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ bị suy giảm giá trị hay không. Một TSTC hoặc một nhóm các TSTC được xem là suy giảm giá trị khi có các bằng chứng khách quan cho thấy có một sự kiện xảy ra sau khi tài sản được ghi nhận ban đầu và sự kiện này có ảnh hưởng đến các dòng tiền trong tương lai từ tài sản này có thể ước tính một cách tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các TSTC bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;

- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các TSTC kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Nếu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về suy giảm giá trị của TSTC thì Công ty sẽ phải xác định giá trị của khoản lỗ do suy giảm giá trị (nếu có) của TSTC này và ghi nhận khoản lỗ suy giảm giá trị đó vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp nếu TSTC được đánh giá là đã khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

(b) Tiền và các khoản đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

(c) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
 - TSTC được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh TSTC đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty chỉ định TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(e) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (nếu có).

Dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay ký quỹ được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản vay trừ đi giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(g) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| • Phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| • Thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |

(h) **Thuê tài sản**

(i) **Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

(ii) **Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(i) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Các quỹ dự trữ pháp định

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự trữ pháp định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Với hiệu lực của Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành thay thế Thông tư 146, các quy định về trích lập các quỹ trên bị bãi bỏ. Theo đó:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác;
- Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa tiến hành xử lý số dư của các quỹ này.

(n) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) **Doanh thu và thu nhập**

(i) **Lãi/lỗ từ bán các TSTC**

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) **Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(iii) **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, doanh thu đại lý phát hành chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(p) **Chi phí lãi vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 334 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau:

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	505.275.910.457	431.936.111.485
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(ii)	204.118.233.862	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(ii)	2.765.500.000.000	1.902.876.744.103
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(ii)	729.681.708.989	920.608.888.524
Các khoản cho vay	(iii)	2.438.511.931.704	2.240.790.620.125
Các khoản phải thu	(iii)	550.334.911.418	125.962.559.300
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	(iii)	1.114.284.104	999.297.697
Các khoản phải thu khác	(iii)	6.865.778.310	79.390.492
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(iii)	27.000.000	27.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	(iii)	2.926.278.681	1.981.640.841
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	13.789.036.252	11.098.773.094
Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	(iv)	10.014.583.427	-
		7.228.159.657.204	5.636.361.025.661

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng/doanh nghiệp có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(iii) Các khoản cho vay, các khoản phải thu, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được của khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau. Do đó, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch mỗi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán cổ nghiệp vụ tự doanh và mỗi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng tháng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện đánh giá quy mô Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh và định giá lại giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ để xác định nghĩa vụ đóng góp của Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31/12/2023

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trung vòng 1 năm VND	Trung vòng 2-5 năm VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.643.056.054.047	3.658.500.591.482 (*)	3.658.500.591.482 (*)	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.032.653.338	3.032.653.338	3.032.653.338	-
Phải trả người bán ngắn hạn	531.808.131	531.808.131	531.808.131	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	17.582.968.619	25.832.968.619	25.832.968.619	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	415.271.515.408	415.271.515.408	415.271.515.408	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	14.227.038.282	14.904.013.689 (*)	5.459.934.292 (*)	9.444.079.397
	4.093.702.037.825	4.118.073.550.667	4.108.629.471.270	9.444.079.397

(*) Không bao gồm dòng tiền theo hợp đồng từ dự thu lãi phải trả liên quan tới các hợp đồng vay và thuê tài chính ngắn hạn, nợ thuê tài chính dài hạn do khoản lãi này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1/1/2023

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.584.842.672.289	2.591.143.069.368 (*)	2.591.143.069.368 (*)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	150.000.000.000	153.840.000.000	153.840.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.780.835.515	1.780.835.515	1.780.835.515
Phải trả người bán ngắn hạn	359.088.528	359.088.528	359.088.528
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.804.079.088	7.804.079.088	7.804.079.088
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	504.686.065.949	504.686.065.949	504.686.065.949
	3.249.472.741.369	3.259.613.138.448	3.259.613.138.448

(*) Không bao gồm dòng tiền theo hợp đồng từ dự thu lãi phải trả liên quan tới các hợp đồng vay và thuê tài chính ngắn hạn, do khoản lãi này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngắn hạn.

(d) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có tài sản/nợ phải trả chịu rủi ro tỷ giá hối đoái.

(ii) **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngân hàng.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Tiền và các khoản tương đương tiền	505.275.910.457	431.936.111.485
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	204.118.233.862	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.765.500.000.000	1.902.876.744.103
Các khoản cho vay	2.438.511.931.704	2.240.790.620.125
Tài sản tài chính dài hạn		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	729.681.708.989	920.608.888.524
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13.789.036.252	11.098.773.094
Quỹ Bù trừ chứng khoán phát sinh	10.014.583.427	-
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	(3.643.056.054.047)	(2.584.842.672.289)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	(150.000.000.000)
Nợ thuê tài chính dài hạn	(14.227.038.282)	-
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định	3.009.608.312.362	2.772.468.465.042

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 1.632.945.871 VND lợi nhuận thuần của Công ty, (31/12/2022: Không có). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

(iii) **Rủi ro về giá cổ phiếu**

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết của Công ty là 94.466.447.823 VND (1/1/2023: 295.600.703.154 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 7% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với tất cả các biến số khác không thay đổi lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng hoặc giảm tương ứng 5.290.121.078 VND (1/1/2023: giá trị thị trường của các chứng khoán tăng hoặc giảm 15%, tương ứng 35.472.084.378 VND).

1/27
2/27
3/27
4/27
5/27
6/27
7/27
8/27
9/27
10/27
11/27
12/27

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng	378.886.430.250	431.933.192.089
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	126.389.480.207	2.919.396
	<u>505.275.910.457</u>	<u>431.936.111.485</u>

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2023		2022	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty	70.277.784	23.853.464.971.336	53.264.991	11.947.413.768.050
Cổ phiếu	31.352.218	962.658.139.320	8.946.238	339.791.073.825
Trái phiếu	32.141.297	5.871.803.750.531	43.741.163	4.936.365.236.435
Giấy tờ có giá	6.784.269	17.019.003.081.485	577.590	6.671.257.457.790
Của Nhà đầu tư	4.920.579.293	86.483.904.845.946	3.191.324.461	75.610.503.120.465
Cổ phiếu	4.920.549.193	85.948.679.155.546	3.191.324.461	75.610.503.120.465
Trái phiếu	30.100	535.225.690.400	-	-
		<u>110.337.369.817.282</u>		<u>87.557.916.888.515</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Các loại tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch				
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	99.593.677.139	93.177.032.823	373.780.136.400	295.600.703.154
- Ngân hàng Thương mại	2.661.668.410	1.902.830.000	2.664.885.714	1.501.000.000
- Cổ phần Sài Gòn Thương tín	96.480.277.388	90.837.723.600	151.647.467.564	139.725.022.500
- Công ty Cổ phần Giàng bò sữa				
- Mộc Châu	451.731.341	436.479.223	219.185.851.400	154.186.562.000
- Các cổ phiếu khác			281.931.722	188.118.654
Cổ phiếu chưa niêm yết/dăng ký giao dịch				
Công ty Cổ phần Ba Huân				(*) 280.000.000.000
				(*) 280.000.000.000
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
Quỹ ETF FPT Capital VNXS0	1.005.228.863	1.289.415.000	-	-
	1.005.228.863	1.289.415.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi				
- Ngân hàng Thương mại cổ phần	204.118.233.862	204.118.233.862	-	-
Đầu tư và Phát triển Việt Nam	101.773.775.342	101.773.775.342 (**)	-	-
- Ngân hàng Thương mại				
Cổ phần Công Thương Việt Nam	102.344.458.520	102.344.458.520 (**)	-	-
	304.717.139.864	298.584.681.685	653.780.136.400	575.600.703.154

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

- (*) Tài sản tài chính này là chứng khoán vốn được hạch toán theo giá gốc do không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định được một cách đáng tin cậy.
- (**) Giá trị hợp lý không bao gồm phần lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản chứng chỉ tiền gửi với tổng mệnh giá là 200.000.000.000 VND (1/1/2023: Không có) được dùng để cầm cố cho các khoản vay tại các ngân hàng.

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 VND		1/1/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn	2.765.500.000.000	(*)	1.902.876.744.103	(*)
Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i)	955.000.000.000		727.876.744.103	
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (ii)	1.810.500.000.000		1.175.000.000.000	
Dài hạn	729.681.708.989	(*)	920.608.888.524	(*)
Trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành (iii)	630.222.544.200		920.608.888.524	
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm (iv)	99.459.164.789		-	
	3.495.181.708.989 ✓	(*)	2.823.485.632.627 ✓	(*)

- (i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,4% đến 8,0%/năm (1/1/2023: 5,0% đến 9,0%/năm).
- (ii) Đây là các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm do các ngân hàng phát hành với lãi suất từ 4,2% đến 7,5%/năm (1/1/2023: 4,8% đến 8,8%/năm).
- (iii) Bao gồm các trái phiếu có kỳ hạn gốc từ 5 năm đến 8 năm do các ngân hàng thương mại cổ phần phát hành với lãi suất từ 6,43% đến 11,00%/năm (1/1/2023: kỳ hạn gốc từ 3 năm đến 8 năm do các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp phát hành với lãi suất từ 6,43% đến 10,00%/năm).
- (iv) Đây là các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 1 năm do các ngân hàng phát hành với lãi suất từ 4,25% đến 4,75%/năm (1/1/2023: Không có).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 2.715.500.000.000 VND (1/1/2023: 1.902.876.744.103 VND) và các khoản trái phiếu với tổng mệnh giá là 420.000.000.000 VND (1/1/2023: 407.000.000.000 VND) được dùng để cầm cố cho các khoản vay tại các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2023 VND		1/1/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay ký quỹ	2.411.829.162.050	(*)	2.250.172.052.105	(*)
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	71.239.468.197	(*)	30.204.668.317	(*)
	2.483.068.630.247	(*)	2.280.376.720.422	(*)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

8. Các khoản phải thu

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các khoản phải thu	550.334.911.418	125.962.559.300
Phải thu bán các TSTC	345.150.124.150	-
- Phải thu từ bán cổ phiếu theo hợp đồng mua bán cổ phần số 06/22/2023/HĐMBCP/DNSE-DTTT	345.150.000.000	-
- Khác	124.150	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	205.184.787.268	125.962.559.300
- Dự thu lãi tiền gửi – tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	103.776.135.447	55.602.029.472
- Dự thu lãi từ trái phiếu	20.268.671.233	21.495.716.888
- Dự thu lãi hoạt động cho vay ký quỹ	81.119.353.339	48.838.307.508
- Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	20.627.249	26.505.432
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	1.114.284.104	999.297.697
- Phải thu hoạt động tư vấn	100.000.000	327.401.153
- Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	1.014.284.104	671.896.544
Các khoản thu khác	6.928.554.633	79.390.492
	558.377.750.155	127.041.247.489

9. Trả trước cho người bán

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	-	43.792.223.200
Trả trước cho người bán khác	2.512.503.804	79.632.199.995
	<u>2.512.503.804</u>	<u>123.424.423.195</u>

10. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí mua sắm nội thất	142.525.892	87.933.035
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.259.765.609	1.851.832.361
	<u>5.402.291.501</u>	<u>1.939.765.396</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí mua sắm nội thất	3.231.990.700	1.570.753.086
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.934.412.136	2.389.515.724
	<u>7.166.402.836</u>	<u>3.960.268.810</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.250.150.000	7.013.631.519	11.263.781.519
Mua trong năm	1.571.900.000	6.683.260.248	8.255.160.248
Số dư cuối năm	5.822.050.000	13.696.891.767	19.518.941.767
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	866.630.884	3.754.509.716	4.621.140.600
Khấu hao trong năm	718.217.920	1.900.300.737	2.618.518.657
Số dư cuối năm	1.584.848.804	5.654.810.453	7.239.659.257
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.383.519.116	3.259.121.803	6.642.640.919
Số dư cuối năm	4.237.201.196	8.042.081.314	12.279.282.510

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 1.516 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 1.242 triệu VND).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.696.883.400	8.057.176.166	10.754.059.566
Mua trong năm	1.553.266.600	678.554.000	2.231.820.600
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.722.098.647)	(1.722.098.647)
Số dư cuối năm	4.250.150.000	7.013.631.519	11.263.781.519
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	225.988.841	4.418.135.198	4.644.124.039
Khấu hao trong năm	640.642.043	1.058.473.165	1.699.115.208
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.722.098.647)	(1.722.098.647)
Số dư cuối năm	866.630.884	3.754.509.716	4.621.140.600
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.470.894.559	3.639.040.968	6.109.935.527
Số dư cuối năm	3.383.519.116	3.259.121.803	6.642.640.919

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	2023 Thiết bị văn phòng VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	20.991.823.600
Số dư cuối năm	20.991.823.600
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	1.107.072.878
Số dư cuối năm	1.107.072.878
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	19.884.750.722

Công ty thuê một số thiết bị văn phòng theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2023	2022
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	44.737.612.000	19.959.152.000
Mua trong năm	30.016.680.000	24.778.460.000
Số dư cuối năm	74.754.292.000	44.737.612.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	9.674.392.546	6.338.217.428
Khấu hao trong năm	12.523.615.106	3.336.175.118
Số dư cuối năm	22.198.007.652	9.674.392.546
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	35.063.219.454	13.620.934.572
Số dư cuối năm	52.556.284.348	35.063.219.454

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản cố nguyên giá 8.965 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 5.010 triệu VND).

14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch mỗi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và mỗi giới.

Các khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	9.266.952.068	7.214.409.060
Tiền lãi phân bổ trong năm	4.402.084.184	3.764.364.034
	<u>13.789.036.252</u>	<u>11.098.773.094</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn ✓

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong năm Tăng VND	Giảm VND	31/12/2023 Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn (i)				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.163.469.600.000	7.363.622.591.572	(6.606.292.192.319)	1.920.799.999.253
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	300.000.274.581	2.343.000.000.000	(2.245.000.274.581)	398.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	450.000.000.000	1.319.000.000.000	(1.569.000.000.000)	200.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	507.847.901.423	1.100.107.353.967	(1.607.955.255.390)	-
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	700.000.000.000	(350.000.000.000)	350.000.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV Public Bank Việt Nam	105.000.000.000	735.000.000.000	(735.000.000.000)	105.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	432.500.000.000	(240.000.000.000)	192.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000
- Ngân hàng Union Bank of Taiwan	-	118.200.000.000	-	118.200.000.000
Vay khác (ii)				
- Vay tổ chức	26.500.000.000	100.000.000.000	(20.000.000.000)	106.500.000.000
- Vay cá nhân	32.024.896.285	544.050.295.890	(474.019.137.381)	102.056.054.794
	2.584.842.672.289	14.905.480.241.429	(13.847.266.859.671)	3.643.056.054.047

(i) Các khoản vay thấu chi và khoản vay tín dụng từ các ngân hàng với lãi suất từ 3,4% đến 6,9%/năm, có tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi/chứng chỉ tiền gửi/trái phiếu của các ngân hàng với tổng giá trị là 3.335.500.000.000 VND (1/1/2023: 2.309.876.744.103 VND).

(ii) Các khoản vay khác từ các công ty và cá nhân với lãi suất từ 7,7% đến 12,1%/năm, không có tài sản đảm bảo (1/1/2023: 7,6% đến 10,6%/năm).

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	2.350.774.234	1.488.782.259
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	681.879.104	292.053.256
	<u>✓ 3.032.653.338</u>	<u>1.780.835.515</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	89.801.325	268.039.357	(352.097.319)	5.743.363
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.004.837.426	56.590.678.327	(42.984.523.518)	24.610.992.235
Thuế thu nhập cá nhân	5.110.895.473	79.390.431.115	(78.879.948.729)	5.621.377.859
Các loại thuế khác	30.366.801	325.866.558	(316.369.813)	39.863.546
	<u>16.235.901.025</u>	<u>136.575.015.357</u>	<u>(122.532.939.379)</u>	<u>30.277.977.003</u>

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	55.362.056	362.329.278	(327.890.009)	89.801.325
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.450.856.133	18.456.111.887	(8.902.130.594)	11.004.837.426
Thuế thu nhập cá nhân	14.769.881.698	59.492.436.384	(69.151.422.609)	5.110.895.473
Các loại thuế khác	-	164.020.001	(133.653.200)	30.366.801
	<u>16.276.099.887</u>	<u>78.474.897.550</u>	<u>(78.515.096.412)</u>	<u>16.235.901.025</u>

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi dự trả cho trái phiếu phát hành	-	87.000.000
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	15.508.270.431	7.681.079.088
Lãi dự trả liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	2.038.698.188	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	36.000.000	36.000.000
	<u>17.582.968.619</u>	<u>7.804.079.088</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả gốc liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản (i)	414.765.255.208	504.659.662.065
Các khoản phải trả khác	506.260.200	26.403.884
	<u>415.271.515.408</u>	<u>504.686.065.949</u>

- (i) Phải trả gốc liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản là các khoản tiền của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo thỏa thuận với các nhà đầu tư đó, kỳ hạn từ không kỳ hạn đến 3 tháng.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thông báo tới toàn bộ các khách hàng về việc dừng ký kết các thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản mới. Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Công ty đã gửi Công văn số 2912/2023/CV-TGD đến UBCKNN báo cáo lộ trình về việc tắt toán các khoản phải trả của các thỏa thuận đã phát sinh còn hiệu lực theo yêu cầu tại Công văn số 8975/UBCK-TT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBCKNN. Theo đó, toàn bộ các thỏa thuận này sẽ được chấm dứt trước ngày 30 tháng 6 năm 2024.

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	61.297.750	180.170
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>61.297.750</u>	<u>180.170</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

	1/1/2023 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND	31/12/2023 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ khác	900.850	305.587.898	306.488.748
	1/1/2022 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND	31/12/2022 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ khác	6.476.559.727	(6.475.658.877)	900.850

21. Vốn góp của chủ sở hữu**(a) Vốn cổ phần**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	300.000.000	3.000.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	3.000.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	3.000.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

(b) Biến động vốn cổ phần trong năm như sau

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	300.000.000	3.000.000.000.000	100.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	200.000.000	2.000.000.000.000
Số dư cuối năm	300.000.000	3.000.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000

22. Các tài khoản ngoại bảng

(a) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Công ty chứng khoán

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	3.575.887	35.758.870.000	10.063.331	100.633.310.000
TSTC chờ thanh toán	5	50.000	-	-
		<u>35.758.920.000</u>		<u>100.633.310.000</u>

(b) TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty chứng khoán

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	18	180.000	34	340.000

(c) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	1.083.288.387	10.832.883.870.000	791.982.861	7.919.828.610.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	314.952	3.149.520.000	2.905.352	29.053.520.000
TSTC giao dịch cầm cố	69.908.387	699.083.870.000	56.086.251	560.862.510.000
TSTC chờ thanh toán	16.536.011	165.360.110.000	5.889.477	58.894.770.000
		<u>11.700.477.370.000</u> ✓		<u>8.568.639.410.000</u>

(d) TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	84.429.614	844.296.140.000	135.792	1.357.920.000
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	45.707.057	457.070.570.000	12.408.502	124.085.020.000
		<u>1.301.366.710.000</u> ✓		<u>125.442.940.000</u>

(e) TSTC chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	19.351.665	193.516.650.000	6.604.473	66.044.730.000

(f) Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	698.351.886.798	251.035.496.978
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	698.351.886.798	251.035.496.978
2. Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	92.064.884.837	-
3. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	7.066.607	7.022.034
4. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	86.910.659.740	42.682.352.083
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	83.279.527.507	40.731.981.299
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	3.631.132.233	1.950.370.784
	<u>877.334.497.982</u>	<u>293.724.871.095</u>

(g) Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
Của Nhà đầu tư trong nước	781.638.335.312	293.719.398.927
Của Nhà đầu tư nước ngoài	3.631.132.233	4.913.168
Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	92.064.884.837	-
	<u>877.334.352.382</u>	<u>293.724.312.095</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu hoạt động

(a) Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2023	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	7.092.783	29.332	208.048.532.252	177.579.978.504	30.468.553.748
Cổ phiếu chưa niêm yết	11.700.000	29.500	345.150.000.000	280.000.000.000	65.150.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	1.046.212	2.833.591	2.964.536.626.478	2.946.104.294.402	18.432.332.076
Trái phiếu chưa niêm yết	14.179.212	174.606	2.475.780.358.582	2.454.662.594.600	21.117.763.982
			5.993.515.517.312	5.858.346.867.506	135.168.649.806

2022	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	901.971	22.215	20.037.068.740	17.620.227.029	2.416.841.712
Chứng chỉ tiền gửi	3.453	173.457.439	598.948.538.538	597.102.048.079	1.846.490.459
Trái phiếu chưa niêm yết	18.118.514	111.137	2.013.642.368.323	2.002.113.979.588	11.528.388.735
			2.632.627.975.601	2.616.836.254.696	15.791.720.906

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2023	Giá gốc	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý		Chênh lệch đánh giá lại năm nay		Chênh lệch đánh giá lại năm trước		Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ trong năm	
	VND	VND		VND		VND		VND	
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ									
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>									
Công ty Cổ phần Giếng bò sữa Mộc Châu	100.598.906.002	94.466.447.823		(6.132.458.179)		(78.179.433.246)		72.046.975.067	
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.661.668.410	1.902.830.000		(758.838.410)		(64.999.289.400)		64.999.289.400	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín	96.480.277.388	90.837.723.600		(5.642.553.788)		(1.163.885.714)		405.047.304	
Các cổ phiếu khác	1.456.960.204	1.725.894.223		268.934.019		(11.922.445.064)		6.279.891.276	
Chứng chỉ tiền gửi	204.118.233.862	204.118.233.862		-		(93.813.068)		362.747.087	
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	101.773.775.342	101.773.775.342		-		-		-	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	102.344.458.520	102.344.458.520		-		-		-	
	304.717.139.864	298.584.681.685		(6.132.458.179)		(78.179.433.246)		72.046.975.067	
Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:									
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ								305.587.898	
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ								(71.741.387.169)	
Lãi chưa thực hiện trong năm								72.046.975.067	

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2022	Giá gốc VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ trong năm VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ					
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>					
Nợ ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	151.647.467.564	139.725.022.500	(11.922.445.064)	4.292.337.940	(16.214.783.004)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.664.885.714	1.501.000.000	(1.163.885.714)	2.152.000.000	(3.315.885.714)
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	-	-	-	2.517.279	(2.517.279)
Công ty cổ phần Giồng bò sữa Mộc Châu	219.185.851.400	154.186.562.000	(64.999.289.400)	-	(64.999.289.400)
Các cổ phiếu khác	281.931.722	188.118.654	(93.813.068)	29.704.508	(123.517.576)
	373.780.136.400	295.600.703.154	(78.179.433.246)	6.476.559.727	(84.655.992.973)
Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:					
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					(6.479.470.056)
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					78.176.522.917
Lỗ chưa thực hiện trong năm					(84.655.992.973)

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

	2023 VND	2022 VND
Từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	22.384.920.220	9.405.918.417
- Cổ tức	7.355.612.850	9.405.918.417
- Tiền lãi	15.029.307.370	-
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	195.975.927.147	112.885.074.974
Từ các khoản cho vay	286.223.721.868	223.074.905.611
	504.584.569.235	345.365.899.002

(d) Doanh thu ngoài thu nhập từ các TSTC

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	67.645.377.330	84.848.044.663
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	100.000.000	250.000.000
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	558.959.844	6.654.163.033
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	4.207.341.031	2.834.979.254
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư tài chính	200.000.000	90.000.000
Thu nhập hoạt động khác	1.743.145.684	2.732.330.337
	74.454.823.889	97.409.517.287

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

24. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2023	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	5.978.223	36.644	219.065.257.015	285.981.372.563	(66.916.115.548)
Chứng chỉ tiền gửi	1.850.922	3.026.617	5.602.032.687.123	5.602.752.074.831	(719.387.708)
Trái phiếu chưa niêm yết	4.043.284	150.080	606.816.497.474	610.318.307.207	(3.501.809.733)
			6.427.914.441.612	6.499.051.754.601	(71.137.312.989)

2022	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	100.433	29.021	2.914.698.000	3.065.235.665	(150.537.665)
Chứng chỉ tiền gửi	284.853	9.607.755	2.736.797.853.768	2.738.409.017.405	(1.611.163.637)
			2.739.712.551.768	2.741.474.253.070	(1.761.701.302)

25. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm TSTC và chi phí đi vay của các khoản cho vay

	2023 VND	2022 VND
Chi phí đi vay của các khoản cho vay	206.525.315.938	102.881.528.656
Chi phí dự phòng	4.970.598.246	39.586.100.297
	<u>211.495.914.184</u>	<u>142.467.628.953</u>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	896.049	20.701.367
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.457.413.905	1.854.143.406
Doanh thu khác về đầu tư	2.981.903.200	2.906.324.072
	<u>6.440.213.154</u>	<u>4.781.168.845</u>

27. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	41.162.405.180	12.145.475.129
Chi phí vật tư văn phòng	4.045.050.990	494.612.165
Chi phí khấu hao tài sản cố định	783.473.799	126.665.812
Chi phí thuế, phí và lệ phí	368.299.144	190.660.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.408.064.014	21.548.888.663
Chi phí khác	7.545.758.437	2.565.686.594
	<u>94.313.051.564</u>	<u>37.071.988.580</u>

28. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Tiền phạt thu được từ đối tác	18.239.346.573	10.031.942.777
Các khoản khác	103.757.036	42.048.456
	<u>18.343.103.609</u>	<u>10.073.991.233</u>

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	56.589.208.327	18.456.111.887
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	1.470.000	-
	<u>56.590.678.327</u>	<u>18.456.111.887</u>
Chi phí/(lợi ích) TNDN hoãn lại		
Phát sinh từ chênh lệch tạm thời	61.117.580	(1.295.131.776)
	<u>56.651.795.907</u>	<u>17.160.980.111</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	285.636.057.513	94.923.798.523
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	57.127.211.503	18.984.759.705
Chi phí không được khấu trừ thuế	994.236.974	57.404.091
Thu nhập không bị tính thuế	(1.471.122.570)	(1.881.183.685)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	1.470.000	-
	<u>56.651.795.907</u>	<u>17.160.980.111</u>

(c) **Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	228.984.261.606	77.762.818.412

(b) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2023 Cổ phiếu	2022 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông phát hành năm trước mang sang	300.000.000	100.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	143.013.699
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	300.000.000	243.013.699

(c) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2023	2022
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	763	320

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Số dư tại ngày		
	31/12/2023	1/1/2023	
	Phải thu	Phải thu	
	VND	VND	
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông lớn)			
Trả trước cho nhà cung cấp	-	43.792.223.200	
	Giá trị giao dịch		
	Thu nhập/(chi phí)		
	2023	2022	
	VND	VND	
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông lớn)			
Thu nhập khác	2.731.903.200	3.172.591.693	
Chi phí quản trị hệ thống	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)	
Chi mua phần mềm	(22.765.860.000)	(23.904.360.000)	
Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông lớn)			
Thu nhập khác	1.430.136.986	2.010.163.479	
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch	(2.790.000.000)	-
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Chi nhánh	(2.790.000.000)	-
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	(200.000.000)	-
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	(180.000.000)	-
Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên độc lập	(40.000.000)	-
Lương thưởng của Tổng Giám đốc			
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	(1.887.000.000)	(1.440.095.238)

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

32. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: Tự doanh, môi giới - lưu ký, bảo lãnh - tư vấn và kinh doanh nguồn vốn.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Tự doanh VND	Môi giới - lưu ký VND	Bảo lãnh - tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	157.859.157.924	71.852.718.361	858.959.844	488.639.862.169	1.743.145.684	720.953.843.982
Chi phí hoạt động trực tiếp (51.986.331)		116.020.435.725	2.656.091.931	233.598.756.735	3.883.841.382	356.107.139.442
Chi phí quản lý phân bổ cho các bộ phận 20.650.668.591		9.399.560.302	112.366.589	63.922.422.915	228.033.167	94.313.051.564
Lãi từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	-	15.102.404.537	15.102.404.537
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	137.260.475.664	(53.567.277.666)	(1.909.498.676)	191.118.682.519	12.733.675.672	285.636.057.513

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Tự doanh VND	Môi giới - lưu ký VND	Bảo lãnh - tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản chia theo bộ phận Tài sản không chia theo bộ phận	643.734.805.835	1.114.284.104	-	6.644.154.338.418	-	7.289.003.428.357
Tổng tài sản	643.734.805.835	1.114.284.104	-	6.644.154.338.418	157.059.266.764	7.446.062.695.121
Nợ phải trả chia theo bộ phận Nợ phải trả không chia theo bộ phận	-	418.304.168.746	-	3.657.283.092.329	-	4.075.587.261.075
Tổng nợ phải trả	-	418.304.168.746	-	3.657.283.092.329	65.130.025.181	4.140.717.286.256

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Tự doanh VND	Môi giới – lưu ký VND	Bảo lãnh – tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	18.718.169.267	87.683.023.917	6.994.163.033	340.741.149.430	2.732.330.337	456.868.835.984
Chi phí hoạt động trực tiếp	80.158.852.103	77.141.535.563	223.432.291	172.748.004.976	4.570.863.060	334.842.687.993
Chi phí quản lý phân bổ cho các bộ phận	1.518.859.906	7.114.917.467	567.531.667	27.648.968.381	221.711.159	37.071.988.580
Lãi từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	-	9.969.639.112	9.969.639.112
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	(62.959.542.742)	3.426.570.887	6.203.199.075	140.344.176.073	7.909.395.230	94.923.798.523

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Tự doanh VND	Môi giới – lưu ký VND	Bảo lãnh – tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản chia theo bộ phận	575.600.703.154	999.297.697	-	5.622.174.923.537	-	6.198.774.924.388
Tài sản không chia theo bộ phận	-	-	-	-	210.369.923.684	210.369.923.684
Tổng tài sản	575.600.703.154	999.297.697	-	5.622.174.923.537	210.369.923.684	6.409.144.848.072
Nợ phải trả chia theo bộ phận	-	506.466.901.464	160.000.000	2.734.842.672.289	-	3.241.469.573.753
Nợ phải trả không chia theo bộ phận	-	-	-	-	31.314.127.060	31.314.127.060
Tổng nợ phải trả	-	506.466.901.464	160.000.000	2.734.842.672.289	31.314.127.060	3.272.783.700.813

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (là một bộ phận đơn lẻ).

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

33. Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng 1 năm	10.052.091.360	3.361.930.750
Từ 2 – 5 năm	36.012.565.440	23.895.861.660
	46.064.656.800	27.257.792.410

34. Thông tin so sánh

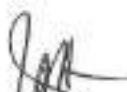
Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 23 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc





BẢN SAO

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

12/12/2024
S. D. K.
T. C. M. O.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động**

62/UBCK-GP

ngày 30 tháng 10 năm 2007

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 13/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 3 năm 2024.

**Quyết định Thành lập
Chi nhánh**

132/QĐ-UBCK

ngày 16 tháng 3 năm 2021

Quyết định Thành lập Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, điều chỉnh mới nhất số 339/QĐ-UBCK ngày 27 tháng 3 năm 2024.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

0102459106

ngày 30 tháng 10 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 1 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Giang
 Ông Lê Anh Tuấn
 Bà Phạm Thị Thanh Hoa
 Bà Nguyễn Thị Hà Ninh
 Ông Bùi Anh Dũng

Chủ tịch
 Phó Chủ tịch
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Quỳnh Mai
 Ông Nguyễn Quang Sơn
 Ông Trần Vĩnh Cửu

Trưởng ban
 Thành viên
 Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Thanh Hoa
 Ông Nguyễn Hoàng Việt
 Ông Phan Nguyễn Hữu Phương
 Ông Lê Anh Tuấn

Tổng Giám đốc
 - Người đại diện theo pháp luật
 Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 9 tháng 7 năm 2024)
 Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
(từ ngày 13 tháng 3 năm 2024)
 Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
(đến ngày 13 tháng 3 năm 2024)

Trụ sở đăng ký

Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky
 63 - 65 Ngô Thì Nhậm, Phường Phạm Đình Hồ
 Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh

Thành phố Hồ Chí Minh

C-00.01, C-00.02, C-00.03, Lô C1

Khu nhà thấp tầng Khu III (Khu chung cư Sarina)

Số 62 Đường Hoàng Thế Thiện, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 5994 Quyết định số SCT/BS

Ngày: 27-09-2025



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2025



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thu Hà



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00268-25-1



Đoàn Thanh Toán

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2025

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01 - CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
	TÀI SẢN				
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		8.172.043.402.888	6.597.764.367.356
I.	Tài sản tài chính	110		8.165.535.289.615	6.568.700.001.482
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	1.093.162.138.811	505.275.910.457
1.1	Tiền	111.1		943.162.138.811	505.275.910.457
1.2	Các khoản tương đương tiền	111.2		150.000.000.000	-
2.	Các tài sản tài chính ("TSTC") ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7(a)	167.084.604.843	298.584.681.685
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	2.774.750.000.000	2.765.500.000.000
4.	Các khoản cho vay	114	7(c)	3.881.585.476.070	2.483.068.630.247
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và tài sản thế chấp	116	7(d)	(42.162.233.378)	(44.556.698.543)
7.	Các khoản phải thu	117	8	279.408.951.492	550.334.911.418
7.1	Phải thu bán các TSTC	117.1		543.380.024	345.150.124.150
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		278.865.571.468	205.184.787.268
7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		278.865.571.468	205.184.787.268
8.	Trả trước cho người bán	118	9	5.398.019.316	2.512.503.804
9.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	8	1.776.882.726	1.114.284.104
12.	Các khoản phải thu khác	122	8	4.619.337.217	6.928.554.633
13.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(87.887.482)	(62.776.323)
II.	Tài sản ngắn hạn khác	130		6.508.113.273	29.064.365.874
1.	Tạm ứng	131	10	1.786.932.505	23.635.074.373
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11(a)	4.610.307.968	5.402.291.501
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		110.872.800	27.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		2.465.208.715.384	848.298.327.765
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		2.328.606.423.400	729.681.708.989
2.	Các khoản đầu tư	212		2.328.606.423.400	729.681.708.989
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	2.328.606.423.400	729.681.708.989
II.	Tài sản cố định	220		96.209.664.181	84.720.317.580
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.829.030.347	12.279.282.510
	- Nguyên giá	222		23.334.856.971	19.518.941.767
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(11.505.826.624)	(7.239.659.257)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	44.713.526.577	19.884.750.722
	- Nguyên giá	225		51.823.316.600	20.991.823.600
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226a		(7.109.790.023)	(1.107.072.878)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	14	39.667.107.257	52.556.284.348
	- Nguyên giá	228		77.273.623.614	74.754.292.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(37.606.516.357)	(22.198.007.652)
IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		512.000.000	-
V.	Tài sản dài hạn khác	250		39.880.627.803	33.896.301.196
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		4.570.199.721	2.926.278.681
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	11(b)	8.697.526.654	7.166.402.836
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	15	16.576.642.324	13.789.036.252
5.	Tài sản dài hạn khác	255		10.036.259.104	10.014.583.427
5.1	Quỹ Bù trừ chứng khoán phát sinh	255.1		10.036.259.104	10.014.583.427
	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.637.252.118.272	7.446.062.695.121

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		6.607.451.933.915	4.140.717.286.256
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		6.589.049.715.018	4.126.428.950.224
1.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		6.505.929.479.835	3.643.056.054.047
1.1	Vay ngắn hạn	312	16	6.494.297.154.123	3.643.056.054.047
1.2	Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313	21	11.632.325.712	-
6.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	7.136.073.928	3.032.653.338
8.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		1.797.067.584	531.808.131
10.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	25.652.481.098	30.277.977.003
11.	Phải trả người lao động	323		18.553.360.015	16.149.415.347
12.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		1.053.140.363	526.339.935
13.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	24.101.558.414	17.582.968.619
17.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	20	4.826.335.385	415.271.515.408
19.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		218.396	218.396
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		18.402.218.897	14.288.336.032
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		18.342.547.231	14.227.038.282
1.2	Nợ thuê tài chính dài hạn	343	21	18.342.547.231	14.227.038.282
14.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	22	59.671.666	61.297.750
	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.029.800.184.357	3.305.345.408.865
I.	Vốn chủ sở hữu	410		4.029.800.184.357	3.305.345.408.865
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.872.725.725.300	3.000.041.575.300
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	23	3.300.000.000.000	3.000.000.000.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		3.300.000.000.000	3.000.000.000.000
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	411.2		572.725.725.300	41.575.300
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		2.598.930.256	2.598.930.256
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3.234.930.256	3.234.930.256
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		151.240.598.545	299.469.973.053
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		185.698.569.156	305.663.728.982
7.2	Lỗ chưa thực hiện	417.2		(34.457.970.611)	(6.193.755.929)
	TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		10.637.252.118.272	7.446.062.695.121

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
A.	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6.	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006		330.000.000	300.000.000
8.	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	008	24(a)	285.955.300.000	35.758.920.000
a.	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		135.418.200.000	35.758.870.000
c.	TSTC giao dịch cầm cố	008.3		150.000.000.000	-
e.	TSTC chờ thanh toán	008.5		537.100.000	50.000
9.	TSTC đã lưu ký giao dịch tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	009	24(b)	1.000.000	180.000
a.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	009.1		1.000.000	180.000
10.	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	24(c)	124.900.000	-
B.	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1.	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	24(d)	16.734.762.040.000	11.700.477.370.000
a.	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		13.607.403.860.000	10.832.883.870.000
b.	TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		2.491.165.540.000	3.149.520.000
c.	TSTC giao dịch cầm cố	021.3		469.837.510.000	699.083.870.000
e.	TSTC chờ thanh toán	021.5		166.355.130.000	165.360.110.000
2.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24(e)	491.384.660.000	1.301.366.710.000
a.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		33.898.400.000	844.296.140.000
b.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		457.486.260.000	457.070.570.000
3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	24(f)	193.294.460.000	193.516.650.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
7.	Tiền gửi của khách hàng	026		1.384.800.822.128	877.334.497.982
7.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	24(g)	941.995.361.434	698.351.886.798
7.1.1	Tiền gửi ký quỹ phái sinh của Nhà đầu tư tại VSDC	027.1	24(g)	397.689.451.143	92.064.884.837
7.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	24(g)	7.102.118	7.066.607
7.3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	24(g)	45.108.907.433	86.910.659.740
a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		41.230.123.230	83.279.527.507
b.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		3.878.784.203	3.631.132.233
8.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	24(h)	1.384.800.822.128	877.334.352.382
8.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		983.232.586.782	781.638.335.312
8.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		3.878.784.203	3.631.132.233
8.3	Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	031.3		397.689.451.143	92.064.884.837
12.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		-	145.600

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B02 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		47.867.656.597	157.859.157.924
a. Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	25(a)	48.600.093.155	135.168.649.806
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.2	25(b)	(8.130.419)	305.587.898
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	25(c)	(724.306.139)	22.384.920.220
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	25(c)	245.031.636.946	195.975.927.147
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	25(c)	360.548.475.343	286.223.721.868
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	25(d)	144.838.599.511	67.645.377.330
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	25(d)	-	100.000.000
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	25(d)	682.848.455	558.959.844
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	25(d)	5.647.148.100	4.207.341.031
1.10. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư tài chính	10	25(d)	-	200.000.000
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	25(d)	2.795.604.695	1.743.145.684
Cộng doanh thu hoạt động	20		807.411.969.647	714.513.630.828
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		41.077.932.588	(174.279.666)
a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	26	10.250.339.381	71.137.312.989
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	25(b)	28.257.710.347	(71.741.387.169)
c. Chi phí giao dịch mua các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.3		2.569.882.860	429.794.514
2.4. Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm TSTC và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	27	182.560.836.396	211.495.914.184
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		60.494.071	122.293.335
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	28	174.827.949.700	111.115.541.840
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		93.394.129	140.356.789
2.9. Chi phí tư vấn, đầu tư chứng khoán	29		2.477.929.071	2.515.735.142
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	29	10.877.141.831	4.904.893.885
2.12. Chi phí hoạt động khác	32	30	7.501.862.484	3.883.841.382
Cộng chi phí hoạt động	40		419.477.540.270	334.004.296.891

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B02 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	31	600.001.345	896.049
3.2. Doanh thu lãi tiền gửi phát sinh trong năm	42	31	4.943.889.910	3.457.413.905
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44	31	21.698.630	2.981.903.200
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		5.565.589.885	6.440.213.154
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái và chưa thực hiện	51		917	579.312
4.2. Chi phí lãi vay	52	32	28.039.839.956	22.102.263.239
4.4. Chi phí tài chính khác	55		11.262.863	-
Cộng chi phí tài chính	60		28.051.103.736	22.102.842.551
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOẢN	62	33	151.909.511.385	94.313.051.564
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)	70		213.539.404.141	270.533.652.976
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	34	15.952.482.384	18.343.103.609
8.2. Chi phí khác	72		1.990.401.520	3.240.699.072
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		13.962.080.864	15.102.404.537
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		227.501.485.005	285.636.057.513
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		255.767.325.771	213.589.082.446
9.2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	92		(28.265.840.766)	72.046.975.067
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		45.730.859.513	56.651.795.907
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	35	45.732.485.597	56.590.678.327
10.2. (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	35	(1.626.084)	61.117.580
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		181.770.625.492	228.984.261.606
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	36	556	763

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Người lập:

W

Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

[Signature]

Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng

[Signature]
Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		227.501.485.005	285.636.057.513
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(81.873.953.603)	(56.241.857.414)
- Khấu hao tài sản cố định	03		25.938.672.289	16.249.206.641
- Các khoản dự phòng	04		(2.369.354.006)	5.033.374.569
- Chi phí lãi vay	06		28.039.839.956	22.102.263.239
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07		(4.592.359.891)	(3.457.413.905)
- Dự thu tiền lãi	08		(128.890.751.951)	(96.169.287.958)
3. Tăng/(giảm) các chi phí phi tiền tệ	10		28.257.710.347	(71.741.387.169)
- Lãi/(lỗ) đánh giá lại giá trị TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11		28.257.710.347	(71.741.387.169)
4. Giảm/(tăng) các doanh thu phi tiền tệ	18		8.130.419	(305.587.898)
- Lãi/(lỗ) đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19		8.130.419	(305.587.898)
5. Thay đổi vốn lưu động	30		(2.962.332.569.552)	(890.641.596.157)
- Giảm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		103.234.236.076	349.062.996.536
- Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		(1.608.174.714.411)	(671.696.076.362)
- Tăng các khoản cho vay	33		(1.398.516.845.823)	(202.691.909.825)
- Giảm/(tăng) phải thu bán các TSTC	35		344.606.744.126	(345.150.124.150)
- Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		55.209.967.751	16.947.059.990
- Tăng các khoản phải thu về các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(662.598.622)	(114.986.407)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39		(660.170.896)	114.062.755.250
- Giảm các tài sản khác	40		21.848.141.868	2.517.727.110
- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		184.930.190.402	206.525.315.938
- Giảm chi phí trả trước	42		(739.140.285)	(6.668.660.131)
- Thuế TNDN đã nộp	43		(61.873.991.382)	(42.984.523.518)
- Lãi vay đã trả	44		(206.451.440.563)	(218.848.689.646)
- Tăng phải trả cho người bán	45		1.265.259.453	172.719.603
- Tăng các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46		526.800.428	263.169.506
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		11.516.009.880	435.921.169
- Tăng phải trả người lao động	48		2.403.944.668	9.497.925.923
- Giảm phải trả, phải nộp khác	50		(406.341.759.433)	(88.322.732.718)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(4.453.202.789)	(13.649.484.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(2.788.439.197.384)	(733.294.371.125)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61		(16.127.020.068)	(44.027.637.328)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	62		959.090.909	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		4.943.889.910	3.457.413.905
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>		<i>(10.224.039.249)</i>	<i>(40.570.223.423)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	71		872.684.150.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	73		31.668.504.695.292	14.905.480.241.429
3.2. <i>Tiền vay khác</i>	73.2		31.668.504.695.292	14.905.480.241.429
4. Tiền trả nợ gốc vay	74		(28.817.263.595.216)	(13.997.266.859.671)
4.3. <i>Tiền chi trả gốc nợ vay khác</i>	74.3		(28.817.263.595.216)	(13.997.266.859.671)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	75		(7.375.785.089)	(1.008.988.238)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(330.000.000.000)	(60.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>		<i>3.386.549.464.987</i>	<i>847.204.393.520</i>
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90		587.886.228.354	73.339.798.972
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		505.275.910.457	431.936.111.485
Tiền	101.1		505.275.910.457	431.936.111.485
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)	103	5	1.093.162.138.811	505.275.910.457
Tiền	103.1		943.162.138.811	505.275.910.457
Các khoản tương đương tiền	103.2		150.000.000.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC
CỦA KHÁCH HÀNG**

	Mã số	2024 VND	2023 VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	74.694.636.947.976	41.690.278.902.160
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(71.625.186.817.994)	(44.313.429.384.116)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	150.629.816.581.129	80.257.589.853.960
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(153.185.390.494.643)	(77.046.964.378.246)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(6.409.746.722)	(3.864.953.471)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	448.861.516.416	576.958.292.063
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(448.861.662.016)	(576.958.705.463)
Tăng tiền thuần trong năm	20	507.466.324.146	583.609.626.887
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	877.334.497.982	293.724.871.095
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	877.334.497.982	293.724.871.095
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	698.351.886.798	251.035.496.978
- Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	32.1	92.064.884.837	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	7.066.607	7.022.034
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	86.910.659.740	42.682.352.083

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	1.384.800.822.128	877.334.497.982
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	1.384.800.822.128	877.334.497.982
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	941.995.361.434	698.351.886.798
- Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	42.1	397.689.451.143	92.064.884.837
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	7.102.118	7.066.607
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	45.108.907.433	86.910.659.740

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng




Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B04 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Số dư đầu năm		Số dư cuối năm	
	1/1/2023	1/1/2024	31/12/2023	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
1. Biến động vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.041.575.300	3.000.041.575.300		3.872.725.725.300
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000		3.300.000.000.000
1.2 Thông dư vốn cổ phần	41.575.300	41.575.300		572.725.725.300
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.598.930.256	2.598.930.256		2.598.930.256
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.234.930.256	3.234.930.256		3.234.930.256
8. Lợi nhuận chưa phân phối	130.485.711.447	299.469.973.053		151.240.598.545
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	208.665.324.863	303.663.728.982		183.698.369.156
8.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(78.179.613.416)	(6.193.755.929)		(32.457.970.611)
TỔNG CỘNG	3.136.361.147.259	3.305.345.408.865	3.305.345.408.865	4.029.800.184.357

- (i) Tăng vốn theo kết quả của đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.
 (ii) Đây là chi phí phát sinh trực tiếp của đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.
 (iii) Đây là khoản chi trả cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Người lập:

(Chữ ký)

Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 62/UBCK-GP được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2007 tại Việt Nam. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 13/GPDC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 6 tháng 3 năm 2024.

Công ty được công nhận niêm yết và cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh lần lượt vào các ngày 21 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 7 năm 2024, mã cổ phiếu là DSE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, Số 63 - 65 Ngô Thi Nhậm, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (1/1/2024: một (1) chi nhánh).

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất vào ngày 16 tháng 4 năm 2024.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 3.300.000.000.000 VND (1/1/2024: 3.000.000.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, dịch vụ bù trừ và thanh toán phái sinh.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 231 nhân viên (1/1/2024: 186 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tài sản và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(e).

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Cuối kỳ kế toán năm, Công ty đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC không thuộc nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ bị suy giảm giá trị hay không. Một TSTC hoặc một nhóm các TSTC được xem là suy giảm giá trị khi có các bằng chứng khách quan cho thấy có một sự kiện xảy ra sau khi tài sản được ghi nhận ban đầu và sự kiện này có ảnh hưởng đến các dòng tiền trong tương lai từ tài sản này có thể ước tính một cách tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các TSTC bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các TSTC kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Nếu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về suy giảm giá trị của TSTC thì Công ty sẽ phải xác định giá trị của khoản lỗ do suy giảm giá trị (nếu có) của TSTC này và ghi nhận khoản lỗ suy giảm giá trị đó vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp nếu TSTC được đánh giá là đã khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

(b) Tiền và các khoản đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

(c) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
 - TSTC được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh TSTC đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty chỉ định TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc hoặc giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong kỳ hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(e) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (nếu có).

Dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay ký quỹ được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản vay trừ đi giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Phương tiện vận chuyển 6 năm
- Thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(h) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(i) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(k) Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Các quỹ dự trữ pháp định

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự trữ pháp định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 ("Thông tư 146") như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Với hiệu lực của Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành thay thế Thông tư 146, các quy định về trích lập các quỹ trên bị bãi bỏ. Theo đó:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác;
- Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án về điều chỉnh và sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Theo đó, số dư của các quỹ này sẽ được sử dụng để thực hiện bổ sung vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động để tăng vốn cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa sử dụng số dư của các quỹ này.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Doanh thu và thu nhập**(i) Lãi/lỗ từ bán các TSTC**

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, doanh thu đại lý phát hành chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(p) Chi phí lãi vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 334 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau:

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tài sản bảo đảm

Giá trị và loại tài sản bảo đảm yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản bảo đảm và đánh giá tài sản bảo đảm. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản bảo đảm, yêu cầu cung cấp thêm tài sản bảo đảm theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản bảo đảm thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	1.093.162.138.811	505.275.910.457
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(ii)	64.010.188.198	204.118.233.862
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(ii)	2.774.750.000.000	2.765.500.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(ii)	2.328.606.423.400	729.681.708.989
Các khoản cho vay	(iii)	3.881.585.476.070	2.483.068.630.247
Các khoản phải thu	(iii)	279.408.951.492	550.334.911.418
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	(iii)	1.776.882.726	1.114.284.104
Các khoản phải thu khác	(iii)	4.531.449.735	6.865.778.310
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	16.576.642.324	13.789.036.252
Quỹ Bù trừ chứng khoán phải sinh	(iv)	10.036.259.104	10.014.583.427
		10.454.444.411.860	7.269.763.077.066

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng/doanh nghiệp có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được của khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau. Do đó, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phải sinh

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng tháng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện đánh giá quy mô Quỹ bù trừ chứng khoán phải sinh và định giá lại giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ để xác định nghĩa vụ đóng góp của Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31/12/2024

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	6.505.929.479.835	6.506.629.355.617 (*)	6.506.629.355.617 (*)	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.136.073.928	7.136.073.928	7.136.073.928	-
Phải trả người bán ngắn hạn	1.797.067.584	1.797.067.584	1.797.067.584	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	24.101.558.414	24.101.558.414	24.101.558.414	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	4.826.335.385	4.826.335.385	4.826.335.385	-
Nợ thuế tài chính dài hạn	18.342.547.231	18.795.294.926 (*)	- (*)	18.795.294.926
	6.562.133.062.377	6.563.285.685.854	6.544.490.390.928	18.795.294.926

(*) Không bao gồm dòng tiền theo hợp đồng từ lãi dự trả liên quan tới các hợp đồng vay và thuế tài chính ngắn hạn, nợ thuế tài chính dài hạn do khoản lãi này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.



Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 1/1/2024

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay ngắn hạn	3.643.056.054.047	3.658.500.591.482 (*)	3.658.500.591.482 (*)	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.032.653.338	3.032.653.338	3.032.653.338	-
Phải trả người bán ngắn hạn	531.808.131	531.808.131	531.808.131	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	17.582.968.619	25.832.968.619	25.832.968.619	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	415.271.515.408	415.271.515.408	415.271.515.408	-
Nợ thuế tài chính dài hạn	14.227.038.282	14.904.013.689 (*)	- (*)	14.904.013.689
	4.093.702.037.825	4.118.073.550.667	4.103.169.536.978	14.904.013.689

(*) Không bao gồm dòng tiền theo hợp đồng từ dự thu lãi phải trả liên quan tới các hợp đồng vay và thuế tài chính ngắn hạn, do khoản lãi này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu do số dư công cụ tài chính bằng ngoại tệ là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)
Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.093.162.138.811	505.275.910.457
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	204.118.233.862
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.774.750.000.000	2.765.500.000.000
Các khoản cho vay	3.881.585.476.070	2.483.068.630.247
Tài sản tài chính dài hạn		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.328.606.423.400	729.681.708.989
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16.576.642.324	13.789.036.252
Quỹ Bù trừ chứng khoán phát sinh	10.036.259.104	10.014.583.427
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(6.494.297.154.123)	(3.643.056.054.047)
Các công cụ tài chính có lãi suất không cố định		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	64.010.188.198	-
Nợ phải trả tài chính		
Nợ thuế tài chính ngắn hạn	(11.632.325.712)	-
Nợ thuế tài chính dài hạn	(18.342.547.231)	(14.227.038.282)
	3.644.455.100.841	3.054.165.010.905

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 272.282.522 VND lợi nhuận thuần của Công ty. (31/12/2023: 1.632.945.871 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty tính rủi ro về giá cổ phiếu dựa trên giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán mà Công ty nắm giữ và mức biến động bình quân về các chỉ số giá thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn giao dịch chứng khoán dành cho các công ty chưa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán (Upcom) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Năm	Mức biến động bình quân về giá của các sản giao dịch	Giá gốc của các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và Upcom VND	Giá trị thị trường của các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và Upcom VND	Mức tăng lợi nhuận sau thuế theo mức biến động có lợi về giá thị trường của cổ phiếu VND	Mức giảm lợi nhuận sau thuế theo mức biến động bất lợi về giá thị trường của cổ phiếu VND
2024	3%	137.472.715.590	106.453.684.339	2.554.888.424	(2.554.888.424)
2023	7%	100.598.906.002	94.466.447.823	5.290.121.078	(5.290.121.078)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hợp lý của các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và Upcom của Công ty là 106.453.684.339 VND (1/1/2024: 94.466.447.823 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 3% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng hoặc giảm tương ứng 2.554.888.424 VND (1/1/2024: giá trị thị trường của các chứng khoán tăng hoặc giảm 7%, tương ứng 5.290.121.078 VND).

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng	861.280.535.751	378.886.430.250
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	81.881.603.060	126.389.480.207
Các khoản tương đương tiền (*)	150.000.000.000	-
	1.093.162.138.811	505.275.910.457

- (*) Số dư này phản ánh hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 4,7%/năm, đã được dùng để thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại chính ngân hàng này.

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2024		2023	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty	263.288.376	48.286.320.335.460	70.277.784	23.853.464.971.336
Cổ phiếu	10.699.808	236.770.068.570	31.258.718	961.641.106.220
Trái phiếu	243.046.528	31.571.602.614.471	32.141.297	5.871.803.750.531
Giấy tờ có giá	9.541.906	16.477.946.141.599	6.784.269	17.019.003.081.485
Chứng khoán khác	134	1.510.820	93.500	1.017.033.100
Của Nhà đầu tư	7.250.243.209	146.682.401.982.926	4.920.579.293	86.483.904.845.946
Cổ phiếu	6.885.774.484	144.943.950.122.710	4.743.728.881	85.791.931.912.426
Trái phiếu	3.200.189	1.325.385.055.516	30.100	535.225.690.400
Chứng khoán khác	361.268.536	413.066.804.700	176.820.312	156.747.243.120
		<u>194.968.722.318.386</u>		<u>110.337.369.817.282</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Bam hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Các loại tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch	135.468.827.029	104.307.358.219	99.593.677.139	93.177.032.823
- Công ty Cổ phần Vinhomes	42.925.920.000	40.000.000.000	-	-
- Ngân hàng Thương mại	-	-	96.480.277.388	90.837.723.600
- Cổ phần Sài Gòn Thương tín	-	-	-	-
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam -	-	-	-	-
- CTCP	92.542.907.029	64.307.358.219	2.661.668.410	1.902.830.000
- Các cổ phiếu khác	-	-	451.731.341	436.479.223
Trái phiếu niêm yết	64.010.188.198	60.630.920.504	-	-
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán	2.003.888.561	2.146.326.120	1.005.228.863	1.289.415.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần	-	-	-	-
- Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	204.118.233.862	204.118.233.862
- Ngân hàng Thương mại	-	-	101.773.775.342	101.773.775.342 (*)
- Cổ phần Công Thương Việt Nam	-	-	102.344.458.520	102.344.458.520 (*)
Tổng cộng	201.482.903.788	167.084.604.843	304.717.139.864	298.584.681.685

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm phần lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 8.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 VND		1/1/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn	2.774.750.000.000	(*)	2.765.500.000.000	(*)
Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i)	2.574.750.000.000		955.000.000.000	
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (ii)	200.000.000.000		1.810.500.000.000	
Dài hạn	2.328.606.423.400	(*)	729.681.708.989	(*)
Trái phiếu (iii)	1.385.332.763.400		630.222.544.200	
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 1 năm (iv)	144.000.000.000		-	
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm (v)	799.073.660.000		99.459.164.789	
	<u>5.103.356.423.400</u>		<u>3.495.181.708.989</u>	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng hưởng lãi suất năm từ 4,40% đến 7,30% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 4,40% đến 8,00%).

(ii) Các chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng phát hành này hưởng lãi suất năm từ 4,20% đến 5,00% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 4,20% đến 7,50%).

(iii) Sổ dư này bao gồm các trái phiếu có kỳ hạn gốc từ 7 năm đến 10 năm có lãi suất năm từ 5,58% đến 11,00% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: kỳ hạn gốc từ 5 năm đến 8 năm có lãi suất năm từ 6,43% đến 11,00%).

(iv) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng này hưởng lãi suất năm từ 4,70% đến 5,50%.

(v) Các chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng phát hành này hưởng lãi suất năm từ 4,40% đến 4,70% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 4,25% đến 4,75%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 2.616.250.000.000 VND (1/1/2024: 955.000.000.000 VND), các chứng chỉ tiền gửi với tổng giá trị là 999.073.660.000 VND (1/1/2024: 1.760.500.000.000 VND) và các trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.370.000.000.000 VND (1/1/2024: 420.000.000.000 VND) được dùng để cầm cố cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2024 VND		1/1/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay ký quỹ	3.783.968.871.148	(*)	2.411.829.162.050	(*)
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	97.616.604.922	(*)	71.239.468.197	(*)
	<u>3.881.585.476.070</u>		<u>2.483.068.630.247</u>	

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(d) Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (*)	<u>42.162.233.378</u>	<u>44.556.698.543</u>

- (*) Toàn bộ các khoản cho vay bị suy giảm giá trị là các khoản cho vay đối với các cá nhân. Biến động dự phòng của các khoản cho vay trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	44.556.698.543	39.586.100.297
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	(2.394.465.165)	4.970.598.246
Số dư cuối năm	<u>42.162.233.378</u>	<u>44.556.698.543</u>

8. Các khoản phải thu

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các khoản phải thu	279.408.951.492	550.334.911.418
<i>Phải thu bán các TSTC</i>	<i>543.380.024</i>	<i>345.150.124.150</i>
- Phải thu từ bán cổ phiếu theo hợp đồng mua bán cổ phần số 06122023/HĐMBCP/DNSE-DTTT	-	345.150.000.000
- Khác	543.380.024	124.150
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>278.865.571.468</i>	<i>205.184.787.268</i>
- Dự thu lãi tiền gửi – tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	104.733.271.572	103.776.135.447
- Dự thu lãi trái phiếu	45.241.547.945	20.268.671.233
- Dự thu tiền lãi từ hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	128.854.072.035	81.119.353.339
- Khác	36.679.896	20.627.249
<i>Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</i>	<i>1.776.882.726</i>	<i>1.114.284.104</i>
- Phải thu hoạt động tư vấn	-	100.000.000
- Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	1.776.882.726	1.014.284.104
<i>Các khoản thu khác</i>	<i>4.619.337.217</i>	<i>6.928.554.633</i>
- Phải thu nhà đầu tư giao dịch phái sinh	4.253.601.743	6.696.938.919
- Phải thu phí giao dịch	365.735.474	231.615.714
	285.805.171.435	558.377.750.155

9. Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Pax Sky Sài Gòn	1.685.056.730	-
Trả trước cho người bán khác	3.712.962.586	2.512.503.804
	5.398.019.316	2.512.503.804

10. Tạm ứng

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tạm ứng cho nghiệp vụ tự doanh	-	22.631.472.061
Tạm ứng cho nghiệp vụ các hoạt động khác	1.786.932.505	1.003.602.312
	1.786.932.505	23.635.074.373

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí mua sắm nội thất	115.318.922	142.525.892
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	135.237.065	181.783.631
Chi phí trả trước khác	4.359.751.981	5.077.981.978
	<u>4.610.307.968</u>	<u>5.402.291.501</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí mua sắm nội thất	3.377.036.546	3.231.990.700
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.538.656.205	2.782.633.793
Chi phí trả trước khác	3.781.833.903	1.151.778.343
	<u>8.697.526.654</u>	<u>7.166.402.836</u>

12. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.822.050.000	13.696.891.767	19.518.941.767
Mua trong năm	-	5.387.815.204	5.387.815.204
Thanh lý trong năm	(1.571.900.000)	-	(1.571.900.000)
Số dư cuối năm	4.250.150.000	19.084.706.971	23.334.856.971
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.584.848.804	5.654.810.453	7.239.659.257
Khấu hao trong năm	959.777.789	3.567.668.650	4.527.446.439
Thanh lý trong năm	(261.279.072)	-	(261.279.072)
Số dư cuối năm	2.283.347.521	9.222.479.103	11.505.826.624
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.237.201.196	8.042.081.314	12.279.282.510
Số dư cuối năm	1.966.802.479	9.862.227.868	11.829.030.347

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 1.516 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 1.516 triệu VND).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.250.150.000	7.013.631.519	11.263.781.519
Mua trong năm	1.571.900.000	6.683.260.248	8.255.160.248
Số dư cuối năm	5.822.050.000	13.696.891.767	19.518.941.767
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	866.630.884	3.754.509.716	4.621.140.600
Khấu hao trong năm	718.217.920	1.900.300.737	2.618.518.657
Số dư cuối năm	1.584.848.804	5.654.810.453	7.239.659.257
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.383.519.116	3.259.121.803	6.642.640.919
Số dư cuối năm	4.237.201.196	8.042.081.314	12.279.282.510

13. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị máy chủ	
	2024	2023
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	20.991.823.600	-
Tăng trong năm	30.831.493.000	20.991.823.600
Số dư cuối năm	51.823.316.600	20.991.823.600
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.107.072.878	-
Khấu hao trong năm	6.002.717.145	1.107.072.878
Số dư cuối năm	7.109.790.023	1.107.072.878
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	19.884.750.722	-
Số dư cuối năm	44.713.526.577	19.884.750.722

Công ty thuê một số thiết bị máy chủ theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2024	2023
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	74.754.292.000	44.737.612.000
Mua trong năm	2.519.331.614	30.016.680.000
Số dư cuối năm	77.273.623.614	74.754.292.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	22.198.007.652	9.674.392.546
Khấu hao trong năm	15.408.508.705	12.523.615.106
Số dư cuối năm	37.606.516.357	22.198.007.652
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	52.556.284.348	35.063.219.454
Số dư cuối năm	39.667.107.257	52.556.284.348

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 9.061 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 8.965 triệu VND).

15. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	11.129.231.918	9.266.952.068
Tiền lãi phân bổ lũy kế	5.327.410.406	4.402.084.184
	16.576.642.324	13.789.036.252

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong năm Tăng VND	31/12/2024 Giá trị ghi sổ VND
Vay ngân hàng (i)			
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.920.799.999.253	7.957.624.065.318	2.556.892.186.800
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	398.000.000.000	2.228.000.000.000	765.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	200.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	2.246.000.000.000	1.154.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	192.500.000.000	830.000.000.000	395.000.000.000
- Các tổ chức tín dụng khác	723.200.000.000	4.375.648.783.347	947.500.000.000
Vay khác (ii)			
- Vay tổ chức	106.500.000.000	10.796.137.239.833	368.462.842.206
- Vay cá nhân	102.056.054.794	3.235.094.606.794	307.442.125.117
	3.643.056.054.047	31.668.504.695.292	6.494.297.154.123

- (i) Các khoản vay thấu chi và khoản vay tín dụng từ các ngân hàng chịu lãi suất năm từ 2,40% đến 6,50%, có tài sản bảo đảm là các khoản tiền và tương đương tiền/tiền gửi có kỳ hạn/chứng chỉ tiền gửi/trái phiếu các ngân hàng với tổng giá trị là 5.135.323.660.000 VND (1/1/2024: 3.135.500.000.000 VND).
- (ii) Các khoản vay khác từ các tổ chức và cá nhân chịu lãi suất năm từ 0,20% đến 9,80%, không có tài sản bảo đảm (1/1/2024: 7,70% đến 12,10%).

17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	5.934.002.572	2.350.774.234
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	1.202.071.356	681.879.104
	<u>7.136.073.928</u>	<u>3.032.653.338</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.743.363	529.700.965	(377.552.314)	157.892.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.610.992.235	45.732.485.597	(61.873.991.382)	8.469.486.450
Thuế thu nhập cá nhân	5.621.377.859	189.164.478.953	(177.917.924.179)	16.867.932.633
Các loại thuế khác	39.863.546	1.316.179.100	(1.198.872.645)	157.170.001
	<u>30.277.977.003</u>	<u>236.742.844.615</u>	<u>(241.368.340.520)</u>	<u>25.652.481.098</u>

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	89.801.325	268.039.357	(352.097.319)	5.743.363
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.004.837.426	56.590.678.327	(42.984.523.518)	24.610.992.235
Thuế thu nhập cá nhân	5.110.895.473	79.390.431.115	(78.879.948.729)	5.621.377.859
Các loại thuế khác	30.366.801	325.866.558	(316.369.813)	39.863.546
	<u>16.235.901.025</u>	<u>136.575.015.357</u>	<u>(122.532.939.379)</u>	<u>30.277.977.003</u>

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	24.065.558.414	15.508.270.431
Lãi dự trả liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	-	2.038.698.188
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	36.000.000	36.000.000
	<u>24.101.558.414</u>	<u>17.582.968.619</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả gốc liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản (i)	-	414.765.255.208
Các khoản phải trả khác	4.826.335.385	506.260.200
	<u>4.826.335.385</u>	<u>415.271.515.408</u>

- (i) Phải trả gốc liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản là các khoản tiền của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo thỏa thuận với các nhà đầu tư đó, kỳ hạn từ không kỳ hạn đến 3 tháng.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thông báo tới toàn bộ các khách hàng về việc dừng ký kết các thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản mới. Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Công ty đã gửi Công văn số 2912/2023/CV-TGD đến UBCKNN báo cáo lộ trình về việc tắt toàn các khoản phải trả của các thỏa thuận đã phát sinh còn hiệu lực theo yêu cầu tại Công văn số 8975/UBCK-TT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBCKNN. Toàn bộ các thỏa thuận này đã được chấm dứt và không còn số dư từ ngày 31 tháng 3 năm 2024.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính như sau:

	31/12/2024			1/1/2024		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	12.429.747.597	797.421.885	11.632.325.712	-	-	-
Từ trên một năm đến năm năm	18.795.294.926	452.747.695	18.342.547.231	14.904.013.689	676.975.407	14.227.038.282
	31.225.042.523	1.250.169.580	29.974.872.943	14.904.013.689	676.975.407	14.227.038.282

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	59.671.666	61.297.750

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

	1/1/2024 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND	31/12/2024 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	306.488.748	(8.130.419)	298.358.329

	1/1/2023 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND	31/12/2023 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ khác	900.850	305.587.898	306.488.748

23. Vốn góp của chủ sở hữu

(a) Vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	31/12/2024 VND	Số cổ phiếu	1/1/2024 VND
Vốn cổ phần được duyệt	330.000.000	3.300.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	330.000.000	3.300.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	330.000.000	3.300.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Biến động vốn cổ phần trong năm như sau

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	300.000.000	3.000.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm (*)	30.000.000	300.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	330.000.000	3.300.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000

(*) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo phương án phát hành cổ phiếu bằng hình thức chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo Nghị quyết số 02.1/2023/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông.

24. Các tài khoản ngoại bảng

(a) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty chứng khoán

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	13.541.820	135.418.200.000	3.575.887	35.758.870.000
TSTC chờ thanh toán	53.710	537.100.000	5	50.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	15.000.000	150.000.000.000	-	-
		285.955.300.000		35.758.920.000

(b) TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty chứng khoán

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	100	1.000.000	18	180.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(c) TSTC chờ về của Công ty chứng khoán

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Trái phiếu	1.249	124.900.000	-	-

(d) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	1.360.740.386	13.607.403.860.000	1.083.288.387	10.832.883.870.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	249.116.554	2.491.165.540.000	314.952	3.149.520.000
TSTC giao dịch cầm cố	46.983.751	469.837.510.000	69.908.387	699.083.870.000
TSTC chờ thanh toán	16.635.513	166.355.130.000	16.536.011	165.360.110.000
		<u>16.734.762.040.000</u>		<u>11.700.477.370.000</u>

(e) TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	3.389.840	33.898.400.000	84.429.614	844.296.140.000
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	45.748.626	457.486.260.000	45.707.057	457.070.570.000
		<u>491.384.660.000</u>		<u>1.301.366.710.000</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(f) TSTC chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	19.329.446	193.294.460.000	19.351.665	193.516.650.000

(g) Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	941.995.361.434	698.351.886.798
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	941.995.361.434	698.351.886.798
2. Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	397.689.451.143	92.064.884.837
3. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	7.102.118	7.066.607
4. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	45.108.907.433	86.910.659.740
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	41.230.123.230	83.279.527.507
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	3.878.784.203	3.631.132.233
	1.384.800.822.128	877.334.497.982

(h) Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
Của nhà đầu tư trong nước	983.232.586.782	781.638.335.312
Của nhà đầu tư nước ngoài	3.878.784.203	3.631.132.233
Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	397.689.451.143	92.064.884.837
	1.384.800.822.128	877.334.352.382

25. Doanh thu hoạt động

(a)	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ						
	2024	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND	2023	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
	Cổ phiếu niêm yết	1.713.661	29.575	50.681.883.420	47.936.891.334	2.744.992.086	Cổ phiếu niêm yết	7.092.783	29.332	208.048.532.252	177.579.978.504	30.468.553.748
	Chứng chỉ tiền gửi	35.208.301	182.054	6.409.804.686.469	6.376.570.660.295	33.234.026.174	Cổ phiếu chưa niêm yết	11.700.000	29.500	345.150.000.000	280.000.000.000	65.150.000.000
	Trái phiếu chưa niêm yết	5.800.300	457.322	2.652.602.467.420	2.641.505.059.590	11.097.407.830	Chứng chỉ tiền gửi	1.046.212	2.833.591	2.964.536.626.478	2.946.104.294.402	18.432.332.076
	Trái phiếu niêm yết	39.373.039	114.683	4.515.425.370.274	4.513.901.703.209	1.523.667.065	Trái phiếu chưa niêm yết	14.179.212	174.606	2.475.780.358.582	2.454.662.594.600	21.117.763.982
				13.628.514.407.583	13.579.914.314.428	48.600.093.155				5.993.515.517.312	5.858.346.867.506	135.168.649.806

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Bam hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2024	Giá gốc VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ trong năm VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ					
Cổ phiếu niêm yết	135.468.827.029	104.307.358.219	(31.161.468.810)	(6.416.644.316)	(24.744.824.494)
Công ty Cổ phần Vinhomes	42.925.920.000	40.000.000.000	(2.925.920.000)	-	(2.925.920.000)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín	-	-	-	(5.642.553.788)	5.642.553.788
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	-	-	-	(758.838.410)	758.838.410
Các cổ phiếu khác	92.542.907.029	64.307.358.219	(28.235.548.810)	(15.252.118)	(28.220.296.692)
Trái phiếu niêm yết	64.010.188.198	60.630.920.504	(3.379.267.694)	-	(3.379.267.694)
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán	2.003.888.561	2.146.326.120	142.437.559	284.186.137	(141.748.578)
	201.482.903.788	167.084.604.843	(34.398.298.945)	(6.132.458.179)	(28.265.840.766)
Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:					
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					(8.130.419)
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					28.257.710.347
Lỗ chưa thực hiện trong năm					(28.265.840.766)

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2023

Chênh lệch đánh giá lại
các TSTC ghi nhận thông
qua lãi/lỗ trong năm

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Cổ phiếu niêm yết

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu

Tổng Công ty Dầu Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

Thương tín

Các cổ phiếu khác

Chứng chỉ tiền gửi

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và

Phát triển Việt Nam

Ngân hàng Thương mại

Cổ phần Công Thương Việt Nam

Giá gốc VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ trong năm VND
100.598.906.002	94.466.447.823	(6.132.458.179)	(78.179.433.246)	72.046.975.067
-	-	-	(64.999.289.400)	64.999.289.400
2.661.668.410	1.902.830.000	(758.838.410)	(1.163.885.714)	405.047.304
96.480.277.388	90.837.723.600	(5.642.553.788)	(11.922.445.064)	6.279.891.276
1.456.960.204	1.725.894.223	268.934.019	(93.813.068)	362.747.087
204.118.233.862	204.118.233.862	-	-	-
101.773.775.342	101.773.775.342	-	-	-
102.344.458.520	102.344.458.520	-	-	-
304.717.139.864	298.584.681.685	(6.132.458.179)	(78.179.433.246)	72.046.975.067

Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:

Chênh lệch tăng về đánh giá lại các

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Chênh lệch giảm về đánh giá lại các

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm

305.587.898

(71.741.387.169)

72.046.975.067

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

	2024 VND	2023 VND
Từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(724.306.139)	22.384.920.220
- Cổ tức	11.450.601	7.355.612.850
- Tiền lãi	(735.756.740)	15.029.307.370
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	245.031.636.946	195.975.927.147
Từ các khoản cho vay	360.548.475.343	286.223.721.868
	604.855.806.150	504.584.569.235

(d) Doanh thu ngoài thu nhập từ các TSTC

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	144.838.599.511	67.645.377.330
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	100.000.000
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	682.848.455	558.959.844
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.647.148.100	4.207.341.031
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư tài chính	-	200.000.000
Thu nhập hoạt động khác	2.795.604.695	1.743.145.684
	153.964.200.761	74.454.823.889

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2024	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	1.761.581	28.880	50.874.574.820	52.391.915.228	(1.517.340.408)
Chứng chỉ tiền gửi	9.217.050	216.440	1.994.938.899.936	2.000.209.293.550	(5.270.393.614)
Trái phiếu chưa niêm yết	74.179.462	108.801	8.070.827.089.987	8.074.289.695.346	(3.462.605.359)
			10.116.640.564.743	10.126.890.904.124	(10.250.339.381)
2023	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	5.978.223	36.644	219.065.257.015	285.981.372.563	(66.916.115.548)
Chứng chỉ tiền gửi	1.850.922	3.026.617	5.602.032.687.123	5.602.752.074.831	(719.387.708)
Trái phiếu chưa niêm yết	4.043.284	150.080	606.816.497.474	610.318.307.207	(3.501.809.733)
			6.427.914.441.612	6.499.051.754.601	(71.137.312.989)

27. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm TSTC và chi phí đi vay của các khoản cho vay

	2024 VND	2023 VND
Chi phí đi vay của các khoản cho vay (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng (Thuyết minh 7(d))	184.955.301.561 (2.394.465.165)	206.525.315.938 4.970.598.246
	182.560.836.396	211.495.914.184

28. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	2024 VND	2023 VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	56.274.089.044	24.369.914.749
Chi phí hoa hồng môi giới	52.796.100.635	37.867.290.174
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.493.142.282	15.465.732.842
Chi phí quản lý hoạt động môi giới	20.909.149.632	14.705.973.423
Chi phí công cụ dụng cụ	8.156.117.954	2.541.316.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.312.570.961	11.443.196.887
Chi phí khác	5.886.779.192	4.722.116.791
	174.827.949.700	111.115.541.840

29. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lưu ký trả VSDC	5.762.897.494	4.118.522.994
Chi phí vị thế trả VSDC	3.144.649.800	443.276.700
Phí quản lý tài sản ký quỹ	1.969.594.537	343.094.191
	10.877.141.831	4.904.893.885

30. Chi phí hoạt động khác

	2024 VND	2023 VND
Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho tổ chức phát hành	30.401.250	267.900.560
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	6.062.527.963	3.207.753.324
Chi phí khác	1.408.933.271	408.187.498
	7.501.862.484	3.883.841.382

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	600.001.345	896.049
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.943.889.910	3.457.413.905
Doanh thu khác về đầu tư	21.698.630	2.981.903.200
	5.565.589.885	6.440.213.154

32. Chi phí lãi vay

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	7.212.494.287	17.973.526.183
Chi phí lãi vay	20.827.345.669	4.128.737.056
	28.039.839.956	22.102.263.239

33. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	80.023.995.918	41.162.405.180
Chi phí vật tư văn phòng và công cụ dụng cụ	4.820.743.235	4.045.050.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.445.530.007	783.473.799
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.592.427.473	368.299.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.829.954.878	40.408.064.014
Chi phí khác	10.196.859.874	7.545.758.437
	151.909.511.385	94.313.051.564

34. Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Tiền phạt thu được từ đối tác	14.846.600.000	18.239.346.573
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	959.090.909	-
Các khoản khác	146.791.475	103.757.036
	<u>15.952.482.384</u>	<u>18.343.103.609</u>

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	45.730.615.901	56.589.208.327
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	1.869.696	1.470.000
	<u>45.732.485.597</u>	<u>56.590.678.327</u>
(Lợi ích)/chi phí TNDN hoãn lại		
Phát sinh từ chênh lệch tạm thời	(1.626.084)	61.117.580
	<u>45.730.859.513</u>	<u>56.651.795.907</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	227.501.485.005	285.636.057.513
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	45.500.297.001	57.127.211.503
Chi phí không được khấu trừ thuế	230.982.936	994.236.974
Thu nhập không bị tính thuế	(2.290.120)	(1.471.122.570)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	1.869.696	1.470.000
	<u>45.730.859.513</u>	<u>56.651.795.907</u>

(c) **Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	181.770.625.492	228.984.261.606

(b) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2024 Cổ phiếu	2023 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông phát hành năm trước mang sang	300.000.000	300.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	26.885.246	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	326.885.246	300.000.000

(c) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2024	2023
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	556	763

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Số dư tại ngày	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông nắm quyền kiểm soát)		
Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	443.457.804	55.912.659
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	1.683.000.000.000	1.683.000.000.000
Phải thu phí lưu ký	3.033.553	-
Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông nắm quyền kiểm soát)		
Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	7.335.629.357	34.001.429
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	330.000.000.000	330.000.000.000
Phải thu phí lưu ký	617.333	-
Quỹ Đầu tư PYN Elite (Cổ đông lớn)		
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	364.926.000.000	-
Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS		
Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại công ty	834.879.919	215.925.278
Phải trả gốc liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	-	22.153.895
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	3.906.020.000	4.156.020.000
Phải trả gốc lãi vay ngắn hạn	2.043.058.579	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital		
(Cổ đông nắm quyền kiểm soát)		
Thu nhập từ chiết khấu thanh toán mua phần mềm khác	-	2.731.903.200
Cổ tức đã trả	168.300.000.000	39.000.000.000
Chi phí cho các hợp đồng dịch vụ	576.211.546	-
Chi phí quản trị hệ thống	-	9.000.000.000
Chi phí mua phần mềm	-	22.765.860.000
Chi phí lãi cho thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	-	1.429.382.838
Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán	25.497.438	14.980.755
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	17.194.616	-
Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	1.252.838.209.761	3.407.908.647.175
Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	1.252.450.664.616	3.407.861.843.637
Số tiền gốc đã nhận trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	-	1.580.472.843.637
Số tiền gốc đã trả trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	-	1.582.496.859.047
Hoàn đặt cọc từ bên liên quan về mua trái phiếu/cổ phiếu và phát triển phần mềm	-	43.792.223.200
Công ty Cổ phần Encapital Holdings		
(Cổ đông nắm quyền kiểm soát)		
Thu nhập khác	-	1.430.136.986
Cổ tức đã trả	33.000.000.000	16.957.339.800
Chi phí dịch vụ tư vấn	23.876.370.000	-
Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán	51.755.536	3.842.734
Chi phí lãi cho thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	-	627.603.948
Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	1.921.819.755.536	859.641.770.127
Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	1.914.518.127.608	859.608.234.128
Số tiền gốc đã nhận trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	-	406.535.234.128
Số tiền gốc đã trả trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	-	406.535.234.128
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	51.127.608	-
Đặt cọc cho bên liên quan để mua trái phiếu	-	100.000.000.000
Hoàn đặt cọc từ bên liên quan về mua trái phiếu	-	100.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Giá trị giao dịch	
		2024	2023
		VND	VND
Quỹ Đầu tư PYN Elite (Cổ đông lớn)			
Cổ tức đã trả		36.246.300.000	-
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác		40.433.552	-
Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS			
Cổ tức đã trả		390.602.000	90.120.400
Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán và lãi vay		139.886.646	365.214
Chi phí lãi cho thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản		-	223.938
Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty		14.189.367.838	48.534.590.968
Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty		14.123.997.656	48.403.737.094
Số tiền gốc đã nhận trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty		-	702.138.314
Số tiền gốc đã trả trong năm liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty		22.153.895	679.984.419
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác		16.989.051	31.355.404
Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch	1.350.000.000	2.790.000.000
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Chi nhánh	1.350.000.000	2.790.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	100.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	100.000.000	180.000.000
Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên độc lập	100.000.000	40.000.000
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc			
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.969.000.000	1.887.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	988.818.182	-
Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	880.364.087	-
Ông Lê Anh Tuấn	Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày 13/3/2024)	452.694.805	1.720.636.364

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

38. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: Tự doanh, môi giới - lưu ký, bảo lãnh - tư vấn và kinh doanh nguồn vốn.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Tự doanh VND	Môi giới - lưu ký VND	Bảo lãnh - tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phần bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	47.867.656.597	150.485.747.611	682.848.455	611.145.702.174	2.795.604.695	812.977.559.532
Chi phí hoạt động trực tiếp	41.138.426.659	185.705.091.531	2.571.323.200	210.611.940.132	7.501.862.484	447.528.644.006
Chi phí quản lý phần bổ cho các bộ phận	8.944.345.683	28.119.123.489	127.594.143	114.196.073.328	522.374.742	151.909.511.385
Lãi từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	-	13.962.080.864	13.962.080.864
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	(2.215.115.745)	(63.338.467.409)	(2.016.068.888)	286.337.688.714	8.733.448.333	227.501.485.005

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Tự doanh VND	Môi giới - lưu ký VND	Bảo lãnh - tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phần bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản chia theo bộ phận	167.627.984.867	1.776.882.726	-	10.314.807.376.371	-	10.484.212.243.964
Tài sản không chia theo bộ phận	-	-	-	-	153.039.874.308	153.039.874.308
Tổng tài sản	167.627.984.867	1.776.882.726	-	10.314.807.376.371	153.039.874.308	10.637.252.118.272
Nợ phải trả chia theo bộ phận	-	11.962.409.313	-	6.548.337.585.480	-	6.560.299.994.793
Nợ phải trả không chia theo bộ phận	-	-	-	-	47.151.939.122	47.151.939.122
Tổng nợ phải trả	-	11.962.409.313	-	6.548.337.585.480	47.151.939.122	6.607.451.933.915

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Tự doanh VND	Môi giới – lưu ký VND	Bảo lãnh – tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	157.859.157.924	71.852.718.361	858.959.844	488.639.862.169	1.743.145.684	720.953.843.982
Chi phí hoạt động trực tiếp	(51.986.331)	116.020.435.725	2.656.091.931	233.598.756.735	3.883.841.382	356.107.139.442
Chi phí quản lý phân bổ cho các bộ phận	20.650.668.591	9.399.560.302	112.366.589	63.922.422.915	228.033.167	94.313.051.564
Lãi từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	-	15.102.404.537	15.102.404.537
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	137.260.475.664	(53.567.277.666)	(1.909.498.676)	191.118.682.519	12.733.675.672	285.636.057.513

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Tự doanh VND	Môi giới – lưu ký VND	Bảo lãnh – tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản chia theo bộ phận	643.734.805.835	1.114.284.104	-	6.644.154.338.418	-	7.289.003.428.357
Tài sản không chia theo bộ phận	-	-	-	-	157.059.266.764	157.059.266.764
Tổng tài sản	643.734.805.835	1.114.284.104	-	6.644.154.338.418	157.059.266.764	7.446.062.695.121
Nợ phải trả chia theo bộ phận	-	418.304.168.746	-	3.674.830.060.948	-	4.093.134.229.694
Nợ phải trả không chia theo bộ phận	-	-	-	-	47.583.056.562	47.583.056.562
Tổng nợ phải trả	-	418.304.168.746	-	3.674.830.060.948	47.583.056.562	4.140.717.286.256

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (là một bộ phận đơn lẻ).

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**39. Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng 1 năm	11.449.986.360	10.052.091.360
Từ 2 – 5 năm	31.852.700.140	36.012.565.440
	43.302.686.500	46.064.656.800

40. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	2024 VND	2023 VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm	268.000.000	230.000.000
Phí cho các dịch vụ khác	650.000.000	126.500.000
	918.000.000	356.500.000

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 25 tháng 2 năm 2025

Người lập:

Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toánNguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng
Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động**

62/UBCK-GP

ngày 30 tháng 10 năm 2007

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 55/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 7 năm 2025.

**Quyết định Thành lập
Chi nhánh**

132/QĐ-UBCK

ngày 16 tháng 3 năm 2021

Quyết định Thành lập Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, điều chỉnh mới nhất số 339/QĐ-UBCK ngày 27 tháng 3 năm 2024.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

0102459106

ngày 30 tháng 10 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 7 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Giang
 Ông Lê Anh Tuấn
 Bà Phạm Thị Thanh Hoa
 Bà Nguyễn Thị Hà Ninh
 Ông Bùi Anh Dũng

Chủ tịch
 Phó Chủ tịch
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Quỳnh Mai
 Ông Nguyễn Quang Sơn
 Ông Trần Vĩnh Cửu

Trưởng ban
 Thành viên
 Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Ngọc Linh

Bà Phạm Thị Thanh Hoa

Ông Nguyễn Hoàng Việt
 Ông Phan Nguyễn Hữu Phương

Tổng Giám đốc
 - Người đại diện theo pháp luật
 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2025)
 Tổng Giám đốc
 - Người đại diện theo pháp luật
 (đến ngày 30 tháng 6 năm 2025)
 Phó Tổng Giám đốc
 Giám đốc Chi nhánh Thành phố
 Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký	Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky 63 - 65 Ngô Thị Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	C-00.01, C-00.02, C-00.03, Lô C1 Khu nhà thấp tầng Khu III (Khu chung cư Sarina) Số 62 Đường Hoàng Thế Thiện, Phường An Khánh Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 70 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty



Nguyễn Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trí
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến 70.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành và Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của chúng tôi bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Biểu cáo soát xét số: 25-02-00151-25-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2025

Phạm Thị Thủy Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2024-007-1

		Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN					
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		10.019.355.987.254	8.172.043.402.888
I.	Tài sản tài chính	110		10.011.804.780.191	8.165.535.289.615
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	66.635.530.120	1.093.162.138.811
1.1	Tiền	111.1		66.635.530.120	943.162.138.811
1.2	Các khoản tương đương tiền	111.2		-	150.000.000.000
2.	Các tài sản tài chính ("TSTC") ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7(a)	743.517.121.427	167.084.604.843
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	3.936.250.000.000	2.774.750.000.000
4.	Các khoản cho vay	114	7(c)	5.052.616.668.312	3.881.585.476.070
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và tài sản thế chấp	116	7(d)	(53.183.840.910)	(42.162.233.378)
7.	Các khoản phải thu	117	8	243.875.943.384	279.408.951.492
7.1	Phải thu bán các TSTC	117.1		3.494.845.661	543.380.024
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		240.381.097.723	278.865.571.468
7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		240.381.097.723	278.865.571.468
8.	Trả trước cho người bán	118	9	10.936.361.003	5.398.019.316
9.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	8	2.055.560.444	1.776.882.726
12.	Các khoản phải thu khác	122	8	9.189.323.893	4.619.337.217
13.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(87.887.482)	(87.887.482)
II.	Tài sản ngắn hạn khác	130		7.551.207.063	6.508.113.273
1.	Tạm ứng	131		2.835.940.894	1.786.932.505
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10(a)	4.516.393.369	4.610.307.968
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		198.872.800	110.872.800

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

		Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		1.900.648.738.039	2.465.208.715.384
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		1.771.469.948.332	2.328.606.423.400
2.	Các khoản đầu tư	212		1.771.469.948.332	2.328.606.423.400
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	1.771.469.948.332	2.328.606.423.400
II.	Tài sản cố định	220		89.767.674.816	96.209.664.181
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	9.768.589.945	11.829.030.347
	- Nguyên giá	222		23.869.436.971	23.334.856.971
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(14.100.847.026)	(11.505.826.624)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	47.663.835.965	44.713.526.577
	- Nguyên giá	225		60.536.860.600	51.823.316.600
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226a		(12.873.024.635)	(7.109.790.023)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	13	32.335.248.906	39.667.107.257
	- Nguyên giá	228		78.007.773.614	77.273.623.614
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(45.672.524.708)	(37.606.516.357)
IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	512.000.000
V.	Tài sản dài hạn khác	250		39.411.114.891	39.880.627.803
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		4.846.456.041	4.570.199.721
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	6.368.730.620	8.697.526.654
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	14	18.151.316.102	16.576.642.324
5.	Tài sản dài hạn khác	255		10.044.612.128	10.036.259.104
5.1	Quỹ Bù trừ chứng khoán phải sinh	255.1		10.044.612.128	10.036.259.104
	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.920.004.725.293	10.637.252.118.272

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

		Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		7.763.754.348.254	6.607.451.933.915
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		7.445.826.208.239	6.589.049.715.018
1.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		7.339.240.324.031	6.505.929.479.835
1.1	Vay ngắn hạn	312	15	7.324.370.100.299	6.494.297.154.123
1.2	Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313	16	14.870.223.732	11.632.325.712
6.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	13.020.455.795	7.136.073.928
8.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		7.174.184.394	1.797.067.584
10.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	32.560.795.797	25.652.481.098
11.	Phải trả người lao động	323		13.463.419.866	18.553.360.015
12.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		1.390.513.117	1.053.140.363
13.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	37.418.084.542	24.101.558.414
17.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		1.558.212.301	4.826.335.385
19.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		218.396	218.396
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		317.928.140.015	18.402.218.897
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		14.857.592.796	18.342.547.231
1.2	Nợ thuê tài chính dài hạn	343	16	14.857.592.796	18.342.547.231
4.	Trái phiếu phát hành dài hạn	346	20	299.208.333.333	-
14.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	21	3.862.213.886	59.671.666
	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.156.250.377.039	4.029.800.184.357
I.	Vốn chủ sở hữu	410		4.156.250.377.039	4.029.800.184.357
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.872.725.725.300	3.872.725.725.300
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	22	3.399.000.000.000	3.300.000.000.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		3.399.000.000.000	3.300.000.000.000
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	411.2		473.725.725.300	572.725.725.300
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	2.598.930.256
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	3.234.930.256
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		283.524.651.739	151.240.598.545
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		271.591.639.404	185.698.569.156
7.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	417.2		11.933.012.335	(34.457.970.611)
	TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		11.920.004.725.293	10.637.252.118.272

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

		Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
A.	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6.	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006		339.900.000	330.000.000
8.	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	008	23(a)	786.190.190.000	285.955.300.000
a.	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		662.842.540.000	135.418.200.000
c.	TSTC giao dịch cầm cố	008.3		120.000.000.000	150.000.000.000
e.	TSTC chờ thanh toán	008.5		3.347.650.000	537.100.000
9.	TSTC đã lưu ký giao dịch tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	009	23(b)	2.510.000	1.000.000
a.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	009.1		2.510.000	1.000.000
10.	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	23(c)	3.101.500.000	124.900.000
B.	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1.	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	23(d)	17.856.824.800.000	16.734.762.040.000
a.	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		15.211.083.830.000	13.607.403.860.000
b.	TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		1.500.904.130.000	2.491.165.540.000
c.	TSTC giao dịch cầm cố	021.3		806.076.190.000	469.837.510.000
d.	TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4		26.714.000.000	-
e.	TSTC chờ thanh toán	021.5		312.946.650.000	166.355.130.000
2.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	23(e)	565.359.720.000	491.384.660.000
a.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		47.479.450.000	33.898.400.000
b.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		517.880.270.000	457.486.260.000
3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	23(f)	350.642.240.000	193.294.460.000
6.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	23(g)	4.449.400.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

		Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
7.	Tiền gửi của khách hàng	026		2.601.993.351.200	1.384.800.822.128
7.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	23(h)	2.044.217.777.641	941.995.361.434
7.1.1	Tiền gửi ký quỹ phái sinh của Nhà đầu tư tại VSDC	027.1	23(h)	471.670.672.693	397.689.451.143
7.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	23(h)	32.419.582	7.102.118
7.3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	23(h)	86.072.481.284	45.108.907.433
a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		76.176.428.853	41.230.123.230
b.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư mức ngoài	029.2		9.896.052.431	3.878.784.203
8.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	23(i)	2.601.993.351.200	1.384.800.822.128
8.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		2.120.426.626.076	983.232.586.782
8.2	Phải trả Nhà đầu tư mức ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		9.896.052.431	3.878.784.203
8.3	Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	031.3		471.670.672.693	397.689.451.143

Ngày 1 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		47.316.867.354	25.703.569.970
a. Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	24(a)	21.653.833.510	32.862.247.747
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.2	24(b)	19.012.711.102	(31.895.908)
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	24(c)	6.650.322.742	(7.126.781.869)
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	24(c)	128.090.360.493	115.855.985.105
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	24(c)	228.773.784.241	161.780.367.977
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	24(d)	122.846.856.238	72.336.708.286
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	24(d)	187.110.000	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	24(d)	3.467.385.524	2.808.304.634
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	24(d)	2.947.943.765	1.258.966.370
Cộng doanh thu hoạt động	20		533.630.307.615	379.743.902.342
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		(27.801.299.105)	20.048.382.691
a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	25	2.148.221.100	7.961.006.984
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	24(b)	(31.180.814.064)	10.263.492.854
c. Chi phí giao dịch mua các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.3		1.231.293.859	1.823.882.853
2.4. Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm TSTC và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	26	148.012.464.841	53.876.911.618
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		237.690.000	30.212.874
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	27	145.078.072.363	83.318.532.656
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		26.024.110	45.140.599
2.9. Chi phí tư vấn, đầu tư chứng khoán	29		905.663.590	1.420.483.683
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	28	6.613.406.728	4.904.850.515
2.12. Chi phí hoạt động khác	32	29	4.023.149.142	3.239.545.948
Cộng chi phí hoạt động	40		277.095.171.669	166.884.060.584

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	30	-	600.001.345
3.2. Doanh thu lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ	42	30	3.023.532.580	2.648.533.190
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44	30	-	21.698.630
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		3.023.532.580	3.270.233.165
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái và chưa thực hiện	51		-	917
4.2. Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	52	31	24.259.787.468	16.463.263.211
4.4. Chi phí tài chính khác	55		308.333.333	11.262.863
Cộng chi phí tài chính	60		24.568.120.801	16.474.526.991
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOẢN	62	32	78.706.052.967	71.890.147.662
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)	70		156.284.494.758	127.765.400.270
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	33	1.629.292.826	2.926.654.998
8.2. Chi phí khác	72		424.803.372	224.682.603
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		1.204.489.454	2.701.972.495
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		157.488.984.212	130.467.372.765
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		107.295.459.046	140.762.761.527
9.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	92		50.193.525.166	(10.295.388.762)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		31.038.791.530	26.157.775.303
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	34	27.236.249.310	26.164.154.485
10.2. Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	100.2	34	3.802.542.220	(6.379.182)
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		126.450.192.682	104.309.597.462
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	35	382	322

Ngày 1 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng

Người thuyết:



Nguyễn Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		157.488.984.212	130.467.372.765
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(89.335.732.212)	(87.592.323.727)
- Khấu hao tài sản cố định	03		16.424.263.365	11.601.447.639
- Các khoản dự phòng	04		11.021.607.532	(21.055.906.354)
- Chi phí lãi vay	06		24.259.787.468	16.463.263.211
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07		(3.023.532.580)	(2.648.533.190)
- Dự thu tiền lãi	08		(138.017.857.997)	(91.952.595.033)
3. (Giảm)/tăng các chi phí phi tiền tệ	10		(31.180.814.064)	10.263.492.854
- (Lãi)/lỗ đánh giá lại giá trị TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11		(31.180.814.064)	10.263.492.854
4. (Tăng)/giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(19.012.711.102)	31.895.908
- (Lãi)/lỗ đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19		(19.012.711.102)	31.895.908
5. Thay đổi vốn lưu động	30		(2.158.202.643.199)	(1.382.310.223.287)
- (Tăng)/giảm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		(526.238.991.418)	179.187.092.426
- Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		(604.363.524.932)	(393.760.785.658)
- Tăng các khoản cho vay	33		(1.171.031.192.242)	(1.114.602.347.520)
- (Tăng)/giảm phải thu bán các TSTC	35		(2.951.465.637)	345.139.949.200
- Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		176.502.331.742	134.653.061.180
- Tăng các khoản phải thu về các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(278.677.718)	(258.064.107)
- Tăng các khoản phải thu khác	39		(1.325.154.363)	(101.381.016.491)
- (Tăng)/giảm các tài sản khác	40		(1.049.008.389)	21.875.443.736
- Tăng chi phí phải trả				
- (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		136.990.857.309	74.932.817.972
- Giảm chi phí trả trước	42		2.422.710.633	1.228.151.459
- Thuế TNDN đã nộp	43		(20.195.042.470)	(41.505.219.669)
- Lãi vay đã trả	44		(147.934.118.649)	(94.397.189.192)
- Tăng phải trả cho người bán	45		5.377.116.810	2.638.189.880
- Tăng các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46		337.372.754	265.943.741
- (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(132.892.141)	27.045.550.468
- Giảm phải trả người lao động	48		(5.089.940.149)	(10.360.472.188)
- Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	50		2.616.258.783	(410.420.081.035)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(1.859.283.122)	(2.591.247.489)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(2.140.242.916.365)	(1.329.139.785.487)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61		(11.435.040.000)	(3.479.201.018)
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		3.023.532.580	2.648.533.190
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	70		<i>(8.411.507.420)</i>	<i>(830.667.828)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	71		-	872.684.150.000
3. Tiền thu từ đi vay	73		23.684.098.242.472	12.867.546.647.634
3.2. <i>Tiền vay khác</i>	73.2		23.684.098.242.472	12.867.546.647.634
4. Tiền trả nợ gốc vay	74		(22.554.816.962.963)	(11.811.541.565.251)
4.3. <i>Tiền chi trả gốc nợ vay khác</i>	74.3		(22.554.816.962.963)	(11.811.541.565.251)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	75		(7.153.464.415)	(2.539.337.754)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	(165.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	80		<i>1.122.127.815.094</i>	<i>1.761.149.894.629</i>
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (90 = 60 + 70 + 80)	90		(1.026.526.608.691)	431.179.441.314
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		1.093.162.138.811	505.275.910.457
Tiền	101.1		943.162.138.811	505.275.910.457
Các khoản tương đương tiền	101.2		150.000.000.000	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (103 = 90 + 101)	103	5	66.635.530.120	936.455.351.771
Tiền	103.1		66.635.530.120	886.455.351.771
Các khoản tương đương tiền	103.2		-	50.000.000.000

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC
CỦA KHÁCH HÀNG**

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
I.			
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	44.201.188.507.715	41.735.534.910.020
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(45.221.811.962.475)	(39.304.918.978.270)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	156.480.496.448.753	69.752.159.663.800
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(154.238.943.684.371)	(71.471.759.507.504)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(3.736.780.550)	(3.166.368.741)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	710.226.140.371	136.850.590.825
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(710.226.140.371)	(136.784.752.314)
<i>Tăng tiền thuần trong kỳ</i>	<i>20</i>	<i>1.217.192.529.072</i>	<i>707.915.557.816</i>
II.			
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	1.384.800.822.128	877.334.497.982
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31	1.384.800.822.128	877.334.497.982
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	941.995.361.434	698.351.886.798
- Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	32.1	397.689.451.143	92.064.884.837
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	7.102.118	7.066.607
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	45.108.907.433	86.910.659.740

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B04a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu kỳ		Số dư cuối kỳ		Số tăng/giảm		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Số dư cuối kỳ	
	1/1/2024	1/1/2025	VND	VND	(Giảm)	VND	Tăng	VND	(Giảm)	VND	30/6/2024	30/6/2025
1. Biến động vốn chủ sở hữu												
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.041.575.300	3.872.725.725.300		3.872.725.725.300		99.000.000.000 (v)	99.000.000.000 (v)		(99.000.000.000) (v)		3.872.725.725.300	3.872.725.725.300
1.1 Phần góp của chủ sở hữu	3.000.000.000.000	3.300.000.000.000		300.000.000.000		300.000.000.000	300.000.000.000		-		3.300.000.000.000	3.300.000.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	41.575.300	572.725.725.300		531.150.420.000		600.000.000.000	600.000.000.000		(99.000.000.000)		572.725.725.300	473.725.725.300
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn đầu tư	2.598.930.256	2.598.930.256		2.598.930.256		-	-		(2.598.930.256) (v)		2.598.930.256	-
4. Quỹ dự phòng tài chính												
4.1 Quỹ dự phòng tài chính	3.234.930.256	3.234.930.256		3.234.930.256		-	-		(3.234.930.256) (v)		3.234.930.256	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	299.469.973.053	151.240.598.545		148.221.375.532		114.598.607.042	114.598.607.042		132.284.053.194		238.779.570.515	283.524.651.739
8.1 Lợi nhuận đã được nhận	305.463.728.082	183.698.569.156		121.765.158.926		114.598.607.042	114.598.607.042		(165.000.000.000) (v)		215.362.336.024	271.591.639.404
8.2 Lợi nhuận (chưa) được nhận	(6.193.755.029)	(34.457.970.611)		(28.264.215.585)		-	-		46.390.982.945		(16.482.765.509)	11.933.012.335
TỔNG CỘNG	3.305.345.408.865	4.029.800.184.357		1.014.603.667.042		(202.609.919.580)	(202.609.919.580)		231.284.053.194		4.117.339.156.327	4.156.250.377.039

Tăng vốn theo kết quả của đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Đây là chi phí phát sinh tiếp của đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

Đây là khoản chi trả cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Phân hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ nguồn thưởng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DNSE-DHĐCĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025.

Sử dụng Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ để bổ sung vào lợi nhuận chưa phân phối của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DNSE-DHĐCĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025.

Người lập:

(Chữ ký)

Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Ngày 1 tháng 8 năm 2025

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 62/UBCK-GP được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2007 tại Việt Nam. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 55/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23 tháng 7 năm 2025.

Công ty được công nhận niêm yết và cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh lần lượt vào các ngày 21 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 7 năm 2024, mã cổ phiếu là DSE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, Số 63 - 65 Ngô Thi Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có một (1) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (1/1/2025: một (1) chi nhánh).

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất vào ngày 28 tháng 7 năm 2025.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 3.399.000.000.000 VND (1/1/2025: 3.300.000.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, dịch vụ bù trừ và thanh toán phái sinh.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 267 nhân viên (1/1/2025: 231 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ này là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng cho báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Tài sản và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(e).

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cản trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cản trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC không thuộc nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ bị suy giảm giá trị hay không. Một TSTC hoặc một nhóm các TSTC được xem là suy giảm giá trị khi có các bằng chứng khách quan cho thấy có một sự kiện xảy ra sau khi tài sản được ghi nhận ban đầu và sự kiện này có ảnh hưởng đến các dòng tiền trong tương lai từ tài sản này có thể ước tính một cách tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các TSTC bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các TSTC kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Nếu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về suy giảm giá trị của TSTC thì Công ty sẽ phải xác định giá trị của khoản lỗ do suy giảm giá trị (nếu có) của TSTC này và ghi nhận khoản lỗ suy giảm giá trị đó vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp nếu TSTC được đánh giá là đã khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

(b) Tiền và các khoản đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

(c) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
 - TSTC được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh TSTC đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty chỉ định TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc hoặc giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong kỳ hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(e) **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (nếu có).

Dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay ký quỹ được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản vay trừ đi giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(f) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(g) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| • Phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| • Thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |

(h) **Thuê tài sản**

(i) **Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

(ii) **Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(i) **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

(j) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(k) **Các khoản vay**

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc.

(l) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) **Các quỹ dự trữ pháp định**

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự trữ pháp định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Với hiệu lực của Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành thay thế Thông tư 146, các quy định về trích lập các quỹ trên bị bãi bỏ. Theo đó:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác;
- Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.



Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án về điều chỉnh việc sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ. Theo đó, số dư của các quỹ này sẽ được sử dụng để thực hiện bổ sung nguồn lợi nhuận chưa phân phối của Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã sử dụng hết các quỹ này.

(n) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) **Doanh thu và thu nhập**

(i) **Lãi/lỗ từ bán các TSTC**

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) **Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(iii) **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, doanh thu đại lý phát hành chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(p) **Chi phí lãi vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 334 không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ/năm trước.

4. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau:

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tài sản bảo đảm

Giá trị và loại tài sản bảo đảm yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản bảo đảm và đánh giá tài sản bảo đảm. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản bảo đảm, yêu cầu cung cấp thêm tài sản bảo đảm theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản bảo đảm thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	66.635.530.120	1.093.162.138.811
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(ii)	527.866.278.376	60.630.920.504
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(ii)	3.936.250.000.000	2.774.750.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(ii)	1.771.469.948.332	2.328.606.423.400
Các khoản cho vay	(iii)	5.052.616.668.312	3.881.585.476.070
Các khoản phải thu	(iii)	243.875.943.384	279.408.951.492
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	(iii)	2.055.560.444	1.776.882.726
Các khoản phải thu khác	(iii)	9.101.436.411	4.531.449.735
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	18.151.316.102	16.576.642.324
Quỹ Bù trừ chứng khoán phải sinh	(iv)	10.044.612.128	10.036.259.104
		11.638.067.293.609	10.451.065.144.166

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được giữ tại các tổ chức tín dụng/đoanh nghiệp có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được của khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau. Do đó, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phải sinh

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng tháng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện đánh giá quy mô Quỹ bù trừ chứng khoán phải sinh và định giá lại giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ để xác định nghĩa vụ đóng góp của Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Bam hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khác thanh toán có định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	7.339.240.324.031	7.339.888.782.643 (*)	7.339.888.782.643 (*)	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13.020.455.795	13.020.455.795	13.020.455.795	-
Phải trả người bán ngắn hạn	7.174.184.394	7.174.184.394	7.174.184.394	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	37.418.084.542	37.418.084.542	37.418.084.542	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	1.558.212.301	1.558.212.301	1.558.212.301	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	299.208.333.333	339.402.739.726 (*)	13.902.739.726 (*)	325.500.000.000
Nợ thuế tài chính dài hạn	14.857.592.796	15.174.742.407 (*)	- (*)	15.174.742.407
	7.712.477.187.192	7.753.637.201.808	7.412.962.459.401	340.674.742.407

(*) Không bao gồm dòng tiền theo hợp đồng từ lãi dự trả liên quan tới các hợp đồng vay và thuế tài chính ngắn hạn, trái phiếu phát hành dài hạn, nợ thuế tài chính dài hạn do khoản lãi này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.505.929.479.835	6.506.629.355.617 (*)	6.506.629.355.617 (*)	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.136.073.928	7.136.073.928	7.136.073.928	-
Phải trả người bán ngắn hạn	1.797.067.584	1.797.067.584	1.797.067.584	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	24.101.558.414	24.101.558.414	24.101.558.414	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	4.826.335.385	4.826.335.385	4.826.335.385	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	18.342.547.231	18.795.294.926 (*)	- (*)	18.795.294.926
	6.562.133.062.377	6.563.285.685.854	6.544.490.390.928	18.795.294.926

(*) Không bao gồm dòng tiền theo hợp đồng từ dự thu lãi phải trả liên quan tới các hợp đồng vay và thuê tài chính ngắn hạn, nợ thuê tài chính dài hạn do khoản lãi này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 1 tháng 1 năm 2025, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu do số dư công cụ tài chính bằng ngoại tệ là không trọng yếu.

(ii) **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.635.530.120	1.093.162.138.811
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.936.250.000.000	2.774.750.000.000
Các khoản cho vay	5.052.616.668.312	3.881.585.476.070
Tài sản tài chính dài hạn		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.771.469.948.332	2.328.606.423.400
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	18.151.316.102	16.576.642.324
Quỹ Bù trừ chứng khoán phát sinh	10.044.612.128	10.036.259.104
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(7.324.370.100.299)	(6.494.297.154.123)
	3.530.797.974.695	3.610.419.785.586
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất không cố định</i>		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	527.866.278.376	60.630.920.504
Nợ phải trả tài chính		
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	(14.870.223.732)	(11.632.325.712)
Nợ thuê tài chính dài hạn	(14.857.592.796)	(18.342.547.231)
Trái phiếu phát hành dài hạn	(299.208.333.333)	-
	198.930.128.515	30.656.047.561

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 1.591.441.028 VND lợi nhuận thuần của Công ty. (1/1/2025: 272.282.522 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

(III) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty tính rủi ro về giá cổ phiếu dựa trên giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán mà Công ty nắm giữ và mức biến động bình quân về các chỉ số giá thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn giao dịch chứng khoán dành cho các công ty chưa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán (Upcom) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Kỳ/năm	Mức biến động bình quân về giá của các sản giao dịch	Giá gốc của các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và Upcom cuối kỳ/cuối năm VND	Giá trị thị trường của các cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và Upcom cuối kỳ/cuối năm VND	Mức tăng lợi nhuận sau thuế theo mức biến động có lợi về giá thị trường của cổ phiếu VND	Mức giảm lợi nhuận sau thuế theo mức biến động bất lợi về giá thị trường của cổ phiếu VND
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	4%	199.688.959.758	215.650.843.051	6.900.826.978	(6.900.826.978)
2024	3%	137.472.715.590	106.453.684.339	2.554.888.424	(2.554.888.424)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	50.937.982.052	861.280.535.751
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	15.697.548.068	81.881.603.060
Các khoản tương đương tiền (*)	-	150.000.000.000
	66.635.530.120	1.093.162.138.811

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025, số dư này phản ánh hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 4,7%/năm, đã được dùng để thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại chính ngân hàng này.

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty	274.938.511	26.808.232.446.365	100.101.422	20.010.003.086.779
Cổ phiếu	55.698.212	771.027.974.980	9.282.276	219.016.050.100
Trái phiếu	201.724.485	23.814.834.229.744	81.277.300	11.183.446.854.800
Giấy tờ có giá	16.842.304	2.215.549.835.873	9.541.846	8.607.540.181.879
Chứng khoán khác	673.510	6.820.405.768	-	-
Của Nhà đầu tư	4.698.601.468	93.203.067.105.730	3.832.411.256	81.549.744.168.918
Cổ phiếu	4.377.554.932	89.849.102.933.290	3.657.805.329	81.186.361.347.510
Trái phiếu	27.115.457	3.119.013.281.280	292.151	137.471.455.528
Chứng khoán khác	293.931.079	234.950.891.160	174.313.776	225.911.365.880
		<u>120.011.299.552.095</u>		<u>101.559.747.255.697</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Các loại tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	30/6/2025			1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch	192.878.356.290	208.598.083.351	208.598.083.351	135.468.827.029	104.307.358.219
- Ngân hàng Thương mại					
- Cổ phần Quốc tế Việt Nam	76.532.521.529	73.214.713.200	73.214.713.200	16.231.766	19.030.200
- Công ty Cổ phần Vinhomes	17.599.627.200	31.447.000.000	31.447.000.000	42.925.920.000	40.000.000.000
- Các cổ phiếu khác	98.746.207.561	103.936.370.151	103.936.370.151	92.526.675.263	64.288.328.019
Trái phiếu niêm yết	233.054.647.448	232.887.990.376	232.887.990.376	64.010.188.198	60.630.920.504
Trái phiếu chưa niêm yết	294.978.288.000	294.978.288.000 (*)	294.978.288.000	-	-
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán	6.810.603.468	7.052.759.700	7.052.759.700	2.003.888.561	2.146.326.120
	727.721.895.206	743.517.121.427	743.517.121.427	201.482.903.788	167.084.604.843
					167.084.604.843

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm phần lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 8.



(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025 VND		1/1/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn	3.936.250.000.000	(*)	2.774.750.000.000	(*)
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.686.250.000.000		2.574.750.000.000	
Chứng chỉ tiền gửi (ii)	250.000.000.000		200.000.000.000	
Dài hạn	1.771.469.948.332	(*)	2.328.606.423.400	(*)
Trái phiếu (iii)	1.771.469.948.332		1.385.532.763.400	
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 1 năm (i)	-		144.000.000.000	
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm (ii)	-		799.073.660.000	
	<u>5.707.719.948.332</u>		<u>5.103.356.423.400</u>	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng hưởng lãi suất năm từ 4,50% đến 6,17% tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (1/1/2025: từ 4,40% đến 7,30%).

(ii) Các chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng phát hành, hưởng lãi suất năm từ 4,70% đến 5,20% tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (1/1/2025: từ 4,20% đến 5,00%).

(iii) Số dư này bao gồm các trái phiếu có kỳ hạn gốc từ 7 năm đến 10 năm có lãi suất năm từ 5,58% đến 5,88% tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (1/1/2025: kỳ hạn gốc từ 7 năm đến 10 năm có lãi suất năm từ 5,58% đến 11,00%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 3.481.250.000 VND (1/1/2025: 2.616.250.000.000 VND), các chứng chỉ tiền gửi với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (1/1/2024: 999.073.660.000 VND) và các trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.770.000.000.000 VND (1/1/2025: 1.370.000.000.000 VND) được dùng để cầm cố cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản cho vay

	30/6/2025		1/1/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay ký quỹ	4.834.959.134.445	(*)	3.783.968.871.148	(*)
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	217.657.533.867	(*)	97.616.604.922	(*)
	<u>5.052.616.668.312</u>		<u>3.881.585.476.070</u>	

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này bởi vì không có giả niệm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(d) Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (*)	<u>53.183.840.910</u>	<u>42.162.233.378</u>

- (*) Toàn bộ các khoản cho vay bị suy giảm giá trị là các khoản cho vay đối với các cá nhân. Biến động dự phòng của các khoản cho vay trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	42.162.233.378	44.556.698.543
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 26)	11.021.607.532	(21.055.906.354)
Số dư cuối kỳ	<u>53.183.840.910</u>	<u>23.500.792.189</u>

8. Các khoản phải thu

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Các khoản phải thu	243.875.943.384	279.408.951.492
Phải thu bán các TSTC	3.494.845.661	543.380.024
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	240.381.097.723	278.865.571.468
- Dự thu lãi tiền gửi – tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	77.490.500.000	104.733.271.572
- Dự thu lãi trái phiếu	26.976.169.863	45.241.547.945
- Dự thu lãi hoạt động cho vay ký quỹ	135.779.740.082	128.854.072.055
- Dự thu tiền lãi từ hoạt động tăng trước tiền bán chứng khoán	134.687.778	36.679.896
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	2.055.560.444	1.776.882.726
- Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	2.046.277.752	1.776.882.726
- Phải thu phí chuyển khoản chứng khoán	9.282.692	-
Các khoản thu khác	9.189.323.893	4.619.337.217
- Phải thu nhà đầu tư giao dịch phái sinh	8.498.737.965	4.253.601.743
- Phải thu phí giao dịch	690.585.928	365.735.474
	255.120.827.721	285.805.171.435

9. Trả trước cho người bán

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Thiết bị và Phát triển Công nghệ Trọng Điểm	8.871.174.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	688.631.774	-
Công ty Cổ phần ZION	500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	443.987.389	15.510.595
Công ty TNHH Pax Sky Sài Gòn	-	1.685.056.730
Trả trước cho người bán khác	432.567.840	3.697.451.991
	10.936.361.003	5.398.019.316

10. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí mua sắm nội thất	90.944.726	115.318.922
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	37.482.272	135.237.065
Chi phí trả trước khác	4.387.966.371	4.359.751.981
	<u>4.516.393.369</u>	<u>4.610.307.968</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí mua sắm nội thất	1.389.007.641	3.377.036.546
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.914.592.563	1.538.656.205
Chi phí trả trước khác	3.065.130.416	3.781.833.903
	<u>6.368.730.620</u>	<u>8.697.526.654</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	4.250.150.000	19.084.706.971	23.334.856.971
Mua trong kỳ	-	534.580.000	534.580.000
Số dư cuối kỳ	4.250.150.000	19.619.286.971	23.869.436.971
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.283.347.521	9.222.479.103	11.505.826.624
Khấu hao trong kỳ	354.179.166	2.240.841.236	2.595.020.402
Số dư cuối kỳ	2.637.526.687	11.463.320.339	14.100.847.026
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.966.802.479	9.862.227.868	11.829.030.347
Số dư cuối kỳ	1.612.623.313	8.155.966.632	9.768.589.945

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 1.548 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 1.516 triệu VND).

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	5.822.050.000	13.696.891.767	19.518.941.767
Mua trong kỳ	-	1.397.869.404	1.397.869.404
Số dư cuối kỳ	5.822.050.000	15.094.761.171	20.916.811.171
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.584.848.804	5.654.810.453	7.239.659.257
Khấu hao trong kỳ	485.170.830	1.568.888.927	2.054.059.757
Số dư cuối kỳ	2.070.019.634	7.223.699.380	9.293.719.014
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	4.237.201.196	8.042.081.314	12.279.282.510
Số dư cuối kỳ	3.752.030.366	7.871.061.791	11.623.092.157

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị máy chủ	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	51.823.316.600	20.991.823.600
Tăng trong kỳ	8.713.544.000	-
Số dư cuối kỳ	60.536.860.600	20.991.823.600
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	7.109.790.023	1.107.072.878
Khấu hao trong kỳ	5.763.234.612	2.099.182.356
Số dư cuối kỳ	12.873.024.635	3.206.255.234
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	44.713.526.577	19.884.750.722
Số dư cuối kỳ	47.663.835.965	17.785.568.366

Công ty thuê một số thiết bị máy chủ theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	77.273.623.614	74.754.292.000
Mua trong kỳ	222.150.000	2.081.331.614
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	512.000.000	-
Số dư cuối kỳ	78.007.773.614	76.835.623.614
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	37.606.516.357	22.198.007.652
Khấu hao trong kỳ	8.066.008.351	7.448.205.526
Số dư cuối kỳ	45.672.524.708	29.646.213.178
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	39.667.107.257	52.556.284.348
Số dư cuối kỳ	32.335.248.906	47.189.410.436

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản cố nguyên giá 9.061 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 9.061 triệu VND).

14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch mỗi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm-liên trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và mỗi giới.

Chi tiết khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	12.703.905.696	11.129.231.918
Tiền lãi phân bổ lũy kế	5.327.410.406	5.327.410.406
	18.151.316.102	16.576.642.324

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong kỳ Tăng VND	Giảm VND	30/6/2025 Giá trị ghi sổ VND
Vay ngân hàng (i)				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.556.892.186.800	5.918.484.305.991	(5.231.576.492.791)	3.243.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	765.000.000.000	775.000.000.000	(765.000.000.000)	775.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	810.000.000.000	(405.000.000.000)	405.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.154.000.000.000	350.830.233.170	(1.454.830.233.170)	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	395.000.000.000	744.500.000.000	(492.500.000.000)	647.000.000.000
- Các tổ chức tín dụng khác	947.500.000.000	3.957.800.000.000	(3.336.500.000.000)	1.568.800.000.000
Vay khác (ii)				
- Vay tổ chức	368.462.842.206	7.845.596.376.773	(8.101.290.321.603)	112.768.897.376
- Vay cá nhân	307.442.125.117	2.982.678.993.205	(2.768.119.915.399)	522.001.202.923
	6.494.297.154.123	23.384.889.909.139	(22.554.816.962.963)	7.324.370.100.299

- (i) Các khoản vay thấu chi và khoản vay ын dụng từ các ngân hàng chịu lãi suất năm từ 2,80% đến 6,50%, có tài sản bảo đảm là các khoản tiền và tương đương tiền/tiền gửi có kỳ hạn/chứng chỉ tiền gửi/trái phiếu các ngân hàng với tổng giá trị là 5.786.250.000.000 VND (1/1/2025: 5.135.323.660.000 VND).
- (ii) Các khoản vay khác từ các tổ chức và cá nhân chịu lãi suất năm từ 0,20% đến 9,47%, không có tài sản bảo đảm (1/1/2025: từ 0,20% đến 9,80%).

16. Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính như sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm Từ trên một năm đến năm năm	15.613.554.462	743.330.730	12.429.747.597	797.421.885
	15.174.742.407	317.149.611	18.795.294.926	452.747.695
	30.788.296.869	1.060.480.341	31.225.042.523	1.250.169.580
				29.974.872.943

17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	8.812.697.203	5.934.002.572
Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	4.207.758.592	1.202.071.356
	<u>13.020.455.795</u>	<u>7.136.073.928</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	157.892.014	434.661.490	(449.611.499)	142.942.005
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.469.486.450	27.236.249.310	(20.195.042.470)	15.510.693.290
Thuế thu nhập cá nhân	16.867.932.633	94.254.848.826	(94.253.399.242)	16.869.382.217
Các loại thuế khác	157.170.001	212.651.490	(332.043.206)	37.778.285
	<u>25.652.481.098</u>	<u>122.138.411.116</u>	<u>(115.230.096.417)</u>	<u>32.560.795.797</u>

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.743.363	209.398.115	(190.706.205)	24.435.273
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.610.992.235	26.164.154.485	(41.505.219.669)	9.269.927.051
Thuế thu nhập cá nhân	5.621.377.859	105.663.643.190	(78.744.083.555)	32.540.937.494
Các loại thuế khác	39.863.546	613.300.897	(506.001.974)	147.162.469
	<u>30.277.977.003</u>	<u>132.650.496.687</u>	<u>(120.946.011.403)</u>	<u>41.982.462.287</u>

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	25.784.824.268	24.065.558.414
Lãi dự trả trái phiếu	11.597.260.274	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	36.000.000	36.000.000
	<u>37.418.084.542</u>	<u>24.101.558.414</u>

20. Trái phiếu phát hành dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
DSEH125004	VND	8,50%	2027	300.000.000.000	-
Chi phí phát hành				(791.666.667)	-
				<u>299.208.333.333</u>	<u>-</u>

Trái phiếu của Công ty là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, có kỳ hạn gốc là 24 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, trái phiếu có mệnh giá 420.200.000 VND được một bên liên quan là Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông nắm quyền kiểm soát) sở hữu.

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	3.862.213.886	59.671.666

Biến động các chênh lệch tạm thời trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:

	1/1/2025 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	298.358.329	19.012.711.102	19.311.069.431

	1/1/2024 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	306.488.748	(31.895.908)	274.592.840

22. Vốn góp của chủ sở hữu

(a) Vốn cổ phần

	30/6/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	339.900.000	3.399.000.000.000	330.000.000	3.300.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	339.900.000	3.399.000.000.000	330.000.000	3.300.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	339.900.000	3.399.000.000.000	330.000.000	3.300.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

(b) Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	330.000.000	3.300.000.000.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	9.900.000	99.000.000.000 (*)	30.000.000	300.000.000.000
Số dư cuối kỳ	339.900.000	3.399.000.000.000	330.000.000	3.300.000.000.000

(*) Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025.

23. Các tài khoản ngoại bảng

- (a) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty chứng khoán

	30/6/2025 Giá trị theo mệnh giá VND	1/1/2025 Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	662.842.540.000	135.418.200.000
TSTC chờ thanh toán	3.347.650.000	537.100.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	120.000.000.000	150.000.000.000
	786.190.190.000	285.955.300.000

- (b) TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty chứng khoán

	30/6/2025 Giá trị theo mệnh giá VND	1/1/2025 Giá trị theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.510.000	1.000.000

- (c) TSTC chờ về của Công ty chứng khoán

	30/6/2025 Giá trị theo mệnh giá VND	1/1/2025 Giá trị theo mệnh giá VND
Trái phiếu	3.101.500.000	124.900.000

(d) TSTC niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	30/6/2025 Giá trị theo mệnh giá VND	1/1/2025 Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	15.211.083.830.000	13.607.403.860.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	1.500.904.130.000	2.491.165.540.000
TSTC giao dịch cầm cố	806.076.190.000	469.837.510.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	26.714.000.000	-
TSTC chờ thanh toán	312.046.650.000	166.355.130.000
	<u>17.856.824.800.000</u>	<u>16.734.762.040.000</u>

(e) TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	30/6/2025 Giá trị theo mệnh giá VND	1/1/2025 Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	47.479.450.000	33.898.400.000
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	517.880.270.000	457.486.260.000
	<u>565.359.720.000</u>	<u>491.384.660.000</u>

(f) TSTC chờ về của Nhà đầu tư

	30/6/2025 Giá trị theo mệnh giá VND	1/1/2025 Giá trị theo mệnh giá VND
Dưôi 1 năm	<u>350.642.240.000</u>	<u>193.294.460.000</u>

(g) TSTC được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	30/6/2025 Giá trị theo mệnh giá VND	1/1/2025 Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC được hưởng quyền của Nhà đầu tư	4.449.400.000	-

(h) Tiền gửi của khách hàng

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.044.217.777.641	941.995.361.434
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.044.217.777.641	941.995.361.434
2. Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	471.670.672.693	397.689.451.143
3. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	32.419.582	7.102.118
4. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	86.072.481.284	45.108.907.433
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	76.176.428.853	41.230.123.230
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	9.896.052.431	3.878.784.203
	2.601.993.351.200	1.384.800.822.128

(i) Phải trả Nhà đầu tư

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
Của nhà đầu tư trong nước	2.120.426.626.076	983.232.586.782
Của nhà đầu tư nước ngoài	9.896.052.431	3.878.784.203
Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	471.670.672.693	397.689.451.143
	2.601.993.351.200	1.384.800.822.128

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động

(a) Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	17.750.558	14.677	260.518.097.221	244.114.066.714	16.404.030.507
Chứng chỉ tiền gửi	8.421.152	131.709	1.109.139.936.095	1.106.409.899.778	2.730.036.317
Trái phiếu chưa niêm yết	996.910	820.297	817.762.280.489	816.873.800.452	888.480.037
Trái phiếu niêm yết	59.681.553	103.877	6.199.535.824.384	6.197.905.787.735	1.630.036.649
Các công cụ phái sinh niêm yết	5	130.650.000	653.250.000	652.000.000	1.250.000
			8.387.609.388.189	8.365.955.554.679	21.653.833.510

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	1.501.374	31.307	47.003.975.550	44.570.637.830	2.433.337.720
Chứng chỉ tiền gửi	4.964.361	678.302	3.367.337.950.405	3.339.784.389.779	27.553.560.626
Trái phiếu chưa niêm yết	4.505.900	322.226	1.451.916.180.000	1.449.067.330.600	2.848.849.400
Trái phiếu niêm yết	4.000.000	101.321	405.283.000.000	405.256.499.999	26.500.001
			5.271.541.105.955	5.238.678.858.208	32.862.247.747

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước VND	Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ trong kỳ VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	192.878.356.290	208.598.083.351	15.719.727.061	(31.161.468.810)	46.881.195.871
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	76.532.521.529	73.214.713.200	(3.317.808.329)	2.798.434	(3.320.606.763)
Công ty Cổ phần Vinhomes	17.599.627.200	31.447.000.000	13.847.372.800	(2.925.920.000)	16.773.292.800
Các cổ phiếu khác	98.746.207.561	103.936.370.151	5.190.162.590	(28.238.347.244)	33.428.509.834
<i>Trái phiếu niêm yết</i>	233.054.647.448	232.887.990.376	(166.657.072)	(3.379.267.694)	3.212.610.622
<i>Trái phiếu chưa niêm yết</i>	294.978.288.000	294.978.288.000	-	-	-
<i>Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</i>	6.810.603.468	7.052.759.700	242.156.232	142.437.559	99.718.673
	727.721.895.206	743.517.121.427	15.795.226.221	(34.398.298.945)	50.193.525.166

Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động:

Chênh lệch tăng về đánh giá lại các

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Chênh lệch giảm về đánh giá lại các

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Lãi chưa thực hiện trong kỳ

19.012.711.102

(31.180.814.064)

50.193.525.166

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNS

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước VND	Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	124.524.818.575	107.884.140.497	(16.640.678.078)	(6.416.644.316)	(10.224.033.762)
Công ty Cổ phần Vinhomes	42.925.920.000	37.650.000.000	(5.275.920.000)	-	(5.275.920.000)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín	-	-	-	(5.642.553.788)	5.642.553.788
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	2.657.709.821	2.299.000.000	(358.709.821)	(758.838.410)	400.128.589
Các cổ phiếu khác	78.941.188.754	67.935.140.497	(11.006.048.257)	(15.252.118)	(10.990.796.139)
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán	1.005.228.863	1.218.060.000	212.831.137	284.186.137	(71.355.000)
	125.530.047.438	109.102.200.497	(16.427.846.941)	(6.132.458.179)	(10.295.388.762)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động:					
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					(31.895.908)
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ					10.263.492.854
Lỗ chưa thực hiện trong kỳ					(10.295.388.762)



(c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	6.650.322.742	(7.126.781.869)
- Cổ tức	2.811.164.100	3.861.401
- Tiền lãi	3.839.158.642	(7.130.643.270)
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	128.090.360.493	115.855.985.105
Từ các khoản cho vay	228.773.784.241	161.780.367.977
	<u>363.514.467.476</u>	<u>270.509.571.213</u>

(d) Doanh thu ngoài thu nhập từ các TSTC

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	122.846.856.238	72.336.708.286
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	187.110.000	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.467.385.524	2.808.304.634
Thu nhập hoạt động khác	2.947.943.765	1.258.966.370
	<u>129.449.295.527</u>	<u>76.403.979.290</u>

CH
VÀ
CƠ
TRẦN
TR

CH
N
TR

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

25. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán kỳ này VND
Cổ phiếu niêm yết	8.094.318	12.902	104.429.082.760	104.557.199.030	(128.116.270)
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán	100.000	9.991	999.073.833	1.014.617.023	(15.543.190)
Trái phiếu niêm yết	40.330.039	117.986	4.758.364.614.034	4.760.369.175.674	(2.004.561.640)
			4.863.792.770.627	4.865.940.991.727	(2.148.221.100)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán kỳ này VND
Cổ phiếu niêm yết	1.752.002	28.823	50.498.757.550	52.008.707.734	(1.509.950.184)
Chứng chỉ tiền gửi	301.564	3.646.348	1.099.607.218.650	1.104.388.021.696	(4.780.803.046)
Trái phiếu niêm yết	30.950.000	108.661	3.363.053.650.000	3.364.723.903.754	(1.670.253.754)
			4.513.159.626.200	4.521.120.633.184	(7.961.006.984)

26. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm TSTC và chi phí đi vay của các khoản cho vay

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí đi vay của các khoản cho vay	136.990.857.309	74.932.817.972
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng (Thuyết minh 7(d))	11.021.607.532	(21.055.906.354)
	<u>148.012.464.841</u>	<u>53.876.911.618</u>

27. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	51.962.715.576	27.975.017.304
Chi phí hoa hồng môi giới	49.975.354.203	26.394.436.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.870.095.657	10.711.208.475
Chi phí quản lý hoạt động môi giới	9.975.474.577	9.116.442.619
Chi phí công cụ dụng cụ	7.952.238.672	3.393.872.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.338.595.468	3.203.398.282
Chi phí khác	6.003.598.210	2.524.156.893
	<u>145.078.072.363</u>	<u>83.318.532.656</u>

28. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí lưu ký trả VSDC	3.370.266.603	2.802.807.471
Chi phí vị thế trả VSDC	1.692.279.450	1.336.375.950
Phí quản lý tài sản ký quỹ	1.550.860.675	765.667.094
	<u>6.613.406.728</u>	<u>4.904.850.515</u>

29. Chi phí hoạt động khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho tổ chức phát hành	83.052.993	10.764.600
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	3.034.869.522	2.631.781.925
Chi phí khác	905.226.627	596.999.423
	<u>4.023.149.142</u>	<u>3.239.545.948</u>

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	-	600.001.345
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.023.532.580	2.648.533.190
Doanh thu khác về đầu tư	-	21.698.630
	<u>3.023.532.580</u>	<u>3.270.233.165</u>

31. Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí lãi liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản	-	7.212.494.287
Chi phí lãi vay	12.662.527.194	9.250.768.924
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	11.597.260.274	-
	<u>24.259.787.468</u>	<u>16.463.263.211</u>

32. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	40.026.189.898	34.495.001.917
Chi phí vật tư văn phòng và công cụ dụng cụ	2.157.286.477	2.325.000.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.554.167.708	890.239.164
Chi phí thuế, phí và lệ phí	370.284.719	869.811.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.044.357.088	27.790.657.435
Chi phí khác	4.553.767.077	5.519.437.340
	<u>78.706.052.967</u>	<u>71.890.147.662</u>

33. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Tiền phạt thu được từ đối tác	1.620.000.000	2.921.599.999
Các khoản khác	9.292.826	5.054.999
	<u>1.629.292.826</u>	<u>2.926.654.998</u>

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	27.236.249.310	26.162.284.789
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các kỳ trước	-	1.869.696
	27.236.249.310	26.164.154.485
Chi phí/(lợi ích) TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	3.802.542.220	(6.379.182)
Chi phí thuế TNDN	31.038.791.530	26.157.775.303

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	157.488.984.212	130.467.372.765
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	31.497.796.842	26.093.474.553
Chi phí không được khấu trừ thuế	103.227.508	63.203.334
Thu nhập không bị tính thuế	(562.232.820)	(772.280)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các kỳ trước	-	1.869.696
	31.038.791.530	26.157.775.303

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	126.450.192.682	104.309.597.462

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 Cổ phiếu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông phát hành năm trước mang sang	330.000.000	300.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	929.834	23.736.264
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	330.929.834	323.736.264

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	382	322

Trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm và, do đó, không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Số dư tại ngày	
	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông nắm quyền kiểm soát)		
Phải thu phí lưu ký	8.912.209	617.333
Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	116.551.825.876	7.335.629.357
Trái phiếu phát hành dài hạn của Công ty	420.200.000	-
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	330.000.000.000	330.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông lớn)		
Phải thu phí lưu ký	39.963.155	3.033.553
Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	32.536.273	443.457.804
Phải trả cho hợp đồng dịch vụ	139.361.000	-
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	1.683.000.000.000	1.683.000.000.000
Quỹ Đầu tư PYN Elite (Cổ đông lớn)		
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	364.926.000.000	364.926.000.000
Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS		
Phải thu phí lưu ký	1.053.320	-
Phải trả tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại công ty	621.984.396	834.879.919
Phải trả gốc lãi vay ngắn hạn	6.180.689.426	2.043.058.529
Vốn cổ phần của bên liên quan tại Công ty	57.961.020.000	3.906.020.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông nắm quyền kiểm soát)		
Cổ tức đã trả	-	16.500.000.000
Chi phí dịch vụ tư vấn	-	23.876.370.000
Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán	113.935.899	5.175.014
Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	3.844.850.421.268	176.405.175.014
Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	3.735.634.224.749	176.439.000.000
Mua trái phiếu phát hành của Công ty	62.967.100.000	-
Bán trái phiếu phát hành của Công ty	62.546.900.000	-
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	173.164.318	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông lớn)		
Cổ tức đã trả	-	84.150.000.000
Chi phí cho các hợp đồng dịch vụ	1.105.435.000	-
Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán	44.028.624	4.635.399
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	328.105.157	-
Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	1.699.969.554.024	537.994.017.722
Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	1.700.380.475.555	538.049.000.000
Quỹ Đầu tư PYN Elite (Cổ đông lớn)		
Cổ tức đã trả	-	18.000.000.000
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	255.239.744	40.433.552
Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS		
Cổ tức đã trả	-	195.301.000
Chi phí lãi tiền gửi về giao dịch chứng khoán và lãi vay	136.436.214	335.605
Tăng tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	79.790.207.035	19.757.322.299
Giảm tiền gửi vào tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	79.620.240.861	19.757.588.420
Số tiền gốc đã trả trong kỳ liên quan đến thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản từ tiền gửi về giao dịch chứng khoán của bên liên quan tại Công ty	-	22.153.895
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	22.343.477	3.018.725

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Giá trị giao dịch	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị		-	-
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc			
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	851.000.000	922.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	791.000.000	-
Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	289.500.000	615.644.345
Ông Lê Anh Tuấn	Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày 13/3/2024)	-	508.409.091



3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

37. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: Tự doanh, môi giới - lưu ký, bảo lãnh - tư vấn và kinh doanh nguồn vốn.

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Tự doanh VND	Môi giới - lưu ký VND	Bảo lãnh - tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phần bỏ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	47.316.867.354	126.314.241.762	187.110.000	359.887.677.314	2.947.943.765	536.653.840.195
Chi phí hoạt động trực tiếp	(27.563.609.105)	151.601.479.091	931.687.700	172.580.585.642	4.023.149.142	301.663.292.470
Chi phí quản lý phần bỏ cho các bộ phận	6.939.527.102	18.525.341.026	27.441.692	52.781.395.513	432.347.634	78.706.052.967
Lãi từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	-	1.204.489.454	1.204.489.454
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	67.940.949.357	(43.902.578.355)	(772.019.392)	134.525.696.159	(303.063.557)	157.488.984.212

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Tự doanh VND	Môi giới - lưu ký VND	Bảo lãnh - tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phần bỏ VND	Tổng cộng VND
Tài sản chia theo bộ phận	747.011.967.088	2.055.560.444	-	11.014.169.403.577	-	11.763.236.931.109
Tài sản không chia theo bộ phận	-	-	-	-	156.767.794.184	156.767.794.184
Tổng tài sản	747.011.967.088	2.055.560.444	-	11.014.169.403.577	156.767.794.184	11.920.004.725.293
Nợ phải trả chia theo bộ phận	-	14.578.668.096	-	7.690.688.334.702	-	7.703.267.002.798
Nợ phải trả không chia theo bộ phận	-	-	-	-	58.487.345.456	58.487.345.456
Tổng nợ phải trả	-	14.578.668.096	-	7.690.688.334.702	58.487.345.456	7.763.754.348.254

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Tự doanh VND	Mối giới – lưu ký VND	Bảo lãnh – tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phần bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	25.703.569.970	75.145.012.920	-	280.906.586.247	1.258.966.370	383.014.135.507
Chi phí hoạt động trực tiếp	20.078.595.565	88.223.383.171	1.465.624.282	70.351.438.609	3.239.545.948	183.358.587.575
Chi phí quản lý phần bổ cho các bộ phận	4.824.452.336	14.104.403.922	-	52.724.988.695	236.302.709	71.890.147.662
Lãi từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	-	2.701.972.495	2.701.972.495
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	800.522.069	(27.182.774.173)	(1.465.624.282)	157.830.158.943	485.090.208	130.467.372.765

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Tự doanh VND	Mối giới – lưu ký VND	Bảo lãnh – tư vấn VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Không phần bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản chia theo bộ phận	167.627.984.867	1.776.882.726	-	10.314.807.376.371	-	10.484.212.243.964
Tài sản không chia theo bộ phận	-	-	-	-	153.039.874.308	153.039.874.308
Tổng tài sản	167.627.984.867	1.776.882.726	-	10.314.807.376.371	153.039.874.308	10.637.252.118.272
Nợ phải trả chia theo bộ phận	-	11.962.409.313	-	6.548.337.585.480	-	6.560.299.994.793
Nợ phải trả không chia theo bộ phận	-	-	-	-	47.151.939.122	47.151.939.122
Tổng nợ phải trả	-	11.962.409.313	-	6.548.337.585.480	47.151.939.122	6.607.451.933.915

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (là một bộ phận đơn lẻ).



38. Các yếu tố mang tính thời vụ hay chu kỳ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ.

39. Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng 1 năm	13.754.396.964	11.449.986.360
Từ 2 – 5 năm	31.061.661.554	31.852.700.140
	44.816.058.518	43.302.686.500

40. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Những ước tính kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này không có sự thay đổi trọng yếu so với các ước tính kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

41. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

42. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với các khoản mục trên báo cáo tình hình tài chính và các thuyết minh có liên quan; và thông tin cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 1 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Linh
Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2561908.....SCT/BS

Ngày: 01-12-2025



SÁO Ý BẢN CHÍNH
Ngày 04 tháng 11 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tài chính Quý III
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025



CHÁM ĐỐC VẬN HÀNH
Nguyễn Thị Huyền



Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu số B01 - CTCK

*(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)*

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		11,280,433,494,388	8,172,043,402,888
I.	TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		11,270,937,545,130	8,165,535,289,615
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	742,165,777,877	1,093,162,138,811
1.1	Tiền	111.1		742,165,777,877	943,162,138,811
1.2	Các khoản tương đương tiền	111.2		-	150,000,000,000
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	1,009,130,920,203	167,084,604,843
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	8	3,496,750,000,000	2,774,750,000,000
4	Các khoản cho vay	114	9	5,750,066,977,971	3,881,585,476,070
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	10	(47,320,303,894)	(42,162,233,378)
7	Các khoản phải thu	117	11	307,095,410,464	279,408,951,492
7.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		57,268,143,407	543,380,024
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		249,827,267,057	278,865,571,468
7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		249,827,267,057	278,865,571,468
8	Trả trước cho người bán	118		1,363,144,482	5,398,019,318
9	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	11	3,541,252,708	1,776,882,726
12	Các khoản phải thu khác	122	11	8,232,252,803	4,619,337,217
13	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129		(87,887,482)	(87,887,482)
II.	Tài sản ngắn hạn khác	130		9,495,949,258	6,508,113,273
1	Tạm ứng	131		4,106,142,422	1,786,932,505
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	5,190,934,036	4,610,307,968
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		198,872,800	110,872,800

B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250)	200		2,728,937,334,266	2,465,208,715,384
I	Tài sản tài chính dài hạn	210		2,576,023,235,285	2,328,608,423,400
2	Các khoản đầu tư	212	8	2,576,023,235,285	2,328,608,423,400
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đ đáo hạn	212.1		2,576,023,235,285	2,328,608,423,400
II.	Tài sản cố định	220		111,537,864,923	96,209,664,181
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	13	9,632,524,400	11,829,030,347
	- Nguyên giá	222		24,940,180,491	23,334,856,971
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223.a		(15,307,656,091)	(11,505,826,624)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	73,116,730,987	44,713,526,577
	- Nguyên giá	225		69,933,260,600	51,823,316,600
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226.a		(16,816,529,613)	(7,109,790,023)
3	Tài sản cố định vô hình	227	14	28,788,609,536	39,667,107,257
	- Nguyên giá	228		78,543,373,614	77,273,623,614
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229.a		(49,754,764,078)	(37,606,516,357)
IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	512,000,000
V.	Tài sản dài hạn khác	250		41,376,234,058	39,880,627,803
1	Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		7,786,096,041	4,570,199,721
2	Chi phí trả trước dài hạn	252		5,389,200,408	8,697,526,654
4	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	16	18,151,318,102	16,576,642,324
5	Tài sản dài hạn khác	255		10,049,621,507	10,036,259,104
5.1	Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh			10,049,621,507	10,036,259,104
	TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		14,009,370,828,654	10,637,252,118,272

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B01 - CTCK
(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+340)	300		9,716,313,295,476	6,607,451,933,915
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		9,379,357,420,007	6,589,049,715,018
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		9,218,193,978,993	6,505,929,479,835
1.1. Vay ngắn hạn	312	17	9,197,983,335,195	6,494,297,154,123
1.2. Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	313		20,210,643,798	11,632,325,712
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	25,744,421,879	7,136,073,928
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		13,020,455,795	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	19	6,150,060,753	1,797,067,584
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	60,816,106,526	25,652,461,098
11. Phải trả người lao động	323		27,105,054,901	18,553,360,015
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		1,544,154,974	1,053,140,363
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		39,867,097,584	24,101,556,414
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		936,336,001	4,826,335,385
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		218,396	218,396
II. Nợ phải trả dài hạn	340		336,955,875,469	18,402,218,897
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		31,713,372,306	18,342,547,231
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343		31,713,372,306	18,342,547,231
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		299,333,333,334	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		5,909,169,829	59,671,666
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4,293,057,533,178	4,029,800,184,357
I. Vốn chủ sở hữu	410		4,293,057,533,178	4,029,800,184,357
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3,872,725,725,300	3,872,725,725,300
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	21	3,399,000,000,000	3,300,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		3,399,000,000,000	3,300,000,000,000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		473,725,725,300	572,725,725,300
4. Quỹ dự trữ điều lệ	414		2,598,930,256	2,598,930,256
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	3,234,930,256
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		417,732,877,622	151,240,598,545
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		395,158,555,203	185,698,569,156
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		22,574,322,419	(34,457,970,611)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420			
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300+400)	440		14,009,370,828,654	10,637,262,118,272

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Cổ phiếu đang lưu hành (Số lượng cổ phiếu)	006		339,900,000	330,000,000
8. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	22	986,609,630,000	285,955,300,000
a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		521,135,160,000	135,418,200,000
c. TSTC giao dịch cầm cố	008.3		415,000,000,000	150,000,000,000
e. TSTC chờ thanh toán	008.5		50,474,370,000	537,100,000
9. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	23	34,170,000	1,000,000
a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	009.1		34,170,000	1,000,000
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	24	2,008,900,000	124,900,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	25	20,585,635,089,850	16,734,762,040,000
a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		18,776,024,139,850	13,607,403,860,000
b. TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		533,682,280,000	2,491,166,540,000
c. TSTC giao dịch cầm cố	021.3		807,380,890,000	469,837,510,000
d. TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4		89,686,340,000	-
e. TSTC chờ thanh toán	021.5		378,661,440,000	166,355,130,000
2. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	26	639,968,560,000	491,384,660,000
a. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		504,779,560,000	33,898,400,000
b. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		135,189,020,000	457,486,260,000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	27	444,364,514,700	193,294,460,000

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B01 - CTCK

*(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)*

7.	Tiền gửi của khách hàng	026	28	3,191,680,901,817	1,384,800,822,128
7.1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		2,746,246,427,856	941,995,361,434
7.1.1.	Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	027.1		234,657,610,251	397,689,451,143
7.2.	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		46,720,439	7,102,118
7.3.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		210,530,143,271	45,108,907,433
a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		208,240,428,703	41,230,123,230
b.	Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		2,289,714,568	3,878,784,203
8.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	28	3,191,680,901,817	1,384,800,822,128
8.1.	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		2,946,927,239,135	983,232,586,782
8.2.	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		9,896,052,431	3,878,784,203
8.3.	Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	031.3		234,657,610,251	397,689,451,143

Lưu ngày 15 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

[Signature]

Vũ Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng

[Signature]

Nguyễn Thị Duyên

Tổng giám đốc

[Signature]

Nguyễn Ngọc Linh



	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1. Lợi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		71,115,847,246	9,945,313,626	118,432,514,000	35,648,683,596
a. Lợi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	30	57,226,858,499	8,214,566,982	78,883,702,009	41,076,844,729
b. Chính sách tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	31	10,224,779,714	84,166,326	29,247,490,816	62,300,416
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	31	3,650,999,033	1,646,520,318	10,301,321,775	(5,480,261,561)
1.2. Lợi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	31	65,607,713,642	55,069,756,703	213,698,074,139	170,946,743,866
1.3. Lợi từ các khoản cho vay và phải thu	03	31	171,171,346,826	93,417,781,254	399,945,131,067	255,198,149,231
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		156,168,636,441	33,044,292,036	279,015,492,676	105,981,000,324
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		294,822,000	-	481,932,000	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		2,246,196,962	1,446,483,624	5,713,582,536	4,254,788,258
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		2,853,596,016	785,469,191	5,601,639,781	2,044,455,661
Cộng Doanh thu hoạt động	20		489,457,869,153	193,729,118,136	1,023,088,268,768	673,473,020,876
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(1,027,199,398)	8,660,220,375	(28,826,499,493)	28,706,603,066
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	30	447,466,136	649,760,766	2,586,707,236	8,510,757,740
b. Chính sách giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2		(2,453,486,313)	7,439,849,606	(33,634,300,377)	17,703,342,460
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		984,600,799	670,620,013	2,216,094,648	2,454,502,866
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	32	92,708,027,018	52,646,443,815	240,729,491,856	106,623,355,433
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		133,480,000	15,047,431	371,170,000	45,260,305
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	33	169,858,502,796	41,145,605,158	314,939,675,106	124,464,037,614
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28			27,610,672	25,024,110	72,751,271
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	33	701,804,823	538,664,398	1,867,588,213	1,959,148,681
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	33	2,587,358,242	2,716,658,918	9,160,764,670	7,821,509,433
2.12. Chi phí hoạt động khác	32	33	1,326,136,877	1,812,667,375	5,948,284,819	5,052,213,323
Cộng Chi phí hoạt động	40		266,867,208,867	107,562,818,142	543,962,380,636	274,446,078,726
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
3.1. Chính sách lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-	-	600,001,345
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		2,240,324,036	1,081,299,251	5,263,856,616	3,729,832,441
3.4. Doanh thu khác	44		-	-	-	21,096,630
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	60		2,240,324,036	1,081,299,251	5,263,856,616	4,351,532,416

IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51				917
4.2. Chi phí lãi vay	52	13,842,750,005	8,216,596,507	38,102,637,473	22,679,829,716
4.4. Chi phí tài chính khác	55	132,700,001		441,033,334	11,262,883
Cộng chi phí tài chính	60	13,975,450,006	8,216,596,507	38,543,670,807	22,691,092,600
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	34	39,557,233,303	31,711,652,707	118,293,285,270
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+60-62)	70	171,268,390,913	49,319,380,431	327,552,886,671	177,064,780,791
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC					
8.1. Thu nhập khác	71	1,815,773	6,219,822,821	1,831,108,599	9,143,477,619
8.2. Chi phí khác	72	201,021,353	49,824,161	625,824,725	274,506,864
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80	(199,205,580)	6,169,998,660	1,205,283,874	8,868,970,755
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90	171,069,185,333	55,489,378,891	328,558,169,545	185,956,751,655
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91	158,380,919,306	62,845,032,171	255,978,376,352	203,907,793,698
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92	12,688,266,027	(7,355,653,280)	62,581,793,193	(17,651,042,042)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	34,232,028,194	11,115,683,927	65,300,820,724	37,273,459,230
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	35	32,215,073,251	11,099,944,662	58,461,322,561
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	36	2,016,954,943	16,839,295	5,849,498,163
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200	136,837,157,139	44,373,694,964	263,257,348,821	148,683,292,425

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Duyên

Lập ngày 15 tháng 10 năm 2025
Tổng giám đốc




Nguyễn Ngọc Linh

Mẫu số B03b - CTCK
 (Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến	
			30/9/2025 VND	30/9/2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		328,558,169,545	185,956,751,556
2 Điều chỉnh cho các khoản:	02		(57,622,905,756)	(93,374,643,260)
- Khấu hao TSCĐ	03		25,656,816,778	18,044,910,018
- Các khoản dự phòng	04		5,158,070,516	(10,694,941,950)
- Chi phí lãi vay	05		38,102,537,473	22,679,629,718
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07		(5,263,856,616)	(3,729,832,441)
- Dự thu tiền lãi	08		(121,276,473,907)	(119,684,608,605)
3 Tăng/(giảm) các chi phí phi tiền tệ	10		(33,634,300,377)	17,703,342,460
- Chênh lệch tăng đánh giá lại giá trị TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11		(33,634,300,377)	17,703,342,460
4 Giảm/(Tăng) các doanh thu phi tiền tệ	18		(29,247,490,816)	(52,300,418)
- Chênh lệch giảm đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19		(29,247,490,816)	(52,300,418)
5 Thay đổi vốn lưu động	30		(3,548,809,330,193)	(3,642,268,415,914)
- Tăng TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		(779,184,524,167)	(466,072,965,028)
- Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		(969,416,811,885)	(1,543,760,785,556)
- Tăng các khoản cho vay	33		(1,866,481,501,901)	(1,819,390,570,501)
- (Tăng)/giảm phải thu bán các TSTC	35		(56,724,763,383)	344,920,157,893
- Giảm phải thu và dự thu có tức, tiền lãi các TS tài chính	36		150,314,779,318	108,650,866,861
- Tăng các khoản phải thu về dịch vụ CTCK cung cấp	37		(1,764,369,980)	(408,196,881)
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu về khác	39		333,959,248	(7,453,641,366)
- (Tăng)/giảm các tài sản khác	40		(2,319,209,917)	20,442,540,765
- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		235,562,421,343	117,208,297,383
- Giảm chi phí trả trước	42		2,727,700,176	342,903,540
- Thuế TNDN đã nộp	43		(35,705,735,760)	(50,775,146,720)
- Lãi vay đã trả	44		(257,899,419,646)	(126,331,153,981)
- Tăng phải trả cho người bán	45		3,352,983,169	1,046,769,363
- Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		491,014,611	401,480,896
- (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		11,418,038,627	4,586,003,401
- (Tăng)/giảm phải trả người lao động	48		8,551,694,686	(11,317,203,162)
- Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	50		14,718,348,567	(411,838,534,912)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(4,803,932,501)	(3,521,238,027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(3,340,755,657,597)	(3,532,035,265,476)

11-1 15/09/2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu số B03b - CTCK

(Ban hành theo TT số 33/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

Ngày 31/12/2019, số 12/CT-CP

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(7,109,849,520)	(5,671,754,868)
5.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	5,263,856,616	3,729,832,441
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	70	(1,845,992,904)	(1,941,922,427)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	-	872,684,150,000
3.	Tiền vay gốc	73	38,082,035,601,606	16,637,980,076,951
3.2	Tiền vay khác	73.2	38,082,035,601,606	16,637,980,076,951
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(35,079,018,087,200)	(14,156,056,331,151)
4.3	Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3	(35,079,018,087,200)	(14,156,056,331,151)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	75	(11,414,024,839)	(4,178,895,520)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76	-	(165,000,000,000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	80	2,991,605,489,567	3,185,431,000,280
IV.	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (90=60+70+80)	90	(350,996,360,934)	(348,546,187,623)
V.	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	1,093,162,138,811	505,275,910,457
	- Tiền	101.1	943,162,138,811	505,275,910,457
	- Các khoản tương đương tiền	101.2	150,000,000,000	-
VI.	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (103=90+101)	103	742,165,777,877	156,729,722,834
	Tiền	103.1	742,165,777,877	156,729,722,834
	Các khoản tương đương tiền	103.2	-	-

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến	
			30/9/2025 VND	30/9/2024 VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		100,318,559,995,635	57,861,644,926,034
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(101,196,371,345,788)	(55,264,233,230,698)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		278,647,542,853,998	102,987,966,258,994
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(275,956,523,937,235)	(104,921,315,825,822)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(5,327,486,921)	(4,760,984,939)
14. Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14		784,649,817,557	189,666,318,300
15. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15		(784,649,817,557)	(189,694,285,360)
Tăng(giảm) tiền thuần trong kỳ	20		1,806,880,979,689	759,503,176,509
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		1,384,800,822,128	877,334,497,982
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		1,384,800,822,128	877,334,497,982
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		941,995,361,434	698,351,886,796
- Tiền gửi kỳ quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC			397,689,451,143	92,064,884,837
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		7,102,118	7,066,607
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		45,108,907,433	86,910,659,740
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		3,191,680,901,817	1,636,837,674,491
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		3,191,680,901,817	1,636,837,674,491
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		2,746,246,427,855	1,104,518,911,591
- Tiền gửi kỳ quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSDC	42.1		234,857,510,251	271,400,187,351
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		46,720,439	7,093,273
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		210,530,143,271	260,911,482,276

Người lập biểu

VN

Vũ Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Duyên

Nguyễn Thị Duyên



Lập ngày 15 tháng 10 năm 2025

Tổng giám đốc

Nguyễn Ngọc Linh

Nguyễn Ngọc Linh

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu số 804a - CTCK
(Bản kinh doanh TT số 334/2015/TT-CTC
ngày 27/7/2016 của Bộ Tài Chính)

	Số dư đầu kỳ		Số tăng(giảm) trong				Số dư cuối kỳ	
	31/12/2024		Kỳ 9/12/2024		Kỳ 9/12/2025		30/9/2025	
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.041.575,300	3.872.725.725,300	90.000.000,000	(90.000.000,000)	90.000.000,000	(90.000.000,000)	3.872.725.725,300	3.872.725.725,300
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	3.000.000.000,000	3.000.000.000,000	300.000.000,000	-	300.000.000,000	-	3.300.000.000,000	3.300.000.000,000
1.2. Tăng dự vốn cổ phần	41.575,300	572.725.725,300	600.000.000,000	(27.320.910,000)	-	(90.000.000,000)	872.725.725,300	473.725.725,300
3. Quỹ dự trữ vốn đầu tư	2.508.000,258	2.508.000,258	-	-	-	-	2.508.000,258	2.508.000,258
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.234.000,258	3.234.000,258	-	-	-	(3.234.000,258)	3.234.000,258	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	259.489.975,853	151.240.998,545	108.344.794,351	(142.661.501,325)	286.492.279,077	-	283.153.265,479	417.732.877,622
5.1. Lợi nhuận đã thực hiện	308.663.728,882	185.696.585,158	168.344.794,351	(165.000.000,000)	209.409.986,047	-	307.046.521,533	395.158.555,203
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	(49.173.752,929)	(34.455.586,613)	-	(17.661.502,125)	57.082.293,030	-	(23.855.268,054)	22.574.322,419
TỔNG CỘNG	1.305.345.436,865	4.029.000.184,357	1.068.349.054,351	(205.982.412,125)	355.492.279,077	(102.234.000,258)	4.181.712.881,241	4.285.047.533,178

Người lập báo

Vu Thị Thanh Tâm

Hà toàn hương

Nguyễn Thị Duyên

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2025

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Linh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty") được thành lập theo Giấy Phép thành lập và hoạt động số 62/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2017. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 550/PĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 8, Tòa nhà Pae Say, 63-65 Ngõ Trĩ Nhôm, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam; Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có (t) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất vào ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 3.399.000.000.000 VND (1/1/2025: 3.399.000.000.000 VND).

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán phái sinh, tư vấn chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, dịch vụ bổ sung và thanh toán phái sinh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/9/2025 là 286 người (tới ngày 1/10/2025 là 331 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chỉ định kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND); phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (Thông tư 210) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (Thông tư 334) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 04 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền ghi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về tài vụ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư và giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có ràng buộc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi lỗ, nếu:

- * TSTC được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- * có bằng chứng và việc kinh doanh TSTC để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- * công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty chỉ định TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua trừ đi các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá hợp định tại các Bộ giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phái sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, nếu TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ được phân loại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ được hạch toán vào lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phân loại theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC chỉ phải sinh với các khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn có định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- * các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;
- * các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- * các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong kỳ hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được báo hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, từ khi việc bán hoặc phân loại là thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- * Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi là xuất phát từ những ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- * Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lãi lãi gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được tham vấn trước; hoặc
- * Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt mà ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định và không được nắm giữ trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bản chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (nếu có).

Dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay ký quỹ được xác định bằng giá trị gốc của các khoản vay trừ đi giá trị tương đương giá trị hợp lý của tài sản nhận mà chấp thuận ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phân bổ theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

Thời hạn xử lý

Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm

Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm

Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm

Trên ba (03) năm

Mức trích dự phòng

30%

50%

70%

100%

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được hình thành theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Phương tiện vận chuyển: 5 năm
- Thiết bị văn phòng: 3 – 5 năm

Thuế tài sản

Các hợp đồng thuế được phân loại là thuế tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuế, đã nhận phần lợi nhuận và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuế tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản thanh thuế tối thiểu, tính tại mỗi điểm bắt đầu thuế, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuế tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuế và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuế tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuế. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuế tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình.

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hao hụt đi thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tăng chi phí thuế, trong suốt thời hạn thuế.

Các khoản thanh toán tiền thuế tài sản thuế tài chính được chia từa thành chi phí tài chính và khoản tài trợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuế đã đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ có định trên số dư nợ còn lại.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định và hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được phân định theo giá gốc.

Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng

Mỗi khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc tiềm ẩn có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm các lợi ích kinh tế trong tương lai đã thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại và giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát hành liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Doanh thu

• Lưu trữ bán các TSTC

Lưu trữ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo chấp nhận của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bảo quản chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và Nhà quản lý chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

• Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từng ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi và tỷ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Lãi từ các khoản cho vay giao dịch kỳ quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

• Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, doanh thu đại lý phát hành chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng thời lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải trả.

Chi phí tài trợ

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán, giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản sẽ. Nếu lại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan tới sẽ sử dụng được.

Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan sẽ thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Báo cáo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Công ty chủ yếu thực hiện hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

6. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phải sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

* Rủi ro tín dụng:

* Rủi ro thanh khoản, về

* Rủi ro thị trường

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tại sản bảo đảm

Giá trị vốn hóa tài sản bảo đảm yếu tố phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận tài sản bảo đảm và đánh giá tài sản bảo đảm. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị tương đối tài sản bảo đảm, yếu tố cung cấp thêm tài sản bảo đảm theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị tương đối tài sản bảo đảm thu được và xem xét tính đầy đủ của các phòng ngừa rủi ro khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được giữ tại các tổ chức tín dụng thương mại có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Các TSTC ghi nhận thông qua MIBI và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty ghi nhận mức rủi ro tín dụng bằng cách ghi đầu tư vào các tài sản chứng khoán ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

Các khoản cho vay, các khoản phải thu, các khoản cần có, thế chấp, kỳ quỹ, kỳ trước ngân hàng và đối tượng

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch kỳ quỹ chứng khoán theo hợp đồng kỳ quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch kỳ quỹ tại Quyết định số 07/2020/QĐ-UBCK ngày 20 tháng 1 năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch kỳ quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được của khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau. Do đó, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2025 VND	1/6/2025 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	742,185,777,827	1,090,162,138,811
Các TSTC ghi nhận thông qua MIBI	588,016,658,585	60,930,921,504
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	3,458,790,020,000	2,774,750,000,000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	2,578,023,236,286	2,328,606,423,400
Các khoản cho vay	5,750,066,977,971	3,881,583,476,070
Các khoản phải thu	307,055,410,484	279,409,901,492
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3,541,252,708	1,778,881,728
Các khoản phải thu khác	8,144,380,321	8,531,449,738
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	58,161,316,160	10,575,642,324
Quỹ bù trừ chứng khoán phải sinh	10,049,021,507	18,038,259,104
	13,493,958,625,911	15,451,025,144,168

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn. Trong điều kiện bình thường công thức trong điều kiện hạn công bằng và mặt tài chính, mà không làm phát sinh vào mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc nó gây ra gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động và tương lên.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm các khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9,218,190,978,993	9,220,072,450,574	9,220,072,450,574	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	25,744,421,879	25,744,421,879	25,744,421,879	-
Phải trả người bán ngắn hạn	5,150,050,753	5,150,060,753	5,150,050,753	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	39,067,097,584	39,067,097,584	39,067,097,584	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	936,338,001	936,338,001	936,338,001	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	298,333,333,334	345,820,547,948	30,120,547,945	326,900,000,000
Nợ thuê tài chính dài hạn	34,713,372,308	34,515,828,210	-	34,515,828,210
	9,620,938,990,869	9,671,967,232,947	9,310,801,404,738	368,915,828,210
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6,506,929,479,838	6,506,929,395,817	6,506,929,395,817	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7,136,073,028	7,136,073,028	7,136,073,028	-
Phải trả người bán ngắn hạn	1,797,067,584	1,797,067,584	1,797,067,584	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	24,101,558,414	24,101,558,414	24,101,558,414	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	4,826,336,385	4,826,336,385	4,826,336,385	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	18,342,547,231	18,795,234,000	-	18,795,234,000
	6,662,133,982,377	6,562,205,615,854	6,544,460,390,828	18,795,234,000

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá trị tương lai, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu, những hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và 1 tháng 1 năm 2025, Công ty không có tài sản/ nợ phải trả chịu rủi ro tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Tiền và các khoản tương đương tiền	742,165,777,877	1,093,162,138,811
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3,496,750,000,000	2,774,760,300,000
Các khoản cho vay	5,750,056,977,871	3,881,585,478,070
Tài sản tài chính dài hạn		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2,576,023,235,285	2,328,806,423,400
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	18,151,316,102	18,576,942,324
Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh	10,049,621,597	10,000,258,104
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(8,187,883,335,199)	(8,404,297,154,123)
Các công cụ tài chính có lãi suất không cố định		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Cáo TSTG ghi nhận thông qua lãi lỗ	586,010,860,885	60,630,020,504
Nợ phải trả tài chính		
Trái phiếu phát hành dài hạn	(286,333,333,334)	-
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	(20,210,543,798)	(11,632,325,712)
Nợ thuê tài chính dài hạn	(31,713,972,308)	(18,342,847,231)
	3,631,576,512,794	3,641,875,833,147

Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trong yếu tố trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
- Tiền gửi ngân hàng	877,024,255,011	981,280,635,751
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	65,141,521,866	81,881,603,030
- Các khoản tương đương tiền	-	150,000,000,000
Cộng	742,165,777,877	1,193,162,138,811

2. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch 9/1/2025 VND	Giá trị giao dịch 9/1/2025 VND
a) Của công ty chứng khoán	449,216,100	46,628,578,834,154
- Cổ phiếu	80,693,159	1,379,217,363,850
- Giấy tờ có giá	18,842,304	2,215,649,835,673
- Trái phiếu	348,013,192	42,493,717,256,066
- Chứng khoán khác	3,701,035	40,084,198,262
b) Của nhà đầu tư	9,918,490,700	209,729,674,481,915
- Cổ phiếu	8,988,733,748	201,829,203,342,920
- Trái phiếu	35,393,808	4,362,266,588,235
- Chứng khoán khác	523,361,004	741,004,990,790
	9,987,716,550	207,765,163,156,069

3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI LỖ

	30/9/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	980,647,427,868	1,008,136,920,283	101,482,903,780	107,694,804,843
- Cổ phiếu	392,743,579,799	421,120,251,518	137,472,715,990	106,453,604,339
- Trái phiếu	587,903,848,100	586,010,668,885	64,010,188,190	80,630,820,504
- Giấy tờ có giá	-	-	-	-

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
a) Ngắn hạn	3,496,750,000,000	2,774,760,300,000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	3,396,750,000,000	2,674,760,300,000
CCTG có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	100,000,000,000	200,000,000,000
a) Dài hạn	2,576,023,235,285	2,328,806,423,400
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 1 năm	816,000,000,000	144,300,000,000
Trái phiếu	1,761,023,235,285	1,986,506,423,400
CCTG có kỳ hạn trên 1 năm	-	799,073,880,000
	6,073,773,235,285	6,103,566,423,400

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

	30/9/2025	30/9/2025	1/1/2025	Giá gốc và dự phòng VND
Giá gốc		Giá gốc và dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá gốc và dự phòng VND
Các khoản cho vay	5,758,066,977,571	5,702,746,174,077	3,861,691,476,078	3,826,423,242,692
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	5,453,321,011,751	5,440,001,307,857	3,783,568,871,148	3,741,806,837,770
Cho vay hoạt động ứng trước tiền đến của khách hàng	266,745,966,220	256,745,269,220	67,616,604,922	67,616,604,922

10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THE CHẤP

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay hoạt động kỳ quỹ	47,320,303,894	42,162,233,378

Tiền bộ các khoản cho vay bị suy giảm giá trị là các khoản cho vay hoạt động kỳ quỹ của cá nhân. Biến động dự phòng các khoản cho vay trong kỳ như sau:

	Kỳ 9/1/2025 VND	Kỳ 9/1/2024 VND
Số dư đầu kỳ	42,162,233,378	44,566,669,643
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	5,158,070,516	(10,664,641,950)
Số dư cuối kỳ	47,320,303,894	33,871,759,593

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi cho tài sản tài chính	242,827,267,667	278,945,571,468
Dự thu là trái phiếu	39,803,047,071	45,241,547,045
Dự thu tiền lãi - Tiền gửi GTCO - có kỳ hạn cố định	94,498,803,849	104,733,271,572
Dự thu tiền lãi hoạt động margin	115,284,401,569	128,854,072,055
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	143,370,569	36,670,896
Phải thu bán TSTC	57,268,143,497	643,380,024
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3,641,252,798	1,776,882,726
Phải thu phí chuyển khoản chứng khoán	11,101,416	-
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	1,132,204,147	-
Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	2,390,787,141	1,376,882,726
Các khoản phải thu khác	8,232,362,803	4,619,337,217
Các khoản phải thu khác	8,232,362,803	4,619,337,217

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngắn hạn	5,160,934,806	4,610,367,999
Chi phí trả trước ngắn hạn	4,782,536,703	4,359,701,981
Công cụ dụng cụ xuất công	408,357,335	250,569,967
Dài hạn	1,349,219,408	8,607,126,564
Chi phí trả trước dài hạn	2,584,214,411	3,797,833,502
Công cụ dụng cụ xuất công	2,804,305,997	4,915,662,751

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN HỮU HÌNH

	30/9/2025 VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	23,324,846,871	23,324,846,871
Mua trong năm	1,056,303,520	1,056,303,520
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	24,340,180,491	24,340,180,491
GIÁ TRỊ HẠO MÓN LỖY KẾ		
Số dư đầu năm	11,846,826,604	11,846,826,604
Khấu hao trong năm	3,601,829,467	3,601,829,467
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	15,367,656,091	15,367,656,091
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	11,829,830,347	11,829,830,347
Số dư cuối năm	9,032,824,480	9,032,824,480

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN VÔ HÌNH

	30/9/2025 VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	77,273,623,614	77,273,623,614
Mua trong năm	1,268,700,000	1,268,700,000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	78,543,373,614	78,543,373,614
GIÁ TRỊ HẠO MÓN LỖY KẾ		
Số dư đầu năm	37,606,516,357	37,606,516,357
Khấu hao trong năm	12,148,247,721	12,148,247,721
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	49,754,764,078	49,754,764,078

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số dư đầu năm	38,667,107,257	38,667,107,257
Số dư cuối năm	38,708,608,535	38,785,608,535

16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN THUẾ TÀI CHÍNH

	30/9/2025 VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	81,823,316,660	81,823,316,660
Mua trong năm	36,109,944,000	36,109,944,000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	89,933,260,660	89,933,260,660
GIÁ TRỊ HẠO MÓN LÚY KẾ		
Số dư đầu năm	7,199,790,023	7,199,790,023
Khấu hao trong năm	9,706,730,690	9,706,730,690
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	16,906,020,713	16,906,020,713
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	44,713,628,637	44,713,628,637
Số dư cuối năm	73,116,730,967	73,116,730,967

16. TIỀN NỘP QUẢN LÝ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	12,705,805,856	11,129,231,918
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	5,327,410,406	5,327,410,406
	18,153,216,262	16,576,642,324

17. VAY NGẮN HẠN

	1/1/2025 VND	Phân sinh vay VND	Phân sinh trả vay VND	30/9/2025 VND
Vay ngắn hạn, có chứng tài chính	5,816,582,198,930	20,845,903,269,846	18,291,865,651,746	8,370,600,000,000
Vay các đối tượng khác	875,804,967,323	16,905,796,901,326	16,787,323,933,494	824,985,336,196
Cộng	6,692,387,166,253	37,751,700,171,172	35,079,189,585,240	9,195,985,336,196

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Số giao dịch chứng khoán	17,589,091,790	5,934,002,572
Tổng Công ty Lưu ký và Bảo trợ chứng khoán Việt Nam	9,145,350,089	1,202,071,365
	26,734,441,879	7,136,073,937

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	2,156,071,876	125,092,494
Phải trả cho người bán khác	2,993,978,678	1,873,005,100
	5,150,050,554	1,998,097,594

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả		
Thuế GTGT	60,814,105,526	25,862,481,898
Thuế TNCN	222,756,333	157,892,014
Thuế TNDN	28,256,324,191	18,667,932,633
Thuế khác	30,214,070,261	6,488,480,450
	121,940,781	157,170,001

21. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/9/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	330.000.000	3.300.000.000.000	330.000.000	3.300.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	330.000.000	3.300.000.000.000	330.000.000	3.300.000.000.000
Số cổ phiếu lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	330.000.000	3.300.000.000.000	330.000.000	3.300.000.000.000
Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:				
	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025		Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30/9/24	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	330.000.000	3.300.000.000.000	330.000.000	3.300.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	9.900.000	99.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Số dư cuối kỳ	339.900.000	3.399.000.000.000	360.000.000	3.600.000.000.000

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH, NIÊM YẾT/ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSDC CỦA CTCK

30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
------------------	-----------------

Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	521.138.180.000	135.118.200.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	50.474.370.000	537.100.000
Tổng tài sản tài chính giao dịch cầm cố	418.000.000.000	180.000.000.000
	889.605.530.000	285.665.380.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH DẪ LƯU KÝ TẠI VSD, CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

Tài sản tài chính chưa giao dịch tự do chuyển nhượng	34.170.000	1.000.000
	34.170.000	1.000.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VÉ CỦA CTCK

	30/9/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trái phiếu	2.008.900.000	124.500.000
	2.008.900.000	124.500.000

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/9/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	18.770.024.130.850	13.007.403.930.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	530.682.260.000	5.491.185.540.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	807.380.880.000	489.837.510.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	378.851.440.000	156.305.130.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	85.636.340.000	-
	28,665,634,880,850	16,734,762,940,000

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH DẪ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/9/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch hạn chế chuyển nhượng	130.189.020.000	457.486.200.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa GD, TĐCN	504.770.565.000	33.808.400.000
	634.959.585.000	491,294,600,000

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VÉ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/9/2025	1/1/2025
	VND	VND
Cổ phiếu	444.384.514.708	193.294.460.000
	444,384,514,708	193,294,460,000

28. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/9/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.745.245.427.858	941.996.361.434
Tiền gửi ký quỹ phát sinh của nhà đầu tư tại VSD	231.857.610.251	297.689.451.140
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán	45.723.439	7.102.118
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	210.530.143.271	45.108.907.430
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	208.340.428.703	41.200.723.235
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài	2.286.714.568	2.878.784.203
	3,191,860,991,817	1,384,800,822,128

29. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CK THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	30/9/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải trả NĐT trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.945.927.230.135	985.232.666.743
Phải trả NĐT nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.896.052.431	3.878.784.203
Phải trả tiền gửi ký quỹ NĐT trong nước tại VSD	231.857.610.251	297.689.451.140
	3,181,681,901,817	1,384,800,822,128

30. LẠI LỢI BÀN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn	Lãi/lỗ bán chứng khoán 9/1/2025	Lãi/lỗ bán chứng khoán 9/1/2024
	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu/chứng chỉ quỹ	35.255.104	582.893.282.110	507.899.914.791	54.983.367.313	1.218.914.567
Chứng chỉ tiền gửi	8.421.152	1.109.139.936.980	1.108.409.899.776	2.730.030.317	25.181.470.321
Trái phiếu	174.786.534	21.093.707.919.164	21.075.107.025.021	18.590.591.143	6.182.700.001
Cộng		22,795,710,837,369	22,693,416,842,596	76,293,934,773	32,582,986,989

31. CỐ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TSTC

	Kỳ 9/1/2025	Kỳ 9/1/2024
	VND	VND
Từ TSTC ghi nhận thông qua BVL	63.901.921.775	(5.480.281.551)
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đặc biệt	210.669.074.135	170.945.743.808
Từ các khoản cho vay	369.945.131.667	255.158.149.231
	623,946,525,577	420,663,631,488

32. CHI PHÍ DỰ PHÒNG, XỬ LÝ TỒN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐỔI VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA KHOẢN CHO VAY

	Kỳ 9/1/2025 VND	Kỳ 9/1/2024 VND
Trích lập(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	5.193.070.516	(13.084.941.056)
Chi phí đi vay các khoản cho vay	235.562.421.343	117.203.257.303
	240.720.491.859	106.823.316.247

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 9/1/2025 VND	Kỳ 9/1/2024 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	314.936.575.158	124.454.037.814
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9.189.764.970	7.621.509.433
Chi phí hoạt động bảo lãnh phát hành	26.004.193	72.751.271
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư	1.607.556.213	1.956.148.081
Chi phí các dịch vụ khác	5.040.254.519	5.052.213.323
	331.699.217.270	139.169.659.922

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOẢN

	Kỳ 9/1/2025 VND	Kỳ 9/1/2024 VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	52.021.349.679	51.804.031.339
Chi phí vật tư văn phòng	3.225.604.359	3.546.605.403
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.377.602.584	1.645.499.699
Chi phí thuê, phí, lệ phí	739.541.859	1.207.511.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.574.411.374	37.560.718.350
Chi phí khác	7.352.275.294	7.756.842.432
	111.293.284.279	103.601.880.381

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ 9/1/2025 VND	Kỳ 9/1/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	328.655.169.545	185.585.751.455
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(31.301.559.741)	348.895.555
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.816.891.000)	(10.311.801)
- Trừ: Thu nhập chưa thực hiện	(29.247.490.618)	(62.332.418)
- Cộng: Chi phí không được trừ	762.825.975	411.607.914
Thu nhập chịu thuế	267.256.612.804	186.385.847.251
Thuế suất thông thường	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	-	1.560.696
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	53.451.322.561	37.262.988.147

36. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	1/1/2025 VND	Ghi nhận vào KQKD trong kỳ VND	31/9/2025 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSCĐ ghi nhận thông qua lãi lỗ	259.365.329	29.247.490.618	29.545.849.149
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	59.671.066	9.249.498.163	6.909.169.829
	1/1/2024 VND	Ghi nhận vào KQKD trong kỳ VND	31/9/2024 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSCĐ ghi nhận thông qua lãi lỗ	306.488.748	52.303.419	358.798.168
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	61.297.750	10.463.083	71.767.833

37. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Kỳ 9/1/2025 VND	Kỳ 9/1/2024 VND
CTCP Công nghệ Tài chính Encapital		
Cổ tức đã trả	-	84.150.000.000
Chi phí cho các hợp đồng dịch vụ	1.987.378.300	126.245.700
Chi phí lãi tiền gửi	66.458.301	14.278.247
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	481.084.334	-
Số dư phải trả	12.324.543.885	60.729.229
Số dư phải thu	36.201.667	-
Công ty cổ phần Encapital Holdings		
Cổ tức đã trả	-	98.900.000.000
Chi phí dịch vụ tư vấn	-	23.876.370.000
Chi phí lãi tiền gửi	286.517.160	12.422.266
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	206.025.015	-
Số dư phải trả	363.267.876.066	5.007.423.695
Số dư phải thu	8.911.255	-

Quý đầu tư PYN Elite

Cổ tức đã trả	-	18.000.000.000
Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	266.238.744	40.432.552

Các khoản lương, thưởng của Ban giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị trong kỳ như sau:

	Kỳ 9/1/2025 VNĐ	Kỳ 9/1/2024 VNĐ
Lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc	3.101.074.380	2.771.632.035
	<u>3.101.074.380</u>	<u>2.771.632.035</u>

36. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 30/09/2025 Công ty có khoản cam kết thuế hoạt động với bên thanh toán như sau:

	30/9/2025 VNĐ	1/1/2025 VNĐ
Trong vòng một năm tới	13.635.810.494	11.449.926.360
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	27.326.719.938	31.802.700.140
	<u>40.962.530.432</u>	<u>43.252.626.500</u>

10/1/2025

10/1/2025

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: Tự doanh, Môi giới - Lưu ký, Bảo lãnh - tư vấn và kinh doanh nguồn vốn

Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

	Tự doanh	Môi giới - Lưu ký	Bảo lãnh - tư vấn	Kinh doanh nguồn vốn	Không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	118,432,514,800	284,729,075,185	481,932,000	618,907,061,818	5,801,539,781	1,026,352,123,384
Chi phí hoạt động trực tiếp	(28,457,328,493)	324,117,340,128	1,633,592,323	279,264,062,666	5,848,284,819	582,505,951,443
Chi phí quản lý phân bổ cho các bộ phận	13,823,515,754	32,752,923,084	55,437,548	71,194,047,810	687,362,074	118,293,286,270
Lãi từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	-	1,005,283,874	1,005,283,874
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	133,266,327,339	(72,141,188,027)	(1,207,097,871)	268,448,951,342	191,176,762	328,558,169,545

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

	Tự doanh	Môi giới - Lưu ký	Bảo lãnh - tư vấn	Kinh doanh nguồn vốn	Không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản chia theo bộ phận	1,066,399,063,610	3,541,252,706	-	12,767,512,954,296	-	13,837,453,270,612
Tài sản không chia theo bộ phận	-	-	-	-	171,917,558,042	171,917,558,042
Tổng tài sản	1,066,399,063,610	3,541,252,706	-	12,767,512,954,296	171,917,558,042	14,009,370,828,654
Nợ phải trả chia theo bộ phận	-	26,680,757,880	-	9,589,071,792,217	-	9,615,752,540,097
Nợ phải trả không chia theo bộ phận	-	-	-	-	100,560,755,379	100,560,755,379
Tổng nợ phải trả	-	26,680,757,880	-	9,589,071,792,217	100,560,755,379	9,716,313,295,476

Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

	Tự doanh	Mối giới - Lưu ký	Bảo lãnh - tư vấn	Kinh doanh nguồn vốn	Không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	35,645,863,596	109,635,788,582	-	430,486,425,455	2,044,455,861	577,824,553,294
Chi phí hoạt động trực tiếp	28,753,863,371	132,085,547,247	2,031,898,352	129,214,448,931	5,052,213,323	297,137,972,224
Chi phí quản lý phân bổ cho các bộ phận	6,391,712,676	19,657,290,465	-	77,186,233,907	396,563,321	103,601,880,369
Lãi từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	-	8,871,970,955	8,871,970,955
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	503,307,549	(42,107,049,130)	(2,031,898,352)	224,094,742,617	5,497,649,972	185,956,751,656

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

	Tự doanh	Mối giới - Lưu ký	Bảo lãnh - tư vấn	Kinh doanh nguồn vốn	Không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản chia theo bộ phận	167,627,984,867	1,776,882,728	-	10,314,807,376,371	-	10,484,212,243,964
Tài sản không chia theo bộ phận	-	-	-	-	153,039,874,308	153,039,874,308
Tổng tài sản	167,627,984,867	1,776,882,726	-	10,314,807,376,371	153,039,874,308	10,637,252,118,272
Nợ phải trả chia theo bộ phận	-	11,962,409,313	-	6,548,337,585,480	-	6,560,299,994,793
Nợ phải trả không chia theo bộ phận	-	-	-	-	47,151,939,122	47,151,939,122
Tổng nợ phải trả	-	11,962,409,313	-	6,548,337,585,480	47,151,939,122	6,607,451,933,915



Handwritten signature or mark.

4B. SƠ LƯỢC SƠ SÁNH

Sơ lược sơ sánh là Báo cáo tài chính quy định 11/2024 đã được công bố thông tin

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Duyên



Lập ngày 10 tháng 10 năm 2020

Tổng giám đốc

Nguyễn Ngọc Linh

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC
TỪ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
TẠI NGÀY 03/11/2025
(Đã được kiểm toán)



62
CÔNG
CỐ P
HÙNG
ĐN
TRẠI

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CHẢO BÀN TRÁI PHIÊU RA CÔNG CHỨNG TẠI NGÀY 03/11/2025	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CHẢO BÀN TRÁI PHIÊU RA CÔNG CHỨNG	7 - 9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng tại ngày 03/11/2025 (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng").

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty từ ngày 01/01/2025 đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch
Ông Lê Anh Tuấn	Phó chủ tịch
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên
Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên độc lập

Ban Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Ngọc Linh	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2025)
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2025)
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Nguyễn Hữu Phương	Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng tại ngày 03/11/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng của Công ty. Trong việc lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lập Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng theo cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 trong bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng;
- Lựa chọn chính sách lập và trình bày tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng một cách thích hợp và áp dụng nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm và đảm bảo rằng việc sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, phương án phát hành được phê duyệt bởi các Nghị quyết Hội đồng quản trị, tuân thủ Luật chứng khoán, các yêu cầu công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,



Nguyễn Ngọc Linh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2025



Số: 197 /2025/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng tại ngày 03/11/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE và bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng kèm theo (sau đây gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng"), được lập ngày 06/11/2025 và được trình bày từ trang số 5 đến trang số 9.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng, phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 trong bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng, tuân thủ quy định của Luật chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng của doanh nghiệp. Đồng thời Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng tại ngày 03/11/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE, phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 trong bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng của doanh nghiệp.

Cơ sở lập báo cáo và giới hạn đối tượng nhận và sử dụng báo cáo

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 tại bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng, trong đó mô tả cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng. Báo cáo được sử dụng để đáp ứng các yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước, nhà đầu tư sở hữu trái phiếu của Công ty và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành về chào bán trái phiếu ra công chúng. Vì vậy, Báo cáo có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.



Ngô Việt Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Trần Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2909-2025-055-1



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC
TỪ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
TẠI NGÀY 03/11/2025**

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- | | | |
|----|---|--|
| 1. | Tên tổ chức phát hành (gầy đủ): | Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE |
| 2. | Địa chỉ trụ sở chính: | Tầng 6 tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngõ Thi Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 3. | Điện thoại:
Website: | 024.7108.9234
https://www.dnse.com.vn |
| 4. | Vốn điều lệ: | 3.426.000.000.000 đồng (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 14) ngày 22/10/2025). |
| 5. | Mã cổ phiếu: | DSE |
| 6. | Nơi mở tài khoản thanh toán:

Số hiệu tài khoản: | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Chi nhánh Thái Hà
2680555228 |
| 7. | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Ngành nghề kinh doanh chính: | Số 0102459106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/10/2007, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 22/10/2025.
Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, dịch vụ bù trừ và thanh toán phái sinh. |
| 8. | Giấy phép thành lập và hoạt động: | Số 62/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/10/2007 và điều chỉnh gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 115/GPĐC-UBCK ngày 16/10/2025. |

II. CÁC TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN RA CÔNG CHỨNG

- | | | |
|-----|---|--|
| 1. | Trái phiếu DSE125004 (Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 232/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/12/2024) | |
| 1.1 | Tên trái phiếu:
Mã trái phiếu: | DSEH2426001
DSE125004 |
| 1.2 | Loại trái phiếu: | Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo. Kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày phát hành. |
| 1.3 | Mệnh giá: | 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng)/trái phiếu |
| 1.4 | Số lượng trái phiếu đã chào bán: | 3.000.000 trái phiếu |
| 1.5 | Tổng số tiền đã huy động: | 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng) |
| 1.6 | Ngày kết thúc đợt chào bán:
Ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
thông báo về việc nhận được báo cáo kết
quả chào bán: | 15/01/2025
22/01/2025 |

2. Trái phiếu DSE125018 (Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 340/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/10/2025)

- 2.1 Tên trái phiếu: DSE125018
Mã trái phiếu: DSE125018
- 2.2 Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo. Kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày phát hành.
- 2.3 Mệnh giá: 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng)/trái phiếu
- 2.4 Số lượng trái phiếu đã chào bán: 10.000.000 trái phiếu
- 2.5 Tổng số tiền đã huy động: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng)
- 2.6 Ngày kết thúc đợt chào bán: 27/10/2025
Ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được kết quả chào bán: 28/10/2025

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

1.1 Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu DSE125004

Theo Phương án phát hành được phê duyệt và phê duyệt sửa đổi, bổ sung tại các Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/2024/NQ-HĐQT-DNSE ngày 05/06/2024, số 19/2024/NQ-HĐQT-DNSE ngày 05/09/2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/2024/NQ-HĐQT-DNSE ngày 04/12/2024, mục đích chào bán trái phiếu ra công chúng để bổ sung vốn hoạt động của Tổ chức phát hành phù hợp với quy định pháp luật. Cụ thể:

- Bổ sung vốn để cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán, giao dịch kỳ quỹ;
- Bổ sung vốn cho hoạt động tự doanh chứng khoán, đầu tư giấy tờ có giá trên thị trường.

Phương án sử dụng chi tiết số tiền thu được từ đợt chào bán như sau:

STT	Nội dung	Số tiền sử dụng dự kiến (VND)	Thời gian sử dụng dự kiến
1.	Tổ chức phát hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu để thực hiện đầu tư cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ (70%)	210.000.000.000	Quý IV/2024 - Quý I/2025
2.	Tổ chức phát hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu để đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán, đầu tư giấy tờ có giá trên thị trường (30%)	90.000.000.000	Quý IV/2024 - Quý I/2025
	Tổng cộng	300.000.000.000	

1.2 Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu DSE125018

Theo Phương án phát hành được phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 21/2025/NQ-HĐQT-DNSE ngày 07/08/2025, mục đích chào bán trái phiếu ra công chúng để bổ sung vốn hoạt động của Tổ chức phát hành phù hợp với quy định pháp luật. Cụ thể: Bổ sung vốn để cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.

Phương án sử dụng chi tiết số tiền thu được từ đợt chào bán như sau:

STT	Nội dung	Số tiền sử dụng dự kiến (VND)	Thời gian sử dụng dự kiến
1.	Tổ chức phát hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu để thực hiện đầu tư cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.	1.000.000.000.000	Quý IV/2025 - Quý I/2026
	Tổng cộng	1.000.000.000.000	

2. Tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

STT	Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	Số tiền sử dụng dự kiến (VND)	Số tiền đã giải ngân (VND)	Thời gian giải ngân
Trái phiếu DSE125004				
1	Tổ chức phát hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu để thực hiện đầu tư cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ (70%).	210.000.000.000	210.000.000.000	22/01/2025
2	Tổ chức phát hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu để đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán, đầu tư giấy tờ có giá trên thị trường (30%).	90.000.000.000	90.000.000.000	23/01/2025
	Tổng cộng	300.000.000.000	300.000.000.000	
Trái phiếu DSE125018				
1	Tổ chức phát hành sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu để thực hiện đầu tư cho hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Từ ngày 28/10/2025 đến ngày 03/11/2025
	Tổng cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	

3. Những thay đổi: Không có.
4. Lý do thay đổi: Không có.
5. Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng được công bố thông tin: tại website của Công ty ở địa chỉ <https://www.dnse.com.vn/tin-tuc>, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, website của các Sở Giao dịch Chứng khoán tại Việt Nam trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày 05/11/2025.

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Vũ Thị Thanh Tâm

Nguyễn Thị Duyên

Nguyễn Ngọc Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 62/UBCK-GP được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp lần đầu ngày 30/10/2007 tại Việt Nam. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 115/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 16/10/2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DSE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 6 tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngõ Thì Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 03/11/2025, Công ty có một (01) chi nhánh có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất vào ngày 24/10/2025.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, dịch vụ bù trừ và thanh toán phái sinh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

2.1. Mục đích sử dụng báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng tại ngày 03/11/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE được trình bày tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; được lập cho mục đích công bố thông tin về việc sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo được sử dụng để đáp ứng các yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước, nhà đầu tư sở hữu trái phiếu của Công ty và các bên liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành về chào bán trái phiếu ra công chúng. Vì vậy, Báo cáo có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

2.2. Cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng tại ngày 03/11/2025 của Công ty được lập dựa trên các hồ sơ pháp lý; tài liệu, hồ sơ, chứng từ kế toán; các số liệu phản ánh trên sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty cho đến ngày lập báo cáo này; tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán; các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán cũng như các quy định pháp lý có liên quan. Trong đó:

- Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng được lập trên cơ sở thực thu, thực chi theo nguyên tắc giá gốc.
- Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng trình bày việc sử dụng vốn lần đầu và không trình bày việc quay vòng vốn (nếu có).
- Số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng được hạch toán và ghi nhận vào nợ phải trả của Công ty tại ngày thu tiền thực tế, theo sổ thực thu.
- Số tiền chi từ nguồn vốn huy động thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng được ghi nhận theo số tiền giải ngân thực tế theo đúng phương án sử dụng vốn.
- Chi phí liên quan trực tiếp đến việc chào bán trái phiếu được phân bổ vào kết quả kinh doanh.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam ("VND").

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng

3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Không có sự kiện trọng yếu nào nào phát sinh sau ngày 03/11/2025 cần được điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ chào bán trái phiếu ra công chúng tại ngày 03/11/2025 của Công ty.

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Người lập

Vũ Thị Thanh Tâm

Vũ Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Duyên

Nguyễn Thị Duyên

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Linh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 235.63.08.....SCT/BS

Ngày: 07-11-2025



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Quang Minh

